

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI LINH KIỆN CƠ KHÍ CHÉ
TẠO CỦA MÁY MÓC THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP, HỆ THỐNG
TỰ ĐỘNG HÓA NHƯ VÒNG BI, TRỤC VÍT VÀ CÁC CHI TIẾT
LIÊN HỆ QUY MÔ 43.981.833 SẢN PHẨM/NĂM TƯƠNG
ĐƯƠNG 5.818,828 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”**

**ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH: LÔ 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, KCX SÀI GÒN –
LINH TRUNG, P. LINH TRUNG, TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH**

TP.HỒ CHÍ MINH, THÁNG 06 NĂM 2024

PHỤ LỤC BÁO CÁO



1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
2. Bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở
3. Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
4. Biên bản nghiệm thu, bản giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.
5. Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.
6. Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
7. Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở trong năm 2022 và 2023.
8. Hồ sơ pháp lý môi trường của các nhà máy.

- Nhà máy 1: Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 3374/GXN-BQL của Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh phê duyệt ngày 23/11/2016; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.000379.T cấp lần 7 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 08 năm 2015.

- Nhà máy 2: Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3737/QĐ-BQL ngày 31/10/2017 của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh và các văn bản liên quan đến nội dung thay đổi so với ĐTM; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 3529/GXN-BQL, ngày 19/08/2019 của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh; Văn bản xác nhận dấu nổi thoát nước số 272/CV.I.T.2023 ngày 23/10/2023 của Công ty TNHH Sepzone Linh Trung (Việt Nam); Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.000054.T cấp lần 5 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ngày 02/06/2015.

- Nhà máy 3: Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số số 912/GXN-BQL của Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh phê duyệt ngày 16/03/2018; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.003108.T cấp lần 6 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ

Chi Minh ngày 31/08/2015.

- **Nhà máy 4:** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống tự động hóa công suất 2.821,2 tấn sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Sài Gòn Precision số 421/QĐ-BQL của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2015 và các văn bản liên quan đến xác nhận thay đổi nội dung ĐTM; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2948/GXN-BQL của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2016; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.005606.1 cấp lần 1 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ngày 20/10/2015.

- Văn bản xác nhận đầu nổi thoát nước cho 03 nhà máy (nhà máy 1; 3; 4) số 262/CV.LT.2023 ngày 12/10/2023 của Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam).

Phụ lục 1

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP,
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0300737411

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 12 năm 1994

Đăng ký thay đổi lần thứ: 19, ngày 03 tháng 05 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN
PRECISION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON PRECISION CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Phường Linh Trung, Thành phố
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 028 3724 2466

Fax: 028 3724 0721

Email: boingoc@spell.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.098.159.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai nghìn không trăm chín mươi tám tỷ một trăm năm mươi chín triệu
đồng*

ương đương 95.200.000 USD (Chín mươi lăm triệu hai trăm ngàn đô - la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: SURUGA PRODUCTION PLATFORM CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0800-01-008412

Ngày cấp: 13/05/1969 Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 505 Nanatsushinya, Shimizu, Shizuoka, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ABE TOMOHIRO

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: *01/02/1977* Dân tộc: *Quốc tịch: Nhật Bản*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *TZ1372930*

Ngày cấp: *14/06/2019* Nơi cấp: *Tổng lãnh sự Quán Nhật Bản tại thành phố Hồ Chí Minh*

Địa chỉ thường trú: *14-164 Yahara, Yuimachi, Quận Shimizu, Thành phố Shizuoka, Tỉnh Shizuoka, Nhật Bản*

Địa chỉ liên lạc: *2K Hồ Xuân Hương, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

CC. TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Hồng Nga

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4362173748

Chứng nhận lần đầu: ngày 26 tháng 12 năm 1994

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười tám: ngày 11 tháng 9 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4362173748, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994, chứng nhận thay đổi lần thứ mười bảy ngày 18/4/2023 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sài Gòn Precision;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sài Gòn Precision nộp ngày 11/9/2023,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4362173748, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994, chứng nhận thay đổi lần thứ mười bảy ngày 18/4/2023 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

Được đăng ký điều chỉnh các nội dung như sau: thông tin Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

SURUGA PRODUCTION PLATFORM CO., LTD, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800-01-008412, thành lập ngày 13/5/1969, nơi cấp Nhật Bản;

Địa chỉ trụ sở chính: 505 Banchi, Nanatsushinya, Shimizu-ku, Shizuoka-ken, Japan; số điện thoại: 81 054 344 0311; số fax: 81 054 346 1053; địa chỉ email: t.toya@misumi.co.jp;

Đại diện bởi Ông Toya Takumi; chức vụ Chủ tịch; sinh ngày 05/4/1963; quốc tịch Nhật Bản; hộ chiếu số TR3553934, cấp ngày 16/4/2015, nơi cấp Nhật Bản; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay tại: 5F Churisu Tokiwa-cho, 1-chome 7-banchi 4, Aoi-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka-ken, Japan; số điện thoại: 81 054 344 0311; địa chỉ email: t.toya@misumi.co.jp.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sài Gòn Precision; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300737411, đăng ký lần đầu ngày 26/12/1994, chứng nhận thay đổi lần thứ 18 ngày 06/9/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Đăng ký thực hiện dự án với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION

2. Địa điểm thực hiện dự án:

- Lô 15, 17, 19a, đường số 2, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất sử dụng: 13.200 m².



- Lô 1, 2, 3, 4, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất sử dụng: 20.000 m².

- Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất sử dụng: 22.759,80 m².

- Lô 84, 85, đường A, khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất sử dụng: 11.237,10 m².

- Lô 86b, đường số 2, khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 2.645,90 m².

- Lô 49, đường A, khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 6.197 m².

Tổng diện tích đất dự kiến sử dụng: 76.039,80 m².

3. Mục tiêu của dự án:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sài Gòn Precision được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất và thực hiện các mục tiêu sau:

- Sản xuất các loại linh kiện cơ khí chế tạo của máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống tự động hóa như vòng bi, trục vít bi và các chi tiết liên hệ;

- Lắp ráp bộ truyền động;

- Gia công hàn vẽ kỹ thuật;

- Dịch vụ liên quan đến sản xuất (mã ngành 2592, mã CPC 884 - 885), chi tiết: Gia công cơ khí (chủ yếu cho doanh nghiệp nội địa) các linh kiện cơ khí chế tạo của máy móc thiết bị công nghiệp, các loại linh kiện cơ khí chế tạo của khuôn dập như lõi đột, khuôn dập, ống lót và các chi tiết liên hệ;

- Thực hiện quyền xuất khẩu và quyền nhập khẩu các mặt hàng có mã số HS thuộc Chương 39 (39232199), Chương 48 (48191000), Chương 84 (84669390) theo quy định của Biểu thuế xuất khẩu - nhập khẩu (mã ngành 4690);

- Sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống tự động hóa (như máy cắt tự động, máy phay, máy tiện, máy đóng gói tự động...) (mã ngành 2822).

4. Quy mô của dự án:

- Sản xuất các loại linh kiện cơ khí chế tạo của máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống tự động hóa như vòng bi, trục vít bi và các chi tiết liên hệ quy mô 43.981.833 sản phẩm/năm tương đương 5.818,828 tấn sản phẩm/năm;

- Lắp ráp bộ truyền động quy mô 6.299 sản phẩm/năm;



- Gia công bản vẽ kỹ thuật quy mô 250 bản vẽ/năm;

- Dịch vụ liên quan đến sản xuất (mã ngành 2592, mã CPC 884 - 885), chi tiết: Gia công cơ khí (chủ yếu cho doanh nghiệp nội địa) các linh kiện cơ khí chế tạo của máy móc thiết bị công nghiệp, các loại linh kiện cơ khí chế tạo của khuôn dập như đế dẹt, khuôn dập, ống lót và các chi tiết liên hệ quy mô 3.600 sản phẩm/năm tương đương 4,58 tấn sản phẩm/năm (Hoạt động này thực hiện tại Lô 49, đường A, khu chế xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh);

- Sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống tự động hóa (như máy cắt tự động, máy phay, máy tiện, máy đóng gói tự động,...) quy mô 20 sản phẩm/năm tương đương 16 tấn sản phẩm/năm (Hoạt động này thực hiện tại Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

5. Vốn đầu tư thực hiện dự án: 4.722.726.609.755 (Bốn ngàn bảy trăm hai mươi hai tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ chín ngàn bảy trăm năm mươi lăm) đồng Việt Nam tương đương 232.705.000 (Hai trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 2.098.159.000.000 (Hai ngàn không trăm chín mươi tám tỷ một trăm năm mươi chín triệu) đồng Việt Nam tương đương 95.200.000 (Chín mươi lăm triệu hai trăm ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền, chiếm tỉ lệ 40,91% vốn đầu tư. Tiến độ góp vốn: tháng 10/2018.

Cụ thể:

+ Lô 15, 17, 19a, đường số 2, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung: 799.051.436.128 đồng Việt Nam tương đương 43.046.173 đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 346.677.000.000 đồng Việt Nam tương đương 16.787.000 đô la Mỹ, góp bằng tiền.

+ Lô 1, 2, 3, 4, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung: 1.114.941.669.585 đồng Việt Nam tương đương 54.334.910 đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 543.684.700.000 đồng Việt Nam tương đương 23.912.000 đô la Mỹ, góp bằng tiền.

+ Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung: 2.033.671.100.000 đồng Việt Nam tương đương 97.279.000 đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 731.670.700.000 đồng Việt Nam tương đương 32.645.000 đô la Mỹ.

+ Lô 84, 85, 86b, 49 đường A, khu chế xuất Linh Trung II: 775.062.404.042 đồng Việt Nam tương đương 38.044.917 đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 476.126.600.000 đồng Việt Nam tương đương 21.856.000 đô la Mỹ.



5. Thời hạn hoạt động của dự án:

- Tại Lô 15, 17, 19a, đường số 2, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung: đến hết ngày 31/8/2042.

- Tại Lô 1, 2, 3, 4, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung: đến hết ngày 30/8/2042.

- Tại Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung: đến hết ngày 30/8/2042.

- Tại Lô 84, 85, đường A, khu chế xuất Linh Trung II: đến hết ngày 22/05/2050.

- Tại Lô 86b, đường số 2 và Lô 49, đường A, khu chế xuất Linh Trung II: đến hết ngày 22/5/2050.

6. Tiến độ thực hiện dự án:

- Thực hiện tại khu chế xuất Tân Thuận: từ tháng 12/1994 đến tháng 01/2002.

- Thực hiện tại Lô 15, 17, 19a, đường số 2, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung.

• Giai đoạn 1:

- Xây dựng nhà xưởng : từ tháng 01/2000 đến tháng 10/2007;

- Lắp đặt máy móc thiết bị : tháng 6/2000 đến tháng 11/2007;

+ Vận hành thử : từ tháng 7/2000;

+ Sản xuất chính thức : từ tháng 8/2000.

• Giai đoạn 2:

+ Lắp đặt máy móc thiết bị lần 1 : từ tháng 12/2008 đến tháng 11/2009;

+ Lắp đặt máy móc thiết bị lần 2 : từ tháng 10/2010 đến tháng 3/2011;

+ Lắp đặt máy móc thiết bị lần 3 : từ tháng 9/2012 đến tháng 3/2013;

+ Thực hiện quyền xuất khẩu
và quyền nhập khẩu : từ tháng 5/2010.

• Hoàn tất vốn đầu tư : tháng 8/2013.

- Thực hiện tại Lô 1, 2, 3, 4, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung:

• Giai đoạn 1:

+ Xây dựng nhà xưởng : từ tháng 11/2010 đến tháng 7/2011;

+ Lắp đặt máy móc thiết bị lần 1 : từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2013;

+ Lắp đặt máy móc thiết bị lần 2 : từ tháng 9/2012 đến tháng 7/2013;



- + Vận hành thử : từ tháng 9/2011 đến tháng 10/2011;
- + Sản xuất chính thức : từ tháng 10/2011.

• Giai đoạn 2:

- + Xây dựng nhà xưởng : từ tháng 9/2018 đến tháng 4/2019;
- + Lắp đặt máy móc thiết bị : từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019;
- + Vận hành thử : từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2019;
- + Sản xuất chính thức : từ tháng 9/2019.
- Hoàn tất vốn đầu tư : tháng 10/2019.

- Thực hiện tại Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung:

• Giai đoạn 1:

- + Xây dựng nhà xưởng : từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2015;
- + Lắp đặt máy móc thiết bị : từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2015;
- + Vận hành thử : từ tháng 10/2015 đến tháng 11/2015;
- + Sản xuất chính thức : từ tháng 12/2015.

• Giai đoạn 2:

- + Lắp đặt máy móc thiết bị : từ tháng 6/2016 đến tháng 9/2016;
- + Vận hành thử : từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2016;
- + Sản xuất chính thức : từ tháng 01/2017.

• Giai đoạn 3:

- + Lắp đặt máy móc thiết bị : từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018;
- + Vận hành thử : từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018;
- + Sản xuất chính thức : từ tháng 01/2019;
- + Sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống tự động hóa : từ tháng 7/2019;

- Hoàn tất vốn đầu tư : tháng 3/2019.

- Thực hiện tại Lô 84, 85, đường A, khu chế xuất Linh Trung II:

• Giai đoạn 1:

- + Xây dựng nhà xưởng : từ tháng 11/2004 đến tháng 11/2005



- + Lắp đặt máy móc thiết bị lần 1 : từ tháng 4/2005 đến tháng 5/2005;
- + Lắp đặt máy móc thiết bị lần 2 : từ tháng 10/2010 đến tháng 3/2011;
- + Vận hành thử : từ tháng 5/2005 đến tháng 6/2005;
- + Sản xuất chính thức : từ tháng 6/2005.
- Giai đoạn 2:
 - + Xây dựng nhà xưởng : từ tháng 11/2012 đến tháng 6/2013;
 - + Lắp đặt máy móc thiết bị : từ tháng 07/2013 đến tháng 8/2013;
 - + Vận hành thử : từ tháng 9/2013 đến tháng 10/2013;
 - + Sản xuất chính thức : từ tháng 11/2013.
- Hoàn tất vốn đầu tư : tháng 9/2013.

- Thực hiện tại Lô 86b, đường số 2, khu chế xuất Linh Trung II (kho chứa nguyên vật liệu):

- Giai đoạn 1:
 - + Đưa vào sử dụng : từ tháng 9/2012 đến tháng 10/2012;
 - + Hoàn tất vốn đầu tư : tháng 12/2012.
- Giai đoạn 2:
 - + Xây dựng nhà kho : từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018;
 - + Lắp đặt máy móc thiết bị : từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2018;
 - + Đưa vào sử dụng : từ tháng 01/2019;
- Hoàn tất vốn đầu tư : tháng 02/2019.

- Thực hiện tại Lô 49, đường A, khu chế xuất Linh Trung II:

- + Xây dựng nhà xưởng : đến tháng 3/2018;
- + Lắp đặt máy móc thiết bị : đến tháng 4/2018;
- + Vận hành thử : từ tháng 4/2018 đến tháng 5/2018;
- + Sản xuất chính thức : từ tháng 5/2018;
- + Hoàn tất vốn đầu tư : tháng 6/2018.



Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

a) Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án tại khu chế xuất theo nguyên tắc kế thừa các ưu đãi đã quy định tại Giấy phép đầu tư, các Giấy phép đầu tư điều chỉnh và Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp trước đây và phù hợp với các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án:

- Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

- Đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam:

+ Doanh nghiệp phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Luật Thương mại, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

+ Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành và/hoặc thuộc diện kinh doanh có điều kiện sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

+ Doanh nghiệp không được phép kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam và hàng hóa thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.



+ Chấp hành và tuân thủ các quy định khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh và địa điểm hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ Thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa theo quy định hiện hành.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4362173748, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994, chứng nhận thay đổi lần thứ mười bảy ngày 18/4/2023 của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sài Gòn Precision, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.



Phụ lục 2

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỦA CƠ SỞ

Số Amend: 2017/09

ĐIỀU KIỆN BÚT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THUẾ VÀ CÁC CHẾ ĐỘ

SEPARATE ACCOUNTING

&

FINANCIAL RECORDS (FR, FID)

Ngày ban hành: 2017/09/09

Đã số: 17/09/2017 (CN) (Ban, Tổng)

Địa chỉ: 17/09/2017

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ KIỆN III
CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ 37/TT-99
(ĐIỀU CHỈNH THỜI HẠN THUÊ)

- Căn cứ vào Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ngày 31/05/1999 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung và Công ty TNHH Saigon Precision.

Hôm nay, ngày 20 tháng 04 năm 2007, hai bên gồm có :

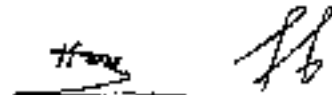
1. CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN-LINH TRUNG, (sau đây được gọi là Sepzone-Linh Trung).

- Địa chỉ: Ấp 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 84-66-896392/ 896600 ; Fax: 84-66-896391.
- Tài khoản số: + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ : P.Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM,ĐT : 848.8974 896, fax: 848.8974 892).
 - USD A/C: 314-10-37-000019-9
 - VND A/C: 314-10-00-000002-5+ Tại Ngân Hàng Vietcombank Tân Thuận, Chi nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ: P.Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 848.7291 334, Fax: 848.8974 176).
 - USD A/C: 018.1.37.000485.4
 - VND A/C: 018.0.00.000117.6
- Tên tài khoản: Sepzone-Linh Trung.
- Do Ông LIN ZHI NONG - Tổng Giám Đốc
và Ông TRẦN THANH HỒNG - Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất, làm đại diện.

VÀ:

2. CÔNG TY TNHH SAIGON PRECISION, được thành lập theo Giấy Phép Đầu Tư số 034/GPDC2-KCX-HCM do HEPZA cấp ngày 10/04/1999 (sau đây được gọi là Bên Thuê)

- Địa chỉ: Lô số 15, 17, 19a, Khu Chế Xuất Linh Trung I, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Do Ông YOSHIO IWAMOTO - Tổng Giám Đốc làm đại diện.



đã đồng ý ký Phụ kiện III theo những điều kiện và điều khoản sau:

1. Điều 2 của Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ký ngày 31/05/1999 ("Hợp Đồng") được điều chỉnh như sau:

Thời hạn thuê đất bắt đầu từ 01 giờ ngày 31 tháng 05 năm 1999 (Ngày C6 Hiệu Lực) đến 24 giờ ngày 10 tháng 09 năm 2026.

2. Thời hạn thuê đất bổ sung là từ ngày 01 tháng 06 năm 2024 đến ngày 10 tháng 09 năm 2026 (2,3 năm)

2.1 Tổng số tiền thuê đất bổ sung: USD 21.850,00 (Bằng chữ: Hai mươi một ngàn tám trăm năm mươi đô la Mỹ chẵn)

2.2 Phương thức thanh toán:

Trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày ký Phụ Kiện III này, Bên Thuê sẽ chuyển trả cho Sepzone-Linh Trung toàn bộ số tiền thuê đất bổ sung.

Lịch thanh toán tiền thuê đất bổ sung được quy định trong Bảng Chi Tiết C.

3. Bảng Chi Tiết C là bộ phận không thể tách rời của Phụ Kiện III này.

4. Tất cả các điều khoản và điều kiện khác được quy định trong Hợp Đồng số 37/TT-99 ngày 31/05/1999 vẫn được giữ nguyên.

5. Phụ Kiện III này được lập thành tám (08) bản gốc [bốn (04) bản bằng Tiếng Việt, bốn (04) bản bằng Tiếng Anh] có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê mỗi bên giữ bốn (04) bản [hai (02) bản bằng Tiếng Việt, hai (02) bản bằng Tiếng Anh].

BÊN THUÊ
Đại diện bởi:

SEPZONE-LINH TRUNG
Đại diện bởi:



IWAMOTO YOSHIO
Managing Director



Trần Thanh Hòa LIN ZHINONG

ONG
KIEN
XU
QU
C

BẢNG CHI TIẾT C

**BẢNG KÊ TIỀN THUÊ ĐẤT BỔ SUNG CỦA CÔNG TY SÀI GÒN PRECISION
(THE LIST OF ADDITIONAL RENTAL TO SAIGON PRECISION CO., LTD)**

Thời hạn thuê bổ sung (Additional term): from 1/6/2024 to 10/9/2026 (2.30 years)

Đơn vị tính (Unit): USD

Kỳ thanh toán (Period)	Lô đất (Land lot No.)	Diện tích (Area) (m ²)	Đơn giá (Unit price) (USD/m ² /năm)	Thời gian thuê (Term) (năm)	Tiền thuê (Rent)	Thuế GTGT (0%) (VAT)	Tổng cộng (Total)
2.007	15	9.000.00	1.90	2.30	21.850.00	0.00	21.850.00

*** Ghi chú (Remark):**

Tiền thuê đất bổ sung 21.850,00 USD sẽ được thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ khi ký phụ lục hợp đồng thuê đất.
(The additional rental of USD 21,850.00 will be paid within 20 days since the date of signing the annex to the contract to lease land)



Số :37A-annex /TT-2001

PHỤ KIỆN
CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ 37/TT-99
KÝ NGÀY 31 THÁNG 5 NĂM 1999

SEPZONE-LINH TRUNG

&

SAIGON PRECISION

Ngày ký: ngày 5 tháng 7 năm 2001

Lô số: 17, 19a KCX Linh Trung 1

Thời hạn thuê: 25 năm

Phương thức thanh toán một lần

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ KIỆN
CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ 37/TT-99
KÝ NGÀY 31/5/1999.

(MỞ RỘNG DIỆN TÍCH THUÊ)

- Căn cứ vào Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ký ngày 31 tháng 5 năm 1999 giữa Công Ty Liên Doanh Sezone-Linh Trung và Công ty TNHH Saigon Precision.

Hôm nay, ngày 5 tháng 7 năm 2001, hai bên gồm có:

1. CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC VÀ KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN- LINH TRUNG, (sau đây được gọi là Sezone-Linh Trung).

Địa chỉ : Ấp 4, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam,

Điện thoại : 84-8-896 2356/896 2351/896 2355

Fax: 84-8-896 2350.

Tài khoản: 02.1263 tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh TP HCM (Địa chỉ :134 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP HCM, ĐT : 848.8212971/8296568, fax: 848.8213917)

Do Ông LIN ZHINONG, Tổng Giám Đốc

và Ông TRẦN THANH HỒNG, Phó Tổng Giám Đốc
Thứ Nhất làm đại diện.

2. CÔNG TY TNHH SAIGON PRECISION, được thành lập theo Giấy Phép Đầu Tư Số 034-GPDC2-KCX-HCM do HEPZA cấp ngày 10 tháng 4 năm 1999, (sau đây được gọi là Bến Thué).

Địa chỉ : Lô số 15,17,19a, Khu Chế Xuất Linh Trung 1, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tài khoản : 511-3000-036811 tại ngân hàng Tokyo-Mitsubishi, chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh.

Do Ông URATA KAZUHISA, Phó Giám Đốc làm đại diện.

Đã cùng đồng ý ký Phụ Kiện này để Bên Thuê thuê từ Sepzone-Linh Trung một thửa đất bổ sung vào khu nhà máy hiện hữu của Bên Thuê tại Khu Chế Xuất Linh Trung 1 theo những điều kiện và điều khoản sau đây :

1. Sepzone-Linh Trung cho Bên Thuê thuê một thửa đất có tổng diện tích 8.200 m², lô số: 17, 19a tại Khu Chế Xuất Linh Trung 1 (xem Bản Chi Tiết A đính kèm) với điều kiện việc mở rộng hoạt động kinh doanh hiện hữu cũng với việc thuê đất bổ sung của Bên Thuê đã được HEPZA chấp thuận.

2. Thời hạn thuê là 25 năm kể từ 01 giờ ngày 11 tháng 9 năm 2001 (Ngày Có Hiệu Lực) đến 24 giờ ngày 10 tháng 9 năm 2026.

3. **PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN MỘT LẦN:**

- Tiền Thuê đất Căn Bản : 50 USD / m² / 25 năm

- Tổng giá trị hợp đồng :

50 USD / m² / 25 năm x 8.200 m² = 410.000 USD

Trừ 5% giảm giá: 20.500 USD

Tổng số tiền thuê đất phải trả = 389.500 USD

(Bằng chữ : Ba trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đô la Mỹ chẵn).

Chậm nhất là ngày 11 tháng 9 năm 2001, Bên Thuê sẽ chuyển trả cho Sepzone-Linh Trung tổng số tiền thuê đất của 25 năm.

4. Bản chi tiết A,C là bộ phận không thể tách rời của Phụ Kiện này

(i) *Bản Chi Tiết A* : Biên bản bàn giao đất.

(ii) *Bản Chi Tiết C* : Bản Chi Tiết Thanh Toán Tiền Thuê Đất.

5. Trong trường hợp HEPZA không chấp thuận điều chỉnh Giấy Phép Đầu Tư cho việc mở rộng kinh doanh của Bên Thuê, thì toàn bộ tiền thuê đất cho việc thuê thêm đất đã được Bên Thuê thanh toán cho Sepzone-Linh Trung sẽ được hoàn lại.

12/09/2001

12/09/2001

6. Tất cả các điều khoản và điều kiện khác được quy định trong Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ký ngày 31 tháng 5 năm 1999 vẫn được giữ nguyên.
7. Phụ Kiện này được lập thành tám (08) bản [bốn (04) bản tiếng Việt, bốn (04) bản tiếng Anh] có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



Vice Director
Urata Kazuhisa



11/11/2000

11/11/2000

BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT
MINUTES ON LAND DELIVERY

Căn cứ Phụ lục của hợp đồng thuê đất 37A-Annex/TT-2001 ngày 5 tháng 7 năm 2001 của bên thuê
Pursuant to the Annex to the Contract to Lease Land 37A-Annex/TT-2001 dated July 5th, 2001 of the Tenant

Hôm nay, ngày 5 tháng 7 năm 2001, chúng tôi gồm :
Today, on July 5th, 2001, the two parties consisting of :

Bên cho thuê : CTY LD KTKD KHU CHẾ XUẤT SAIGON LINH TRUNG

Landlord : *Sepzone Linh Trung JV. Co.*
Đại diện là : Ông LIN ZHINONG Tổng Giám đốc
Represented by : Mr. LIN ZHINONG *President*

Bên thuê : Cty TNHH. Saigon Precision
Tenant : Saigon Precision Co., Ltd.
Đại diện là : Ông URATA KAZUHISA Phó Giám Đốc
Represented by. Mr. URATA KAZUHISA *Vice Director*

Cùng nhất trí bàn giao lô đất số : 17&19a Diện tích : 8200,0 m²
Have agreed to deliver a piece of land of : 8,200.0 aq.m - Lot No : 17&19a

Các mốc ranh giới có tọa độ :
Coordinates of boundary marks :

• Điểm A	X= 202201.242	• Điểm C	X= 202131.214
Point A	Y= 583956.444	Point C	Y= 583931.146
• Điểm B	X= 202163.825	• Điểm D	X= 202099.794
Point B	Y= 584060.018	Point D	Y= 584034.719

Vị trí (bản đồ đính kèm)

Location (attached Location map)

- Phía Đông giáp với	: lô 16-18-20	- Phía Nam giáp với	: Lô 19b-21
<i>On the East</i>	<i>: lots 16-18-20</i>	<i>On the South</i>	<i>: Lot 19b-21</i>
- Phía Tây giáp với	: Đường D	- Phía Bắc giáp với	: lô 15
<i>On the West</i>	<i>: Avenue D</i>	<i>On the North</i>	<i>: Lot 15</i>

Đất được bàn giao theo hiện trạng tự nhiên. Mặt bằng đã được giải toả.
Land is delivered under natural state. The area has been cleared.

Biên bản bàn giao đất này được lập thành 04 (bốn) bản chính, có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

This Minutes on Land Delivered is signed in 04 original copies having equal validity. Each party keeps 02 original copies.

Bên thuê
For Tenant


Vice Director
Urata Kazuhisa

Bên cho thuê
For Landlord


Mr. LIN ZHINONG
Tổng Giám đốc - President

11/21/2001 10:00 AM

11/21/2001 10:00 AM

LOCATION PLAN
LOT No 17-19a
SAIGON PRECISION (ext.)

Road D (20m pav., 30m ROW)

74.4572

15
5000.00 m²

17 & 19a
8200.0 m²

1:0.1250

FUJI IMPULSE

19b
2050.205 m²

Plan maker: Eng. Nguyễn Đức Sơn
Design & Construction Department

3/6/2011

BẢNG CHI TIẾT C
EXHIBIT C

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT CỦA
CÔNG TY TNHH SAIGON PRECISION
THE LAND RENTAL PAYMENT OF
SAIGON PRECISION CO., LTD.

Đính kèm Phụ Kiện Hợp Đồng Thuê Đất số 37A-Annex/TT-2001
Attached to the Annex of The Contract No. 37A-Annex/TT-2001

1. **TỔNG DIỆN TÍCH THUÊ:** 8.200 m²
Total Leased Area: 8,200 m²

2. **PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN MỘT LẦN**
ONE-TIME PAYMENT METHOD

Tổng số tiền thuê đất: USD 389.500,00
Total rental: USD 389,500.00

Trừ tiền đặt cọc đã trả: USD 58.425,00
Less deposit already paid: USD 58,425.00

3. **SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN:**

USD 389.500,00 - USD 58.425,00 = USD 331.075,00

Bằng chữ: Ba trăm ba mươi một ngàn bảy mươi lăm đô la Mỹ chẵn.

The payable amount

USD 389,500.00 - USD 58,425.00 = USD 331,075.00

Written as: Three hundred thirty one thousand seventy five US Dollars only.

Chậm nhất là ngày 11 tháng 9 năm 2001, Công ty TNHH Saigon Precision sẽ thanh toán cho Sepzone-Linh Trung số tiền thuê đất nêu trên vào tài khoản số 02.1263 tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

No later than the date of September 11th, 2001, Saigon Precision Co., Ltd shall pay to Sepzone-Linh Trung the above amount of land rental through the account No. 02.1263 at Bank for Investment and Development of Vietnam, Ho Chi Minh City Branch.

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự 91/2015/QH13 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Đất đai 45/2013/QH13 thông qua ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật Đầu tư 67/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ khả năng, nhu cầu và sự thỏa thuận của các bên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 05 năm 2018, hai bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT: (gọi tắt là bên A)

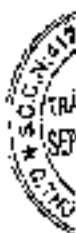
CÔNG TY TNHH SEPZONE- LINH TRUNG (VIỆT NAM)

Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, mã số dự án: 8738061338, chứng nhận lần đầu ngày 31/08/1992, thay đổi lần thứ 5 ngày 28/03/2018, do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0300742098, đăng ký lần đầu ngày 31/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/03/2018, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp.

- Địa chỉ: Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 84-276-3896392/ 3896600; Fax: 84-276-3896391.
- Tài khoản số: + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh Đông Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ : Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT: 8428.38974 896, Fax: 8428.38974 892, Swift Code: BIDVVNVX).
 - USD A/C: 314-10-37-000019-9
 - VND A/C: 314-10-00-000002-5+ Tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, Chi Nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 8428.37291 334, Fax: 8428.38974 176).
 - USD A/C: 018.1.37.000485.4
 - VND A/C: 018.1.00.000117.6
- Tên tài khoản: Sepzone-Linh Trung.
- Đại diện bởi: Ông YANG KAI YONG - Tổng Giám Đốc
và Ông LÊ HOÀNG MINH - Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất

VÀ:



BÊN THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT: (gọi tắt là bên B)**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION**

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 4362173748, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994, thay đổi lần thứ 11 ngày 02/05/2018 do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp (mã số thuế): 0300737411, đăng ký lần đầu ngày 26/12/1994, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02/02/2018, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp.

- Địa chỉ: Lô số 5,6,9,10,11,12,13, Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 84-28-38974387 ; Fax: 84-28-3897444613
- Đại diện bởi: Ông OHORA RYUJI - Chủ tịch công ty

Hiên bên A đã cho bên B thuê thửa đất như sau:

Thửa đất số: 309, tờ bản đồ số: 10

Địa chỉ thửa đất: 15, 17, 19a đường số 2, khu chế xuất Sài Gòn- Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 13.200 m². Thời hạn thuê đến ngày 10/09/2026. Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866559 số vào sổ cấp GCN CT04784 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP.HCM cấp ngày 05/01/2011.

Để bảo đảm tính ổn định, mang tính chiến lược trong hoạt động kinh doanh. Sau khi trao đổi, bàn bạc hai bên cùng thống nhất ký Hợp đồng thuê tiếp các thửa đất nêu trên (sau đây gọi tắt là "**Hợp Đồng**") này với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1 Bằng hợp đồng này Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B đồng ý thuê một thửa đất thuộc quyền sử dụng của bên A với chi tiết cụ thể sau:

- Thửa đất số: 309, tờ bản đồ số: 10
- Địa chỉ thửa đất: 15, 17, 19a đường số 2, khu chế xuất Sài Gòn- Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 13.200 m².

1.2 **Căn cứ theo giấy tờ sau:**

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A829889, số vào sổ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: T00003/1a.QSĐĐ/835/UB do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/05/1998.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này tính từ 00 giờ sáng ngày 11/09/2026 đến ngày 31/08/2042.

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: xây dựng nhà xưởng sản xuất phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công Ty.

ĐIỀU 4: GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1 **Giá thuê căn bản: 181.880 VNĐ / m² / năm**
- 4.2 **TỔNG GIÁ TRỊ TIỀN THUÊ ĐẤT (không bao gồm thuế VAT): 38.365.039.680 VNĐ** (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu không trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi đồng chẵn).
- 4.3 **PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:**
 Bên B có nghĩa vụ thanh toán tổng giá trị tiền thuê đất tại Điều 4.2 của Hợp đồng này cho Bên A theo phương thức thanh toán một lần, được chia thành các đợt như sau:
 - 4.3.1 **Đợt 1:** Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B thanh toán cho Bên A 40% tổng số tiền thuê đất (không bao gồm thuế VAT) tương đương **15.346.015.872 VNĐ** (Bằng chữ: Mười lăm tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu không trăm mười lăm ngàn tám trăm bảy mươi hai đồng chẵn).
 - 4.3.2 **Đợt 2:** Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B thanh toán cho Bên A 50% tổng số tiền thuê đất (không bao gồm thuế VAT) tương đương **19.182.519.840 VNĐ** (Bằng chữ: Mười chín tỷ một trăm tám mươi hai triệu năm trăm mười chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng chẵn).
 - 4.3.3 **Đợt 3:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi Bên A bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô số 15,17,19a cho Bên B và được hai bên xác nhận trong biên bản bàn giao, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 10% tổng số tiền thuê đất còn lại (không bao gồm thuế VAT) tương đương **3.836.503.968 VNĐ** (Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu năm trăm lẻ ba ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng chẵn).
 - 4.3.4 Việc thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất sẽ được căn cứ theo bản chi tiết B đính kèm.
- 4.4 Trong trường hợp Bên B không tiến hành trả các khoản thanh toán như đã nêu ở điều 4.3 qua thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày đến hạn phải thanh toán, thì Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, thu hồi đất thuê, đồng thời yêu cầu Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất và Khu Công Nghiệp TPHCM (Hepza) thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Bên B.
- 4.5 Việc giao và nhận số tiền nêu tại Điều 4.2 và 4.3 của Hợp đồng này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

- 5.1 Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
 - 5.1.1 Bên A có nghĩa vụ và đã thực hiện việc bàn giao Lô Đất trên cho Bên B.
 - 5.1.2 Kiểm tra, nhắc nhở Bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
 - 5.1.3 Bên A có trách nhiệm hỗ trợ Bên B trong việc thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B, bao gồm việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất đến ngày 31/08/2042.
 - 5.1.4 Bên A có trách nhiệm đảm bảo quyền sử dụng đất ổn định và các quyền lợi khác của Bên B theo quy định của pháp luật trong thời hạn thuê quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này.

5.2 Bên A có các quyền sau đây:

- 5.2.1 Được nhận đầy đủ và đúng hạn tiền thuê đất do **Bên B** thanh toán như tại Điều 4.2 và 4.3 của Hợp đồng này;
- 5.2.2 Yêu cầu **Bên B** chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, làm giảm sút giá trị Lô đất. Nếu sau 30 ngày kể từ ngày **Bên B** nhận được thông báo nhắc nhở từ **Bên A** mà **Bên B** không chấm dứt vi phạm, thì **Bên A** có quyền đơn phương đình chỉ Hợp đồng mà không hoàn trả cho **Bên B** bất cứ khoản tiền nào, đồng thời yêu cầu **Bên B** hoàn trả Lô đất và bồi thường thiệt hại thực tế cho **Bên A** theo quy định của pháp luật.
- 5.2.3 Yêu cầu **Bên B** trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.
- 5.2.4 Có quyền ưu tiên được mua lại Tài sản gắn liền với Lô đất này (Công trình xây dựng) trong trường hợp Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt hiệu lực trước thời hạn.

ĐIỀU 6: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

6.1 Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- 6.1.1 Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;
- 6.1.2 Nộp các loại thuế liên quan đến việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật (nếu có);
- 6.1.3 Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- 6.1.4 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn Tiền thuê như quy định tại Điều 4.2 và 4.3 của Hợp đồng này; ngoài ra còn phải thanh toán cho **Bên A** phí bảo trì cơ sở hạ tầng và sử dụng tiện ích công cộng do **Bên A** quy định. Mức phí này có thể thay đổi theo sự phê chuẩn của HEPZA hoặc Cơ quan có thẩm quyền và **Bên A** sẽ thông báo cho **Bên B** bằng văn bản trước khi áp dụng mức phí mới;
- 6.1.5 **Bên B** có nghĩa vụ thanh toán các loại phí điện, nước, điện thoại, fax, xử lý nước thải, xử lý rác và các dịch vụ khác mà **Bên B** sử dụng hoặc được cung cấp theo từng Hợp đồng cụ thể;
- 6.1.6 Tuân theo các quy định của pháp luật môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- 6.1.7 **Bên B** là đối tác được **Bên A** cho thuê Lô đất với đầy đủ các quyền của người thuê đối với quyền sử dụng Lô đất theo đúng các điều kiện và mục đích quy định trong Hợp đồng này. **Bên B** không được cho thuê lại Lô Đất hoặc tự ý chuyển nhượng những quyền này cho bất kỳ đối tác nào khác nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của **Bên A** và sự chấp nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
Nếu **Bên B** không có nhu cầu sử dụng, **Bên B** phải chuyển giao quyền sử dụng Lô Đất này lại cho **Bên A** và **Bên A** sẽ thu hồi lại Lô đất này. Trong trường hợp **Bên B** muốn thay đổi mục đích hoặc chuyển giao quyền sử dụng Lô Đất, **Bên B** phải có sự chấp thuận trước bằng văn bản của **Bên A**, rồi trình lên HEPZA để được duyệt trước khi thực hiện những việc ấy.
- 6.1.8 Trong trường hợp Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt hiệu lực, **Bên B** có nghĩa vụ hoàn trả lại lô đất theo đúng hiện trạng đã được bàn giao ban đầu;
- 6.1.9 **Bên B** có nghĩa vụ thực hiện theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam và của Khu công nghiệp theo các điều kiện như sau:

- i. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải bên trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng riêng biệt và chịu sự kiểm soát của Bên A.
 - ii. Bên B chịu trách nhiệm đảm bảo nước thải sẽ đạt giới hạn cho phép theo Quy định điều kiện xả thải của Khu công nghiệp và tuân thủ Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.
 - iii. Nước thải của Bên B sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của Bên A và các cơ quan quản lý môi trường của Thành phố Hồ Chí Minh.
 - iv. Khối lượng nước thải tính phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp. Việc xử lý nước thải sẽ được hai bên thảo luận và thể hiện trong một Hợp đồng cụ thể.
- 6.1.10. Bên B tự chịu trách nhiệm về Công tác Phòng cháy chữa cháy và tự trang bị các thiết bị về Phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật đối với mọi tài sản trên Lô Đất được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này.
- 6.1.11. Bên B phải có trách nhiệm bảo dưỡng các công trình công cộng cơ sở hạ tầng ở trên và dưới mặt đất thuộc phạm vi khu đất thuê. Theo quy định của Nhà nước, Bên B không được khoan giếng để khai thác nguồn nước ngầm. Nếu có bất kỳ vi phạm nào, Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong trường hợp Bên B gây thiệt hại nghiêm trọng đến nguồn nước ngầm, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, thu hồi đất thuê mà không hoàn trả cho Bên B bất cứ khoản tiền nào.
- Bất kỳ sự hư hỏng nào do Bên B gây ra, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A và sửa chữa những hư hỏng này ngay lập tức; hoặc có trách nhiệm bồi thường cho Bên A những tổn thất do hậu quả của những hư hỏng mà Bên A sửa chữa với chi phí do Bên B chịu.
- 6.1.12 Trong trường hợp Bên B không tiếp tục thực hiện dự án tại lô đất số 15,17,19a với bất kỳ lý do gì; ngoại trừ các lý do bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh hoặc lý do trực tiếp đến từ phía Bên A; thì số tiền thuê đất Bên B đã thanh toán cho Bên A sẽ không được hoàn trả lại. Trong trường hợp Hợp Đồng này chấm dứt với lý do trực tiếp đến từ phía của Bên A, thì Bên A sẽ hoàn trả cho Bên B tiền thuê đất được tính tỷ lệ theo tiền thuê của thời hạn thuê còn lại.

6.2 Bên B có các quyền sau đây:

- 6.2.1 Nhận bàn giao thửa đất theo như đã thỏa thuận;
- 6.2.2 Được sử dụng đất ổn định đúng mục đích trong thời hạn thuê đất đã thỏa thuận như tại Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng này;

ĐIỀU 7: ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

ĐIỀU 8: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa

án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thực hiện đối với các bên. Bên thua kiện sẽ chịu các chi phí liên quan đến vụ kiện theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

9.1. Cam kết chung

9.1.1 Các bên cam kết có đầy đủ điều kiện và năng lực pháp lý để ký kết và thực hiện Hợp đồng này. Mỗi bên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục nội bộ cần thiết theo quy định trong Điều lệ của tổ chức/ công ty để có quyền đàm phán, ký kết, phê chuẩn việc hợp tác đầu tư với bên kia theo Hợp đồng này.

9.1.2 Các bên cam kết không tiết lộ một phần hoặc toàn bộ nội dung Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại, trừ trường hợp được phải tiết lộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định rõ ràng của pháp luật.

9.2 Bên A cam đoan:

9.2.1 Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

9.2.2 Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

9.2.3 Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

- Thửa đất không có tranh chấp;
- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

9.2.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

9.2.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

9.3 Bên B cam đoan:

9.3.1 Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

9.3.2 Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

9.3.3 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

9.3.4 Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này;

9.3.5 Các bên có trách nhiệm đăng ký Hợp đồng này tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

ĐIỀU 10: THỎA THUẬN KHÁC

Các văn bản sau đây sẽ được đính kèm vào Hợp đồng này:

- Bản chi tiết A: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
- Bản chi tiết B: Chi tiết thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

11.1 Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc ký kết hợp đồng này. Bất kỳ việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp

đồng này đều phải lập thành văn bản và phải được sự đồng ý của người Đại diện có thẩm quyền của các bên.

11.2 Hai bên đã đọc lại Hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này, cùng ký tên dưới đây. Hợp đồng này được lập thành mười ba (13) bản gốc [bảy (07) bản bằng tiếng Việt và sáu (06) bản bằng tiếng Anh] có giá trị ngang nhau. Bên A và Bên B mỗi bên giữ sáu (06) bản [ba (03) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh], 01 bản Tiếng Việt nộp cho Sở Tài Nguyên và Môi Trường khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa bản Tiếng Việt và bản Tiếng Anh thì bản Tiếng Việt được ưu tiên sử dụng.

11.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ trong Hợp đồng.

BÊN CHO THUÊ (BÊN A)



LÊ HOÀNG MINH



LÊ HOÀNG MINH

BÊN THUÊ (BÊN B)



DHORA RYUJI

PHẦN BỊ THỂ HIỆN

13. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:

a) Diện tích: 300

Tổ tác đồ số: 10

b) Địa chỉ: Lô số 15, 17, 190 đường số 2, Khu phố Xuân Bìa, Gò Công Trung, phường Giồng

Trang quận Thủ Đức, TP.HCM.

c) Diện tích: 13.200 m² (bằng nhân Mười ba ngàn hai trăm linh vuông)

d) Hình thức sử dụng: nông nghiệp, chung cư, chung cư, chung cư.

e) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp

f) Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 10/09/2046

g) Nguồn gốc sử dụng đất: Thừa đất của doanh nghiệp đầu tư hệ thống kinh doanh (Công ty Liên

doanh Khoa Phát) được kê khai thuế tại Gò Công Trung)

2. Nhà ở: -

3. Công trình xây dựng khác: -

4. Công trình khác: -

5. Cây lâu năm: -

6. Gai khác: -

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Lô số 10/01537, được cấp từ Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 10008/10SD08035UB ngày 11/5/1993 có UBND thành phố cấp.

14. Số hồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

BẢNG LƯỚI KÊ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM			
Số hiệu thửa đất	Tọa độ		Cấp
	Đông	Bắc	
1	202347,00	161141,00	92,85
2	202347,57	64132,46	56,30
3	202347,51	61122,14	45,99
4	202347,78	61122,00	110,17
5	202347,02	61119,17	102,78
6	198217,78	61112,17	23,45



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2024.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH

TUỶ CHỨC TỊCH

GRADU ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Đỗ Anh Kiệt

Phần chi tiết xem Báo đã hiện trạng vị trí số 2025-0053-TNMT do

Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 19/10/2018.

14. Nguồn thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Mọi dung tích đất và cơ sở pháp lý	Không nhận các cơ quan và pháp luật
------------------------------------	-------------------------------------

Số tài sản cấp phát: 1/07/24

Giá trị B (Exhibit B)

**BẢNG TILAN TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT LÔ 15, 17, 19A - KHU LĨNH TRUNG 1
(THE LAND RENTAL PAYMENT OF LOT NO. 15, 17, 19A - LINH TRUNG PZ 1)**

Thời hạn (Term) : Từ 11/9/2026 đến 31/8/2042 (From 11/9/2026 to 31/8/2042 : 15,98 years)
Diện tích (Area) : 13,200.00 m²
Đơn giá (Unit Price) : 181,880.00 VNĐ/m²/năm
Tổng tiền thuê đất (Total rental) : 38,365,039,680 VNĐ

DVT (Unit): VNĐ

Ngày (Date)	Đợt thanh toán (Period)	Tổng tiền thuê đất (Total rental)	Tiền trả từng đợt (Instalment)	Thuế GTGT (VAT 0%)	Tổng cộng (Total)
10 ngày sau khi ký Hợp đồng thuê đất (10 days after sign up the contract to lease land)	Đợt 1 (First) 40%	38,365,039,680	15,346,015,872	-	15,346,015,872
40 ngày sau khi ký Hợp đồng thuê đất (40 days after signing the contract to lease land)	Đợt 2 (Second) 50%	38,365,039,680	19,182,519,840	-	19,182,519,840
15 ngày sau khi nhận giấy chứng nhận QSDĐ điều chỉnh (15 days after receiving the adjusted certificate of land use right.)	Đợt 3 (Third) 10%	38,365,039,680	3,836,503,968	-	3,836,503,968
Tổng cộng (Total)		38,365,039,680	38,365,039,680	-	38,365,039,680

Phụ lục 2

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỦA CƠ SỞ

Số: ~~AM/27/AT/05~~

PHỤ KIỆN
CỦA HỢP ĐỒNG THUỐC ĐẠT SỐ ~~AM/27/AT/05~~
KY NGÀY 31 THÁNG NĂM 1999

SEPZONE LINH TRUNG

2

CÔNG TY TNHH SAIGON PRECISION

Nhà máy: ~~Trần Hưng Đạo, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh~~ 2001

Điện thoại: ~~84-81-351-1500~~ Linh Trung 10

Thiết lập: ~~01/01/1999~~ năm

Thống nhất nội thất

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ KIỆN II
CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ 37/TT-99
KÝ NGÀY 31/5/1999.

(MỞ RỘNG DIỆN TÍCH THUÊ)

- Căn cứ vào Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ký ngày 31 tháng 5 năm 1999 giữa Công Ty Liên Doanh Sepzone-Linh Trung và Công ty TNHH Saigon Precision.

Hôm nay, ngày 19 tháng 06 năm 2004, hai bên gồm có:

1. CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC VÀ KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN- LINH TRUNG, (sau đây được gọi là Sepzone-Linh Trung).

Địa chỉ : Ấp 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : 84-8-896 2356 / 896 2351/ 896 2355

Fax: 84-8-896 2350.

Tài khoản: 314-10-37-000019-9 tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh TP HCM (Địa chỉ :Khu Chế Xuất Linh Trung I, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 848.897 4896, Fax: 848.897 4892).

018.1.37.000485.4 tại Ngân Hàng Vietcombank Tân Thuận (Địa chỉ :Khu Chế Xuất Linh Trung II, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 848.729 1334, Fax: 848.897 4176).

Tên tài khoản:

Công ty Liên Doanh Khai Thác và Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung.

Do
và

Ông TRẦN THANH HỒNG - Tổng Giám Đốc
Ông LIN ZHI NONG - Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất làm đại diện.

2. CÔNG TY TNHH SAIGON PRECISION, được thành lập theo Giấy Phép Đầu Tư Số 034/GPĐT do HEPZA cấp ngày 26 tháng 12 năm 1994, (sau đây được gọi là Bên Thuê).

Địa chỉ: Lô số 15,17,19a, Khu Chế Xuất Linh Trung I, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tài khoản: 511-3000-036811, 511-3000-234710 tại ngân hàng Tokyo-Mitsubishi, chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

Do Ông DAISUKE YAMANOI, Giám Đốc làm đại diện.

Đã cùng đồng ý ký Phụ Kiện này để Bên Thuê thuê từ Sepzone-Linh Trung một thửa đất bổ sung vào khu nhà máy hiện hữu của Bên Thuê tại Khu Chế Xuất Linh Trung II theo những điều kiện và điều khoản sau đây:

1. Sepzone-Linh Trung cho Bên Thuê thuê một thửa đất có tổng diện tích 11.231,87 m², lô số: 84, 85 tại Khu Chế Xuất Linh Trung II (xem Bản Chi Tiết A đính kèm) với điều kiện việc mở rộng hoạt động kinh doanh hiện hữu cùng với việc thuê đất bổ sung của Bên Thuê đã được HEPZA chấp thuận.
2. Thời hạn thuê là 25 năm kể từ 01 giờ ngày 19 tháng 06 năm 2004 (Ngày Có Hiệu Lực) đến 24 giờ ngày 18 tháng 06 năm 2029.

3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN: THANH TOÁN MỘT LẦN

3.1 Tiền Thuê đất Căn Bản: 35 USD / m² / 25 năm

3.2 Tổng giá trị hợp đồng:

35 USD / m² / 25 năm x 11.231,87 m² = 393.115,45 USD

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi ba ngàn một trăm mười lăm đô la Mỹ và bốn mươi lăm xu chẵn).

3.3 Đặt cọc:

Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ký Phụ Kiện này, Bên Thuê sẽ chuyển trả cho Sepzone-Linh Trung Tiền Đặt cọc trị giá bằng mười lăm phần trăm (15%) tổng số tiền thuê đất nhằm đảm bảo việc thực hiện tốt đẹp bản Phụ Kiện này. Sepzone-Linh Trung sẽ giữ số Tiền Đặt cọc này và có quyền giữ lại tất cả tiền lãi phát sinh từ đó.



Số tiền Đặt cọc Bên Thuê phải thanh toán là 58.967,32 USD (Bằng chữ: Năm mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi bảy Đô-la Mỹ và ba mươi hai xu chẵn.)

- 3.4 Thanh toán tiền thuê đất:
Trong vòng sáu mươi ngày (60) tiếp theo kể từ ngày trả tiền Đặt cọc, Bên thuê sẽ chuyển trả cho Sepzone-Linh Trung tám mươi lăm phần trăm (85%) còn lại của tổng số tiền thuê đất. Chi tiết theo như bảng lập nên trong Bảng Chi tiết B.
- 3.5 Trong trường hợp Bên Thuê không tiến hành thanh toán số tiền như đã nêu ở điều 3.4 quá thời hạn trên thì Phụ Kiện này không còn giá trị, và Tiền Đặt cọc sẽ không được hoàn trả lại cho Bên Thuê.

4. Bản chi tiết A, B là bộ phận không thể tách rời của Phụ Kiện này

(i) Bản Chi Tiết A : Bản đồ lô đất thuê và Biên bản bàn giao đất.

(ii) Bản Chi Tiết B : Bản Chi Tiết Thanh Toán Tiền Thuê Đất

5. Trong trường hợp HEPZA không chấp thuận điều chỉnh Giấy Phép Đầu Tư cho việc mở rộng kinh doanh của Bên Thuê, thì toàn bộ tiền thuê đất cho việc thuê thêm đất đã được Bên Thuê thanh toán cho Sepzone-Linh Trung sẽ được hoàn lại.

6. Tất cả các điều khoản và điều kiện khác được quy định trong Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ký ngày 31 tháng 5 năm 1999 vẫn được giữ nguyên.

7. Phụ Kiện này được lập thành mười hai (12) bản [sáu (06) bản bằng tiếng Việt và sáu (06) bản bằng tiếng Anh] có giá trị ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê mỗi bên giữ sáu (06) bản. [ba (03) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh].

BÊN THUÊ



YAMANOI
Sales Director

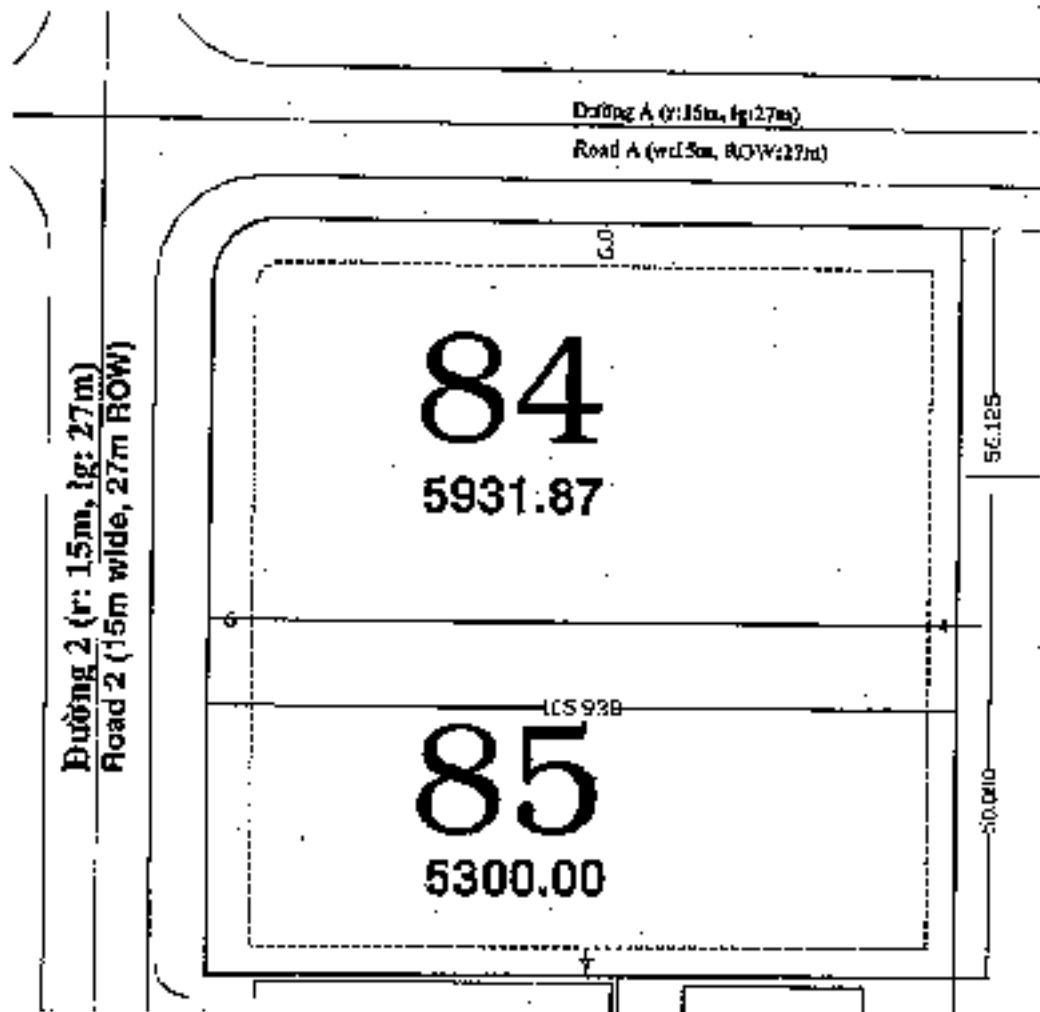
SEPZONE-LINH TRUNG



LINH ZHINONG

Trần Thành Hồng

LOCATION PLAN
SAIGON PRECISION
LOT No 84-85 - Linh Trung EPZ 2



Plan maker: Eng. Nguyễn Đức Sơn
Management Team of Linh Trung EPZ 2

BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT
MINUTES ON LAND DELIVERY

Căn cứ hợp đồng thuê đất ngày 19 tháng 06 năm 2004 của Bên thuê
Pursuant to the Land Lease contract dated June 19th, 2004 of the Tenant

Hôm nay, ngày 19 tháng 06 năm 2004, chúng tôi gồm :
Today, on June 19th, 2004, the two parties consisting of :

Bên cho thuê : CTY LD KTKD KHU CHẾ XUẤT SAIGON LINH TRUNG

Landlord : *Sapzone Linh Trung JV. Co.*
Đại diện là : Ông TRẦN THANH HỒNG **Tổng Giám đốc**
Represented by : Mr. TRẦN THANH HỒNG **President**

Bên thuê : Cty TNHH. SAIGON PRECISION

Tenant : *Saigon Precision Co., Ltd.,*
Đại diện là : Ông DAISUKE YAMANOI **Giám đốc**
Represented by : Mr. Daisuke Yamanoi **Director**

Cùng nhất trí bàn giao lô đất số : 84-85 (KGX Linh Trung 2) Diện tích : ±1231,87 m²
Have agreed to deliver a piece of land of : 1231.87 sq.m. - Lot No : 84-85 (Linh Trung EPZ 2);

Các mốc ranh giới có tọa độ :
Coordinates of boundary marks :

• Điểm A	X= 586.708	• Điểm D	X= 498.935
Point A	Y=9581.769	Point D	Y=8605.412
• Điểm B	X= 542.620	• Điểm E	X= 448.046
Point B	Y=9648.119	Point E	Y=8698.774
• Điểm C	X= 582.796		
Point C	Y=9549.857		

Vị trí (bản đồ đính kèm)

Location (attached location map)

- Phía Đông giáp với : khu dịch vụ & lưu trú
On the East : service & dormitory
- Phía Tây giáp với : Đường số 2
On the West : Road 2

- Phía Nam giáp với : Trạm điện & lô 86b
On the South : Lot 86b and substation
- Phía Bắc giáp với : đường A
On the North : Road A

Đất được bàn giao theo hiện trạng tự nhiên. Mặt bằng đã được giải toả.
Land is delivered under natural state. The area has been cleared.

Biên bản bàn giao đất được lập thành 04 (bốn) bản chính, có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản.
This Minutes on Land Delivered is signed in 04 original copies having equal validity. Each party keeps 02 original copies.

Bên thuê
For Tenant



DAISUKE YAMANOI
Managing Director

Bên cho thuê
For Landlord



TRẦN THANH HỒNG
Tổng Giám đốc - President

XHIBIT B

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT CỦA CÔNG TY TNHH SG PRECISION
(THE PAYMENT OF LAND RENTAL OF SG PRECISION COMPANY, LTD)

Term (Thời hạn) : 25 năm
 Area (Diện tích) : 11,231.87m²
 Location (Địa điểm) : 84,85 khu Linh Trung 1
 Rental (Giá cho thuê) : 35.00 USD/m²/ 25 năm

PAYMENT PERIOD (Kỳ thanh toán)	DATE (Ngày)	DESCRIPTION (Diễn giải)	RENTAL (Tiền thuê đất) (USD)
1st time (Đợt 1)	29/06/2004	(35.00 USD x 15%) x 11,231.87 m ²	58,967.32
2nd time (Đợt 2)	28/03/2004	(35.00 USD x 85%) x 11,231.87 m ²	334,148.13
TỔNG CỘNG (TOTAL)			393,115.45

Handwritten signature and checkmarks on the right side of the table.

Số: 37A/TT-17

THỎA THUẬN CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Hôm nay, ngày 26 tháng 05 năm 2017, hai bên gồm có:

CÔNG TY TNHH SEPZONE-LINH TRUNG (VIỆT NAM) (sau đây được gọi là Sepzone-Linh Trung).

- Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 84-65-3896392/ 3896600 ; Fax: 84-66-3896391.
- Tài khoản số:
 - + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh Đồng Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, Swift Code: BIDVVNVX).
 - USD A/C: 314-10-37-000019-9
 - VND A/C: 314-10-00-000002-5
 - + Tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, Chi Nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh; (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT: 848.37291 334, Fax: 848.38974 176).
 - USD A/C: 018.137.000485.4
 - VND A/C: 018.100.000117.6
- Tên tài khoản: Sepzone-Linh Trung.
- Do Ông LÊ HOÀNG MINH, Tổng Giám Đốc và Ông YANG KAI YONG Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất, làm đại diện.

VÀ:

CÔNG TY TNHH SAIGON PRECISION (sau đây được gọi là 'Bên Thuê')

- Địa chỉ: Lô số 15, 17, 19a, Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 083. 8974388 Fax: 083.8974613
- Do Ông RYUJI OHORA - Chủ tịch công ty làm đại diện

đã cùng đồng ý ký vào Thỏa Thuận Cho Thuê Quyền Sử Dụng Đất này (dưới đây gọi tắt là "Thỏa Thuận") theo các điều khoản và điều kiện sau :

1. Sepzone-Linh Trung sẽ dành riêng và giữ một phần đất có diện tích là 6.197 m² (Lô số 49) trong Khu Chế Xuất Linh Trung II cho công ty được Bên Thuê thành lập theo hình thức thuê dài hạn đến ngày 22/05/2050. Thời hạn thuê phù hợp với thời hạn của dự án như đã được thông qua trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để Bên Thuê có thể xây dựng nhà xưởng bằng vốn của mình.

2. **TỔNG GIÁ TRỊ TIỀN THUẾ ĐẤT** (không bao gồm 10% VAT): 56.637.500.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)

3. **PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:**

Đợt 1: Chậm nhất là ngày 01/06/2017, **Bên Thuê** sẽ thanh toán cho Sepzone Linh Trung 40% tổng số tiền thuê đất tương đương 22.655.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn).

Đợt 2: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày sau khi Sepzone Linh Trung bàn giao lô đất số 49 cho **Bên Thuê** và được hai bên xác nhận trong biên bản bàn giao, **Bên Thuê** sẽ thanh toán cho Sepzone Linh Trung 50% tổng số tiền thuê đất tương đương 28.318.750.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ ba trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Đợt 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi Sepzone Linh Trung bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô số 49 cho **Bên Thuê** và được hai bên xác nhận trong biên bản bàn giao, **Bên Thuê** sẽ thanh toán cho Sepzone Linh Trung 10% tổng số tiền thuê đất còn lại tương đương 5.663.750.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

(Xem Bảng chi tiết D đính kèm)

4. **CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC :**

4.1. Theo yêu cầu về việc tháo dỡ các tài sản trên đất để bàn giao đất trống của **Bên Thuê** đã được hai bên thỏa thuận và đồng ý, Sepzone Linh Trung sẽ thực hiện việc tháo dỡ các tài sản hiện hữu trên lô đất số 49 dự kiến từ ngày 01/06/2017 đến ngày 30/09/2017 và bàn giao đất trống cho **Bên Thuê** dự kiến chậm nhất vào ngày 30/09/2017.

Sepzone Linh Trung sẽ chịu chi phí cho việc tháo dỡ các tài sản trên đất. Việc tháo dỡ này sẽ được Sepzone Linh Trung thực hiện trong thời hạn tối đa 120 ngày kể từ ngày Sepzone Linh Trung nhận được khoản tiền thanh toán đợt 1 của **Bên Thuê**. Đất bàn giao cho **Bên Thuê** là đất sẵn sàng cho xây dựng, đã được dọn sạch, uống nước, không có chướng ngại, thổ đất thiên nhiên thoải mái. Sepzone Linh Trung đảm bảo rằng điều kiện của khu đất phù hợp

Ngày 27/05/2017

Ngày 27/05/2017

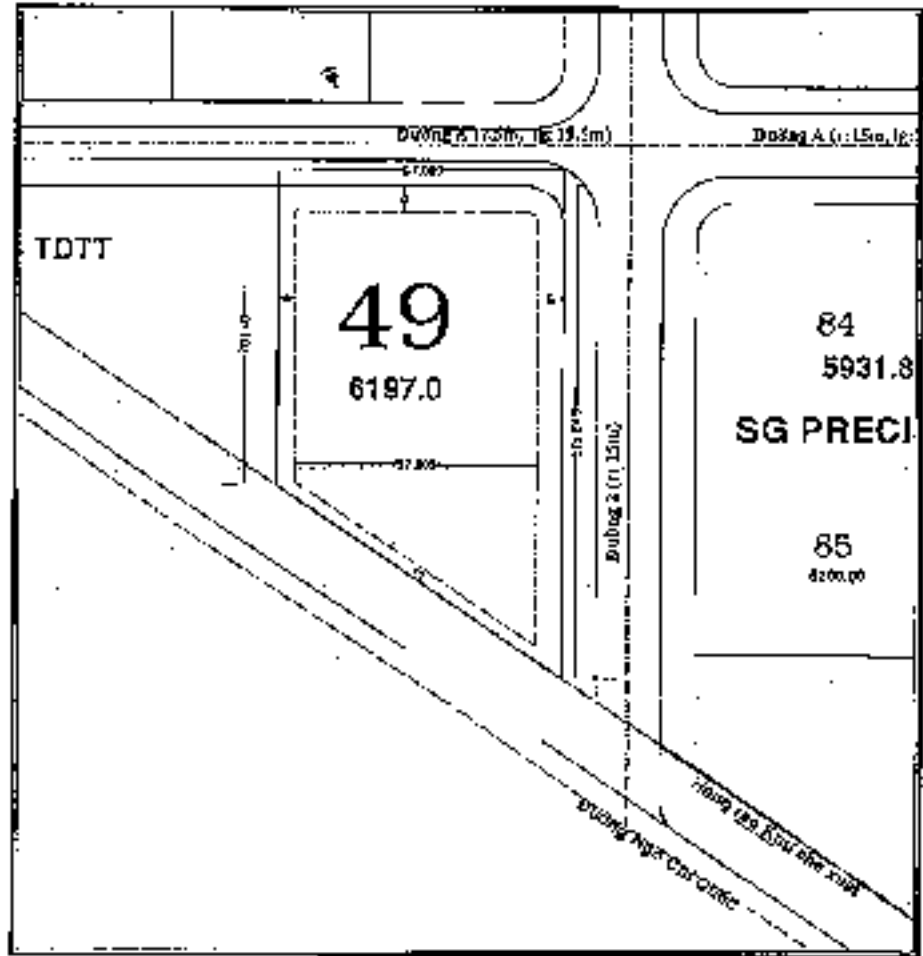
với các quy định và pháp luật của Việt Nam để xây dựng nhà xưởng theo kế hoạch của Bên Thuê.

- 4.2. Trong trường hợp Bên Thuê không thực hiện dự án tại lô đất số 49 với bất kỳ lý do gì, ngoại trừ các lý do bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh và lý do đến từ phía Sepzone Linh Trung, số tiền thuê đất Bên Thuê đã thanh toán cho Sepzone Linh Trung sẽ không được hoàn trả lại.
- 4.3. Sau khi ký Thỏa Thuận này, Bên Thuê có trách nhiệm tiến hành điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên Thuê để bổ sung thêm lô số 49 - Khu Chế Xuất Linh Trung II tại Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TPHCM và Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM. Sepzone Linh Trung có trách nhiệm hỗ trợ Bên Thuê trong việc xin điều chỉnh/ cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên Thuê, bao gồm việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất đến ngày 22/05/2050.
- 4.4. Sau khi Bên Thuê điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hai bên sẽ ký kết Hợp Đồng Cho Thuê Quyền Sử Dụng Đất và được công chứng tại Phòng công chứng. Trình tự và phương thức thanh toán tiền thuê đất của Bên Thuê cho Sepzone Linh Trung sẽ được tiếp tục thực hiện theo nội dung của Hợp Đồng Cho Thuê Quyền Sử Dụng Đất.
- 4.5. Thỏa Thuận này sẽ không còn hiệu lực trong trường hợp sau khi ký Thỏa Thuận, Bên Thuê không thanh toán số tiền thuê đất đợt 1 cho Sepzone-LinhTrung.

Thỏa Thuận này được ký vào ngày 26 tháng 05 năm 2017 thành tám (08) bản gốc [bốn (04) bản bằng tiếng Anh, bốn (04) bản bằng tiếng Việt] có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê mỗi bên giữ bốn (04) bản gốc [hai (02) bản bằng tiếng Anh, hai (02) bản bằng tiếng Việt].



LOCATION PLAN
LOT No 49 - LINH TRUNG 2



Đã được cấp Giấy Đạc địa
Liên Trung 183 Management Trust

Số: 37-2/TT-18

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----000-----

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự 91/2015/QH13 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Đất đai 45/2013/QH13 thông qua ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật Đầu tư 67/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ khả năng, nhu cầu và sự thỏa thuận của các bên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 05 năm 2018, hai bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT: (gọi tắt là bên A)

CÔNG TY TNHH SEPZONE- LINH TRUNG (VIỆT NAM).

Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, mã số dự án: 8738061338, chứng nhận lần đầu ngày 31/08/1992, thay đổi lần thứ 5 ngày 28/03/2018, do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0300742098, đăng ký lần đầu ngày 31/08/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/03/2018, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP HCM cấp.

- Địa chỉ: Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 84-276-3896392/ 3896600; Fax: 84-276-3896391.
- Tài khoản số: + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi nhánh Đông Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM. ĐT: 8428.38974 896, Fax: 8428.38974 892. Swift Code: BIDVVNVX).
 - USD A/C: 314-10-37-000019-9
 - VND A/C: 314-10-00-000002-5
- + Tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM. ĐT: 8428.37291 334, Fax: 8428.38974 176).
 - USD A/C: 018.1.37.000485.4
 - VND A/C: 018.1.00.000117.6
- Tên tài khoản: Sepzone-Linh Trung.
- Đại diện bởi: Ông YANG KAI YONG - Tổng Giám Đốc
và Ông LÊ HOÀNG MINH - Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất

VÀ:

BÊN THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT: (gọi tắt là bên B)**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION**

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 4362173748, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994, thay đổi lần thứ 11 ngày 02/05/2018 do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp (mã số thuế): 0300737411, đăng ký lần đầu ngày 26/12/1994, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02/02/2018, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp.

- Địa chỉ: Lô số 5,6,9,10,11,12,13, Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 84-28-38974387 ; Fax: 84-28-3897444613
- Đại diện bởi: Ông OHORA RYUJI - Chủ tịch công ty

Hiện bên A đã cho bên B thuê thửa đất như sau:

Thửa đất số: 323, tờ bản đồ số: 9

Địa chỉ thửa đất: 84, 85 đường A, Khu Chế Xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 11.237,10 m². Thời hạn thuê đến ngày 18/06/2029. Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866598 số vào sổ cấp GCN CT05030 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP.HCM cấp ngày 08/01/2011.

Để bảo đảm tính ổn định, mang tính chiến lược trong hoạt động kinh doanh. Sau khi trao đổi, bàn bạc hai bên cùng thống nhất ký Hợp đồng thuê tiếp các thửa đất nêu trên (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng") này với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1 Bằng hợp đồng này Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B đồng ý thuê một thửa đất thuộc quyền sử dụng của bên A với chi tiết cụ thể sau:

- Thửa đất số: 323, tờ bản đồ số: 9
- Địa chỉ thửa đất: 84, 85 đường A, Khu Chế Xuất Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 11.237,10 m².

1.2 **Căn cứ theo giấy tờ sau:**

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: P097715, số vào sổ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: T00003/1a.QSDĐ/1140/UB do UBND TP.HCM cấp ngày 28/03/2000.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này tính từ 00 giờ sáng ngày 19/06/2029 đến ngày 22/05/2050.

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: xây dựng nhà xưởng sản xuất phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công Ty.

ĐIỀU 4: GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Giá thuê căn bản: 170.512,50 VNĐ / m² / năm

4.2 **TỔNG GIÁ TRỊ TIỀN THUÊ ĐẤT** (không bao gồm thuế VAT): 40.122.422.328 VNĐ (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn ba trăm hai mươi tám đồng chẵn).

4.3 PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

Bên B có nghĩa vụ thanh toán tổng giá trị tiền thuê đất tại Điều 4.2 của Hợp đồng này cho Bên A theo phương thức thanh toán một lần, được chia thành các đợt như sau:

4.3.1 Đợt 1: Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B thanh toán cho Bên A 40% tổng số tiền thuê đất (không bao gồm thuế VAT) tương đương 16.048.968.931 VNĐ (Bằng chữ: Mười sáu tỷ không trăm bốn mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm ba mươi một đồng chẵn).

4.3.2 Đợt 2: Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B thanh toán cho Bên A 50% tổng số tiền thuê đất (không bao gồm thuế VAT) tương đương 20.061.211.164 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi tỷ không trăm sáu mươi một triệu hai trăm mười một ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng chẵn).

4.3.3 Đợt 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi Bên A bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô số 84,85 cho Bên B và được hai bên xác nhận trong biên bản bàn giao, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 10% tổng số tiền thuê đất còn lại (không bao gồm thuế VAT) tương đương 4.012.242.233 VNĐ (Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm mười hai triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm ba mươi ba đồng chẵn).

4.3.4 Việc thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất sẽ được căn cứ theo bản chi tiết B đính kèm.

4.4 Trong trường hợp Bên B không tiến hành trả các khoản thanh toán như đã nêu ở điều 4.3 quá thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày đến hạn phải thanh toán, thì Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, thu hồi đất thuê, đồng thời yêu cầu Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất và Khu Công Nghiệp TPHCM (Hapza) thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Bên B.

4.5 Việc giao và nhận số tiền nêu tại Điều 4.2 và 4.3 của Hợp đồng này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

5.1 Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

5.1.1 Bên A có nghĩa vụ và đã thực hiện việc bàn giao Lô Đất trên cho Bên B.

5.1.2 Kiểm tra, nhắc nhở Bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;

5.1.3 Bên A có trách nhiệm hỗ trợ Bên B trong việc thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B, bao gồm việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất đến ngày 22/05/2050.

5.1.4 Bên A có trách nhiệm đảm bảo quyền sử dụng đất ổn định và các quyền lợi khác của Bên B theo quy định của pháp luật trong thời hạn thuê quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này.

5.2 Bên A có các quyền sau đây:

- 5.2.1 Được nhận đầy đủ và đúng hạn tiền thuê đất do **bên B** thanh toán như tại Điều 4.2 và 4.3 của Hợp đồng này;
- 5.2.2 Yêu cầu **Bên B** chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, làm giảm sút giá trị Lô đất. Nếu sau 30 ngày kể từ ngày **Bên B** nhận được thông báo nhắc nhở từ **Bên A** mà **Bên B** không chấm dứt vi phạm, thì **Bên A** có quyền đơn phương đình chỉ Hợp đồng mà không hoàn trả cho **Bên B** bất cứ khoản tiền nào, đồng thời yêu cầu **Bên B** hoàn trả Lô đất và bồi thường thiệt hại thực tế cho **Bên A** theo quy định của pháp luật.
- 5.2.3 Yêu cầu **Bên B** trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.
- 5.2.4 Có quyền ưu tiên được mua lại Tài sản gắn liền với Lô đất này (Công trình xây dựng) trong trường hợp Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt hiệu lực trước thời hạn.

ĐIỀU 6: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

6.1 Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- 6.1.1 Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;
- 6.1.2 Nộp các loại thuế liên quan đến việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật (nếu có);
- 6.1.3 Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- 6.1.4 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn Tiền thuê như quy định tại Điều 4.2 và 4.3 của Hợp đồng này; ngoài ra còn phải thanh toán cho **bên A** phí bảo trì cơ sở hạ tầng và sử dụng tiện ích công cộng do **bên A** quy định. Mức phí này có thể thay đổi theo sự phê chuẩn của HEPZA hoặc Cơ quan có thẩm quyền và **bên A** sẽ thông báo cho **bên B** bằng văn bản trước khi áp dụng mức phí mới;
- 6.1.5 **Bên B** có nghĩa vụ thanh toán các loại phí điện, nước, điện thoại, fax, xử lý nước thải, xử lý rác và các dịch vụ khác mà **Bên B** sử dụng hoặc được cung cấp theo từng Hợp đồng cụ thể;
- 6.1.6 Tuân theo các quy định của pháp luật môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh.
- 6.1.7 **Bên B** là đối tác được **Bên A** cho thuê Lô đất với đầy đủ các quyền của người thuê đối với quyền sử dụng Lô đất theo đúng các điều kiện và mục đích quy định trong Hợp đồng này. **Bên B** không được cho thuê lại Lô Đất hoặc tự ý chuyển nhượng những quyền này cho bất kỳ đối tác nào khác nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của **Bên A** và sự chấp nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
Nếu **Bên B** không có nhu cầu sử dụng, **Bên B** phải chuyển giao quyền sử dụng Lô Đất này lại cho **Bên A** và **Bên A** sẽ thu hồi lại Lô đất này. Trong trường hợp **Bên B** muốn thay đổi mục đích hoặc chuyển giao quyền sử dụng Lô Đất, **Bên B** phải có sự chấp thuận trước bằng văn bản của **Bên A**, rồi trình lên HEPZA để được duyệt trước khi thực hiện những việc ấy.
- 6.1.8 Trong trường hợp Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt hiệu lực, **Bên B** có nghĩa vụ hoàn trả lại lô đất theo đúng hiện trạng đã được bàn giao ban đầu;
- 6.1.9 **Bên B** có nghĩa vụ thực hiện theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam và của Khu công nghiệp theo các điều kiện như sau:

- i. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải bên trong nhà máy của **Bên B** phải được xây dựng riêng biệt và chịu sự kiểm soát của **Bên A**.
- ii. **Bên B** chịu trách nhiệm đảm bảo nước thải sẽ đạt giới hạn cho phép theo Quy định điều kiện xả thải của Khu công nghiệp và tuân thủ Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.
- iii. Nước thải của **Bên B** sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của **Bên A** và các cơ quan quản lý môi trường của Thành phố Hồ Chí Minh.
- iv. Khối lượng nước thải tính phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp. Việc xử lý nước thải sẽ được hai bên thảo luận và thể hiện trong một Hợp đồng cụ thể.

6.1.10. **Bên B** tự chịu trách nhiệm về Công tác Phòng cháy chữa cháy và tự trang bị các thiết bị về Phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật đối với mọi tài sản trên Lô Đất được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này.

6.1.11. **Bên B** phải có trách nhiệm bảo dưỡng các công trình công cộng cơ sở hạ tầng ở trên và dưới mặt đất thuộc phạm vi khu đất thuê. Theo quy định của Nhà nước, **Bên B** không được khoan giếng để khai thác nguồn nước ngầm. Nếu có bất kỳ vi phạm nào, **Bên B** phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong trường hợp **Bên B** gây thiệt hại nghiêm trọng đến nguồn nước ngầm, **Bên A** có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, thu hồi đất thuê mà không hoàn trả cho **Bên B** bất cứ khoản tiền nào.

Bất kỳ sự hư hỏng nào do **Bên B** gây ra, **Bên B** có trách nhiệm thông báo cho **Bên A** và sửa chữa những hư hỏng này ngay lập tức; hoặc có trách nhiệm bồi thường cho **Bên A** những tổn thất do hậu quả của những hư hỏng mà **Bên A** sửa chữa với chi phí do **Bên B** chịu.

6.1.12 Trong trường hợp **Bên B** không tiếp tục thực hiện dự án tại lô đất số 84,85 với bất kỳ lý do gì; ngoại trừ các lý do bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh hoặc lý do trực tiếp đến từ phía **Bên A**; thì số tiền thuê đất **Bên B** đã thanh toán cho **Bên A** sẽ không được hoàn trả lại. Trong trường hợp Hợp Đồng này chấm dứt với lý do trực tiếp đến từ phía của **Bên A**, thì **Bên A** sẽ hoàn trả cho **Bên B** tiền thuê đất được tính tỷ lệ theo tiền thuê của thời hạn thuê còn lại.

6.2 Bên B có các quyền sau đây:

6.2.1 Nhận bàn giao thửa đất theo như đã thoả thuận;

6.2.2 Được sử dụng đất ổn định đúng mục đích trong thời hạn thuê đất đã thoả thuận như tại Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng này;

ĐIỀU 7: ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do **Bên A** chịu trách nhiệm thực hiện.

ĐIỀU 8: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà

án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thực hiện đối với các bên. Bên thua kiện sẽ chịu các chi phí liên quan đến vụ kiện theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

9.1. Cam kết chung

- 9.1.1 Các bên cam kết có đầy đủ điều kiện và năng lực pháp lý để ký kết và thực hiện Hợp đồng này. Mỗi bên đã thực hiện đầy đủ các thủ tục nội bộ cần thiết theo quy định trong Điều lệ của tổ chức/ công ty để có quyền đàm phán, ký kết, phê chuẩn việc hợp tác đầu tư với bên kia theo Hợp đồng này.
- 9.1.2 Các bên cam kết không tiết lộ một phần hoặc toàn bộ nội dung Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại, trừ trường hợp buộc phải tiết lộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định rõ ràng của pháp luật.

9.2 Bên A cam đoan:

- 9.2.1 Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- 9.2.2 Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- 9.2.3 Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
- Thửa đất không có tranh chấp;
 - Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- 9.2.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- 9.2.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

9.3 Bên B cam đoan:

- 9.3.1 Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- 9.3.2 Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
- 9.3.3 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- 9.3.4 Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này;
- 9.3.5 Các bên có trách nhiệm đăng ký Hợp đồng này tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

ĐIỀU 10: THỎA THUẬN KHÁC

Các văn bản sau đây sẽ được đính kèm vào Hợp đồng này:

- Bản chi tiết A: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
- Bản chi tiết B: Chi liết thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất.




ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- 11.1 Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc ký hợp đồng này. Bất kỳ việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Hợp đồng này đều phải lập thành văn bản và phải được sự đồng ý của người Đại diện có thẩm quyền của các bên.
- 11.2 Hai bên đã đọc lại Hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này, cùng ký tên dưới đây. Hợp đồng này được lập thành mười ba (13) bản gốc [bảy (07) bản bằng tiếng Việt và sáu (06) bản bằng tiếng Anh] có giá trị ngang nhau. Bên A và Bên B mỗi bên giữ sáu (06) bản [ba (03) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh]. 01 bản Tiếng Việt nộp cho Sở Tài Nguyên và Môi Trường khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa bản Tiếng Việt và bản Tiếng Anh thì bản Tiếng Việt được ưu tiên sử dụng.
- 11.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ trong Hợp đồng.

BÊN CHO THUÊ (BÊN A)

BÊN THUÊ (BÊN B)



LÊ HOÀNG MINH

YANG KAI YONG

OHORA RYUJI

Ngày: 15/05/2024

11. Thời hạn, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

- a) **Thời hạn:** 323 Từ bản đồ số 9
- b) **Địa chỉ:** 13 số 84, 95 Đường A Khu phố mới Linh Trung II, phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. HCM.
- c) **Diện tích:** 11.237,1 m² (bằng chữ: Mười một ngàn: Hai trăm ba mươi bảy phẩy một mét vuông);
- d) **Hiện trạng sử dụng:** nông; 11.237,1 m²; chung không sử.
- e) **Loại quyền sử dụng đất:** Đất khu nông nghiệp.
- f) **Thời hạn sử dụng đất:** Đến ngày 15/02/2009.
- g) **Nguồn gốc sử dụng đất:** Theo đất của doanh nghiệp địa tư là vùng khu nông nghiệp (Công ty Liên doanh Miền Bắc Kinh doanh Khu chế xuất S&S Công Nghệ Trung)
- h. **Nhà ở:** -
- i. **Công trình xây dựng khác:** -
- k. **Đường sá, vỉa hè là công trình:** -
- l. **Cây cối khác:** -

Giấy chứng nhận này được cấp do thửa tại địa chỉ số 001536, được phát từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7000007139505-11-00/03-03 ngày 28/12/2008 do UBND thành phố cấp.

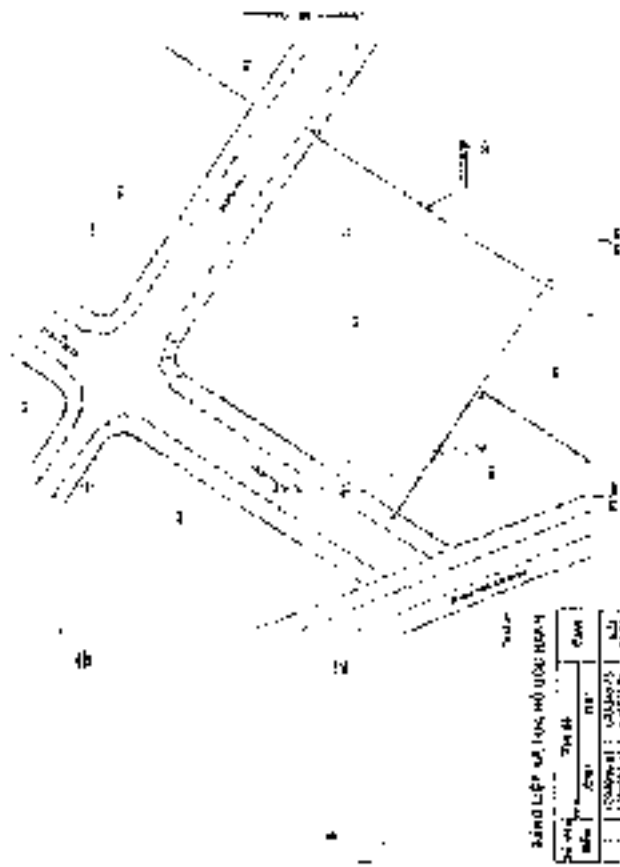
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2011
TAM LUY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TUỶ CỤC TỊCH
GIÀM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Đan Anh Kiệt

Số nhà và cấp giấy: 11/01/2011

11B-Số nhà và tài sản khác gắn liền với đất:



Bản đồ lập kế hoạch sử dụng đất

STT	Tên đất	Đơn vị
1	Đất nông nghiệp	100%
2	Đất xây dựng	100%
3	Đất trồng cây lâu năm	100%
4	Đất trồng cây hàng năm	100%
5	Đất rừng phòng hộ	100%
6	Đất rừng đặc dụng	100%
7	Đất rừng sản xuất	100%
8	Đất rừng ngập mặn	100%
9	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
10	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
11	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
12	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
13	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
14	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
15	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
16	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
17	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
18	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
19	Đất nuôi trồng thủy sản	100%
20	Đất nuôi trồng thủy sản	100%

Phần chi tiết xem Bản đồ hiện trạng vị trí số 17850-2/ĐD/S&S-CNTD do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 15/01/2010.

IV. Những quy định khác khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung quy định và cơ sở pháp lý	Kết luận của cơ quan có thẩm quyền

Ngày 20/05/2020

Ngày 20/05/2020

Giá trị tính D (Equivalent B)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUẾ ĐẤT LÒ 40 - KHU LĨNH THƯƠNG II
(THE LAND RENTAL PAYMENT OF LOT NO. 40 - LHH TRUNG EPZ II)

Thời hạn (Term) : từ 22/05/2020
Diện tích (Area) : 6.197,00 m²
Tăng tiền thuê đất (Total rental) : 56.637.500,000 VNĐ

ĐVT (Unit): VNĐ

Ngày (Date)	Đợt thanh toán (Period)	Diện tích (Area) m ²	Tổng tiền thuê đất (Total rental)	Tiền trả công nợ (Instalment)	Thuế GTGT (VAT 0%)	Tổng cộng (Total)
chậm nhất là ngày 01/06/2017 (not later than 01/06/2017)	Đợt 1 (First) 40%	6.197,00	56.637.500,000	22.655.000,000	-	22.655.000,000
30 ngày sau khi thanh toán đất (30 days after delivering land)	Đợt 2 (Second) 50%	6.197,00	56.637.500,000	28.318.750,000	-	28.318.750,000
15 ngày sau khi nhận giấy chứng nhận QSDĐĐ (15 days after receiving the certificate of land use right)	Đợt 3 (Third) 10%	6.197,00	56.637.500,000	5.663.750,000	-	5.663.750,000
Tổng cộng (Total)			56.637.500,000	56.637.500,000	-	56.637.500,000

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN

Hôm nay, ngày 26 tháng 05 năm 2017, hai bên gồm có:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SEPZONE- LINH TRUNG (VIỆT NAM), (sau đây được gọi là Sepzone-Linh Trung)

- Địa chỉ: KP4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 84-66-896392/896500 ; Fax: 84-66-896391
- Do **ÔNG LÊ HOÀNG MINH**, Tổng Giám Đốc

và **ÔNG YANG KAIYONG**, Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất, làm đại diện,

và:

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION, sau đây được gọi là Bên Thuê

- Địa chỉ: Lô số 15, 17, 19a, Khu Chế Xuất Sài Gòn – Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam
- Do, Ông **RYUJI OHORA**, Chủ tịch công ty, làm đại diện.

Căn cứ Thỏa thuận cho thuê quyền sử dụng đất số 37A/TT-17 ngày 26/05/2017, hai bên thống nhất nội dung như sau:

- Số tiền thuê đất theo chính giảm do giảm diện tích thuê:
 $7,73 \text{ USD/m}^2/\text{năm} \times 33,2 \text{ năm} \times 3 \text{ m}^2 = 770,00 \text{ USD}$
- Số tiền 770 USD sẽ được cắt trừ vào phí duy tu cơ sở hạ tầng phát sinh của lô đất số 49.

Biên bản này được ký làm tám (8) bản gốc (04 bản tiếng Việt, 04 bản tiếng Anh), có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ bốn bản gốc (02 bản tiếng Việt, 02 bản tiếng Anh).



Trị (5) trình B (Exhibit B)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT LÔ 84 & 85 - KHU LĨNH TRUNG II
(THE LAND RENTAL PAYMENT OF LOT NO.84 & 85 - LINH TRUNG EPZ II)

Thời hạn (Term) : TỪ 19/06/2029 ĐẾN 22/05/2050 (From 19/06/2029 to 22/05/2050 : 20,94 years)
 Diện tích (Area) : 11,337.10 m²
 Đơn giá (Unit Price) : 170,512.56 VNĐ/m²/năm
 Tổng tiền thuê đất (Total rental) : 40,122,422,328 VNĐ

ĐVT (Đơn vị): VNĐ

Ngày (Date)	Đợt thanh toán (Period)	Tổng tiền thuê đất (Total rental)	Tiền trả từng đợt (Instalment)	Thuế GTGT (VAT 0%)	Tổng cộng (Total)
10 ngày sau khi ký Hợp đồng thuê đất (10 days after signing the contract to lease land)	Đợt 1 (First) 40%	40,122,422,328	16,048,968,931	-	16,048,968,931
40 ngày sau khi ký Hợp đồng thuê đất (40 days after signing the contract to lease land)	Đợt 2 (Second) 50%	40,122,422,328	20,061,211,164	-	20,061,211,164
15 ngày sau khi nhận giấy chứng nhận QSDĐ điều chỉnh (15 days after receiving the adjusted certificate of land use right)	Đợt 3 (Third) 10%	40,122,422,328	4,012,242,233	-	4,012,242,233
Tổng cộng (Total)		40,122,422,328	40,122,422,328	-	40,122,422,328



Phụ lục 2

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỦA CƠ SỞ

Số: AnnexIV-37/TT-99

PHỤ LỤC IV.
HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ 37/TT-99
(MỞ RỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT THUÊ)

SEPZONE-LINH TRUNG
&
CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION

Ngày ký: 11/11/2010.

Lô số: 1,2,3,4 – KCX Linh Trung I

Thời hạn thuê: đến 30/08/2042

THANH TOÁN TỪNG PHẦN

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ LỤC IV HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ 37/TT-99

(MỞ RỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT THUÊ)

- Căn cứ vào Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ngày 31/05/1999 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.
- Căn cứ vào Phụ kiện Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (mở rộng diện tích thuê) ngày 05/07/2001 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.
- Căn cứ vào Phụ kiện II Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (mở rộng diện tích thuê) ngày 19/06/2004 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.
- Căn cứ vào Phụ kiện III Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (điều chỉnh diện tích đất thuê) ngày 21/02/2005 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.
- Căn cứ vào Phụ kiện III Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (điều chỉnh thời hạn thuê) ngày 20/04/2007 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.
- Căn cứ vào Thỏa Thuận Thuê Đất số 37B/TT-10 ngày 26/09/2010 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.

Hôm nay, ngày 11 tháng 11 năm 2010, hai bên ký Hợp Đồng gồm có:

CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN-LINH TRUNG, (sau đây được gọi là Sepzone-Linh Trung).

- Địa chỉ: Ấp 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 84-66-3896392/ 3896600 ; Fax: 84-66-3896391.
- Tài khoản số: + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh Đông-Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT: 848.38974 896, Fax: 848.38974 892, Swift Code: BIDVVNVX).
 - USD A/C: 314-10-37-000019-9
 - VND A/C: 314-10-00-000002-5
- + Tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, Chi Nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT: 848.37291 334, Fax: 848.38974 176, Swift Code: BFTVVNVX).
 - USD A/C: 018.1.37.000485.4
 - VND A/C: 018.1.00.000117.6

(Handwritten signatures)

(1/8)

- Tên tài khoản: Sepzone-Linh Trung.
- Do **ÔNG NGUYỄN VĂN BỀ**, Tổng Giám Đốc
và **ÔNG HE KEREN**, Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất, làm đại diện.

Và:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION (sau đây được gọi là **Bên Thuê**), được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 412043000272, do Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TPHCM cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 29/10/2010

- Địa chỉ: Lô số 15, 17, 19a, đường số 2, Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Do Ông **ABE MASASHI** - Chủ tịch công ty làm đại diện

đã cùng đồng ý ký Phụ lục IV này để Bên Thuê thuê từ Sepzone-Linh Trung một thửa đất bổ sung vào khu đất hiện hữu của Bên Thuê tại Khu Chế Xuất Linh Trung I theo những điều kiện và điều khoản sau:

1. Sepzone-Linh Trung cho Bên Thuê thuê một thửa đất thuộc Khu Chế Xuất Linh Trung I tại lô số 1, 2, 3, 4 với diện tích: 20.000m² (Xem Bản đồ vị trí đính kèm)

- Thửa đất số: 301-J
- Tờ bản đồ số: 08 (tài liệu năm 2004)
- Địa chỉ thửa đất: Lô 1, 2, 3, 4 - KCX Linh Trung 1, Khu Phố 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 20.000 m² (Bằng chữ: Hai mươi nghìn mét vuông)
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 20.000 m²
 - + Sử dụng chung: không m²
- Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 31/08/2042
- Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất của nhà nước theo quyết định số 707/TT9 ngày 2/11/1995 của Thủ Tướng Chính Phủ và Quyết định số 5742/QĐUB.QLYT ngày 10/12/1996 của UBND Thành phố.

2. Thời hạn thuê đất kể từ 01 giờ ngày 01 tháng 11 năm 2010 (tức là Ngày Có Hiệu Lực) đến 24 giờ ngày 30 tháng 08 năm 2042.

3. GIÁ THUÊ CĂN BẢN - PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Theo phương thức thanh toán đã được đề cập trong Thỏa thuận thuê đất giữa Sepzone Linh Trung và Công ty TNHH Sài Gòn Precision được ký ngày 26 tháng 09 năm 2010 (gọi tắt là "Thỏa Thuận") như sau:

- PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**
- 3.1 **Tiền Thuê Căn Bản: USD 160/ m² / đến ngày 30 tháng 08 năm 2042**
- 3.2 **Tổng Giá Trị Thanh Toán Tiền Thuê Đất: USD 3.200.000 (Bằng chữ: Ba triệu hai trăm nghìn đô la Mỹ chẵn)**

Handwritten signature

Handwritten signature (2/8)

3.3 PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

Đợt 1: Bên Thuê đã thanh toán cho Sepzone Linh Trung 20% tổng số tiền thuê đất tương đương USD 640.000 (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi nghìn đô la Mỹ chẵn) vào ngày 30/09/2010.

Đợt 2: Bên Thuê đã thanh toán cho Sepzone Linh Trung 40% tổng số tiền thuê đất tương đương USD 1.280.000 (Bằng chữ: Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đô la Mỹ chẵn) sau khi việc phá dỡ tài sản trên đất, thẩm tra khu đất hoàn thành và Bên Thuê nhận bàn giao đất ngày 28/10/2010.

Đợt 3: Bên Thuê sẽ thanh toán cho Sepzone Linh Trung 30% tổng số tiền thuê đất tương đương USD 960.000 (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi nghìn đô la Mỹ chẵn) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán tiền thuê đất đợt 2.

Đợt 4: Bên Thuê sẽ thanh toán cho Sepzone Linh Trung 10% tổng số tiền thuê đất tương đương USD 320.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi nghìn đô la Mỹ chẵn) trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Bên Thuê nhận bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô số 1, 2, 3, 4 – Khu Chế Xuất Linh Trung 1.

(Xem Bảng thanh toán đính kèm)

- 3.4 Trong trường hợp Bên Thuê không tiến hành trả các khoản thanh toán như đã nêu ở điều 3.3 quá thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn phải thanh toán thì Sepzone-Linh Trung có quyền đơn phương chấm dứt Phụ lục IV, thu hồi khu đất thuê mà không hoàn trả cho Bên Thuê bất cứ khoản tiền nào, đồng thời đề nghị Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TPHCM thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Bên Thuê.

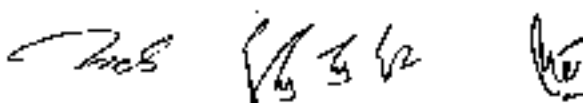
4 TRÁCH NHIỆM RÀNG BUỘC CỦA SEPZONE-LINH TRUNG:

- 4.1 Theo yêu cầu về việc tháo dỡ các tài sản trên đất để bàn giao đất trống của Bên Thuê đã được hai bên thỏa thuận và đồng ý, Sepzone Linh Trung đã thực hiện việc tháo dỡ các tài sản hiện hữu trên lô đất số 1, 2, 3, 4 từ ngày 01/10/2010 đến ngày 28/10/2010 và bàn giao đất trống cho Bên Thuê vào ngày 28/10/2010. Riêng hàng rào thuộc phần xây dựng của đơn vị cũ, sau khi nhận được thông báo về thời gian phá dỡ và bàn giao của Bên Thuê, Sepzone Linh Trung sẽ tiến hành phá dỡ và bàn giao cho Bên Thuê đúng thời hạn.

Sepzone Linh Trung sẽ chịu chi phí cho việc tháo dỡ các tài sản trên đất. Đất bàn giao cho Bên Thuê là đất sẵn sàng cho xây dựng, đã được dọn sạch, cồng trải, không còn chướng ngại, thổ đất thiên nhiên bằng phẳng. Sepzone Linh Trung đảm bảo rằng điều kiện của khu đất phù hợp với các quy định và pháp luật của Việt Nam để xây dựng nhà xưởng theo kế hoạch của Bên Thuê.

- 4.2 Sepzone Linh Trung có trách nhiệm hỗ trợ thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên Thuê, bao gồm việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất đến ngày 30/08/2042.

(3/8)



5. TRÁCH NHIỆM RÀNG BUỘC CỦA BÊN THUÊ:

- 5.1 Trong trường hợp Bên Thuê không thực hiện dự án tại lô đất số 1, 2, 3, 4 với bất kỳ lý do gì, ngoại trừ lý do đến từ phía Sepzone Linh Trung, số tiền thuê đất Bên Thuê đã thanh toán cho Sepzone Linh Trung sẽ không được hoàn trả lại.
- 5.2 Bên Thuê có quyền sử dụng con đường hiện hữu xung quanh khuôn viên đất thuê (theo Bản đồ vị trí Khu Đất đính kèm) với điều kiện Bên Thuê phải:
- Luôn giữ những con đường hiện hữu thoáng dăng để xe chữa cháy và đội tuần tra dễ dàng di chuyển
 - Không được xây bất cứ công trình kiến trúc nào trên mặt đường
 - Tạo điều kiện dễ dàng cho việc đi lại của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

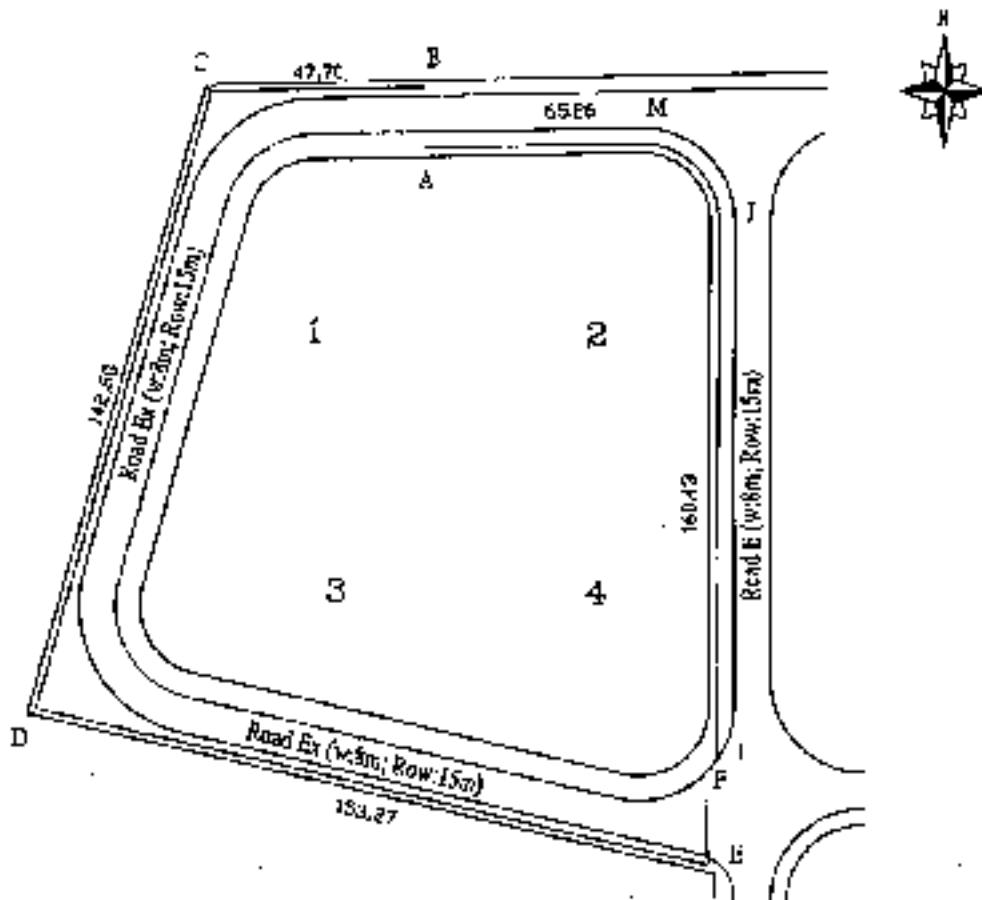
- 6.1 Bản chỉ tiết A, B là bộ phận không thể tách rời của Phụ lục IV này:
- (i) Bản Chỉ Tiết A: Biên bản bàn giao
 - (ii) Bản đồ vị trí khu đất
 - (iii) Bản Chỉ Tiết B: Bản chỉ tiết thanh toán tiền thuê đất
- 6.2 Tất cả các điều khoản và điều kiện khác được quy định trong Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ngày 31/05/1999, Phụ kiện Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99, Phụ kiện II Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99, Phụ kiện III Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (diện tích diện tích đất thuê) và Phụ kiện III Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (điều chỉnh thời hạn thuê) vẫn có hiệu lực kèm theo Phụ lục IV này.
- 6.3 Nếu Hợp đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ký ngày 31/05/1999 (sau đây được gọi là "Hợp đồng gốc") chấm dứt hoặc hết hiệu lực trước thời hạn thuê được nêu tại điều 2 thì tất cả các điều khoản và điều kiện của "Hợp đồng gốc" áp dụng cho Phụ lục IV sẽ vẫn còn hiệu lực cho đến khi chấm dứt Phụ lục IV này.
- Trong trường hợp Phụ lục IV này chấm dứt với lý do đến từ phía của Sepzone Linh Trung, Sepzone Linh Trung sẽ hoàn trả cho Bên Thuê tiền thuê đất được tính lý lẽ theo tiền thuê của thời hạn thuê còn lại. Ngoài những điều khoản đã đề cập, Bên Thuê có quyền yêu cầu được bồi thường đối với những thiệt hại do việc chấm dứt này gây ra.
- 6.4 Phụ lục IV này được lập thành mười bốn (14) bản gốc [tám (08) bản bằng tiếng Việt và sáu (06) bản bằng tiếng Anh] có giá trị ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê mỗi bên giữ sáu (06) bản (ba (03) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh), 02 bản tiếng Việt lưu tại Sở Tài Nguyên Môi Trường TPHCM và Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TPHCM.



LOCATION PLAN

LOT NO : 1, 2, 3, 4

LEASE LAND AREA: 20,000.00 Sp.m



Coordinates of Boundary Marks

Point A	Point B	Point C	Point D	Point E
X = 202499.030 Y = 583709.174	X = 202511.690 Y = 583714.648	X = 202526.715 Y = 583568.771	X = 202410.467 Y = 583586.043	X = 202327.642 Y = 583715.031
Point F	Point I	Point J	Point M	
X = 202347.197 Y = 583722.095	X = 202348.877 Y = 583734.875	X = 202462.304 Y = 583766.043	X = 202483.987 Y = 583754.805	

D. & C Department:

Plan maker

Huỳnh Việt Hưng

D & C Manager

Zhang Li Dong

(6/8)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUẾ ĐẤT CỦA LÔ SỐ 1,2,3,4 - KHU LĨNH TRUNG I
(THE PAYMENT OF LAND RENTAL OF LOT NO 1,2,3,4 - LINH TRUNG EPZ I)**

Thời hạn (Term) : up to 30/08/2042

BVY/Unit: USD

Ngày Date	Đợt thanh toán (Period)	Diện tích (Area) m ²	Đơn giá (Unit price) USD/m ² up to 30/08/2042	Tổng tiền thuế đất (Total rental)	Tiền trả cùng đợt (Periodically payment)	Thuế GTGT (VAT 0%)	Tổng cộng (Total)
30/09/2010	Đợt 1 (20%) The first (20%)	20,000.00	160.00	3,200,000.00	640,000.00	-	640,000.00
Dự kiến (Plan) 06/11/2010	Đợt 2 (40%) The second (40%)	20,000.00	160.00	3,200,000.00	1,280,000.00	-	1,280,000.00
Dự kiến (Plan) 21/11/2010	Đợt 3 (30%) The third (30%)	20,000.00	160.00	3,200,000.00	960,000.00	-	960,000.00
Kể từ ngày nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (As from the date of receiving the certificate of land use right)	Đợt 4 (10%) The fourth (10%)	20,000.00	160.00	3,200,000.00	320,000.00	-	320,000.00
Tổng cộng				3,200,000.00	3,200,000.00	-	3,200,000.00

* Ghi chú (Notes):

- Đợt 4: thanh toán 10% còn lại kể từ ngày nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
(Fourth payment: 10% balance value of the land rental as from the date of receiving the certificate of land use right)

Tên tôi: Trần Thị Kim Hoa
 CMND số: 023121656 ngày cấp: 14/11/2005
 Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh. Tôi đã đọc và hiểu các
 Ông bà: ASS. MABASHI ngày: ông (bà)
 này đã hiểu, thống nhất nội dung và đồng ý ký.
 Tp. HCM, ngày 11 tháng 11 năm 2010

Trần Thị Kim Hoa

Trần Thị Kim Hoa

**XÁC NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngày 11 tháng 11 năm 2010 (bằng chữ: ngày mười một tháng mười một năm hai nghìn không trăm mười) tại trụ sở Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

XÁC NHẬN:

- Phụ lục hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được giao kết giữa:
- bên cho thuê là: Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn-Linh Trung (SHPZONE LINH TRUNG) do Ông Nguyễn Văn Bé (Chứng minh nhân dân số D22313419, cấp ngày 19/11/2002), Tổng Giám đốc và Ông Ho Keren (Hộ chiếu số GI0802857, cấp ngày 26/08/2004 tại Trung Quốc), Phó Tổng giám đốc thứ nhất, làm đại diện; và
- bên thuê là: Công ty TNHH Sài Gòn Precision do Ông Abe Masashi (Hộ chiếu số TK0821991, cấp ngày 21/12/2009 tại Nhật Bản), Chủ tịch Công ty, làm đại diện;

các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết Phụ lục hợp đồng;

- Tại thời điểm xác nhận, các bên đã giao kết Phụ lục hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thoả thuận của các bên trong Phụ lục hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Phụ lục hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Phụ lục hợp đồng và đã ký vào Phụ lục hợp đồng này trước sự có mặt của tôi.

- Phụ lục hợp đồng này được làm thành 08 bản chính (mỗi bản chính gồm 07 tờ, 07 trang), giao cho:

- + Bên cho thuê 04 bản chính;
- + Bên thuê 03 bản chính;

Lưu tại Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh một bản chính.

Số 231, quyển số 05/TP/CC-SCC/HBGD.

KT. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP.HCM
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Tấn Phước

(5/8)

Phụ lục 2

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỦA CƠ SỞ

Số Antrã 37/TT-99

PHỤ LỤC V
HỢP ĐỒNG CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG
ĐẤT SỐ 37/TT-99
(MỞ RỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT THUÊ)

SEPTONE-THỊ TRUNG
&
CÔNG TY TNHH SỮA GÀO PRECISION

Ngày ký: 15/02/2015

Địa chỉ: Số 10A, 12, 13 - KCC Thủ Đức - TP HCM

Thời hạn thuê: đến 30/06/2042

TRẦN THỊ HOÀNG THÚY - ĐẠI DIỆN

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ LỤC V
HỢP ĐỒNG CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT SỐ 37/TT-99
(MỞ RỘNG DIỆN TÍCH ĐẤT THUÊ)

- Căn cứ vào Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ngày 31/05/1999 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.
- Căn cứ vào Phụ kiện Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (mở rộng diện tích thuê) ngày 05/07/2001 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.
- Căn cứ vào Phụ kiện II Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (mở rộng diện tích thuê) ngày 19/06/2004 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision.
- Căn cứ vào Phụ kiện III Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (điều chỉnh diện tích đất thuê) ngày 21/02/2005 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision
- Căn cứ vào Phụ kiện III Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (điều chỉnh thời hạn thuê) ngày 20/04/2007 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision
- Căn cứ vào Phụ Lục IV Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (mở rộng diện tích đất thuê) ngày 11/11/2010 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision
- Căn cứ vào Thỏa Thuận Cho Thuê Quyền Sử Dụng Đất số 37C/TT-12 ngày 14/01/2013 ký giữa Công ty TNHH Sepzone-Linh Trung (Việt Nam) và Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision

Hôm nay, ngày ... tháng 02 năm 2013, hai bên ký Phụ Lục gồm có:

CÔNG TY TNHH SEPZONE-LINH TRUNG (VIỆT NAM), (sau đây được gọi là Sepzone-Linh Trung).

- Địa chỉ: Ấp 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 84-66-3896392/ 3896600 ; Fax: 84-66-3896391.
- Tài khoản số: + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh Đồng Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ : Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 848.38974 896, Fax: 848.38974 892, Swift Code: BIDVVNVX).
- USD A/C: 314-10-37-000019-9
- VND A/C: 314-10-00-000002-5
+ Tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, Chi Nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 848.37291 334, Fax: 848.38974 176, Swift Code: BFTVVNVX).

- USD A/C: 018.137.000485.4
 - VND A/C: 018.100.000117.6

- Tên tài khoản: Sepzone-Linh Trung.
- Do Ông YANG KAI YONG - Tổng Giám Đốc
 và Ông Lữ HOÀNG MINH - Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất làm đại diện.

VÀ:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION (sau đây được gọi là Bên Thuê)

- Địa chỉ: Lô số 15, 17, 19a, đường số 2, Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Do Ông OKAMURA SHIGEKI - Chủ tịch công ty làm đại diện

đi cùng đồng ý ký Phụ lục V này để Bên Thuê thuê từ Sepzone-Linh Trung một thửa đất bố sung vào khu đất hiện hữu của Bên Thuê tại Khu Chế Xuất Linh Trung t theo những điều kiện và điều khoản sau:

1. Sepzone-Linh Trung cho Bên Thuê thuê một thửa đất thuộc Khu Chế Xuất Linh Trung I tại lô số 5,6,9,10,11,12,13 với diện tích: 22.759,8 m² (Xem Bản đồ vị trí đính kèm)

- Thửa đất số: 302
- Tờ bản đồ số: 10
- Địa chỉ thửa đất: Lô 5,6,9,10,11,12,13 - KCX Linh Trung 1, Khu Phố 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích: 22.759,8 m² (Bằng chữ: Hai mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín phẩy tám mét vuông)
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 22.759,8 m²
 - + Sử dụng chung: 0 m²
- Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 31/8/2042
- Nguồn gốc sử dụng đất: Thuộc đất của nhà nước theo quyết định số 707/TTQ ngày 2/11/1995 của Thủ Tướng Chính Phủ và Quyết định số 5742/QĐUB, QĐĐT ngày 10/12/1996 của UBND Thành phố.

2. Thời hạn thuê đất kể từ 01 giờ ngày .../... tháng 02 năm 2013 (tức là Ngày Có Hiệu Lực) đến 24 giờ ngày 30 tháng 08 năm 2042.

3. GIÁ THUÊ CĂN BẢN - PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Theo phương thức thanh toán đã được đề cập trong Thỏa thuận cho thuê quyền sử dụng đất giữa Sepzone Linh Trung và Công ty TNHH Sài Gòn Precision được ký ngày 14 tháng 01 năm 2023 (gọi tắt là "Thỏa Thuận") như sau:

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Tiền Thuê Căn Bản (đến ngày 30 tháng 08 năm 2042): 240,7315 USD/m²

4.1 Theo yêu cầu về việc tháo dỡ các tài sản trên đất để bán giao đất riêng của Bên Trung
 đã được hai bên báo UBND huyện và đồng ý, Sepzone Lâm Trung đã được hai bên việc tháo dỡ
 các tài sản trên nền đất số 5,6,9,10,11,12,13 dự kiến từ ngày 21/01/2013
 đến ngày 30/04/2013 và bán giao đất riêng cho Bên Trung dự kiến vào ngày 15/05/2013.

4 TRÁCH NHIỆM RĂNG RƯỚC CỦA SEPZONE-LINH TRUNG:

3.4 Trong suốt quá trình Bên Trung không tiến hành việc các khoản thanh toán như đã nêu ở
 đây từ 30 quý thời hạn nợ (10) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn phải thanh toán thì
 Sepzone-Linh Trung có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng V, thu lại các khoản
 mà không hoàn trả cho Bên Trung bất kể có khoản tiền nào, đồng thời đề nghị Ban Quản
 Lý Case Khu Chế Xuất và Công Nghiệp TPHCM thu lại giấy chứng nhận đầu tư của
 Bên Trung.

(Xem Bảng chi tiết B đính kèm)

3.3 PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:
 Bên 1: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi ký Thỏa Thuận, Bên Trung sẽ
 thanh toán cho Sepzone Lâm Trung 30% tổng số tiền thuế đất và lệ phí trước bạ
 USD1.643.700,00 (Bảng chi: Một triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn bảy
 trăm lẻ ba Mỹ chi) trong thời hạn năm (05) ngày sau khi việc phá dỡ đã tiến hành
 và Bên Trung nhận báo cáo.
 Bên 2: Bên Trung sẽ thanh toán cho Sepzone Lâm Trung 30% tổng số tiền thuế đất
 và lệ phí trước bạ USD1.643.700,00 (Bảng chi: Một triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn bảy
 trăm lẻ ba Mỹ chi) trong thời hạn năm (05) ngày sau khi việc phá dỡ đã tiến hành
 và Bên Trung nhận báo cáo.
 Bên 3: Bên Trung sẽ thanh toán cho Sepzone Lâm Trung 10% tổng số tiền thuế đất
 và lệ phí trước bạ USD547.900,00 (Bảng chi: Năm trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm lẻ
 ba Mỹ chi) sau khi Bên Trung nhận báo cáo City công nhận quyền sử dụng đất của lô
 số 5,6,9,10,11,12,13 - Khu Chế Xuất Linh Trung 1

3.2 Tổng giá trị Thanh Toán Thuế Đất: USD5.479.000,00 (Bảng chi: Năm triệu
 bốn trăm bảy mươi chín ngàn lẻ ba Mỹ chi)

1/2013 - 01/2013
 01/2013 - 01/2013
 01/2013 - 01/2013

4.2 Sepzone Linh Trung có trách nhiệm hồ sơ Bên Thuê trong việc xin điều chỉnh/ cấp mới Giấy chứng nhận đầu tư và thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên Thuê, bao gồm việc điều chỉnh thời hạn sử dụng đất đến ngày 30/03/2042.

5. **TRÁCH NHIỆM RÀNG BUỘC CỦA BÊN THUÊ:**

Trong trường hợp Bên Thuê không thực hiện dự án tại lô đất số 3,6,9,10,11,12,13 với bất kỳ lý do gì, ngoại trừ lý do đến từ phía Sepzone Linh Trung, số tiền thuê đất Bên Thuê đã thanh toán cho Sepzone Linh Trung sẽ không được hoàn trả lại.

6. **ĐIỀU KHOẢN CHUNG:**

6.1 Bản chi tiết A,B là bộ phận không thể tách rời của Phụ lục V này:

- (i) Bản Chi Tiết A: Bản đồ vị trí khu đất
- (ii) Bản Chi Tiết B: Bản chi tiết thanh toán tiền thuê đất

6.2 Tất cả các điều khoản và điều kiện khác được quy định trong Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ngày 31/03/1999, Phụ kiện Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99, Phụ kiện II Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99, Phụ kiện III Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (điều chỉnh diện tích đất thuê), Phụ kiện III Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (điều chỉnh thời hạn thuê) và Phụ Lục IV Hợp Đồng Thuê Đất số 37/TT-99 (mở rộng diện tích đất thuê) vẫn có hiệu lực kèm theo Phụ lục V này.

6.3 Nếu Hợp đồng Thuê Đất số 37/TT-99 ký ngày 31/03/1999 (sau đây được gọi là "Hợp đồng gốc") chấm dứt hoặc hết hiệu lực trước thời hạn thuê được nêu tại điều 2 thì tất cả các điều khoản và điều kiện của "Hợp đồng gốc" áp dụng cho Phụ lục V sẽ vẫn còn hiệu lực cho đến khi chấm dứt Phụ lục V này.

Trong trường hợp Phụ lục V này chấm dứt với lý do đến từ phía của Sepzone Linh Trung, Sepzone Linh Trung sẽ hoàn trả cho Bên Thuê tiền thuê đất được trích lý lẽ theo tiến trình của thời hạn thuê còn lại. Ngoài những điều khoản đã đề cập, Bên Thuê có quyền yêu cầu được bồi thường đối với những thiệt hại do việc chấm dứt này gây ra.

6.4 Phụ lục V này được lập thành mười bốn (14) bản gốc [tám (08) bản bằng tiếng Việt và sáu (06) bản bằng tiếng Anh] có giá trị ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê mỗi bên giữ sáu (06) bản [ba (03) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh], 02 bản tiếng Việt lưu tại Sở Tài Nguyên Môi Trường TPHCM và Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TPHCM.

BÊN THUÊ

Đại diện :



OKAMURA SHIGEKI

Họ tên: Okamura Shigeki, Chức vụ: Giám đốc, Ngày ký: 20/10/2003, Nơi viết: Công ty TNHH Okamura Shigeki, địa chỉ: ... nay đã liên lạc, nhất là đồng ý và đồng ý ký.

SEPZONE-LINH TRUNG

Đại diện :



LÊ HOÀNG MINH

YANG KAI YONG

Handwritten signature and date: 20/10/2003

**XÁC NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngày 21 tháng 02 năm 2013 (bằng chữ: ngày hai mươi một tháng hai năm hai nghìn không trăm mười ba) tại trụ sở Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

XÁC NHẬN:

- Phụ lục hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được giao kết giữa:
 - bên cho thuê là: Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) do Ông Yang Kai Yong (Hộ chiếu số G33365471, cấp ngày 06/03/2009 tại Trung Quốc), Tổng Giám đốc và Ông Lê Hoàng Minh (Chứng minh nhân dân số 300966326, cấp ngày 01/12/2010), Phó Tổng giám đốc thứ nhất, làm đại diện; và
 - bên thuê là: Công ty TNHH Sài Gòn Precision do Ông Okamura Shigeki (Hộ chiếu số TIJ2697056, cấp ngày 08/03/2007 tại Nhật Bản), Chủ tịch Công ty, làm đại diện;

các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết Phụ lục hợp đồng;

- Tại thời điểm xác nhận, các bên đã giao kết Phụ lục hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thoả thuận của các bên trong Phụ lục hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên giao kết đã đọc Phụ lục hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Phụ lục hợp đồng. Ông Yang Kai Yong đã ký trước vào Phụ lục hợp đồng và chữ ký của Ông Yang Kai Yong đúng với chữ ký mẫu đã đăng ký tại Ban quản lý. Ông Okamura Shigeki đã ký vào Phụ lục hợp đồng trước sự có mặt của tôi.

- Phụ lục hợp đồng này được làm thành 8 bản chính (mỗi bản chính gồm 4 tờ, 4 trang), giao cho:

- + Bên cho thuê 4 bản chính;
- + Bên thuê 3 bản chính;

Lưu tại Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh một bản chính.

Số 045, quyển số 08/JP/CC-SCC/HĐGD.

KT. TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP.HCM
HỒ TRƯỜNG BAN

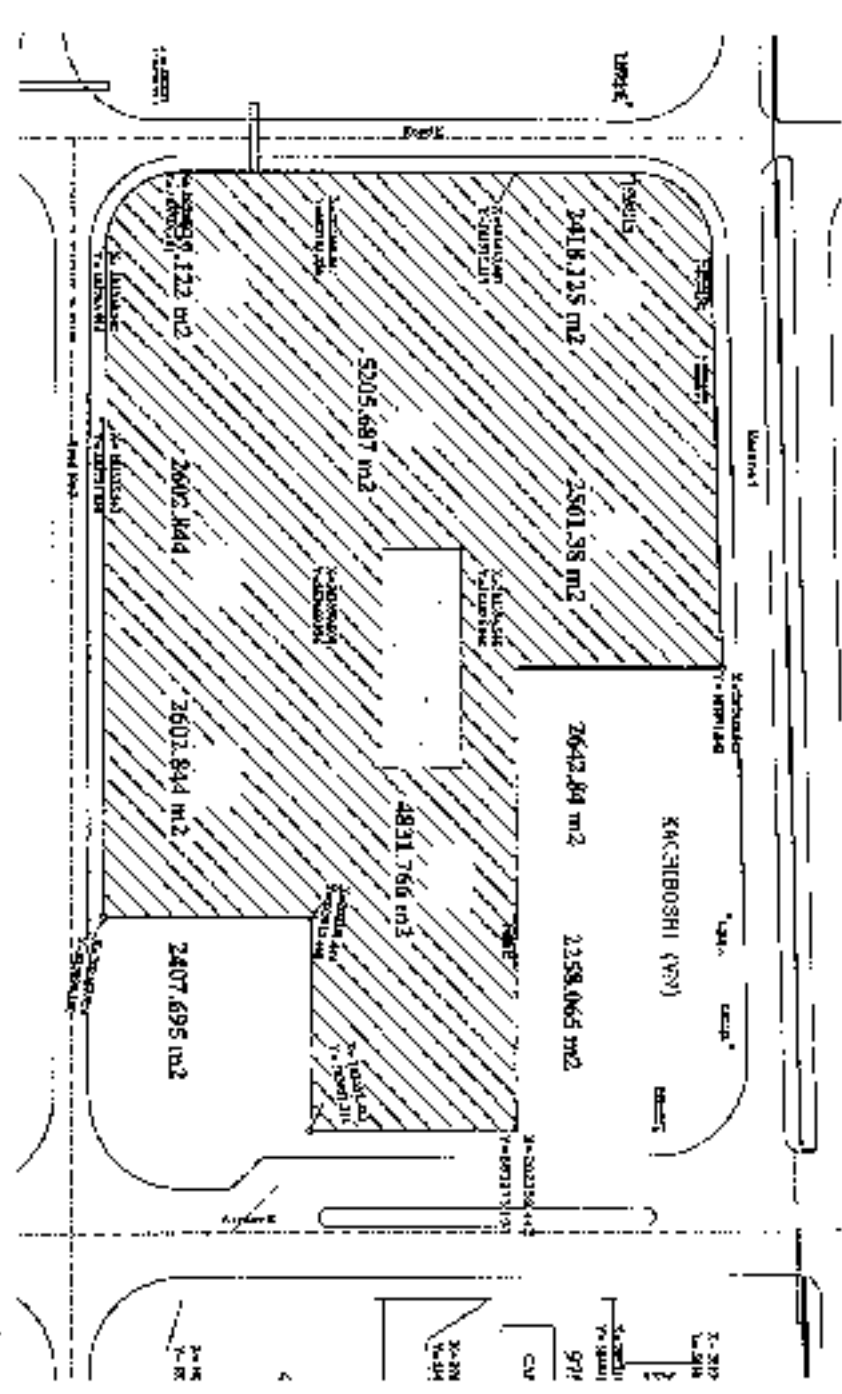


Nguyễn Tấn Phước

LOCATION PLAN

LOT No 5-6-9-10-11-12-13 - LINH TRUNG 1 EPZ

Total area: 22.769,8 m²



Filem make : Eng Nguyễn Quân Sơn
Linh Trung EPZ I&C Management Department

1:1000

Exhibit B

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT LÔ 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 - KHU LĨNH TRUNG I
(THE LAND RENTAL PAYMENT ON LOT NO.5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 - LINH TRUNG EPZ I)**

Thời hạn (Term) : Đến 26/12/2052
 Diện tích (Area) : 22,759.80 m²
 Đơn giá (Unit Price) : 240.7315 USD/m².

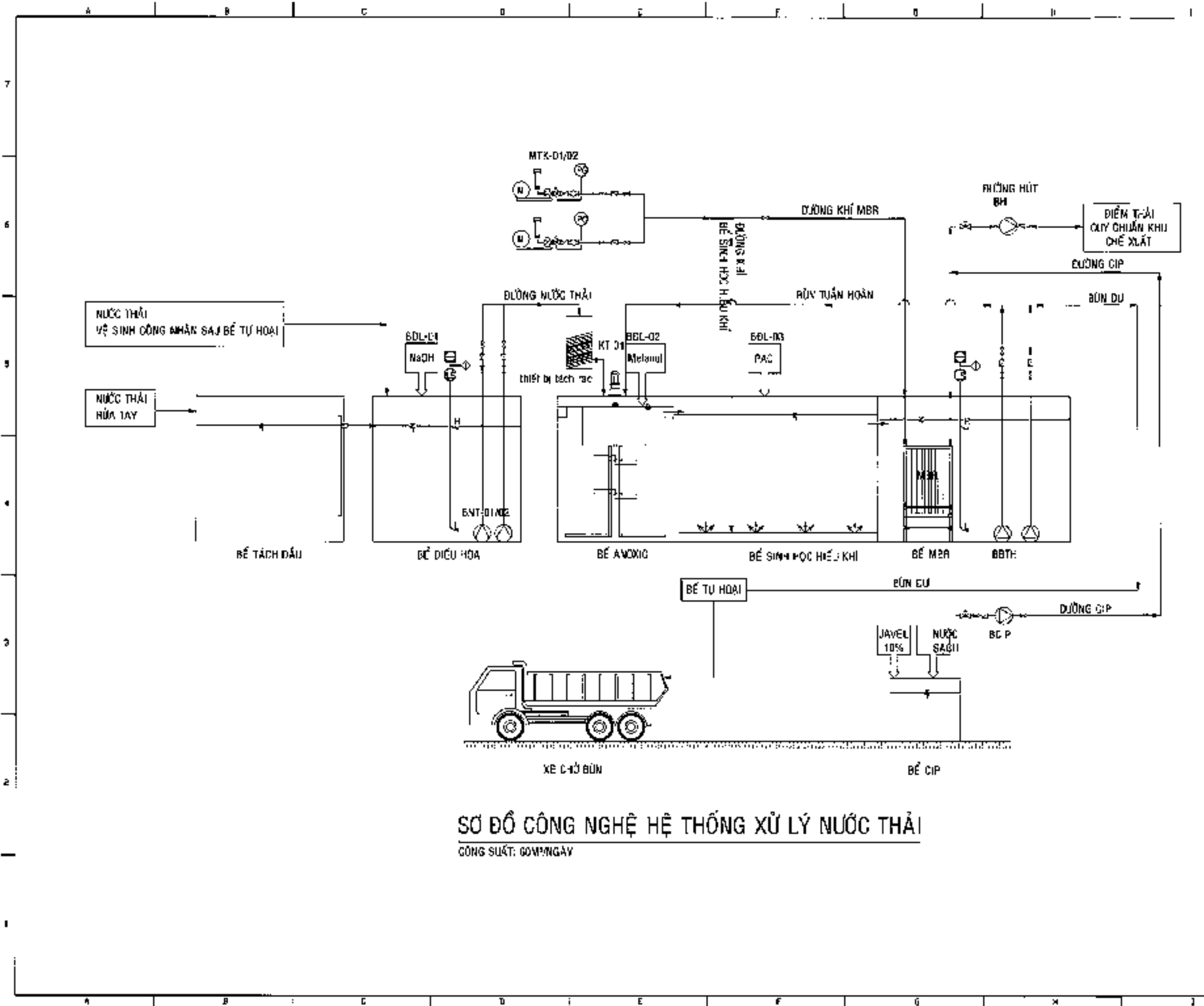
Ngày (Date)	Đợt thanh toán (Period)	Diện tích (Area) m ²	Đơn giá (Unit price) USD/m ²	Tổng tiền thuê đất (Total rental)	Tiền trả từng đợt (Instalment)	Thuế GTGT (VAT 0%)	Tổng cộng (Total)
05 ngày sau khi ký thỏa thuận (05 days after signing the agreement)	Đợt 1 (First) 30%	22,759.80	240.7315	5,479,000	1,643,700	-	1,643,700
05 ngày sau khi bàn giao đất (05 days after delivering land)	Đợt 2 (Second) 30%	22,759.80	240.7315	5,479,000	1,643,700	-	1,643,700
15 ngày sau khi chấp thuận thanh toán đợt 2 (05 days after receiving the second payment)	Đợt 3 (Third) 30%	22,759.80	240.7315	5,479,000	1,643,700	-	1,643,700
15 ngày sau khi nhận giấy chứng nhận QSDĐ đất (15 days after receiving the certificate of land use right)	Đợt 4 (Fourth) 10%	22,759.80	240.7315	5,479,000	547,900	-	547,900
Tổng cộng (Total)				5,479,000	5,479,000	-	5,479,000

(Handwritten signature and stamp)


Phụ lục 3

BẢN SAO

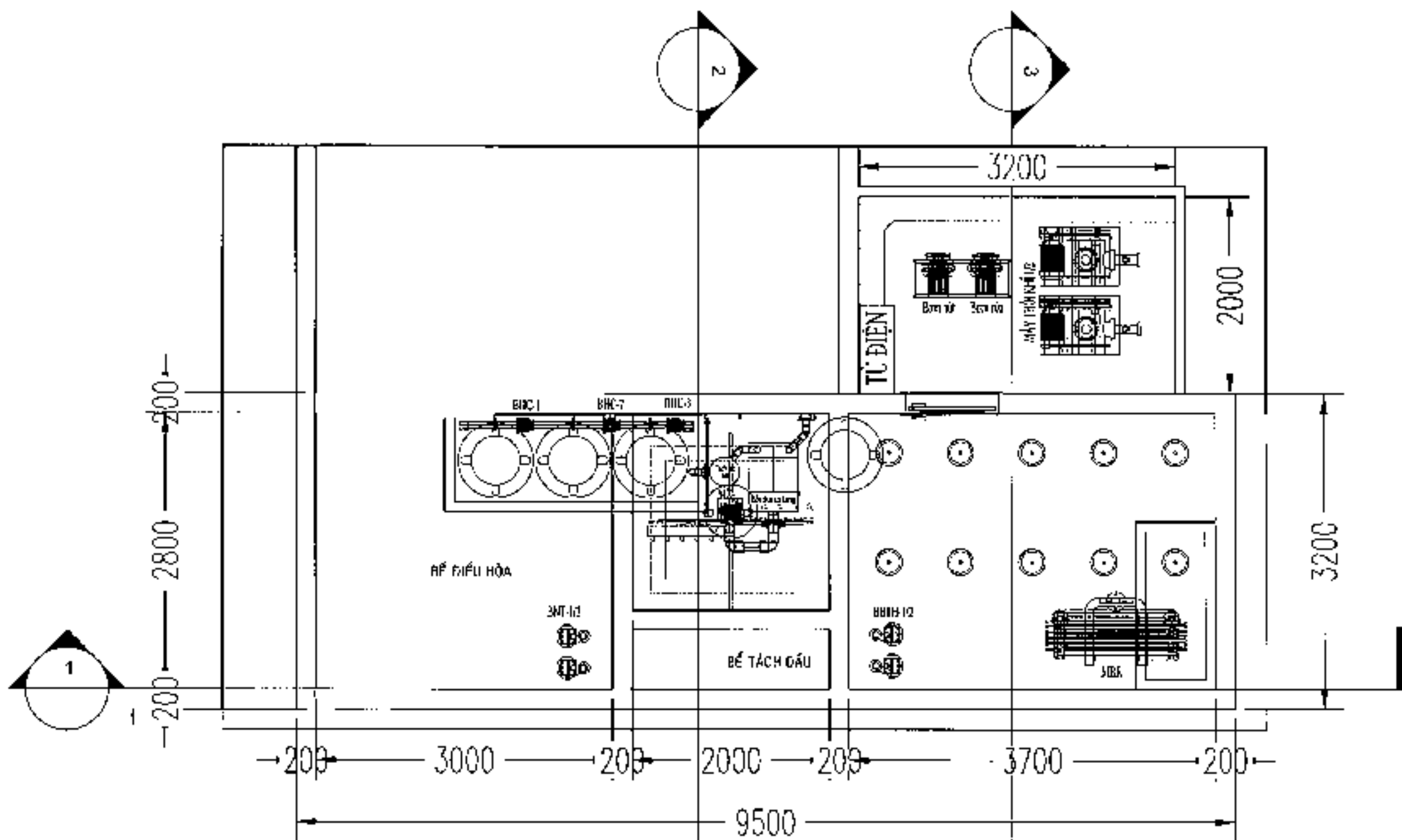
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG, CÔNG TRÌNH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ
CÓ MÔI TRƯỜNG**



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 CÔNG SUẤT: 60M³/NGÀY

CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR	
SAIGON PRECISION CO.,LTD	
Lô số 34-35, Phường A, KCC Liên Trung 2, Quận Bình Tân, TP.HCM	
MANAGER DIRECTOR	
MASAHITO YAMAUCHI	
CÔNG TY TƯ VẤN CÔNG NGHỆ	
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ XANH	
	
Số 111 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM Tel: (84) 28 2662645 Fax: (84) 28 2662644 Website: www.premtech.vn	
QUẢN LÝ DỰ ÁN	
VŨ PHÁ HẢI	
KẾT THÚC DỰ ÁN BY	PHÉ MẪN DẪN DỰ ÁN BY
TRẦN SÁNH LINH	HỒ NHẬT HIỀN
THIẾT KẾ DỰ ÁN BY	
NHUYỄN H. GIA BẢO	
CÔNG TY TƯ VẤN CÔNG NGHỆ	
WASTEWATER TREATMENT PLANT SAIGON PRECISION 2	
THẠCH QUANG TÙNG	
WASTEWATER TREATMENT PLANT CAPACITY OF 60 M ³ /D	
TRÊN DẪN DỰ ÁN TRỰC TIẾP	
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	
T. LƯU SƠ ĐỒ	1/1/1
KHOẢNG CÁCH BÊN TRÊN	A3
SỐ LƯU SƠ ĐỒ TRONG TẬP	1/01
TỔNG SỐ TÊN LƯU SƠ ĐỒ	06
NGÀY CHẤM THẮNG	28/2/2018

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR
 SAIGON PRECISION
 CO., LTD
 Lô số 54-B5, Đường A KCN Linh Trung 2
 Q.Thủ Đức, Tp.HCM

MANAGING DIRECTOR

MASAHITO YAMAUCHI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN CONSULTANT
 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
 CÔNG NGHỆ XANH

 ĐO ĐO LƯỢNG THIẾT KẾ: P.15, D.11, THẠCH
 TÀI NGUYÊN: 1898546 Fax: (+84) 1898554
 Website: www.greenachd.vn.com
 CHỨC VỤ: GIÁM ĐỐC DỰ ÁN

VU PHÁ HẢI
 KỸ SƯ THIẾT KẾ/DESIGNED BY
 TRẦN ĐÀ KIM
 THẾT KẾ/DESIGNED BY
 NGUYỄN H. CH. BẢO
 DỰ ÁN/PROJECT

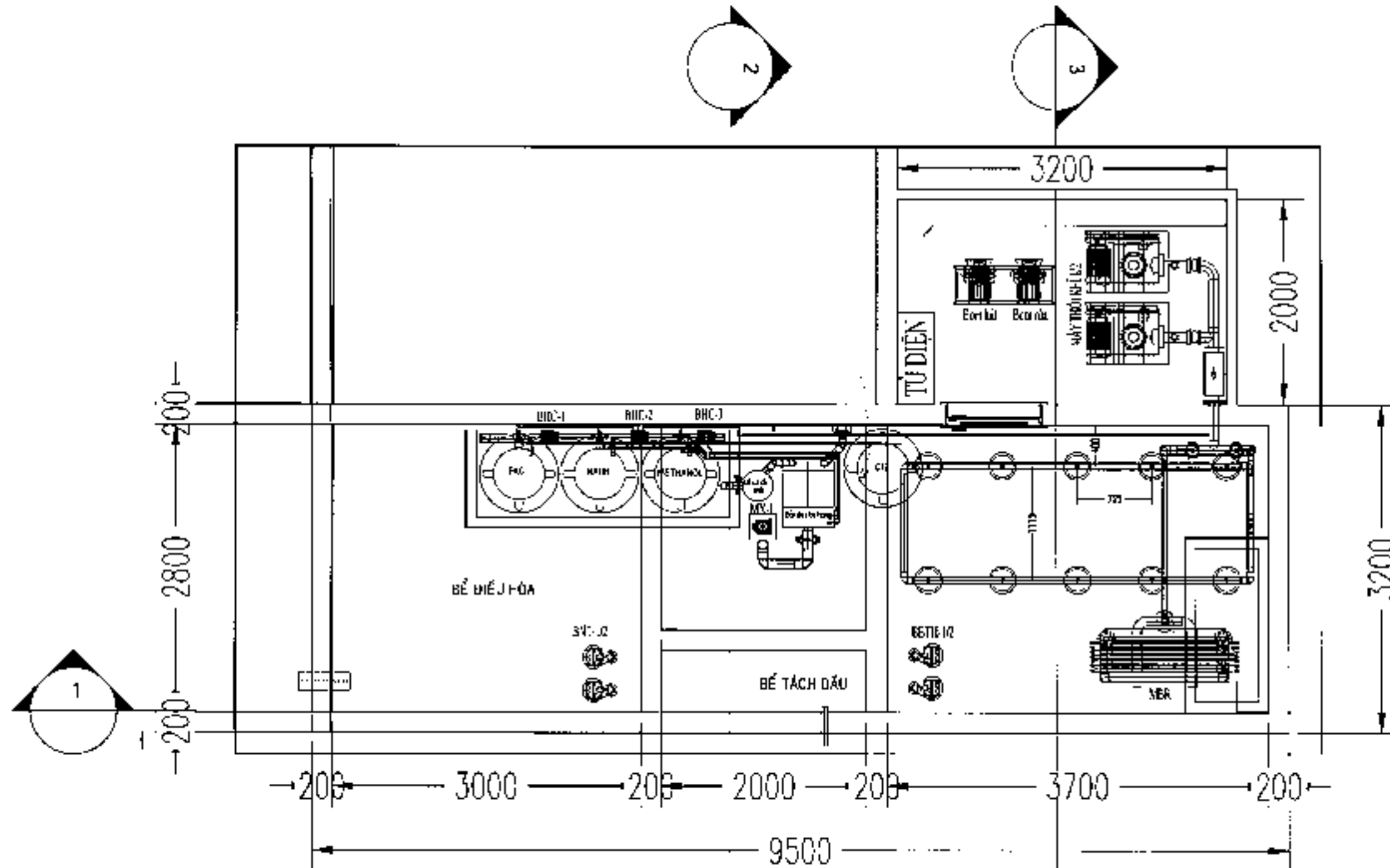
WASTEWATER TREATMENT PLANT
 SAIGON PRECISION 2

WAG MGT/TEM
 WASTEWATER TREATMENT PLANT
 CAPACITY OF 60 M3/D

TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE
 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ
 HTXLNT

T. LỚP/SHEET	1/00
KHO GIẤY/PAPER SIZE	A3
SỐ HẸL, SẴN VẼ/DRAWING NO.	HC-00
TẠNG SỐ/TOTAL OF SHEETS	01
NGÀY HOÀN THÀNH/DATE	09/2018

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG KHÍ VÀ HÓA CHẤT HTXLNT



CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR
**SAIGON PRECISION
 CO., LTD**
 Lô số 54-B3, Đường A KCC Linh Trung 2
 Q.Thủ Đức, Tp.HCM

MANAGING DIRECTOR

MASANITO YAMAGUCHI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN CONSULTANT
**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
 CÔNG NGHỆ XANH**

 38 Số 15 Tháng 8, P.15, Q.11, TP.HCM
 Tel: (84) 9025546 Fax: (84) 9025544
 Website: www.gpmt.vn

GIÁNG DẪN DIRECTOR

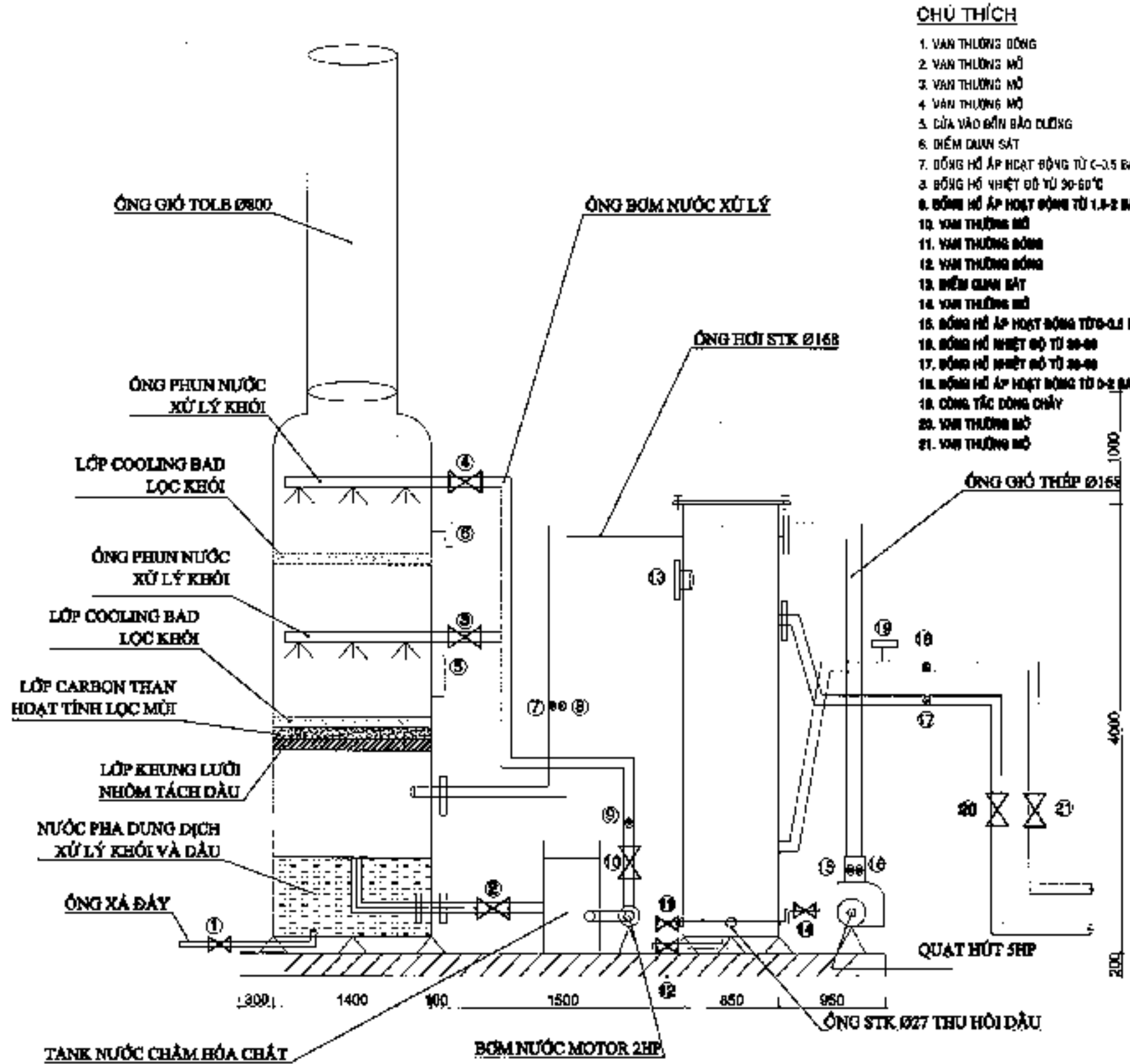
VŨ PHẠ HẢI
 NHÀ THIẾT KẾ ARCHITECT
 TRẦN ĐÀ NHÌ
 THIẾT KẾ DESIGNED BY
 NGUYỄN GIA BẢO

ĐỊNH MỤC PROJECT
**WASTEWATER TREATMENT PLANT
 SAIGON PRECISION 2**

HẠNG MỤC ITEM
**WASTEWATER TREATMENT PLANT
 CAPACITY OF 60 M³/D**

TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE
**MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG
 KHÍ VÀ HÓA CHẤT HTXLNT**

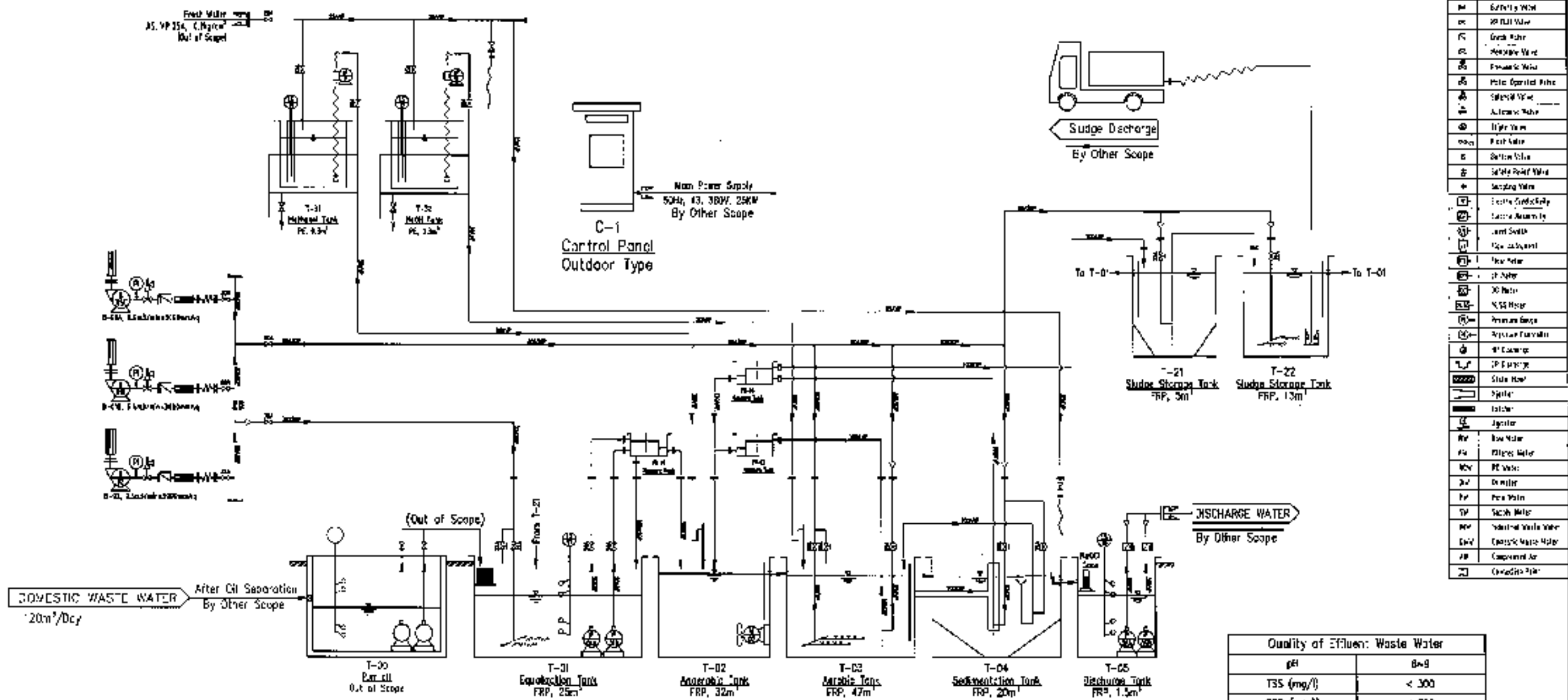
T. LỖY SƠ LỘ	0/00
KHOẢNG WAY PAPER SIZE	A3
SỐ HẸM BẢN VẼ/DRAWING NO	HC-01
TỔNG SỐ TỜ A ₁ OF DWG	03
NGÀY THỰC HIỆN DATE	06/2018



- CHỮ THÍCH**
1. VAN THƯỜNG ĐÓNG
 2. VAN THƯỜNG MỞ
 3. VAN THƯỜNG MỞ
 4. VAN THƯỜNG MỞ
 5. CỬA VÀO BỂ BẢO DƯỠNG
 6. ĐÈM DẠM SÁT
 7. BỒNG HỒ ÁP NHẬT ĐỒNG TỪ 0-0,5 BAR
 8. BỒNG HỒ NHỆT ĐỘ TỪ 30-60°C
 9. BỒNG HỒ ÁP NHẬT ĐỒNG TỪ 1,5-2 BAR
 10. VAN THƯỜNG MỞ
 11. VAN THƯỜNG ĐÓNG
 12. VAN THƯỜNG ĐÓNG
 13. ĐÈM DẠM SÁT
 14. VAN THƯỜNG MỞ
 15. BỒNG HỒ ÁP NHẬT ĐỒNG TỪ 0-0,1 BAR
 16. BỒNG HỒ NHỆT ĐỘ TỪ 30-60
 17. BỒNG HỒ NHỆT ĐỘ TỪ 30-60
 18. BỒNG HỒ ÁP NHẬT ĐỒNG TỪ 0-2 BAR
 19. CÔNG TẮC DÒNG CHẢY
 20. VAN THƯỜNG MỞ
 21. VAN THƯỜNG MỞ

CHI TIẾT TỔNG THỂ

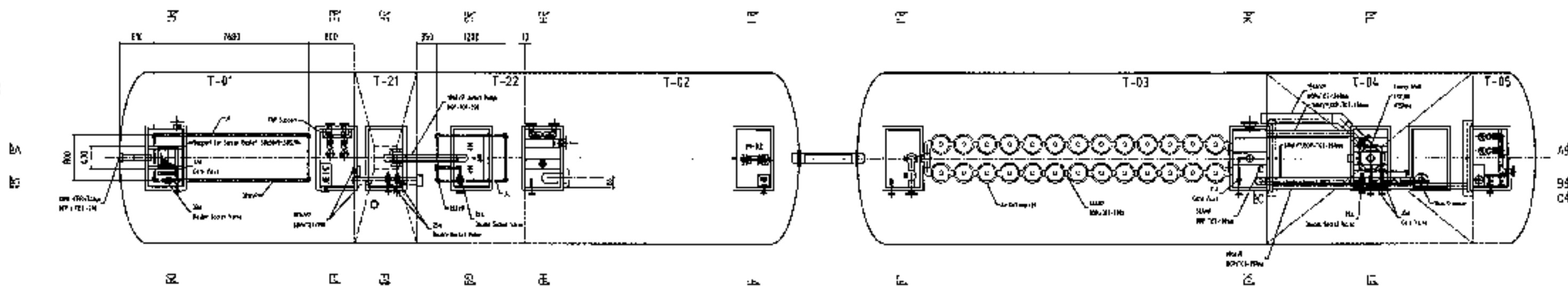
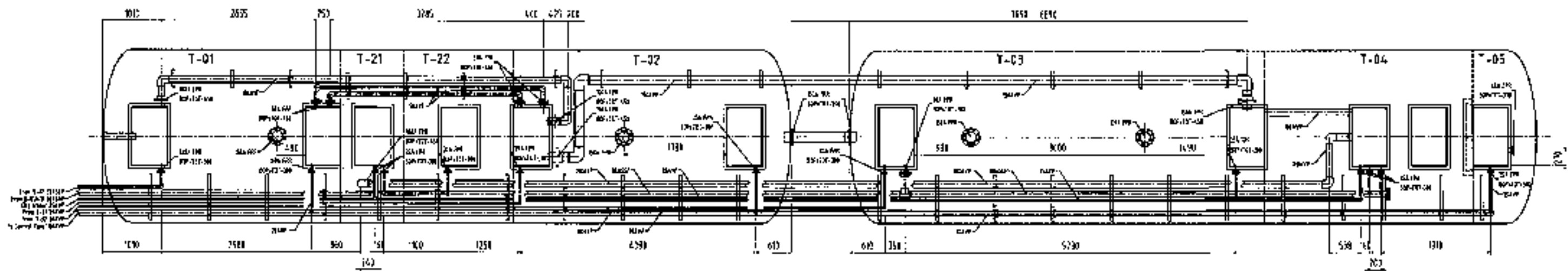
TÊN DỰ ÁN: TỰ CHỌN	
CƠ SỞ: CHUẨN TỰ	
SAIGON PRECISION (FACTORY 2)	
CÔNG TY TNHH XD-TM-DV-THT L&P VIỆT NAM	
Địa chỉ: 15 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Số điện thoại: 0903 1234567 Email: info@tanphuhung.com.vn	
Giám đốc: Quản lý kỹ thuật: Thiết kế: Vẽ: Kiểm tra: T.T: C.T: B.T: <input type="checkbox"/> Kỹ sư thiết kế: <input type="checkbox"/> Kiến trúc sư: <input type="checkbox"/> Kỹ sư: <input type="checkbox"/> Thợ công	
Công trình: Hệ thống xử lý nước thải và lọc dầu	
Tên bản vẽ: CHI TIẾT TỔNG THỂ	
Tỷ lệ:	1/100
Số bản vẽ:	KT.01
Ngày ban hành:	10/2020



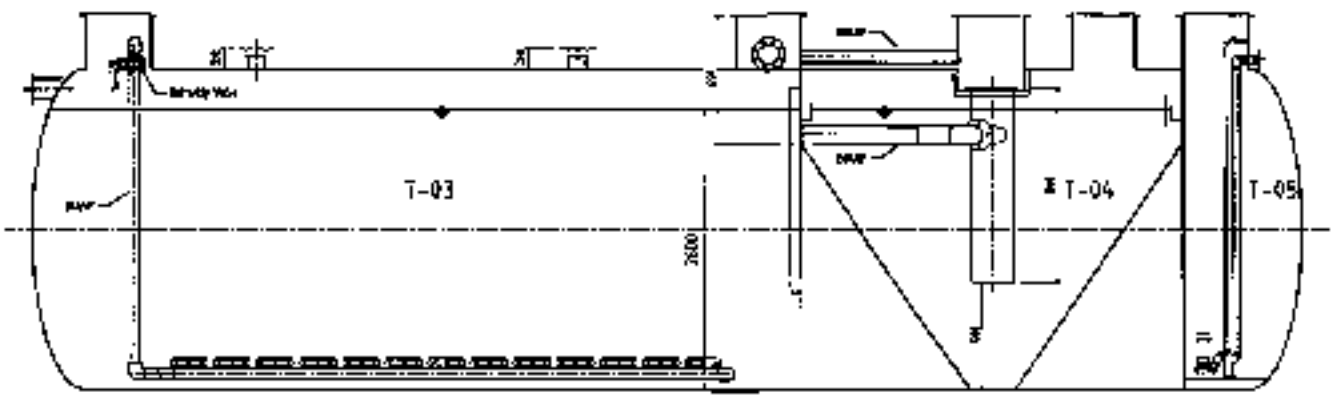
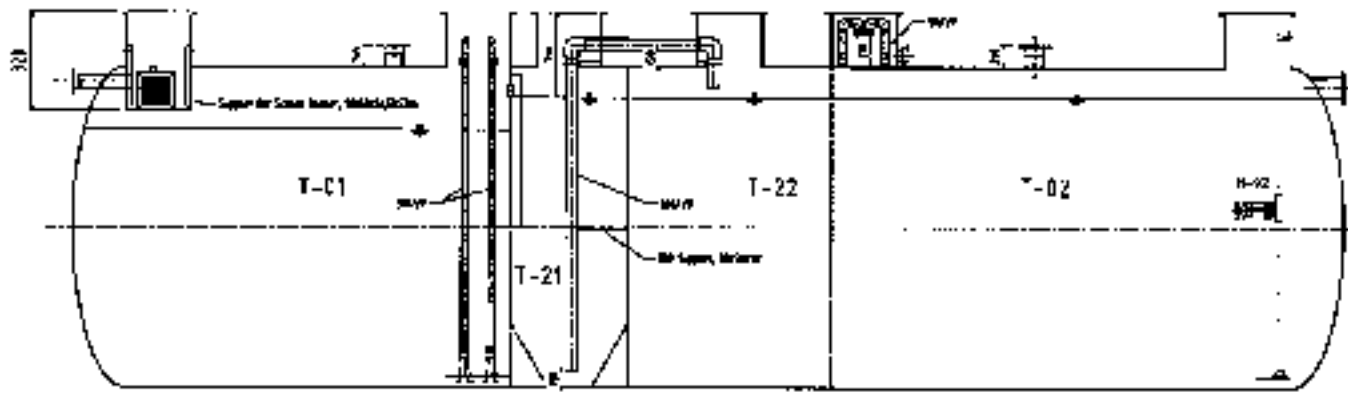
Sample	
01	Raw Water
02	Adapted Water
03	Bar-kill Water
04	20 Bar-kill Water
05	Equalization Water
06	Anaerobic Water
07	Aerobic Water
08	Sedimentation Water
09	Discharge Water
10	Sludge Water
11	Sludge Water
12	Sludge Water
13	Sludge Water
14	Sludge Water
15	Sludge Water
16	Sludge Water
17	Sludge Water
18	Sludge Water
19	Sludge Water
20	Sludge Water
21	Sludge Water
22	Sludge Water
23	Sludge Water
24	Sludge Water
25	Sludge Water
26	Sludge Water
27	Sludge Water
28	Sludge Water
29	Sludge Water
30	Sludge Water
31	Sludge Water
32	Sludge Water
33	Sludge Water
34	Sludge Water
35	Sludge Water
36	Sludge Water
37	Sludge Water
38	Sludge Water
39	Sludge Water
40	Sludge Water
41	Sludge Water
42	Sludge Water
43	Sludge Water
44	Sludge Water
45	Sludge Water
46	Sludge Water
47	Sludge Water
48	Sludge Water
49	Sludge Water
50	Sludge Water

Item	Value
pH	5-9
TSS (mg/l)	300
COD (mg/l)	650
BOD ₅ (mg/l)	600
T-N (mg/l)	85
T-P (mg/l)	6.5
Coliform (MPN/100ml)	3x10 ⁵
Color (Pt-Co)	402
N-NH ₄ (mg/l)	47.8
Vegetable Oil (mg/l)	< 30
Mineral Oil (mg/l)	5
Other	< Discharge Standard

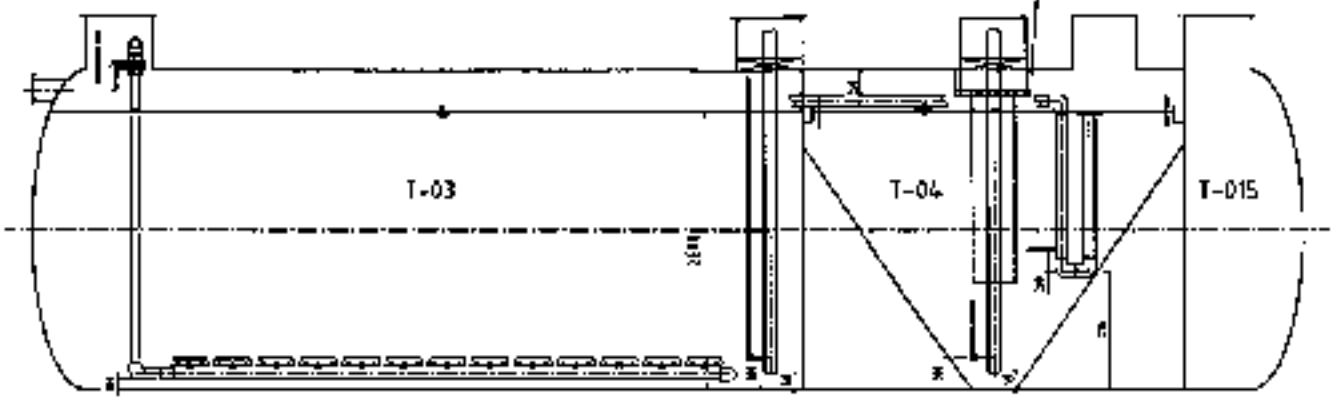
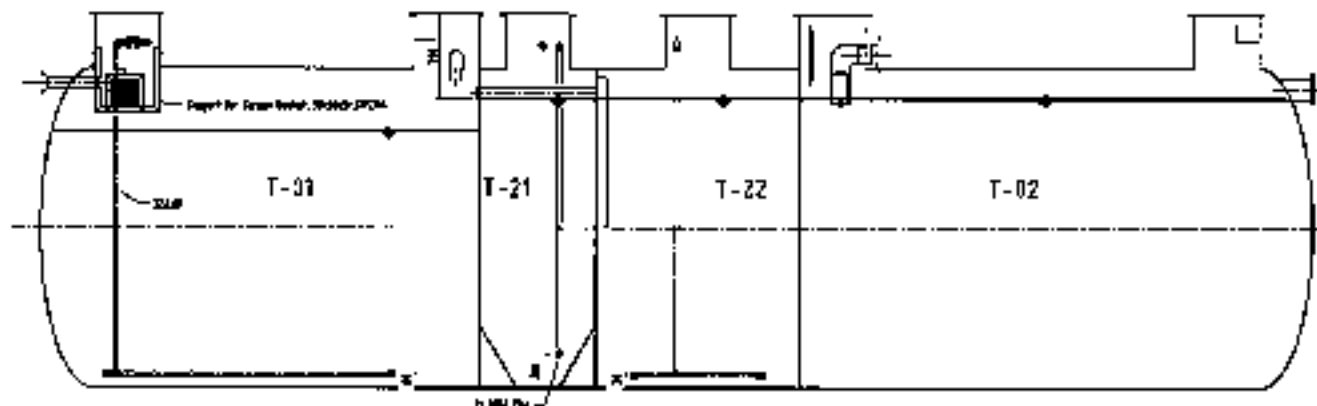
Item	Value
pH	6-9
TSS (mg/l)	< 300
COD (mg/l)	< 800
BOD ₅ (mg/l)	< 300
T-N (mg/l)	< 60
T-P (mg/l)	< 6
Coliform (MPN/100ml)	< 10,000
Color (Pt-Co)	< 50
N-NH ₄ (mg/l)	< 10
Vegetable Oil (mg/l)	< 30
Mineral Oil (mg/l)	< 5



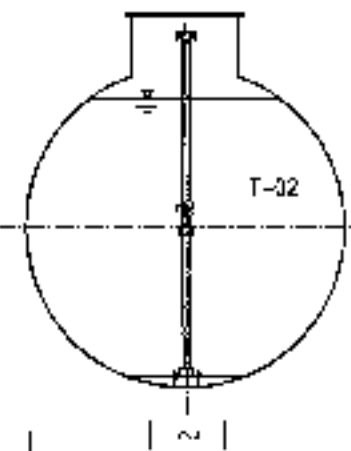
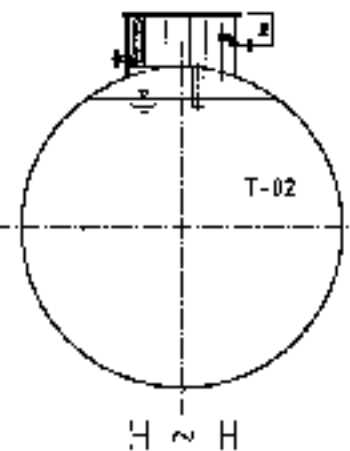
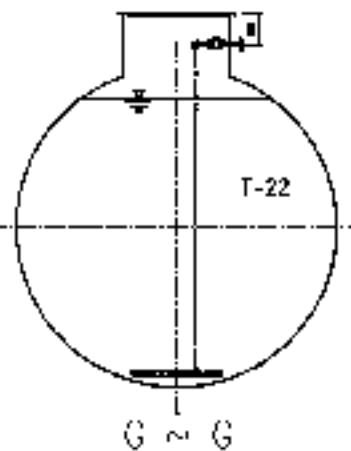
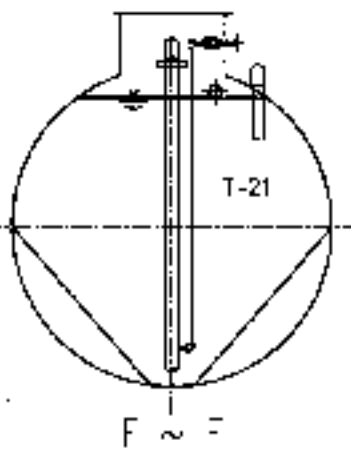
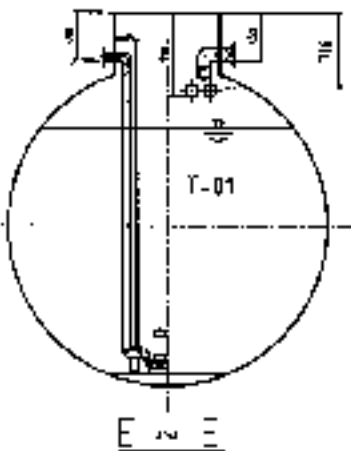
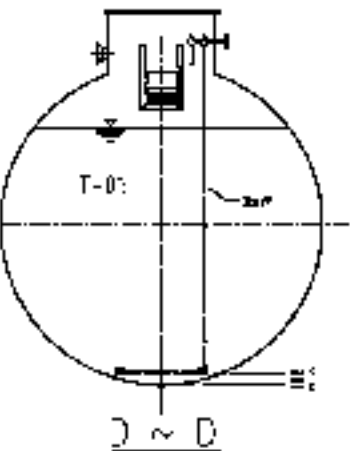
T-0 = Top of Tank
 BCP = Gallery of Pipe



A ~ A



B ~ B



C ~ C

D ~ D

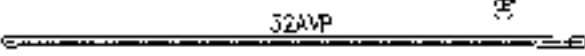
E ~ E

F ~ F

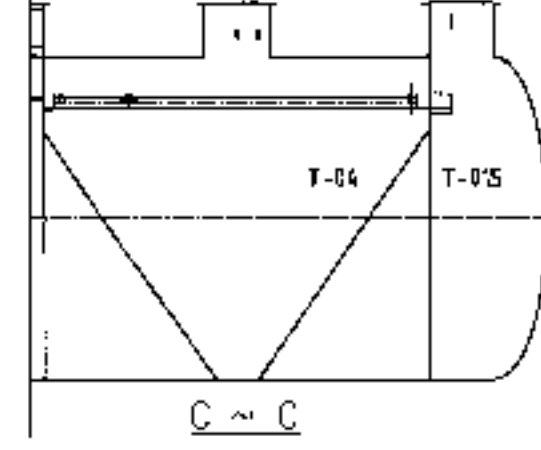
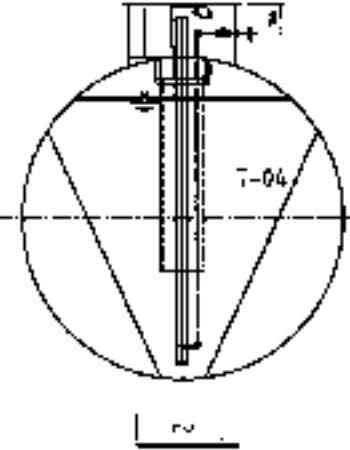
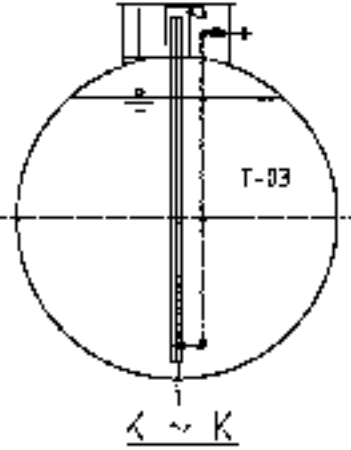
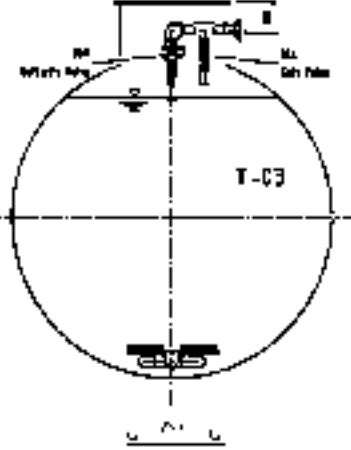
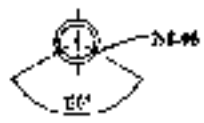
G ~ G

H ~ H

I ~ I



A. Detail Drawing



J ~ J

K ~ K

L ~ L

M ~ M

NCEV
 21, Delecta Tower, No.5, Tonkin Street, Ho Chi Minh, VN
 Tel: 028-384-7346/7/18,719
 Fax: 028-384-7346/7/18,719
 E-mail: ncev@nccv.vn
 Website: www.nccv.vn

NAKAGAWA CHEMICAL EQUIPMENT VN CO., LTD.

OWNER:
SHIMIZU CORPORATION

OWNER'S APPROVAL:

PROJECT TITLE:
 SAIGON PRECISION THREE PROJECT
 DOMESTIC WASTE WATER TREATMENT FACILITY
 120,000 Day, FRP

LOCATION:

TITLE OF DRAWING:
 LAYOUT OF Piping(3)

SCALE:

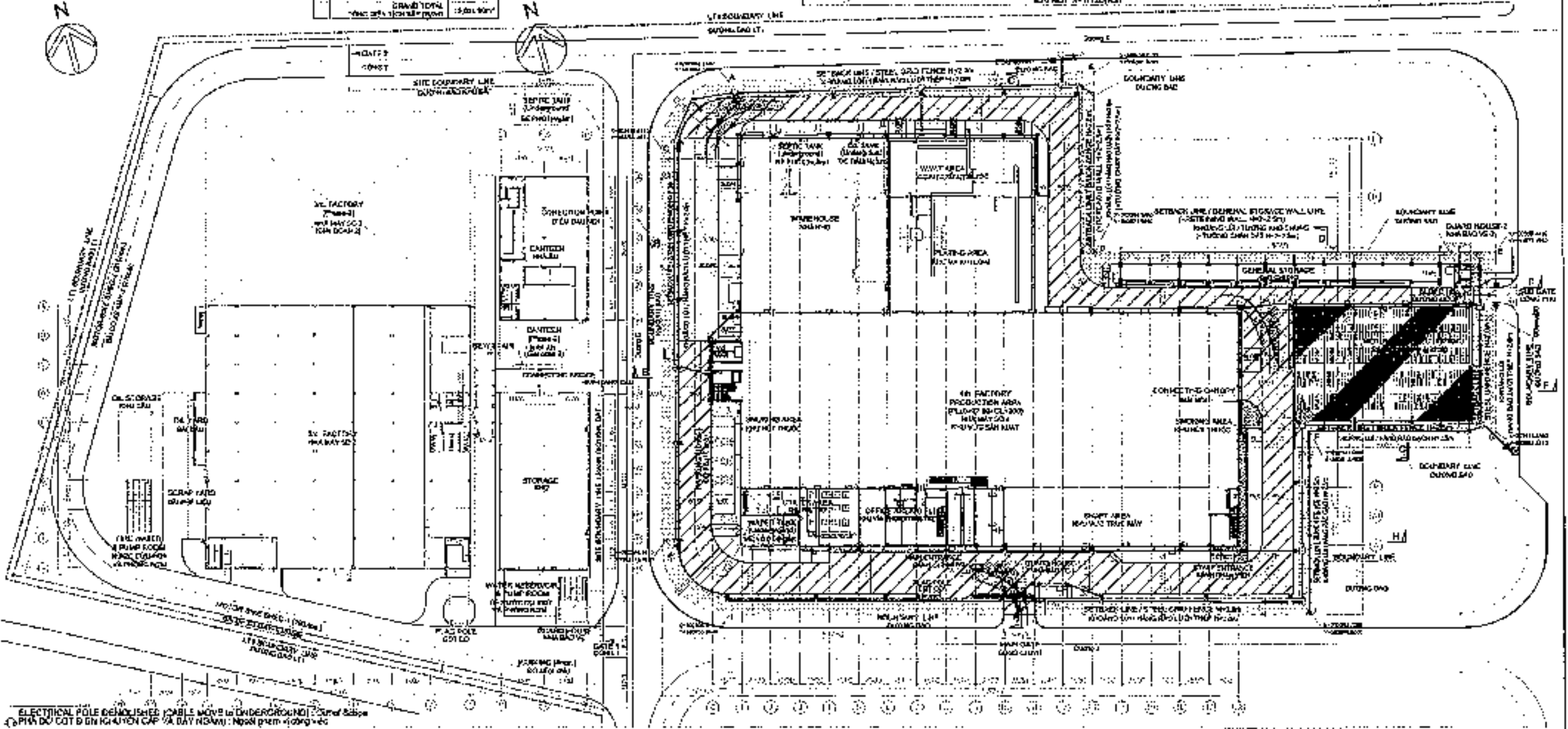
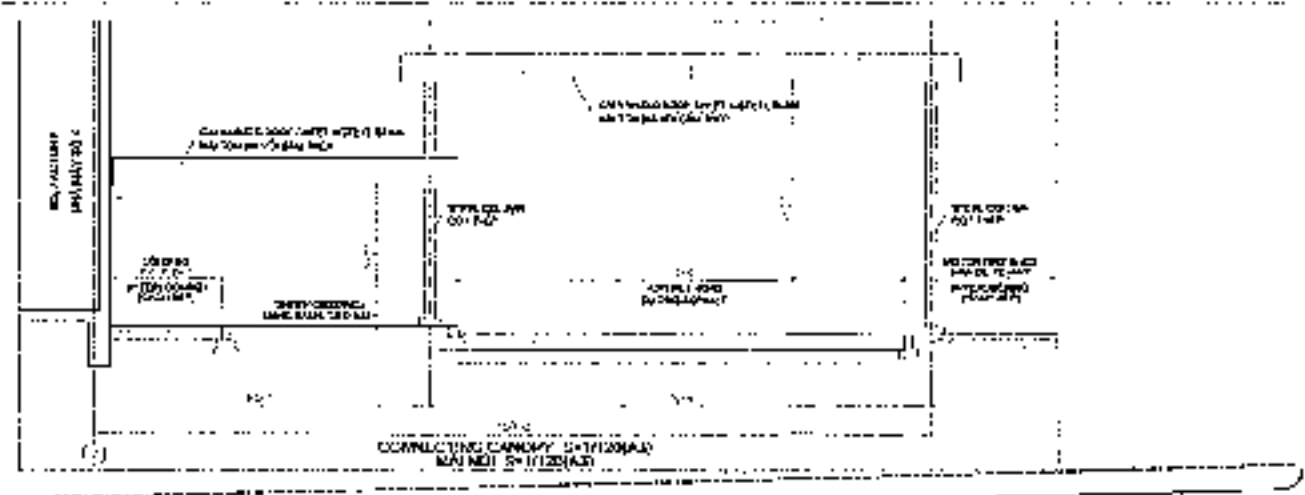
DATE	REV	BY	CHK	APP	NO.
					01

201-411-501-114

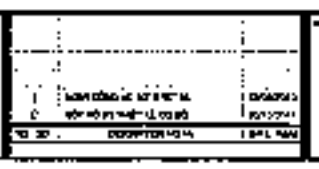
SITE AREA TOTAL: 22,160.0m²
 LONG ORIENTED: 23,780.0m²
 CONSTRUCTION AREA: 7,361.30m²
 CONSTRUCTION: 13,818.70m²
 BUILDING AREA COVERAGE RATIO: 33.47% + 24%
 MẬT ĐỘ MÂY MƯA: 16.7% + 12%
 GREEN AREA TOTAL: 3,078.9m²
 GREEN RATIO: 13.9% + 12%
 MẬT ĐỘ CÂY CỎ: 18.6% + 12%
 MẬT ĐỘ CÂY CỎ: 18.6% + 12%
 MẬT ĐỘ CÂY CỎ: 18.6% + 12%

CONSTRUCTION AREA	
DIỆN TÍCH MÂY MƯA	
1. MOTOR-VEHICLE SHED	1,200.0m ²
2. OFFICE AREA	1,400.0m ²
3. CONCRETE PAVEMENT	1,200.0m ²
4. ASPHALT PAVEMENT	1,200.0m ²
5. INTERLOCKING PAVEMENT	1,200.0m ²
6. PERCH AREA (PARKING)	1,200.0m ²
7. DRAINAGE (SIDEWALK)	1,200.0m ²
8. TOTAL TOTAL	7,361.30m ²
9. GRAND TOTAL	13,818.70m ²

- BOUNDARY LINE
- SETBACK LINE / BOUNDARY FENCE LINE
- ASPHALT PAVEMENT (Hatched)
- CONCRETE PAVEMENT (Hatched)
- INTERLOCKING PAVEMENT (Hatched)
- PERCH AREA (Hatched)
- DRAINAGE (Hatched)



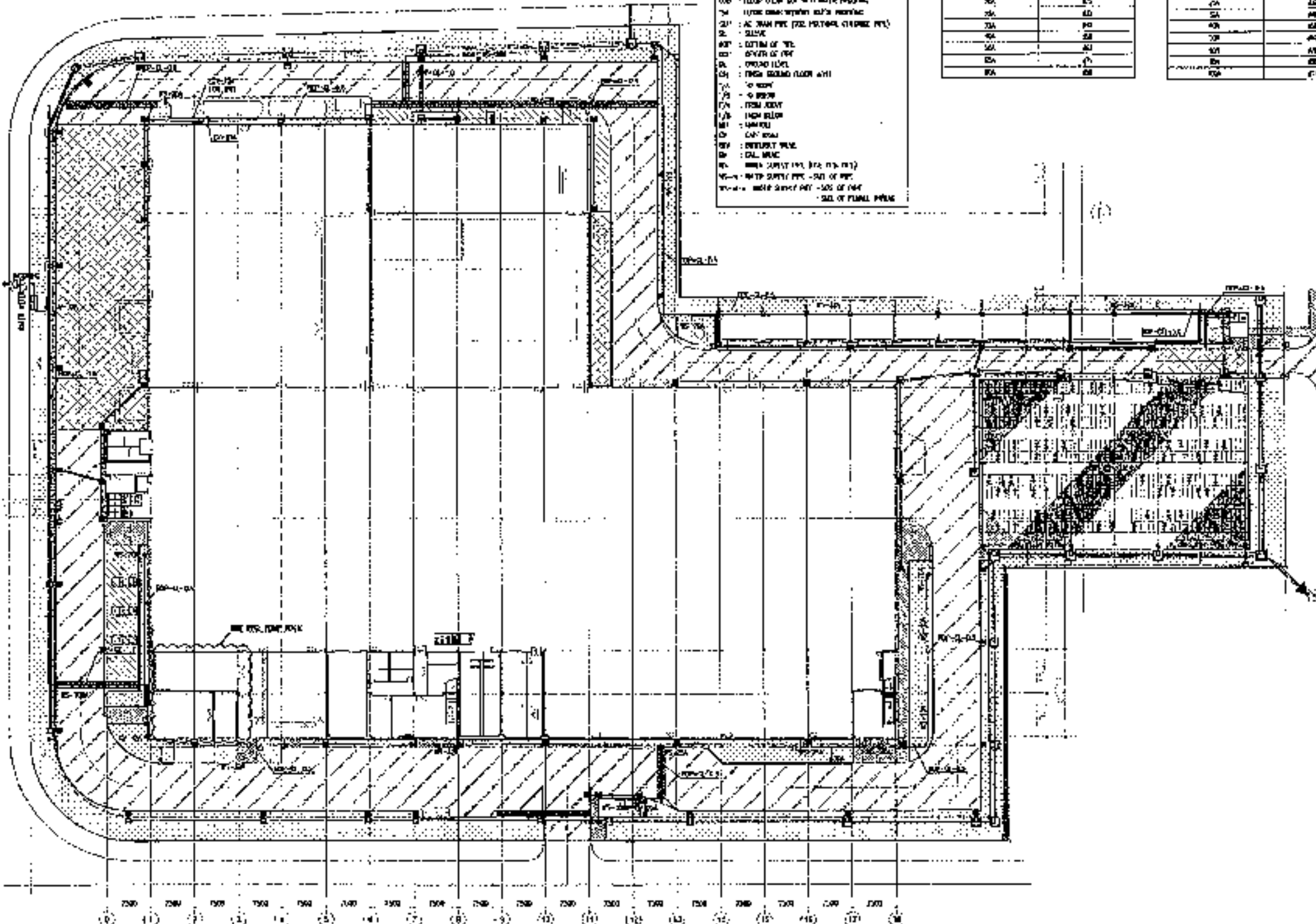
ELECTRICAL POLE DEMOLISHED (CABLES MOVE TO UNDERGROUND) / Cột điện bị đập bỏ
 CỘT ĐIỆN BỊ ĐẬP BỎ (CÁP ĐIỆN CHUYỂN CÁP DẠY NỘI MẶT: Nẹp ngầm chôn ống cáp)



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 2015.08.23

93139400
 A-01
 D1

3000
 2900
 2800
 2700
 2600
 2500
 2400
 2300
 2200
 2100
 2000
 1900
 1800
 1700
 1600
 1500
 1400
 1300
 1200
 1100
 1000
 900
 800
 700
 600
 500
 400
 300
 200
 100
 0



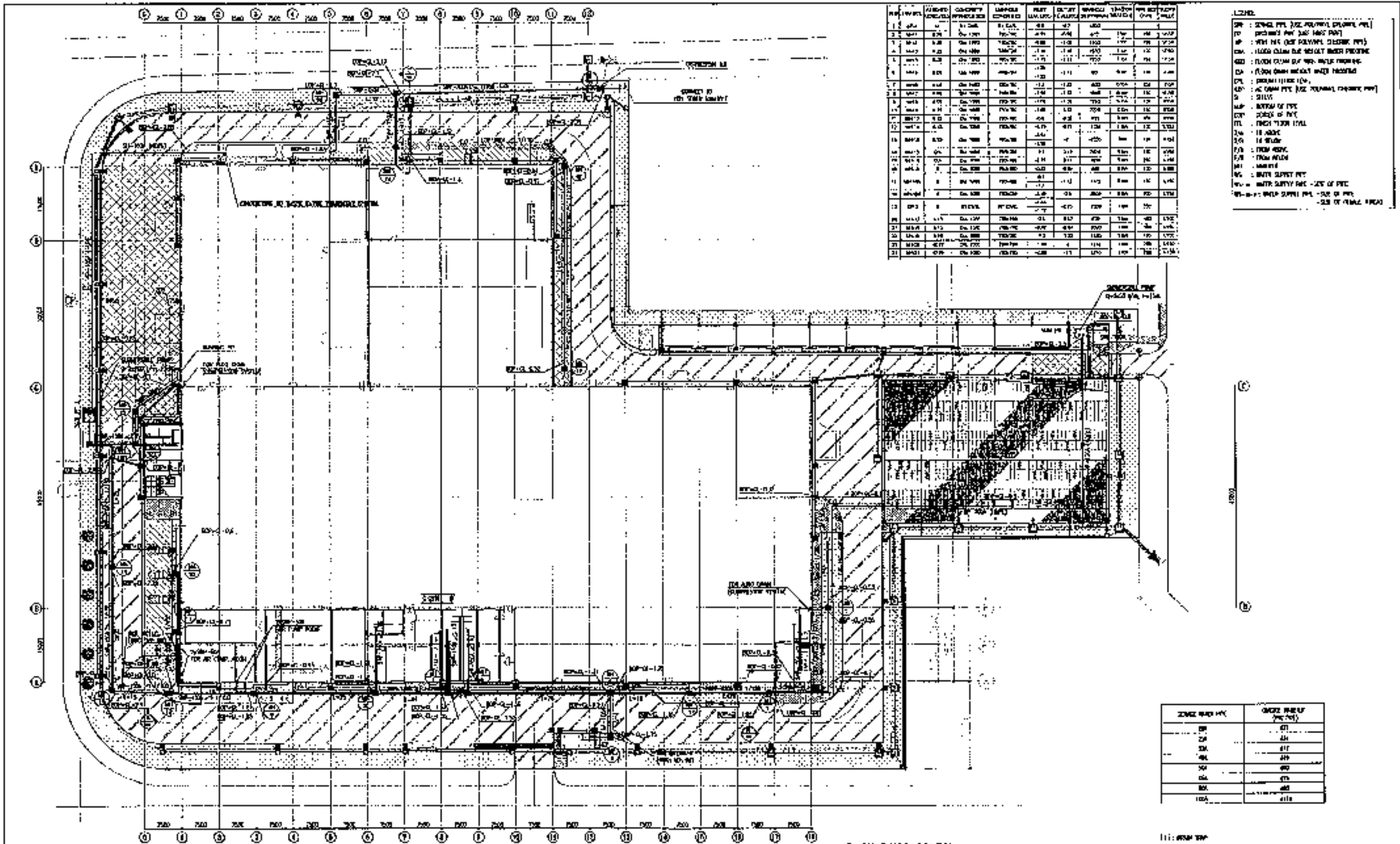
- 1.000
 1.001
 1.002
 1.003
 1.004
 1.005
 1.006
 1.007
 1.008
 1.009
 1.010
 1.011
 1.012
 1.013
 1.014
 1.015
 1.016
 1.017
 1.018
 1.019
 1.020
 1.021
 1.022
 1.023
 1.024
 1.025
 1.026
 1.027
 1.028
 1.029
 1.030
 1.031
 1.032
 1.033
 1.034
 1.035
 1.036
 1.037
 1.038
 1.039
 1.040
 1.041
 1.042
 1.043
 1.044
 1.045
 1.046
 1.047
 1.048
 1.049
 1.050
 1.051
 1.052
 1.053
 1.054
 1.055
 1.056
 1.057
 1.058
 1.059
 1.060
 1.061
 1.062
 1.063
 1.064
 1.065
 1.066
 1.067
 1.068
 1.069
 1.070
 1.071
 1.072
 1.073
 1.074
 1.075
 1.076
 1.077
 1.078
 1.079
 1.080
 1.081
 1.082
 1.083
 1.084
 1.085
 1.086
 1.087
 1.088
 1.089
 1.090
 1.091
 1.092
 1.093
 1.094
 1.095
 1.096
 1.097
 1.098
 1.099
 1.100
 1.101
 1.102
 1.103
 1.104
 1.105
 1.106
 1.107
 1.108
 1.109
 1.110
 1.111
 1.112
 1.113
 1.114
 1.115
 1.116
 1.117
 1.118
 1.119
 1.120
 1.121
 1.122
 1.123
 1.124
 1.125
 1.126
 1.127
 1.128
 1.129
 1.130
 1.131
 1.132
 1.133
 1.134
 1.135
 1.136
 1.137
 1.138
 1.139
 1.140
 1.141
 1.142
 1.143
 1.144
 1.145
 1.146
 1.147
 1.148
 1.149
 1.150
 1.151
 1.152
 1.153
 1.154
 1.155
 1.156
 1.157
 1.158
 1.159
 1.160
 1.161
 1.162
 1.163
 1.164
 1.165
 1.166
 1.167
 1.168
 1.169
 1.170
 1.171
 1.172
 1.173
 1.174
 1.175
 1.176
 1.177
 1.178
 1.179
 1.180
 1.181
 1.182
 1.183
 1.184
 1.185
 1.186
 1.187
 1.188
 1.189
 1.190
 1.191
 1.192
 1.193
 1.194
 1.195
 1.196
 1.197
 1.198
 1.199
 1.200

CHUCK W/TH. PVC	PIPE DIAMETER (mm)
1A	40
2A	50
3A	60
4A	75
5A	90
6A	110
7A	125
8A	150
9A	175
10A	200

CONCRETE FLOOR (mm)	floor height (mm)
1A	40
2A	50
3A	60
4A	75
5A	90
6A	110
7A	125
8A	150
9A	175
10A	200

PLUMBING WORK
 WATER SUPPLY PIPING-SITE PLAN

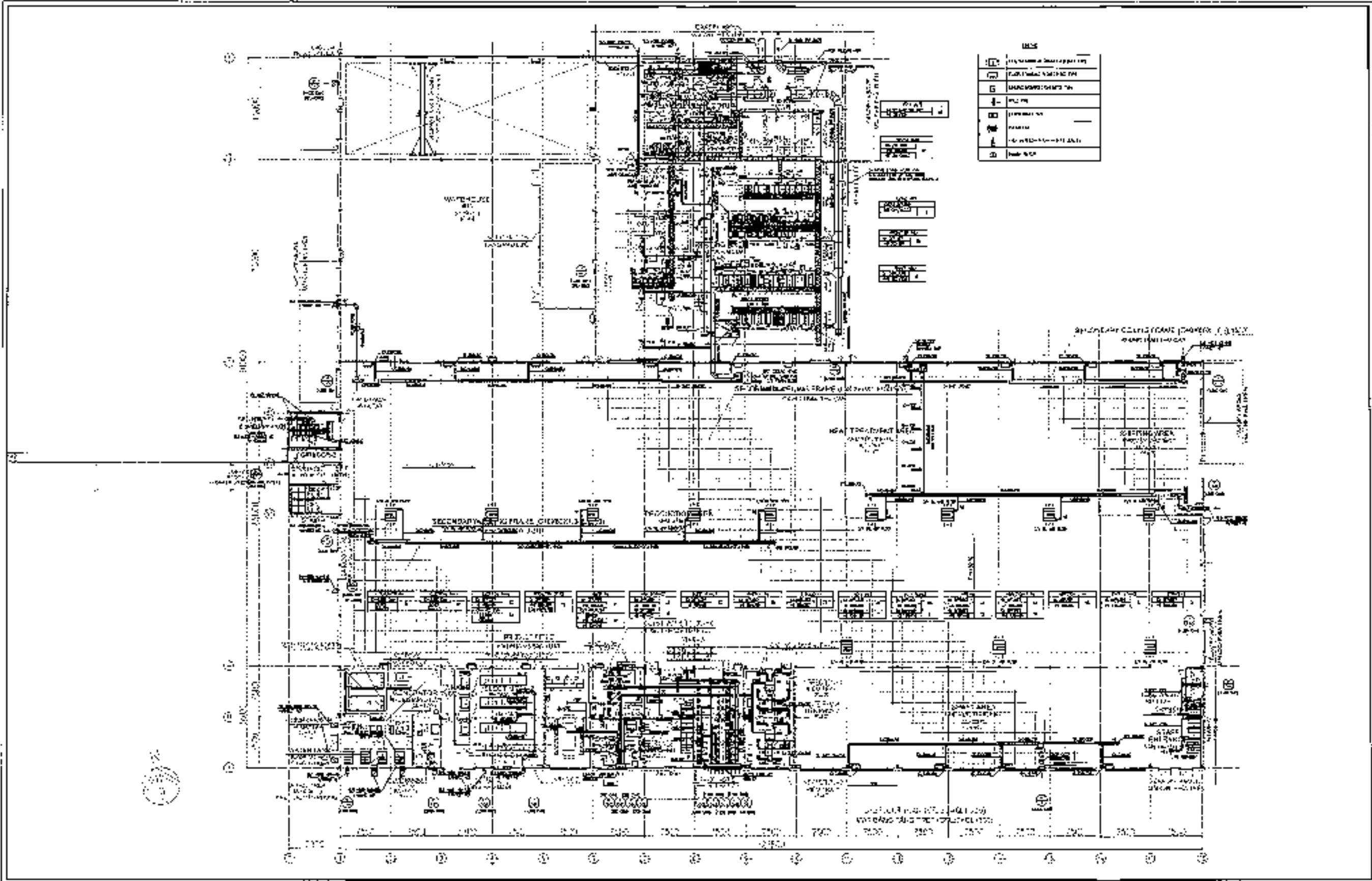
 MISUMI CORPORATION 1-1-1, Higashi-Shinjyuku, Shinjyuku-ku, Tokyo 162-8601, Japan	 SHMZ CORPORATION 1-1-1, Higashi-Shinjyuku, Shinjyuku-ku, Tokyo 162-8601, Japan	BẢN VẼ HOÀN CÔNG 2015.08.29	91 (15/08)	1/24
			MATRIGIANG Y MASTER PLAN MATRIGIANG Y	1/24



PLUMBING WORK
SEWAGE PIPING-SITE PLAN

ZONE	ELEVATION (m)
1F	0.00
2F	0.15
3F	0.30
4F	0.45
5F	0.60
6F	0.75
7F	0.90
8F	1.05
9F	1.20
10F	1.35

<p>MITSUMI SAIGON PRECISION</p>	<p>SMTZ CORPORATION</p>	<p>BẢN VẼ HOÀN CÔNG 20.08.29</p>	<p>92 1383M CÔNG TY TNHH SAI GON PRECISION CÔNG TY TNHH SMTZ CORPORATION</p>
-------------------------------------	-------------------------	--------------------------------------	--



LEGEND

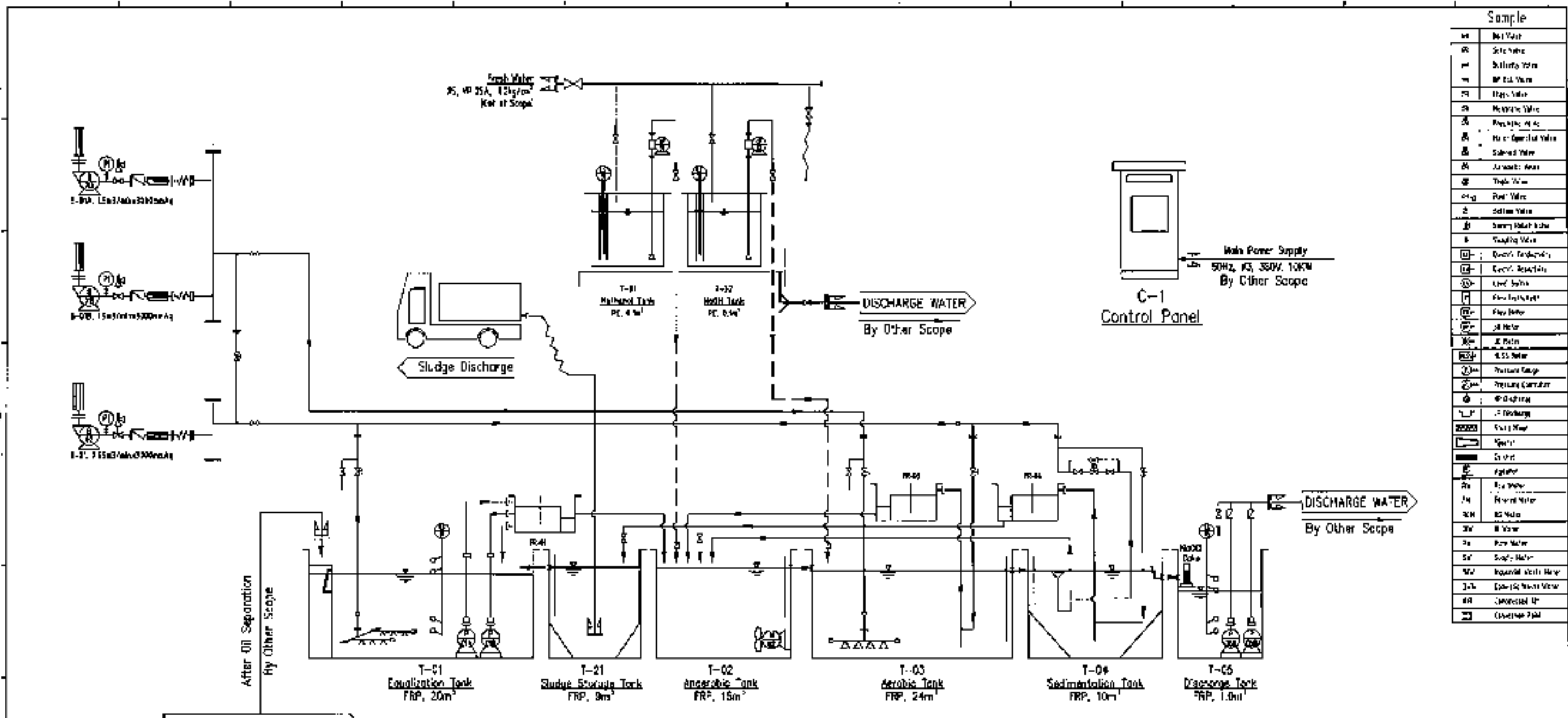
□	AIR CONDITIONING UNIT
○	EXHAUST FAN
□	EXHAUST FAN
+	EXHAUST FAN
□	EXHAUST FAN
○	EXHAUST FAN
□	EXHAUST FAN

NO.	REVISION	DATE
1	REVISION	DATE

FOR AS BUILT
2015.00.23



	NAME OF PROJECT: SAIGON PRECISION VN CO., LTD. FACTORY FACILITY NO. 1A, HOANG KIEM STREET, HOANG KIEM WARD, HOANG PHU QUANG DISTRICT, HO CHI MINH CITY	DATE: 2015.00.23
	PROJECT: VENTILATION SYSTEM FACTORY LAYOUT PLAN	DRAWN BY:



Sample	
01	Raw Water
02	Settling Tank
03	Biological Tank
04	Effluent Tank
05	Sludge Tank
06	Recycle Water
07	Non-Operated Water
08	Filtered Water
09	Trickling Filter
10	Final Effluent
11	Sludge Tank
12	Sludge Tank
13	Sludge Tank
14	Sludge Tank
15	Sludge Tank
16	Sludge Tank
17	Sludge Tank
18	Sludge Tank
19	Sludge Tank
20	Sludge Tank
21	Sludge Tank
22	Sludge Tank
23	Sludge Tank
24	Sludge Tank
25	Sludge Tank
26	Sludge Tank
27	Sludge Tank
28	Sludge Tank
29	Sludge Tank
30	Sludge Tank
31	Sludge Tank
32	Sludge Tank
33	Sludge Tank
34	Sludge Tank
35	Sludge Tank
36	Sludge Tank
37	Sludge Tank
38	Sludge Tank
39	Sludge Tank
40	Sludge Tank

Quality of Inluent Waste Water	mg/L
pH	5.8~6.8
BOD	< 300
SS	< 200
T-N	< 70
T-P	< 7
Ammonia	< 70
Vegetable Oil & Fat	< 25
Coliform, MPN/100ml	--
Other	< Discharge Standard

DISCHARGE STANDARD QCVN 40:2011-CLASS 3	
Quality of Effluent Waste Water	mg/L
pH	6~9
BOD	< 50
COD	< 150
SS	< 100
T-N	< 40
Ammonia	< 10
Total Phosphorous	< 6
Vegetable Oil (in-Soluble)	10
Coliform, MPN/100ml	5000

NCEV
 Add: No.15, Lot.5, Group.43, New Trung Hoa St., HUE, VN
 Tel: 0904-04-43-2524617/18/19
 Web: www.nakagawaequip.vn
 Email: info@nakagawaequip.vn

NAKAGAWA CHEMICAL EQUIPMENT VN CO., LTD.

OWNER:
SHIMZU CORPORATION

OWNER'S APPROVAL:

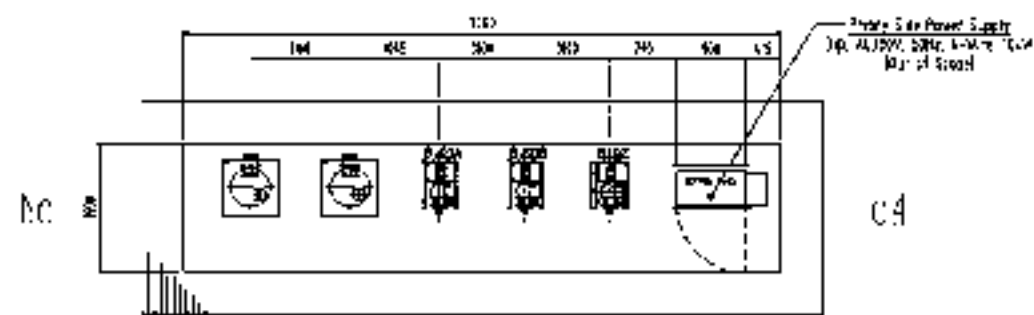
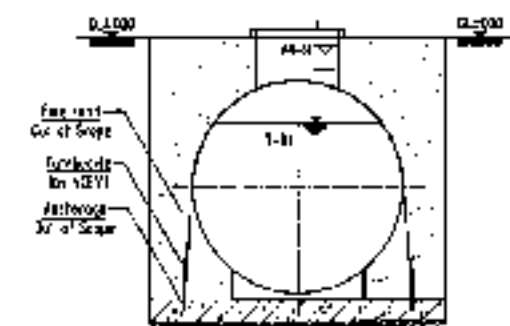
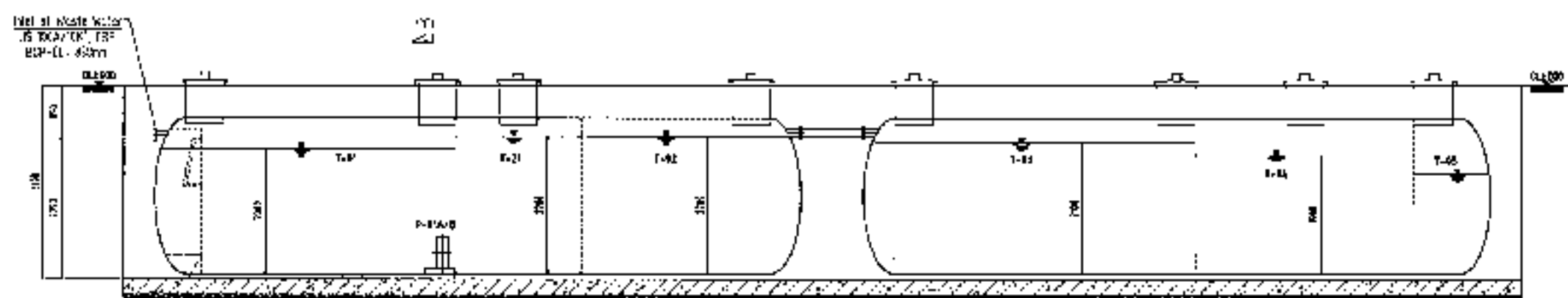
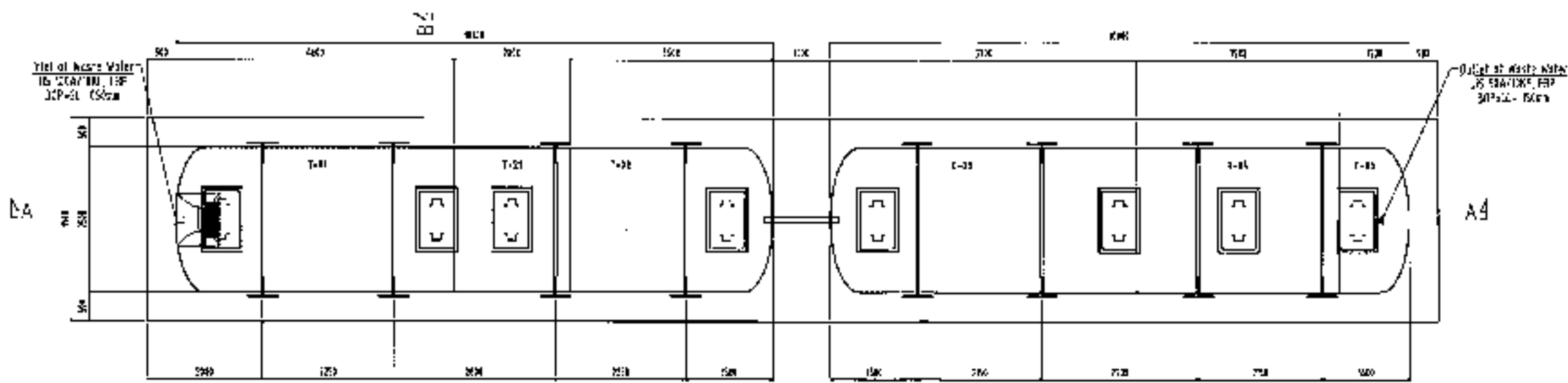
PROJECT TITLE:
**NEW FACTORY PROJECT
 DOMESTIC WASTE WATER TREATMENT FACILITY
 60m³/Day, FRP, QIKKASOU.**

LOCATION:

TITLE OF DRAWING:
FLOW CHART

SCALE:

DATE	07-12-2011
DESIGNER	[Signature]
CHECKER	[Signature]
APPROVER	[Signature]
NO.	FR-02
REV.	1/0



Item	Main Material	Amount	Specification	Capacity
1. T-01, Equalizer Tank	FRP	1	φ2.5m×4.8m(L)	20m ³
2. T-02, Aerobic Tank	FRP	1	φ2.5m×2.0m(L)	10m ³
3. T-03, Aerobic Tank	FRP	1	φ2.5m×3.5m(L)	24m ³
4. T-04, Sedimentation Tank	FRP	1	φ2.5m×5.3m(L)	10m ³
5. T-05, Discharge Tank	FRP	1	φ2.5m×3.5m(L)	1.0m ³
6. T-21, Sludge Storage Tank	FRP	1	φ2.5m×1.2m(L)	9m ³

- CONSTRUCTION:**
- 1. WET WASTEWATER PIPE
 - 2. DRY WASTEWATER PIPE
 - 3. ALL FILING AND CIVIL CONSTRUCTION WORK
 - 4. EXCAVATION, FOUNDATION AND ROOFING WORK
 - 5. GROUND WORK
 - 6. ELECTRICAL SOURCE TO CONTROL PANEL
 - 7. TEMPORARY FACILITY CONSTRUCTION WORK
 - 8. APPLICATION OF VALGATION
 - 9. DRINKING AND SLEEPING (SHOW IN ANOTHER DRAWING)

NCEV
 Add: 15025, Lot 5, Group 5, New Trung Hoa St., KM. 20
 Tel: 0224-01-41-7831617/18/19
 Web: www.ncevequipment.com.vn
 Email: info@ncevequipment.com.vn

それ以外の水と空気のために
 NAKAGAWA CHEMICAL EQUIPMENT VN CO., LTD.

SHIMIZU CORPORATION
 SHIMIZU APPROVAL:

PROJECT TITLE:
 NEW FACTORY PROJECT
 DOMESTIC WASTE WATER TREATMENT FACILITY
 50m³/Day, FRP, JONKASOU,
 LOCATION:

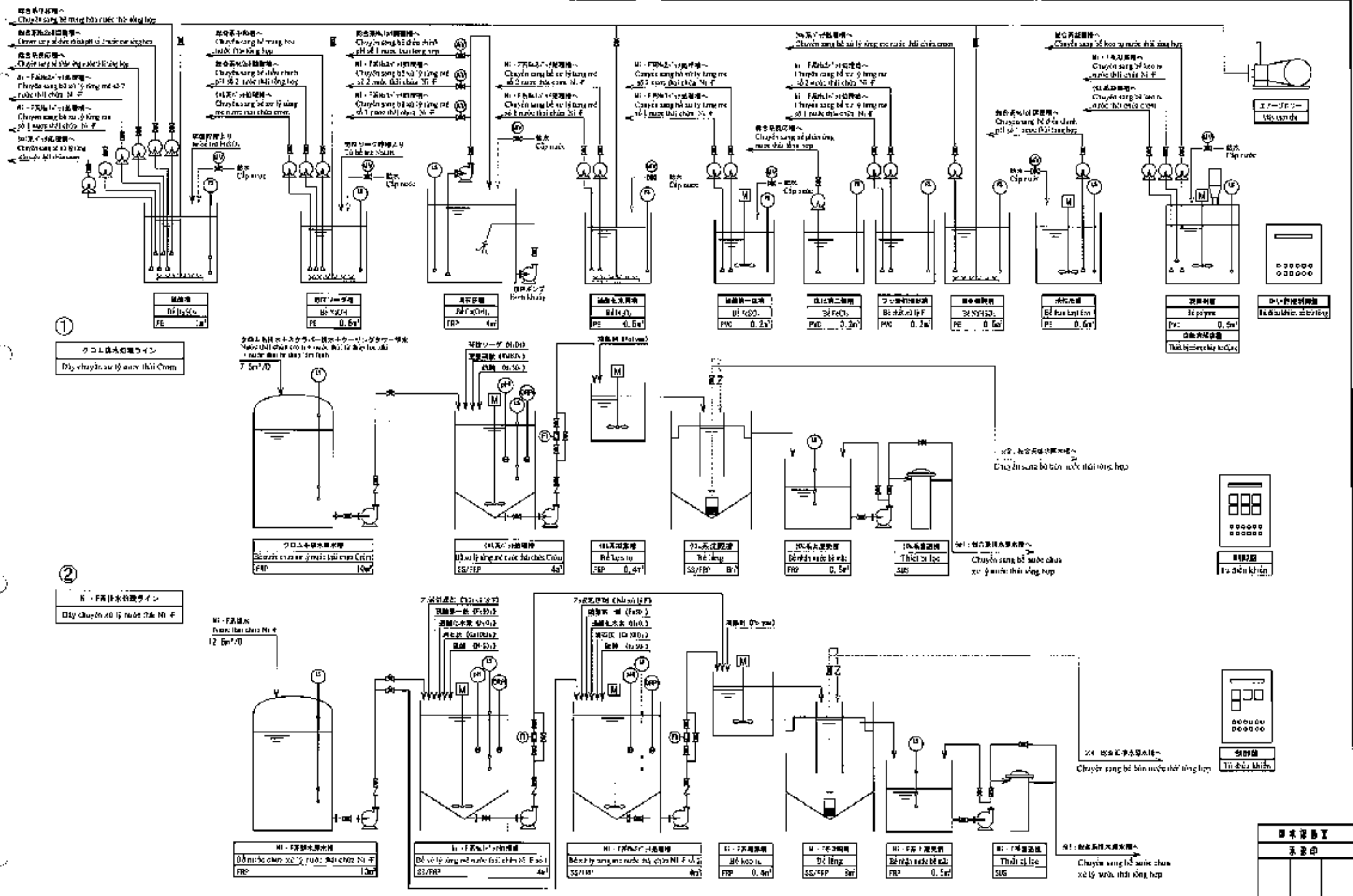
TITLE OF DRAWING:
 LAYOUT OF EQUIPMENT
 SCALE:

REVISION:
 NO. 1
 DATE: 2024/01/19

APPROVAL:
 NAME: [Signature]
 POSITION: [Title]

DATE: 2024/01/19

PROJECT NO.: PQ-07
 DRAWING NO.: 123-198-003-192



①
クロロム消毒ライン
Đầu chuyển xử lý nước thải Công

②
Ni-F水処理ライン
Đầu chuyển xử lý nước thải Ni-F

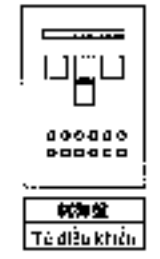
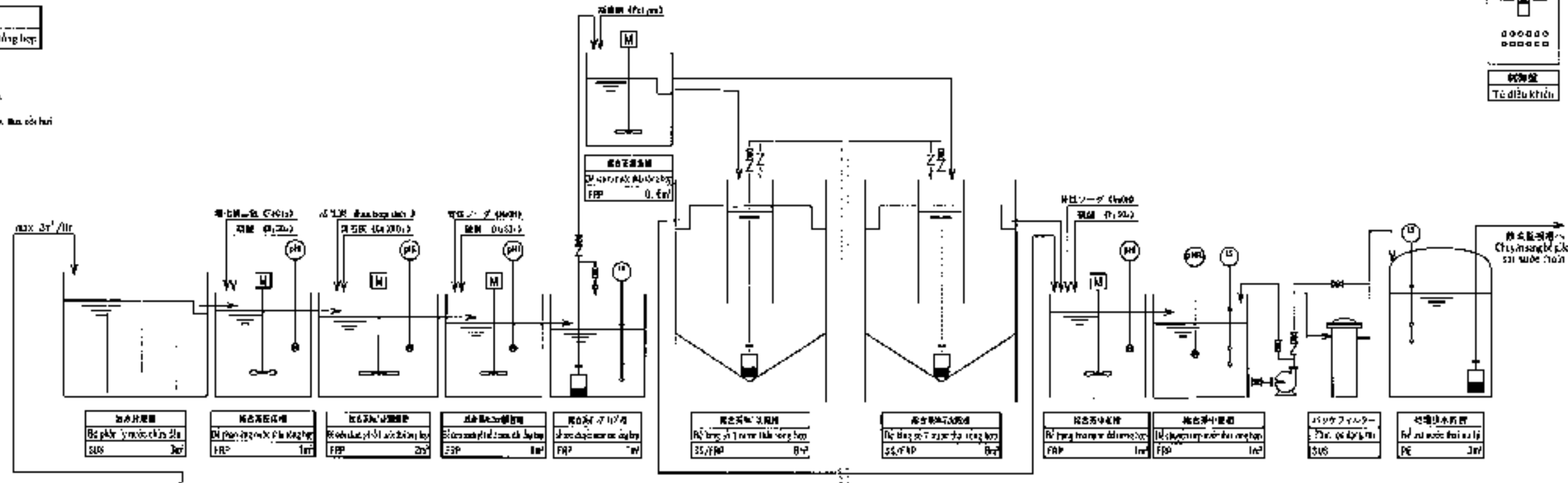
* 本図面及び計画に開示する資料を第三者へ開示しないことをお約束します。
Yêu cầu cam kết không tiết lộ bản vẽ này và tài liệu liên quan đến kế hoạch cho bên thứ ba

③

総合排水処理ライン
Đầy chuyền xử lý nước thải tổng hợp

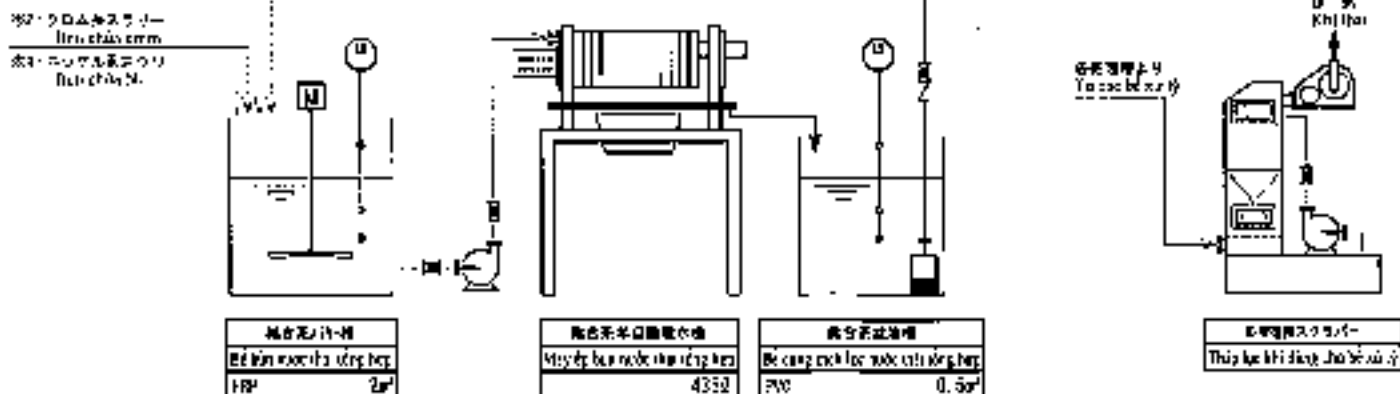
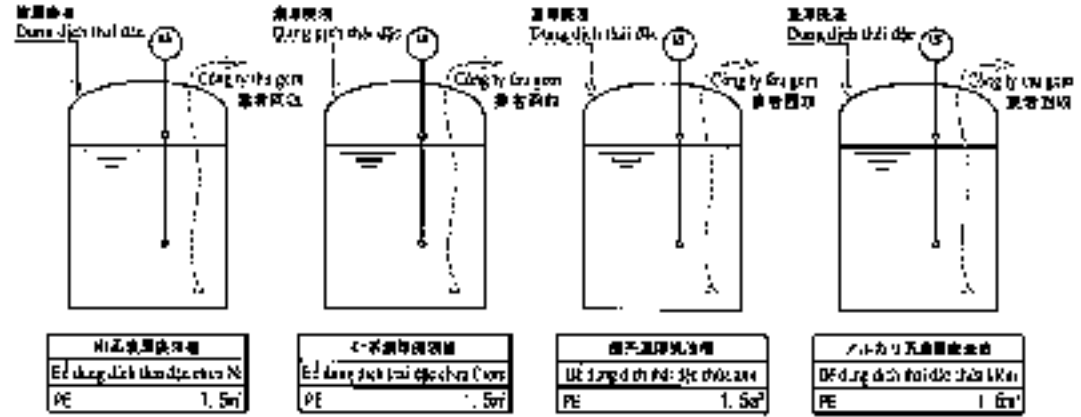
この図、図アルの排水
システムは、排水、トイレ排水、
水道水(浄水)、MPP、MPP
+ 水道水(浄水)の排水処理システムを示しています。
10m³/D

40⁰ x 2000mm 排水槽
MPP (浄水) 排水槽
40⁰ x 2000mm 排水槽
MPP (浄水) 排水槽
MPP (浄水) 排水槽



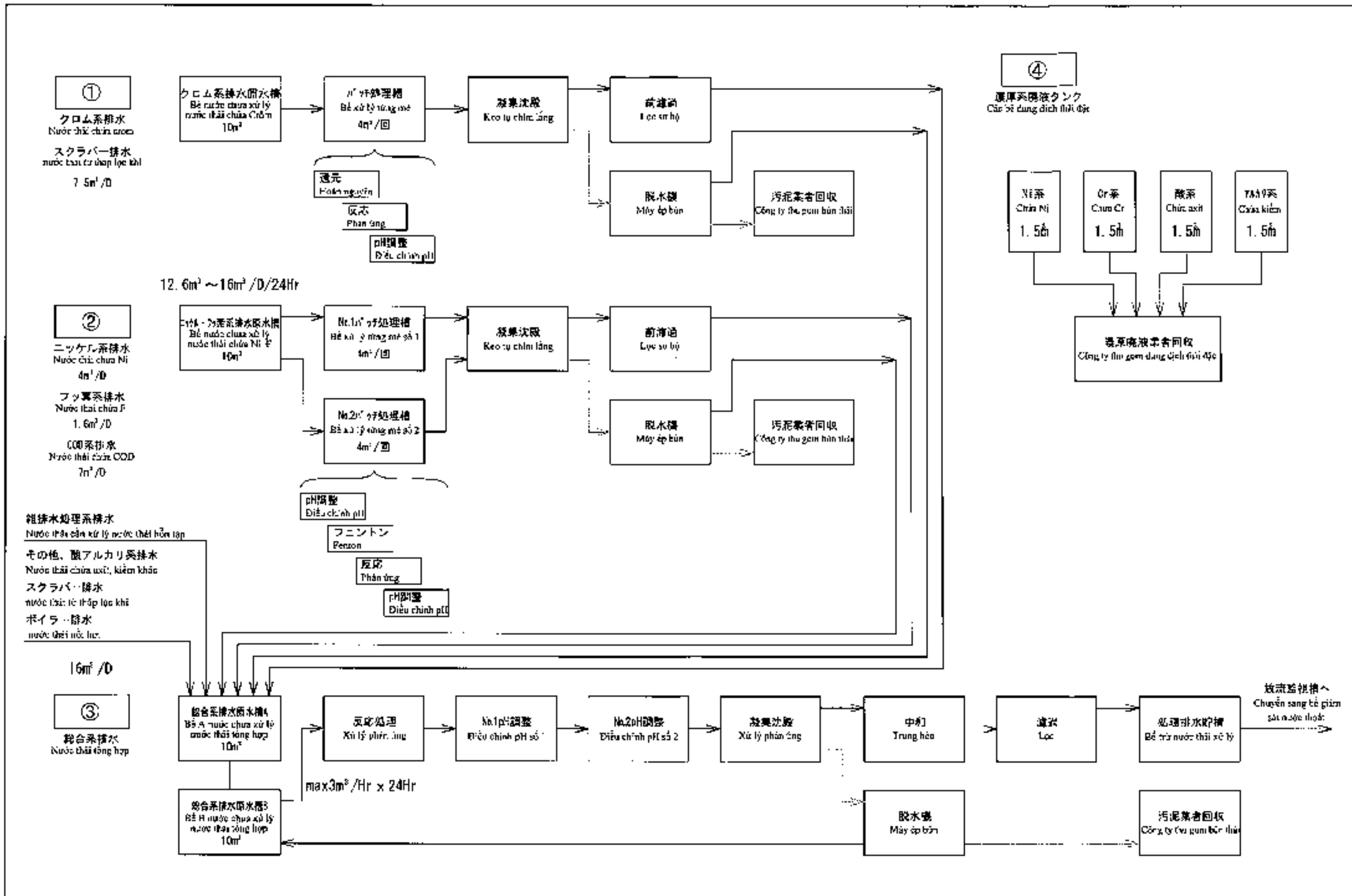
④

濾過処理タンク
Cao bể lọc nước thải



製図者 Chế đồ	承認者 Chấp thuận
製図 Chế đồ	承認 Chấp thuận

* 本図面及び計画に関係する資料を第三者へ開示しないことをお約束いたします。
Yêu cầu cam kết không tiết lộ bản vẽ này và tài liệu liên quan đến kế hoạch cho bên thứ ba

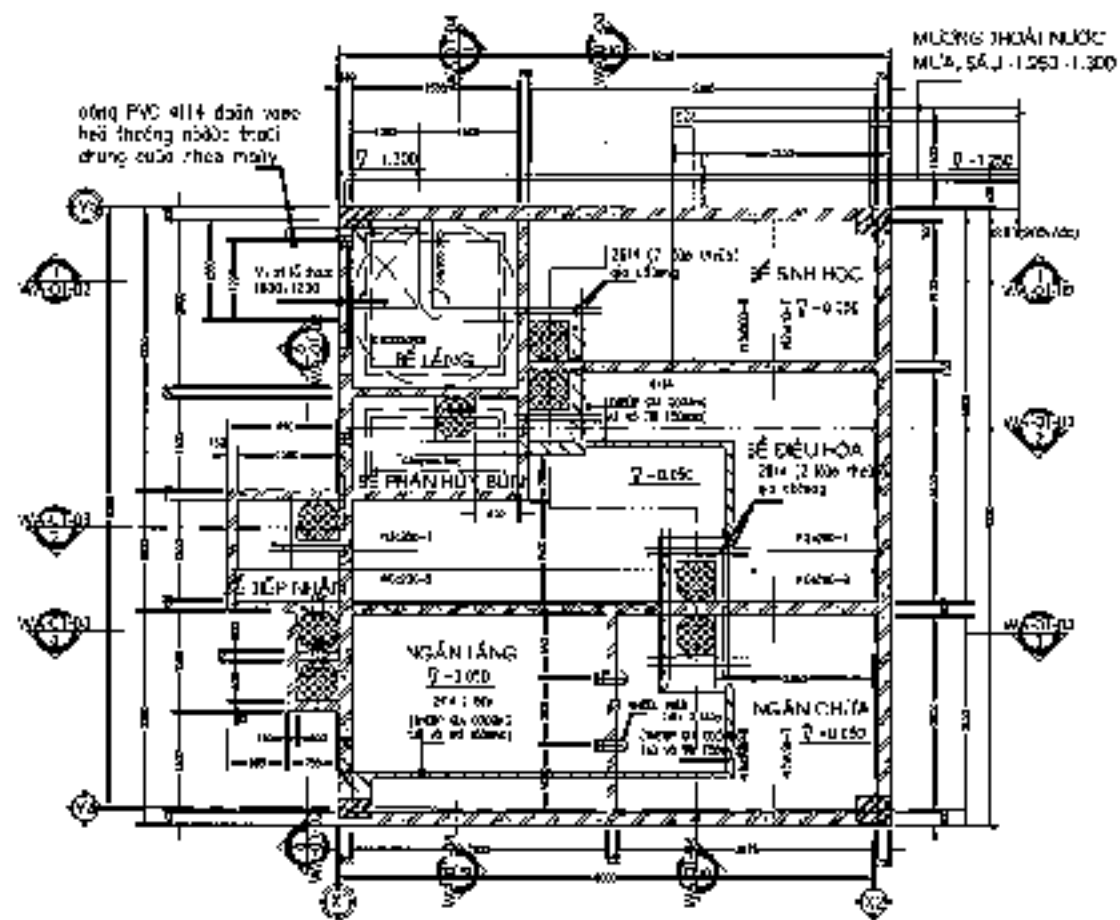


※：本図面及び図面に添付する資料を第三者へ展示しないことをお約束いたします。
Yêu cầu cam kết không tiết lộ bản vẽ này và tài liệu liên quan đến kế hoạch cho bên thứ ba

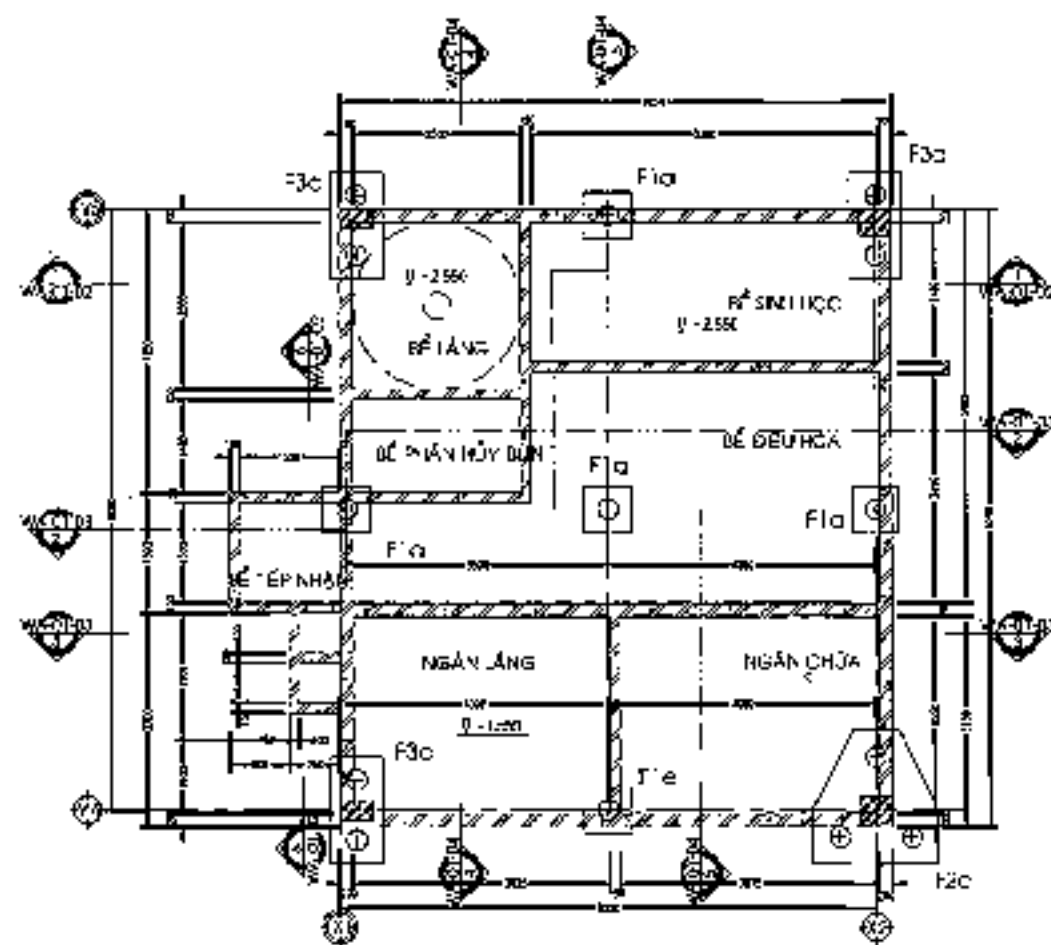
株式会社 駿河生産プラットフォーム 股
株式会社 ユーテック

ベトナム工場 排水処理設備
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY VIỆT NAM
排水ブロックチャート (※密閉)
Bảng đồ khối (bản vẽ kín đáo)

設計	監査	承認	設計年月日: 2015年 10月 20日
		Free	管理番号: NO.LTN26249B2



MẶT BẰNG NẬP BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



MẶT BẰNG ĐÁY BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN
M&S ION

12 13-17/15, đường số 3, Khu chế
vực SÀI GÒN - Linh Trung, Quận
Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN
CÔNG NGHỆ MẠNH

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ THIẾT KẾ
CÔNG NGHỆ MẠNH SÀI GÒN
PHẦN MỀM CÔNG NGHỆ MẠNH SÀI GÒN

VỀ PHÍA AI

HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN A

TÊN ÁN: 2024

QUY ĐỊNH

ĐƠN VỊ: KINH DOANH

CÔNG TRÌNH

HIỆ THẠNH KỸ THUẬT NƯỚC THẢI
SINH HOẠT

CÔNG SUẤT: 10 M3/NGÀY

THANG MỐC

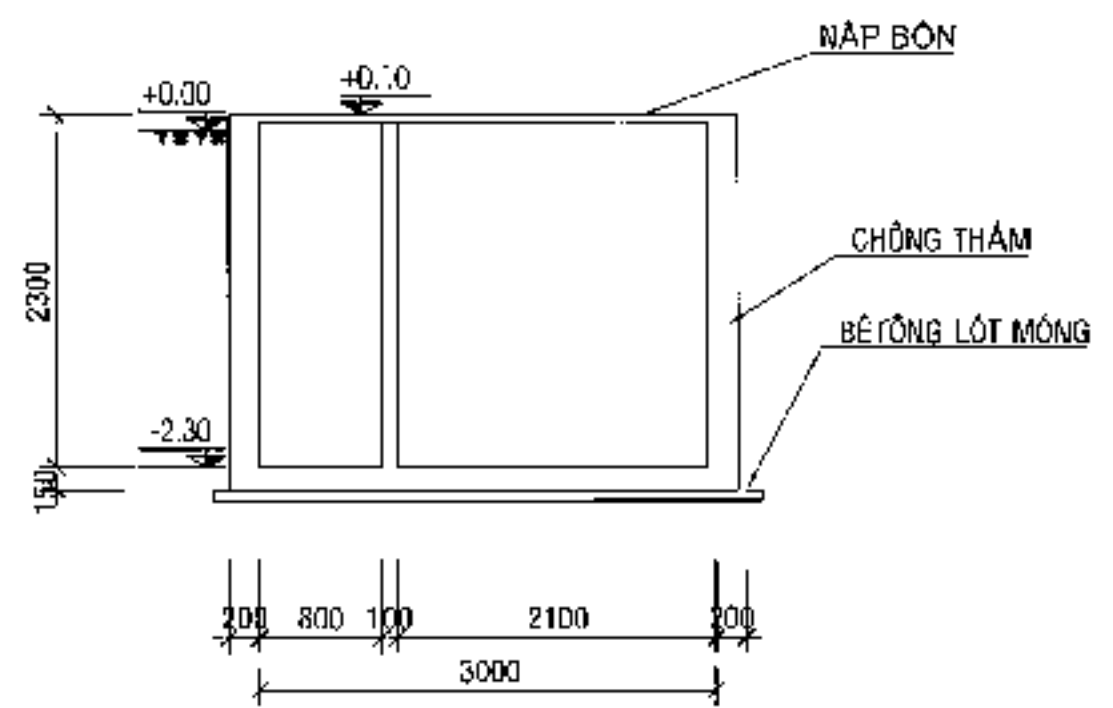
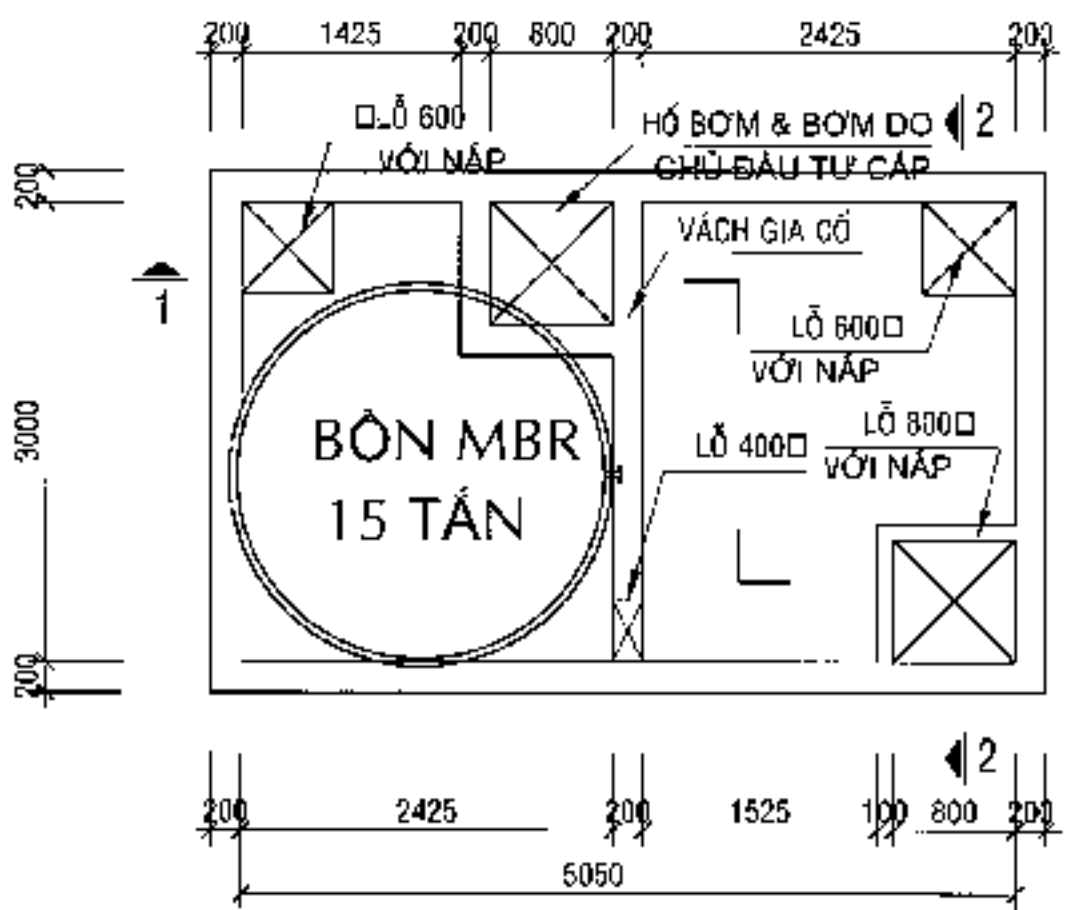
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG KẾT CẤU CÁC BỂ
XỬ LÝ

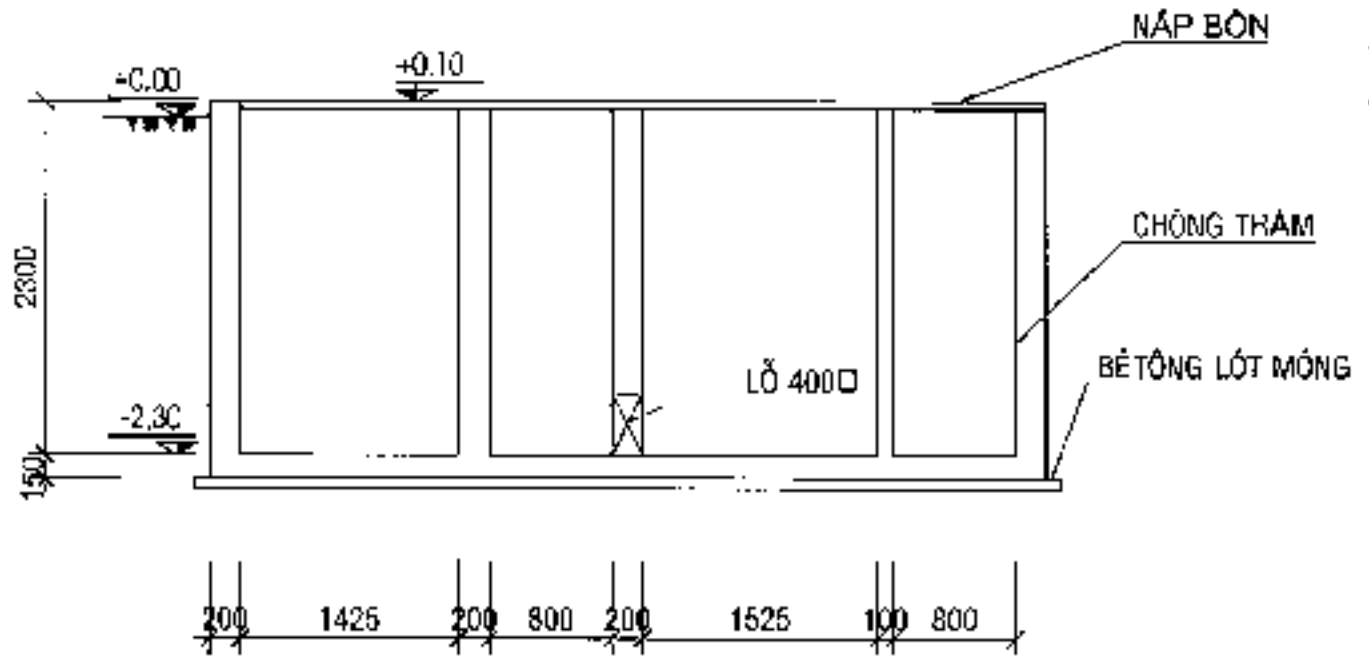
TITLE	1/30
KỖ GIẤY	A3
TỶ SỐ BẢN VẼ	1/1
KÝ TỜ BẢN VẼ	CH - N12
NGÀY	25/04

RevNo	Revision note	Date	Signature	Checked



MẶT BẰNG BỂ ĐIỀU HÒA & KHOANG CHỨA BÙN

MẶT CẮT 2-2



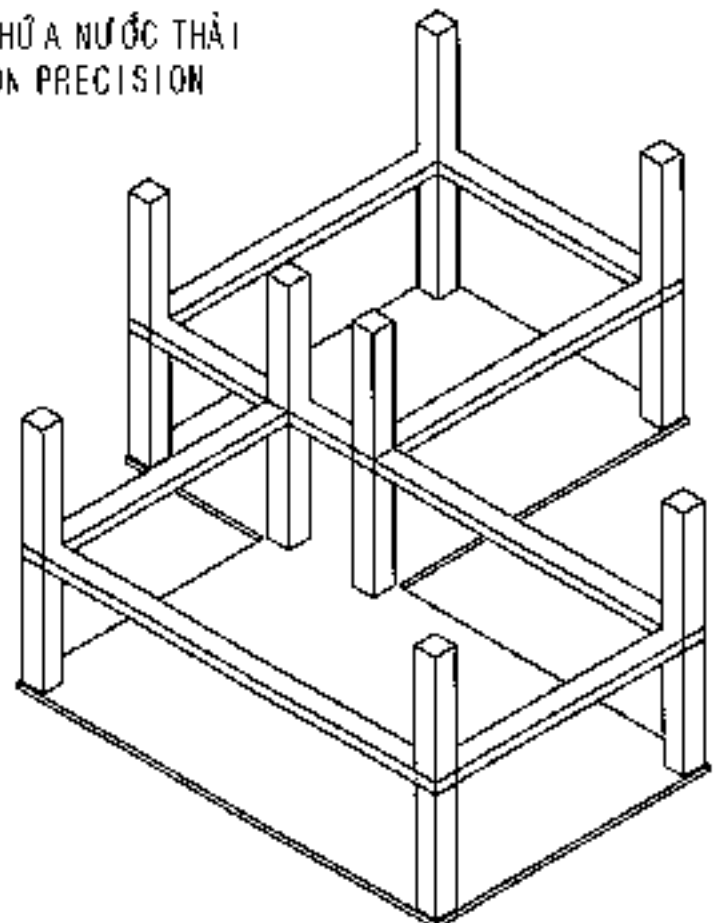
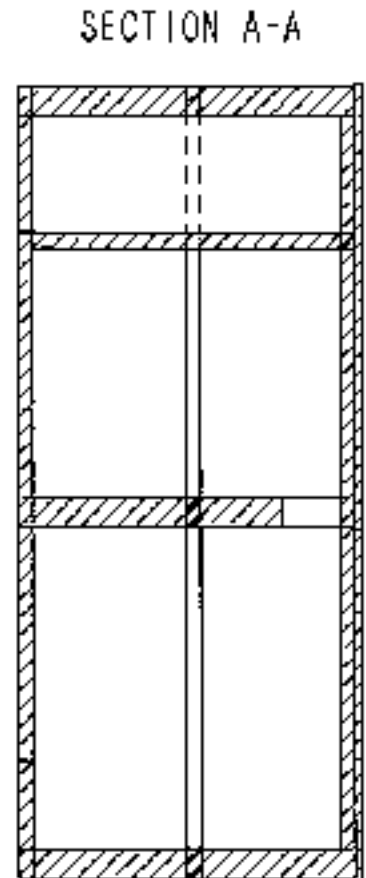
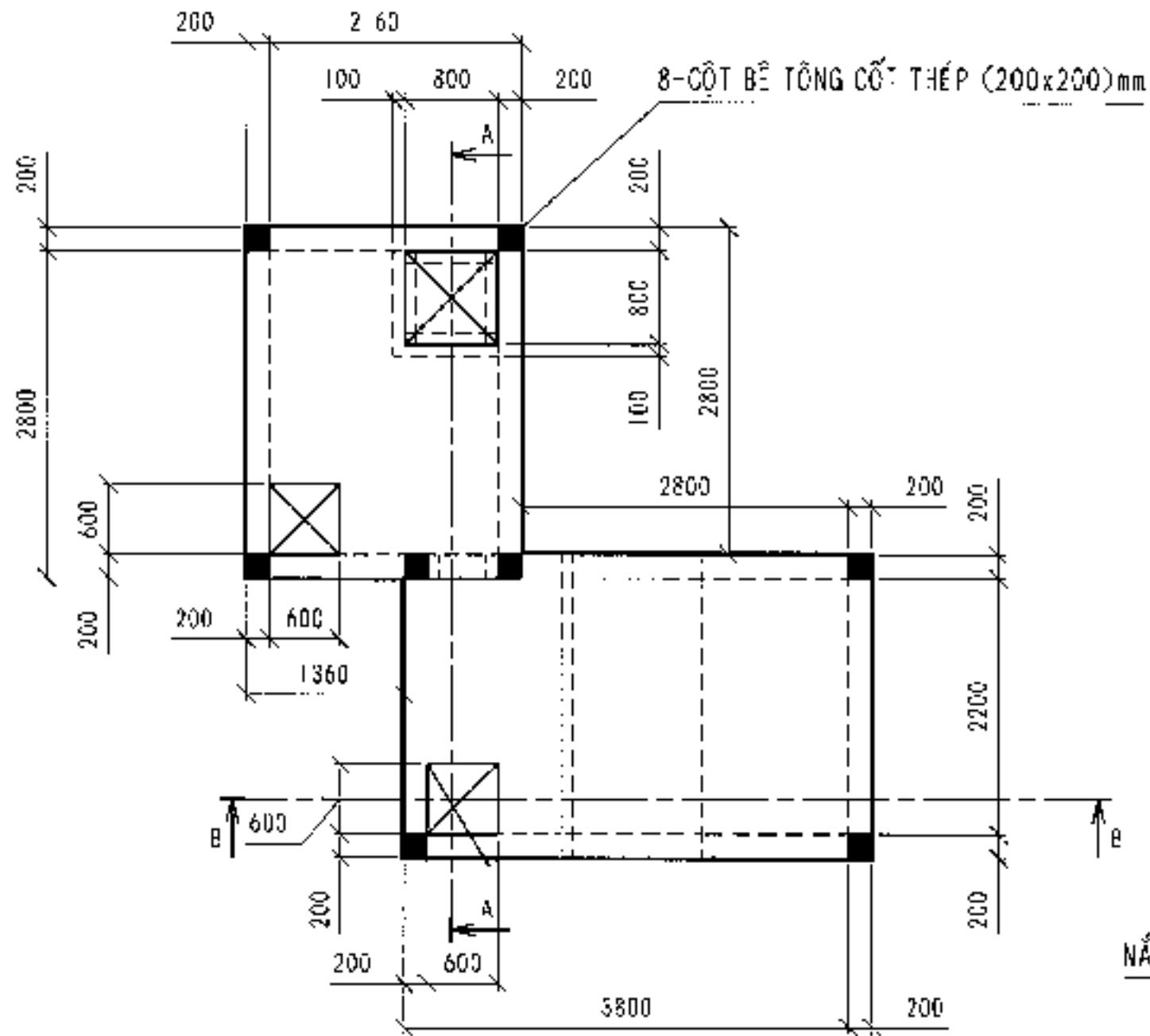
MẶT CẮT 1-1

THUYẾT MINH

- BẢN VẼ KẾT CẤU CẦN ĐƯỢC ĐỌC CHUNG VỚI BẢN VẼ KIẾN TRÚC, CÔNG NGHỆ
- CAO ĐỘ ±0.00 TƯƠNG ỨNG NỀN HIỆN HỮU
- BÊ TÔNG LÓT M100, DÀY 50MM
- TƯỜNG GẠCH CHÌO TOÀN BỘ CỤM BỂ & GIA CỠ BĂNG ĐÀ KIỀNG.
- KẾT CẤU BÊ CHỊU TRÁCH NHIỆM BỞI NHÀ THẦU THI CÔNG.
- TOÀN BỘ TƯỜNG TRONG VÀ ĐÁY CỤM BỂ SƠN 1 LỚP SƠN CHỐNG THẤM
- TẤT CẢ KÍCH THƯỚC ĐƯỢC GHI THEO MM, CAO ĐỘ THEO M

Designed by	Checked by	Approved by	File name	Date	Scale
			LAYOUT	07 Sep. 2012	
Contractor:			Owner:		
TUONG PHAT ENVIRONMENT TECHNOLOGY CO., LTD			SAIGON PRECISION - FACTORY I		
Drawing: M-002		Edition	Sheet		

CÔNG TRÌNH BỂ CHỨA NƯỚC THẢI
 NHÀ MÁY 1 SAIGON PRECISION



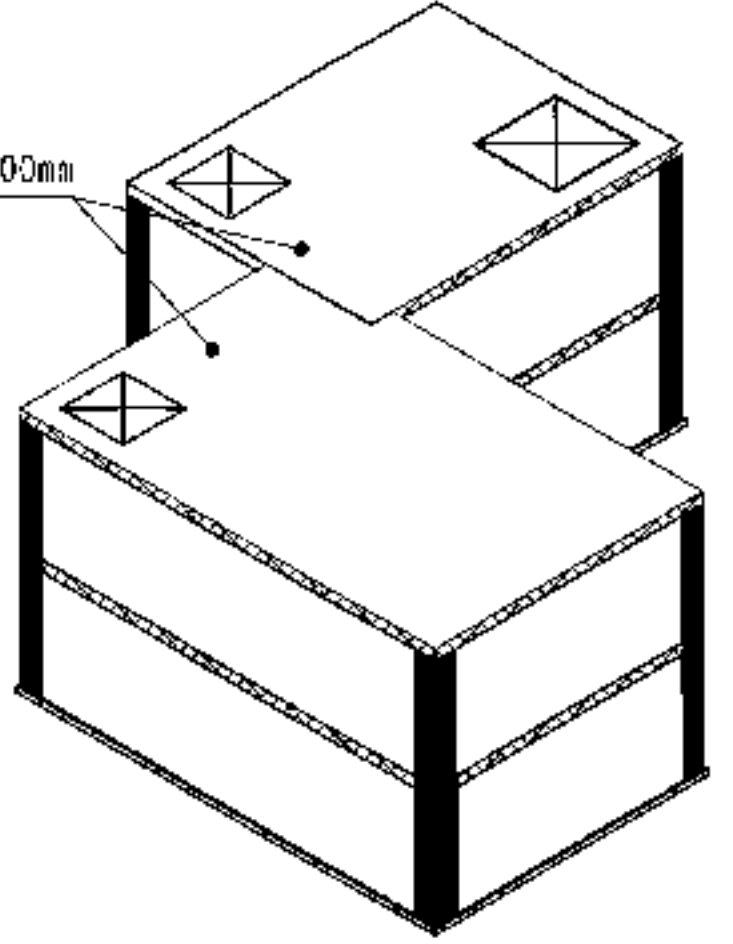
NẮP ĐÁY BỂ CHỨA BÊ TÔNG M200 DÀY 100mm

TƯỜNG GẠCH Đ INH (200x200)mm

DÀ GIẰNG BÊ TÔNG (200x100)mm

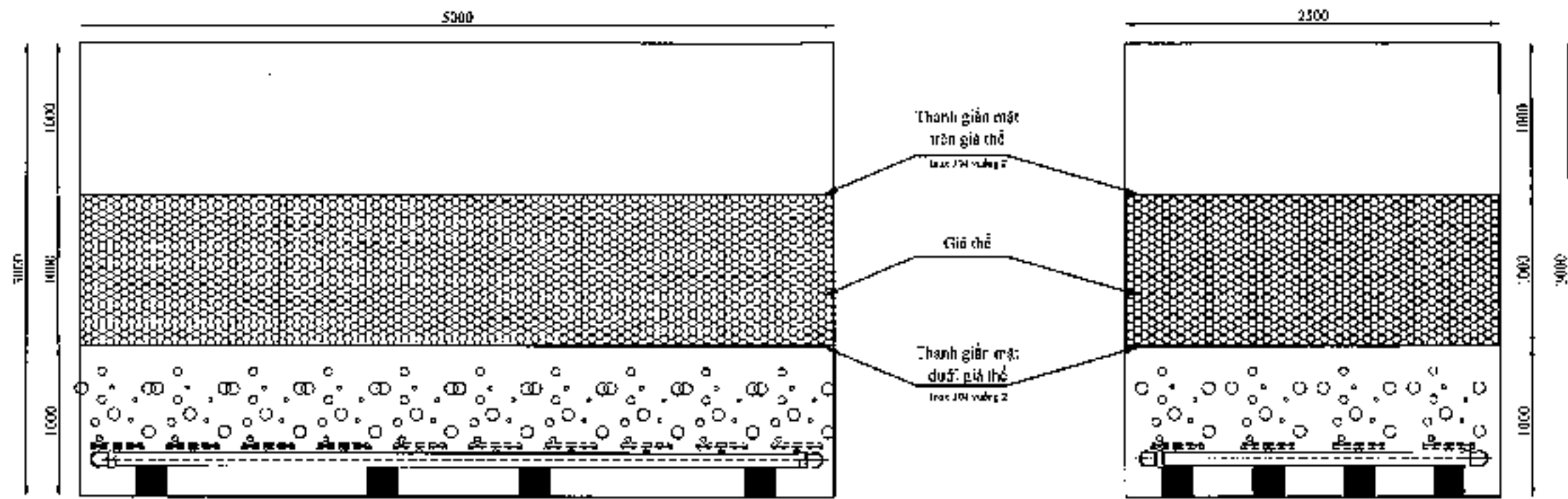
BÊ TÔNG Đ ÁY BỂ M200 DÀY 100mm

BÊ TÔNG LÁT MÓNG M100 DÀY 50mm



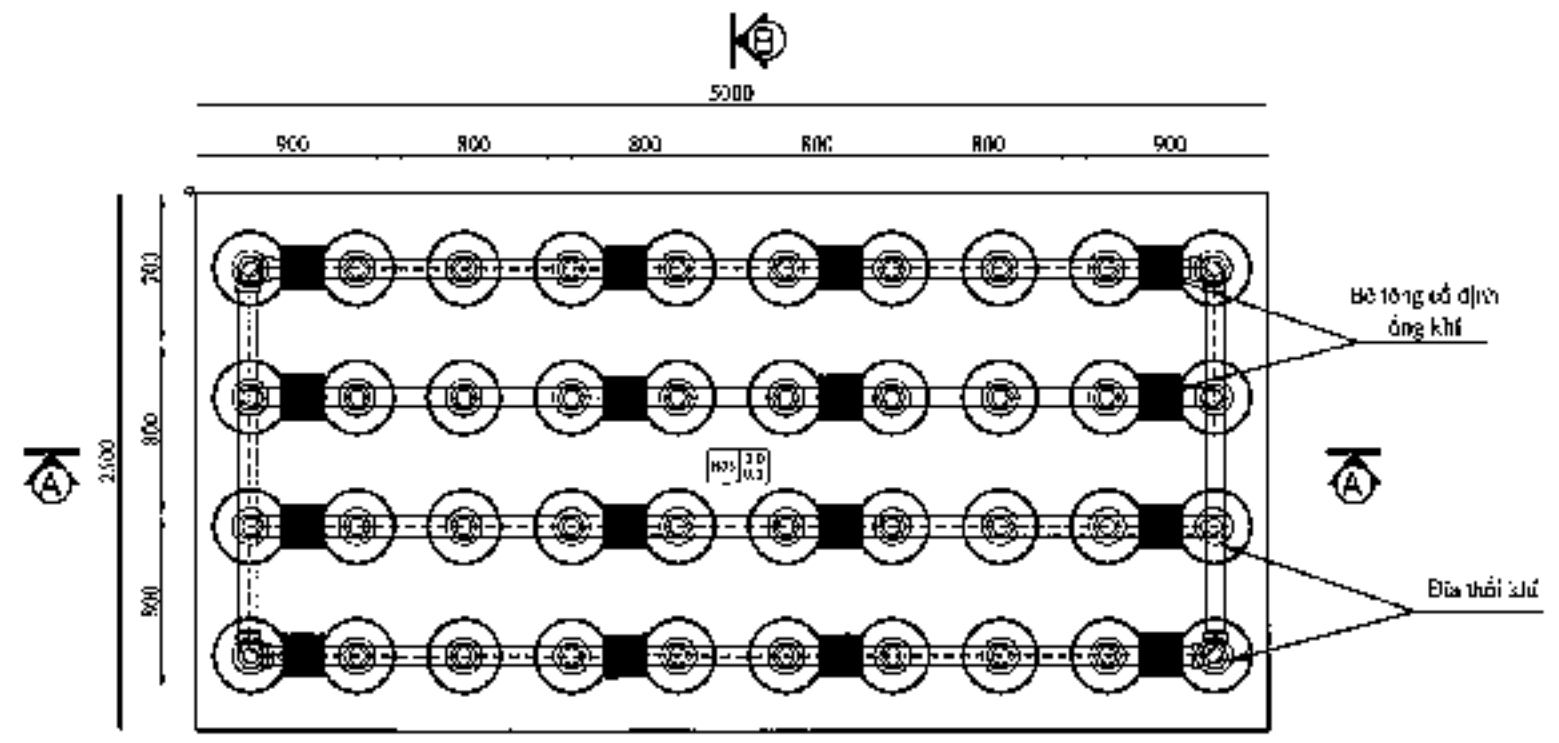
SECTION B-B

BẢN VẼ KỸ THUẬT - CÔNG TRÌNH - CHẾ BẢN TẠI: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ SAIGON PRECISION

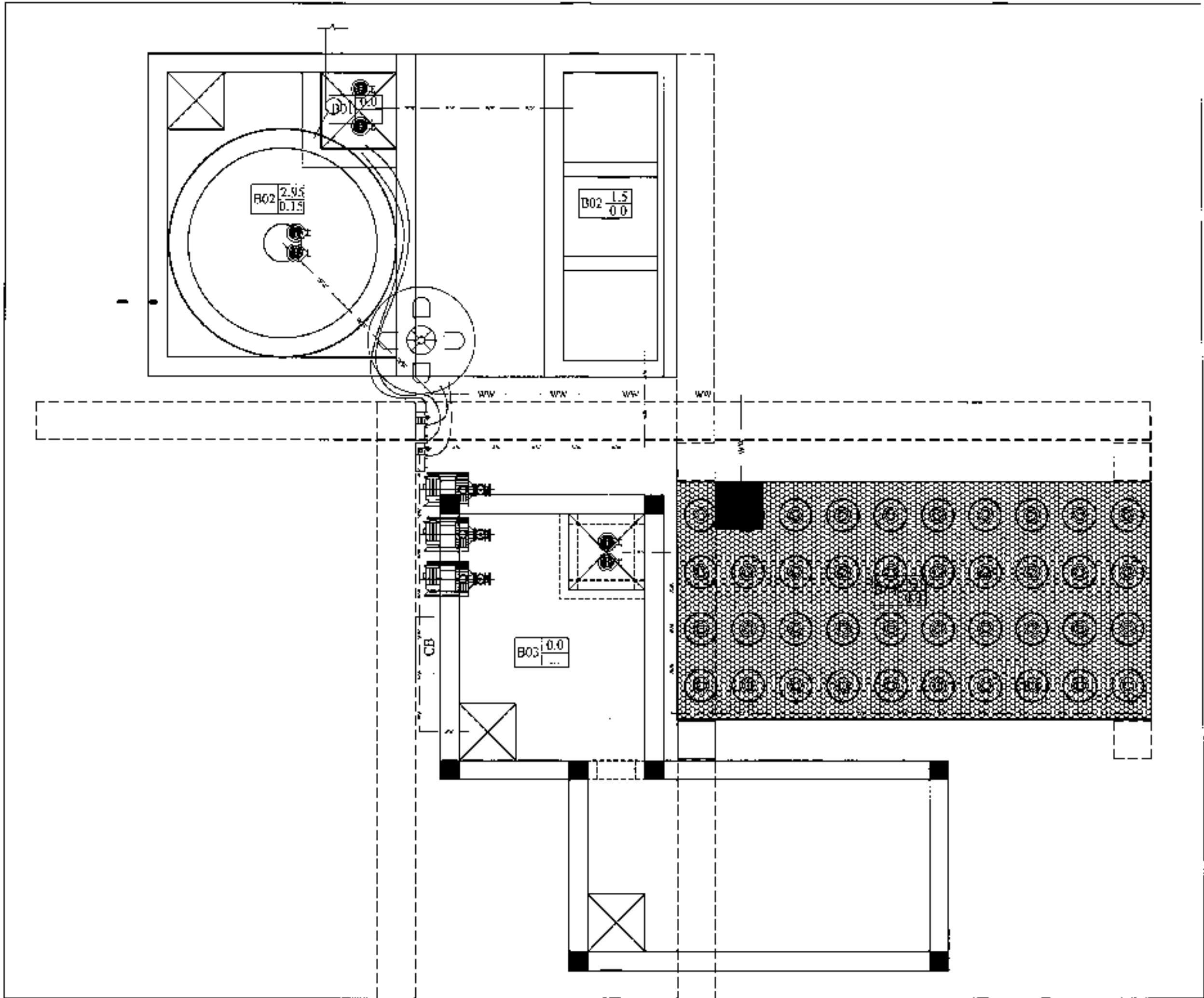


MẶT CẮT B - B

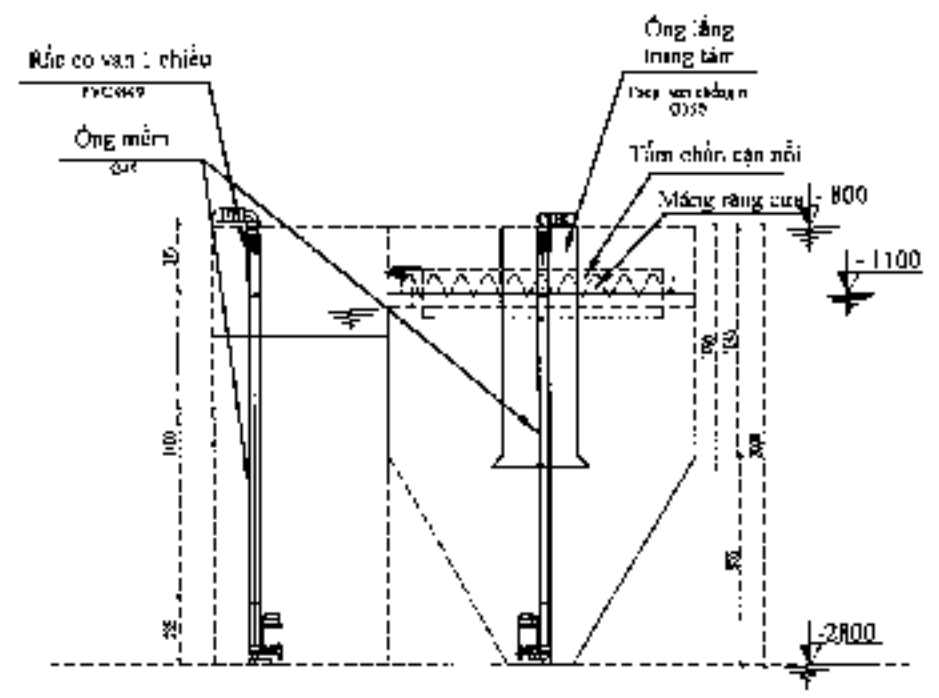
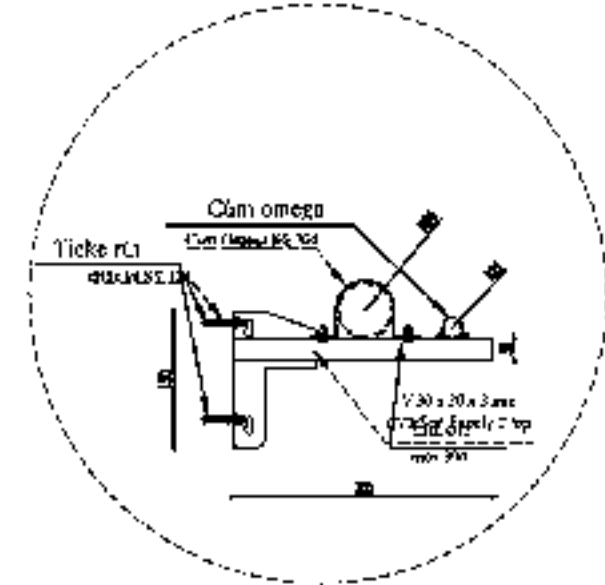
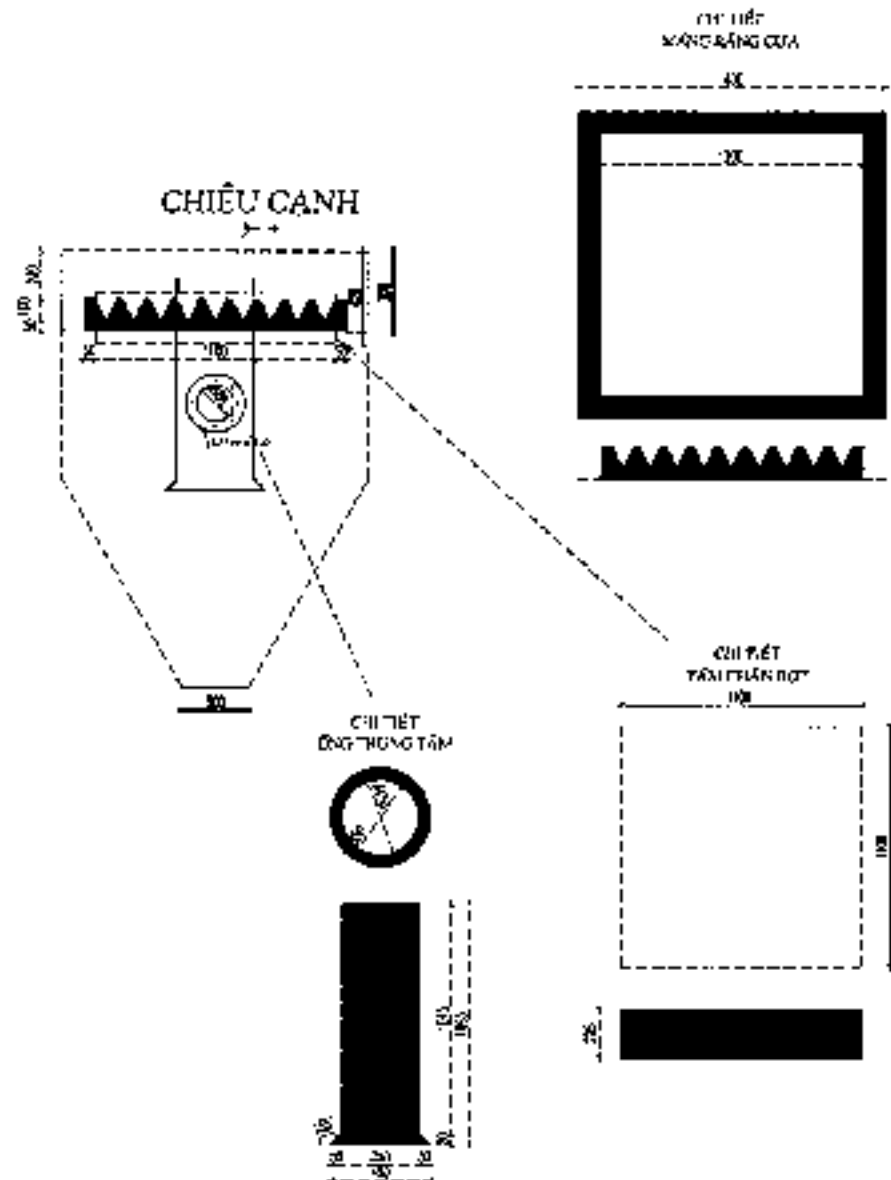
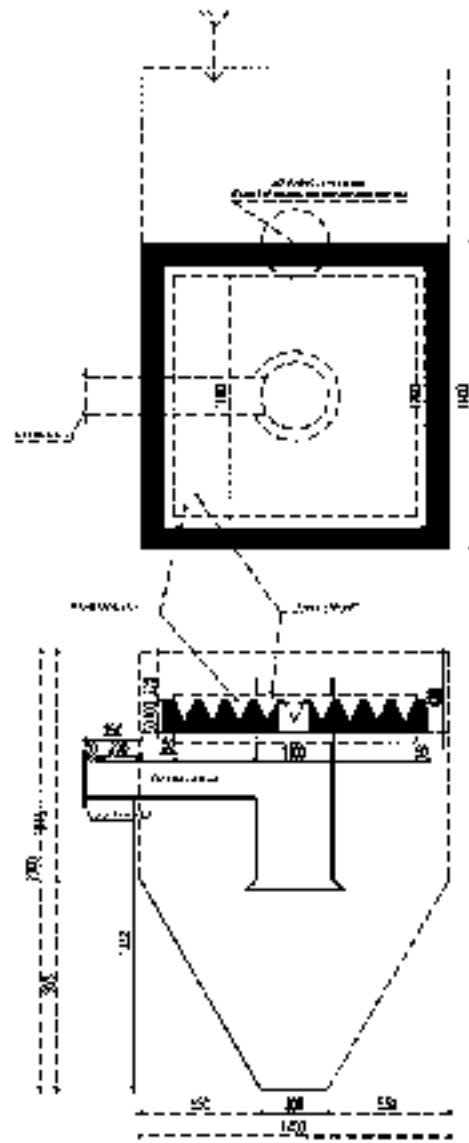
MẶT CẮT A - A



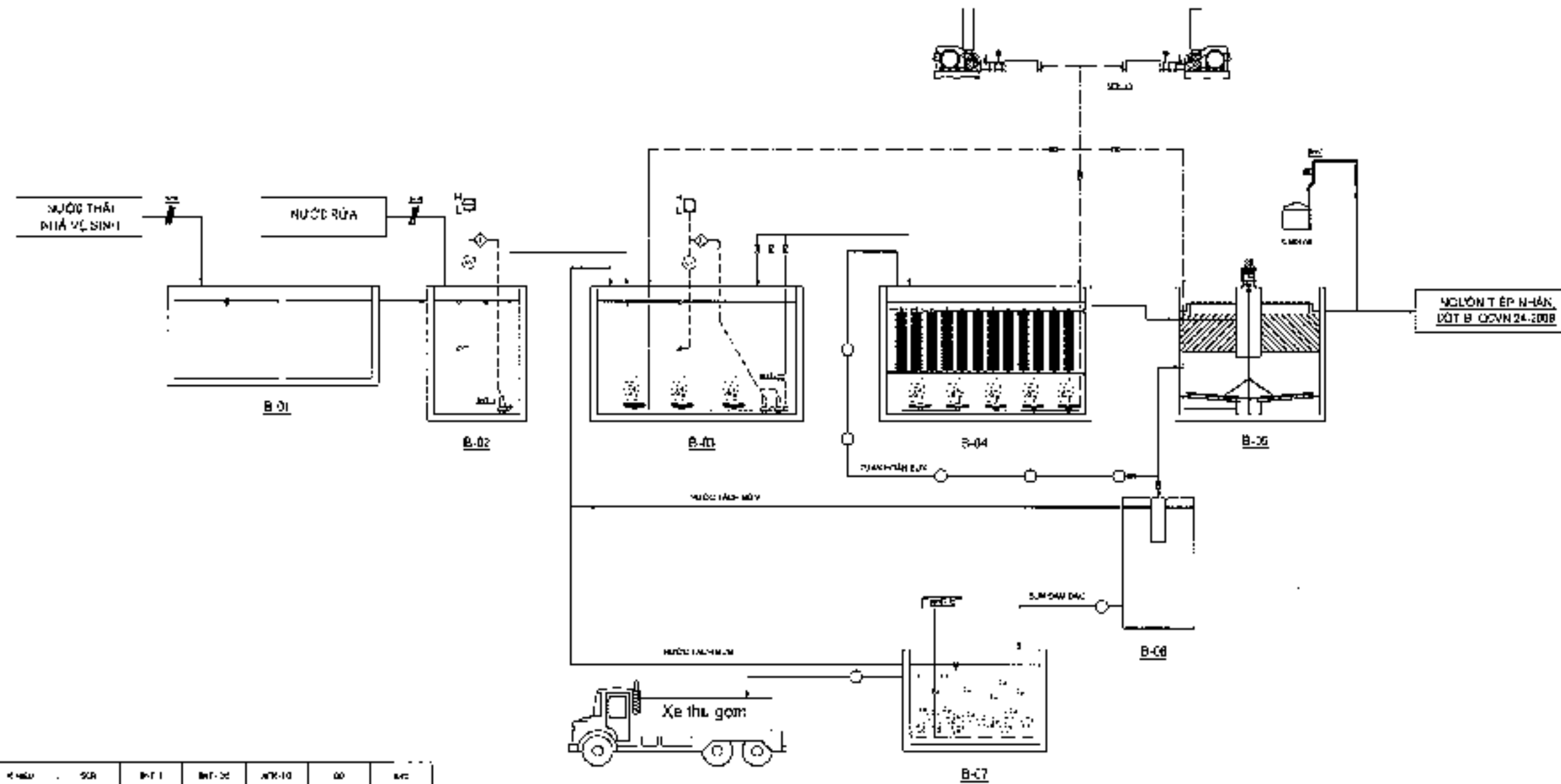
MẶT BẰNG



CHIẾU ĐỨNG



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



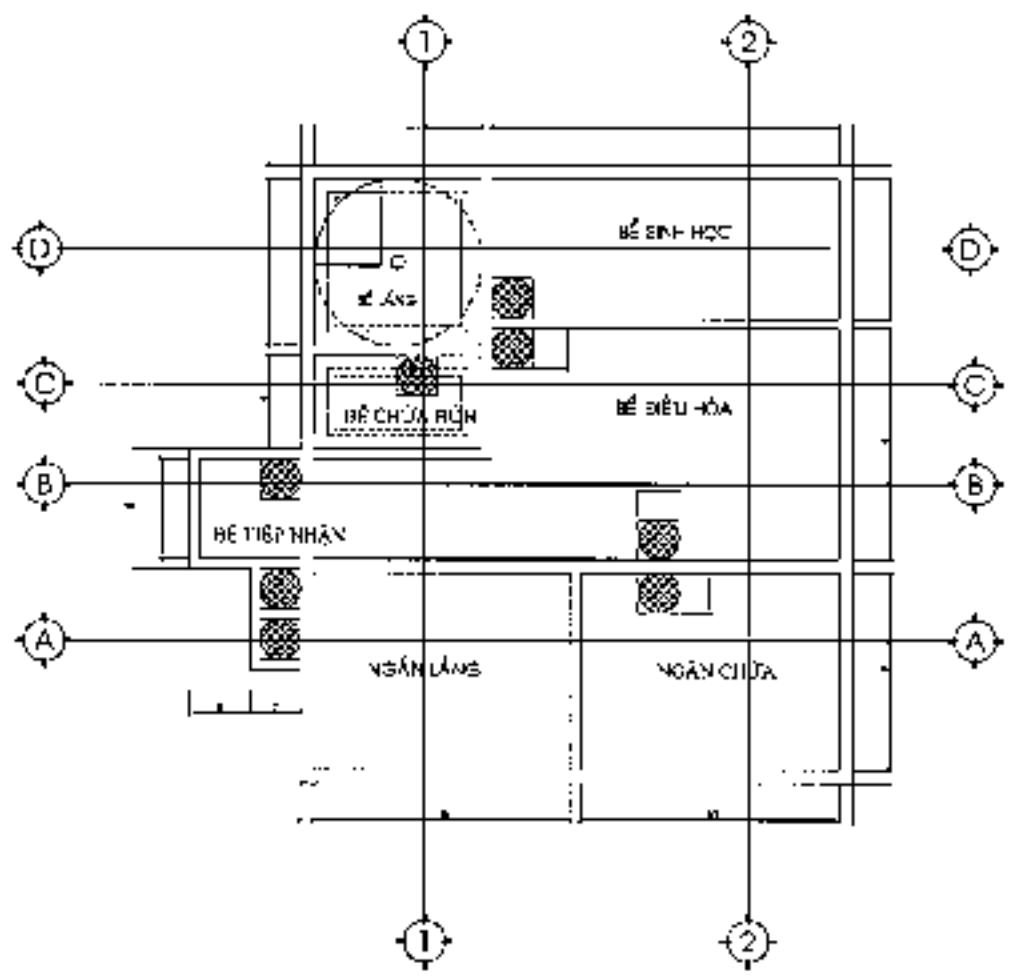
STT	QUY	BH-T-1	BH-T-2	NTR-10	00	00
1	1	1	1	1	1	1

STT	QUY	BH-T-1	BH-T-2	NTR-10	00	00
1	1	1	1	1	1	1

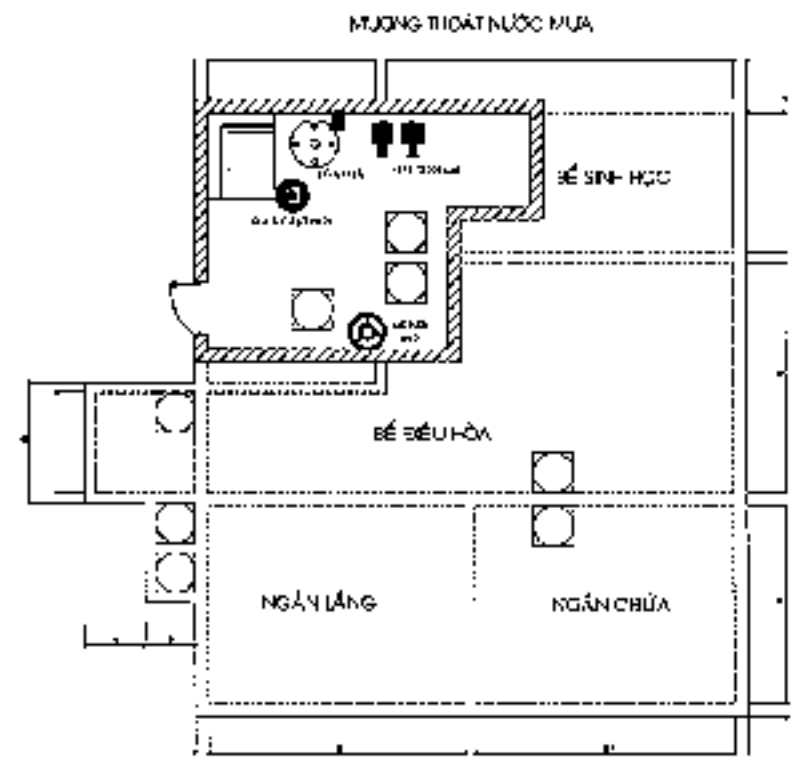
CHỈ DẪN

- Van 1 chiều
- Van cầu
- Van bướm
- Tín hiệu cảm biến áp suất nước
- Đường ống dẫn nước thải
- Đường ống phân phối khí
- Đường ống dẫn chính
- Đường ống

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ SẠCH	
Số 5, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	
Công ty TNHH Thiết Kế và Xây Dựng Công Nghệ Sạch 5 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: 0903 123456	
Ngày: 15/05/2024	
Tên bản vẽ:	
Nội dung:	
Tỷ lệ:	
Ngày:	

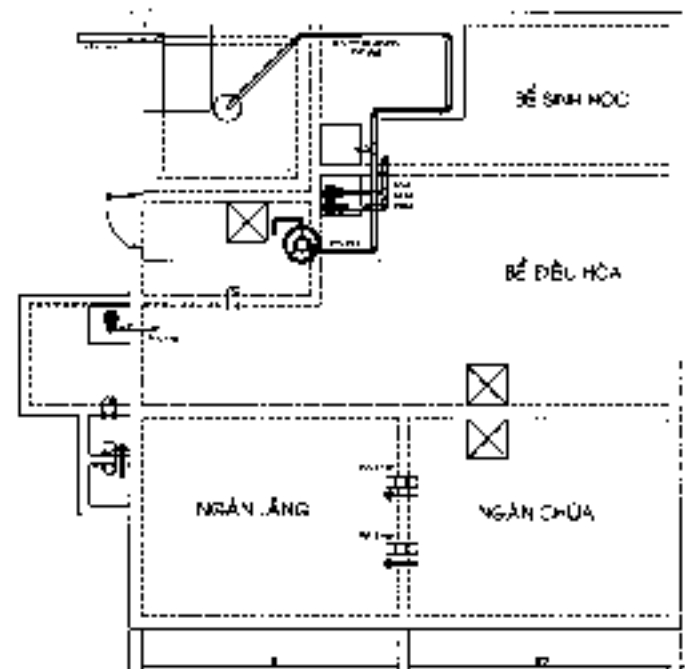


MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRẠM XLNT

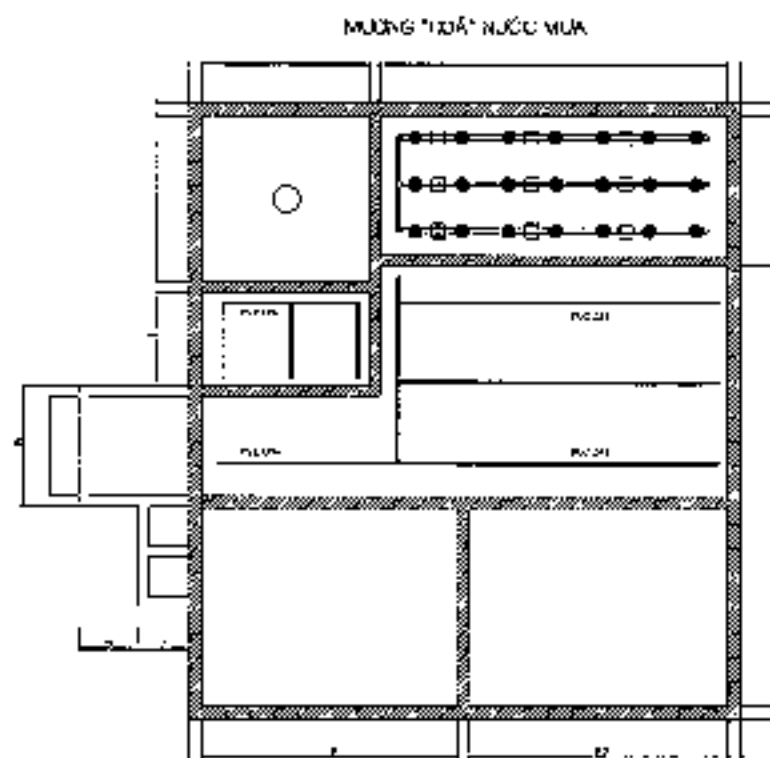


MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG NHÀ ĐIỀU HÀNH

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION LÔ 15-17-19, Đường số 2, Khu dân cư Sầu Gòn - Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ XAEL	
	
KẾ HOẠCH THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT	
KHU VỰC: ...	
MỤC TIÊU: ...	
NGÀY THỰC HIỆN: ...	
CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SÁT 12 NGÀY-Y	
HẠNG MỤC BAN VẼ HOÀN CÔNG	
TÊN BAN VẼ MẶT BẰNG BỐ TRÍ NHÀ ĐIỀU HÀNH	
T.L.S.	H.N.
KHỔ GIẤY	A3
TỶ LỆ BẢN VẼ	1:2
KÝ HIỆU BẢN VẼ	CN - 312
NGÀY	2016



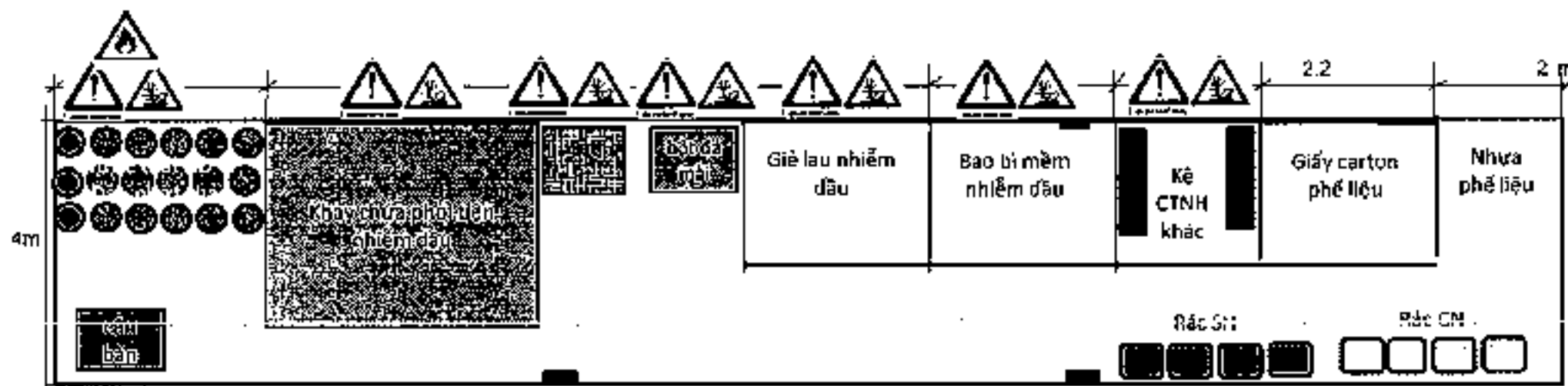
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

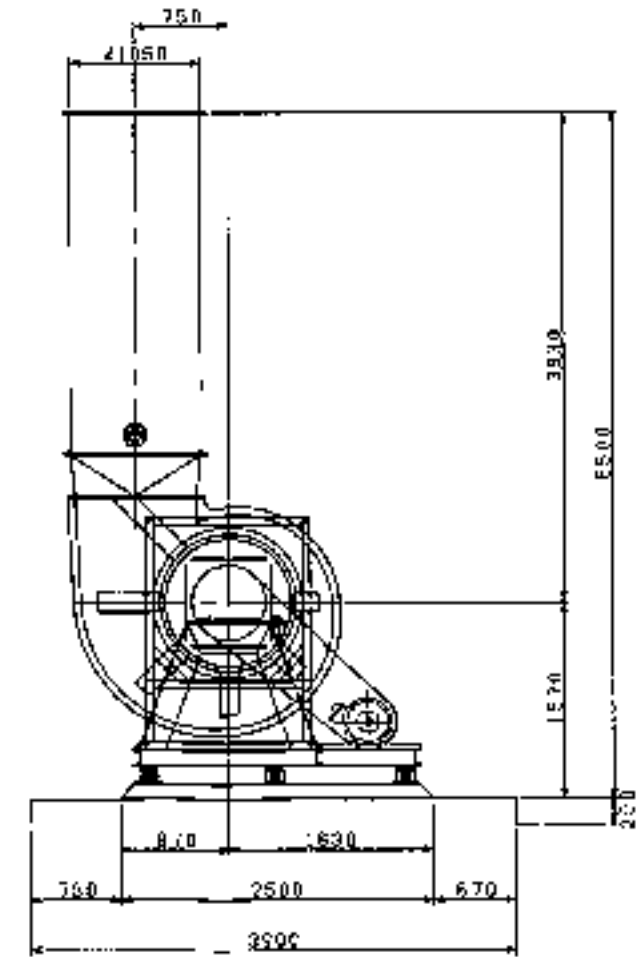
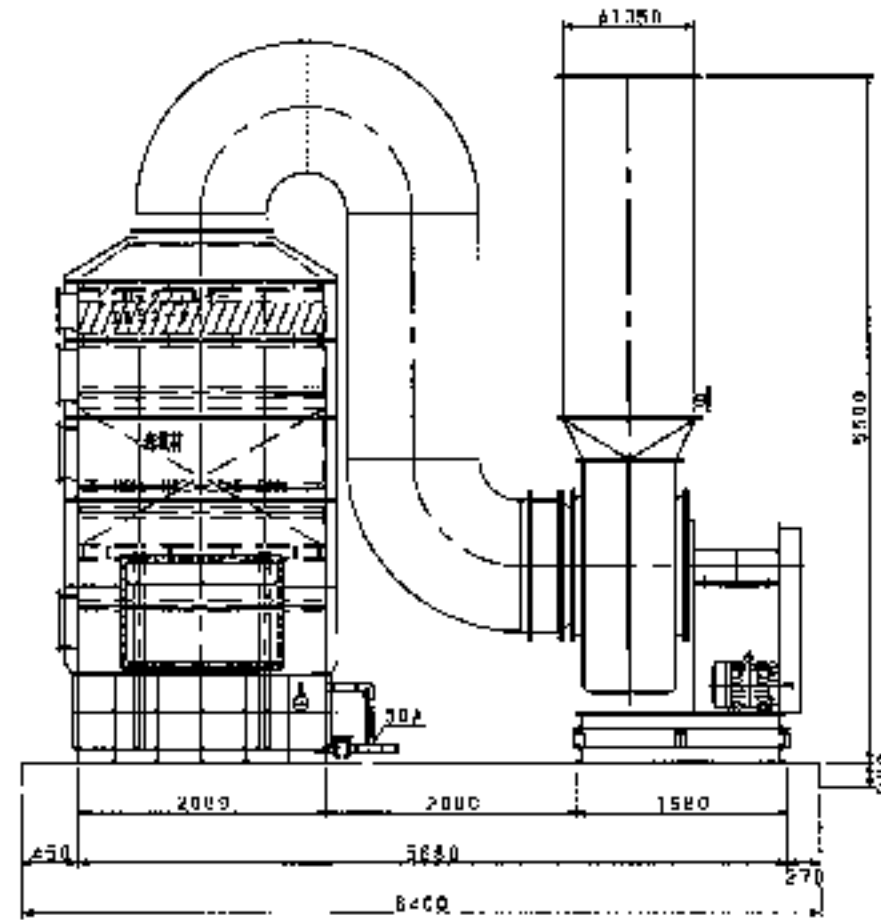
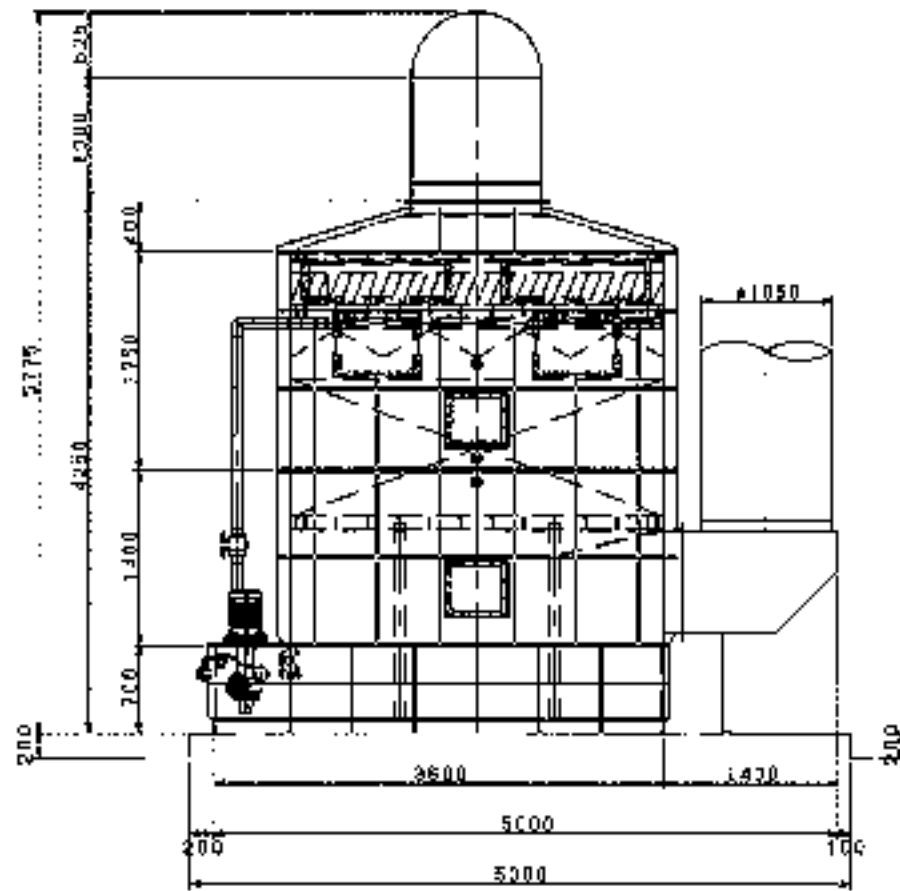
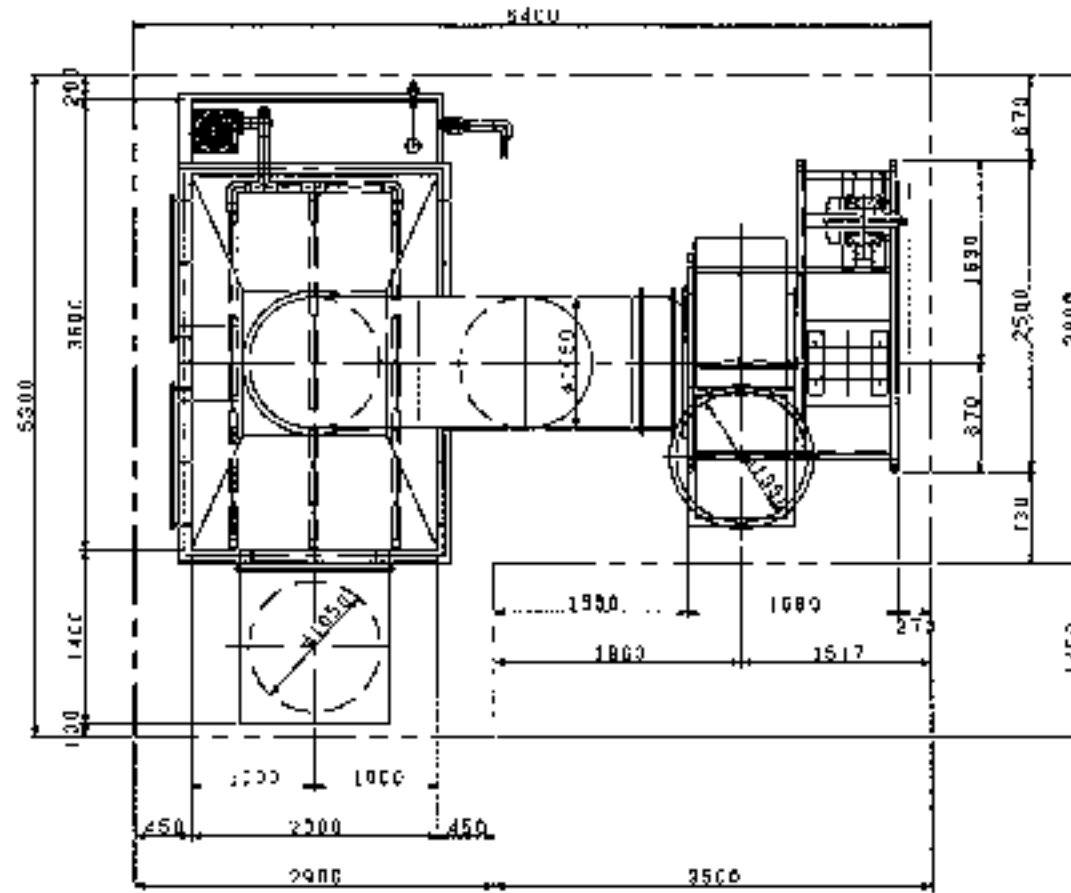
THUYẾT	
CÔNG TY TNHH SAIGON MISSION	
Số 13-17-19, đường số 3, Khu đô thị mới Sài Gòn - Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	
THUYẾT	
CÔNG TY THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG	
CÔNG TY THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG SỐ 13-17-19, ĐƯỜNG SỐ 3, KHU ĐÔ THỊ MỚI SÀI GÒN - LINH TRUNG, QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SỐ QUÂN 17	
VỀ XÂY DỰNG	
CHỦ ĐẦU TƯ	THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ
THAYẾ CÔNG NGHỆ	THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ
THAYẾ CÔNG NGHỆ	THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ
CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI S-MISSION	
CÔNG SÁT VÀ NGHIỆM	
THANG MẪU	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ ĐƯỜNG ỐNG	
TỈ LỆ	1:50
KHỔ GỖ	A3
TỔNG BẢN VẼ	17
TỶ LỆ BẢN VẼ	CN-4012
NGÀY	2024

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ NHÀ RÁC F4



空気流量:
 FTF-700-22Kw
 550m³/min-130nmAe

BCM ツヤ7-407:
 KD-65VK-3 相当
 80x65A-3.7Kw
 600L/min-10m

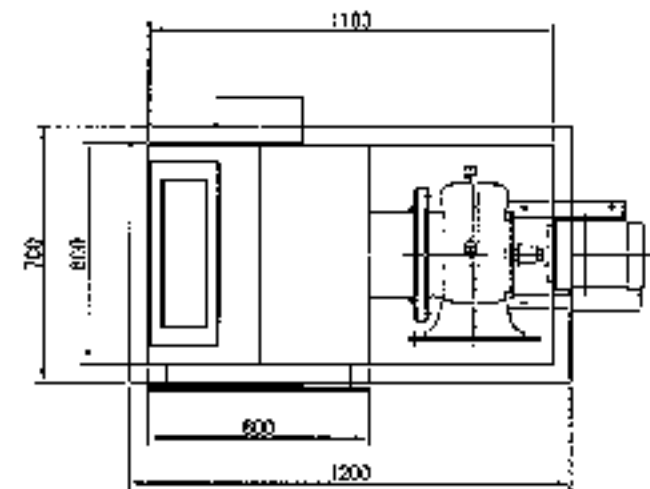


※: 本図面及び計面に關係する資料を第三者へ開示しないことをお約束願います。

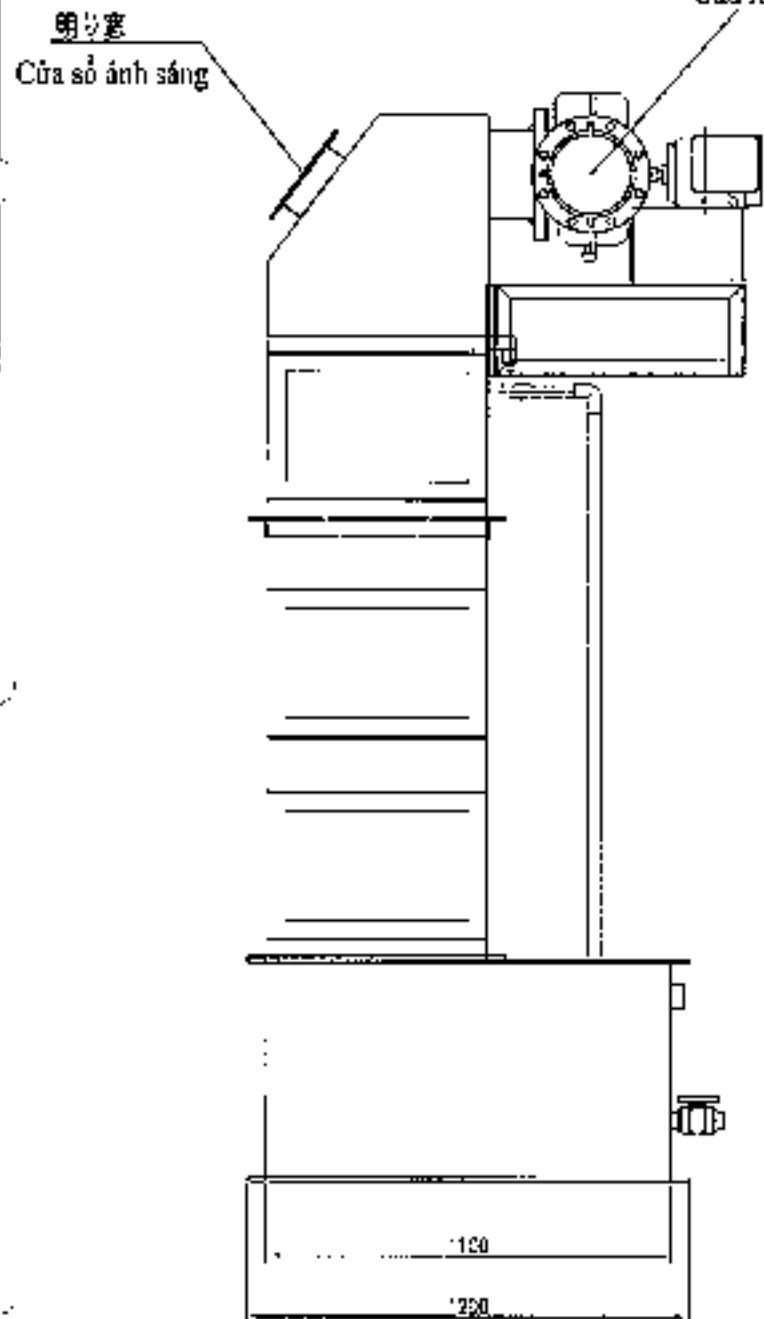
株式会社 駿河生産プラットフォーム 殿
 株式会社 ユーテック

工事名称: 550m³/min換気装置
 図面名称: 計面外形図

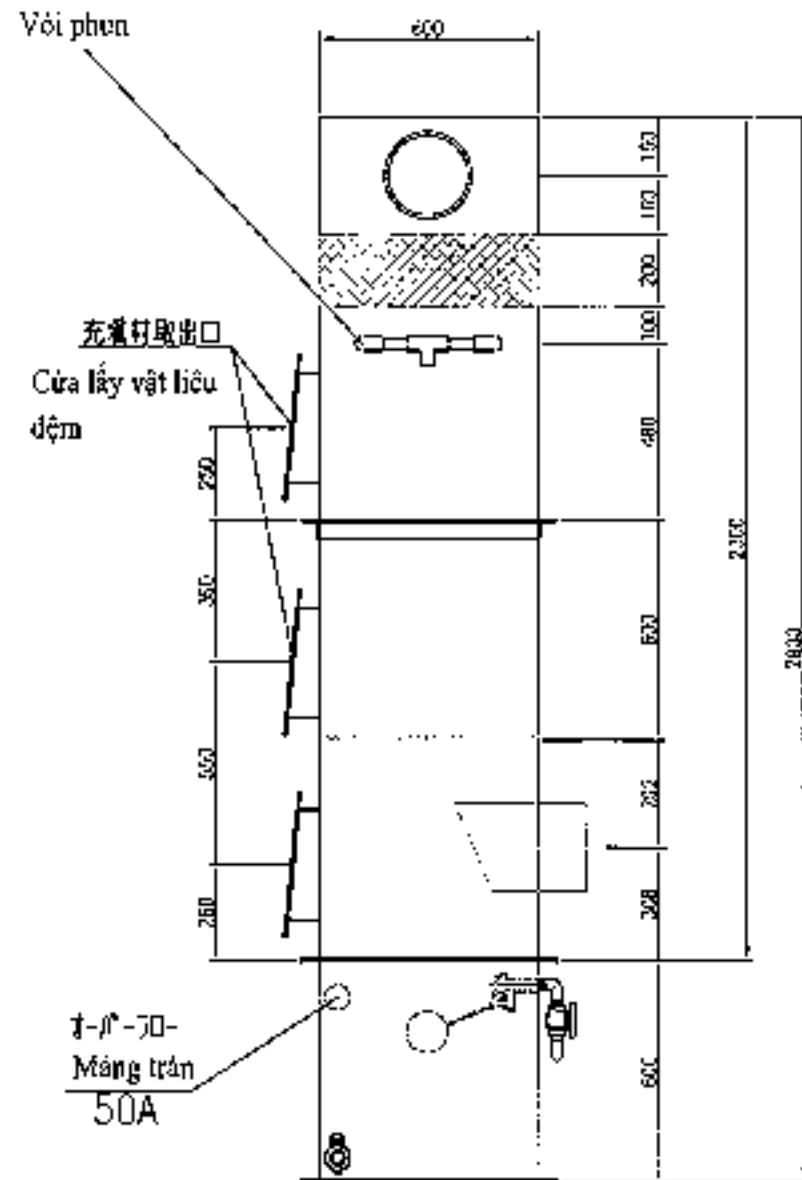
設計	監査	尺貫	2017年3月	H26* 12月 6日
		Free		図面番号: NC.UTME6394G3



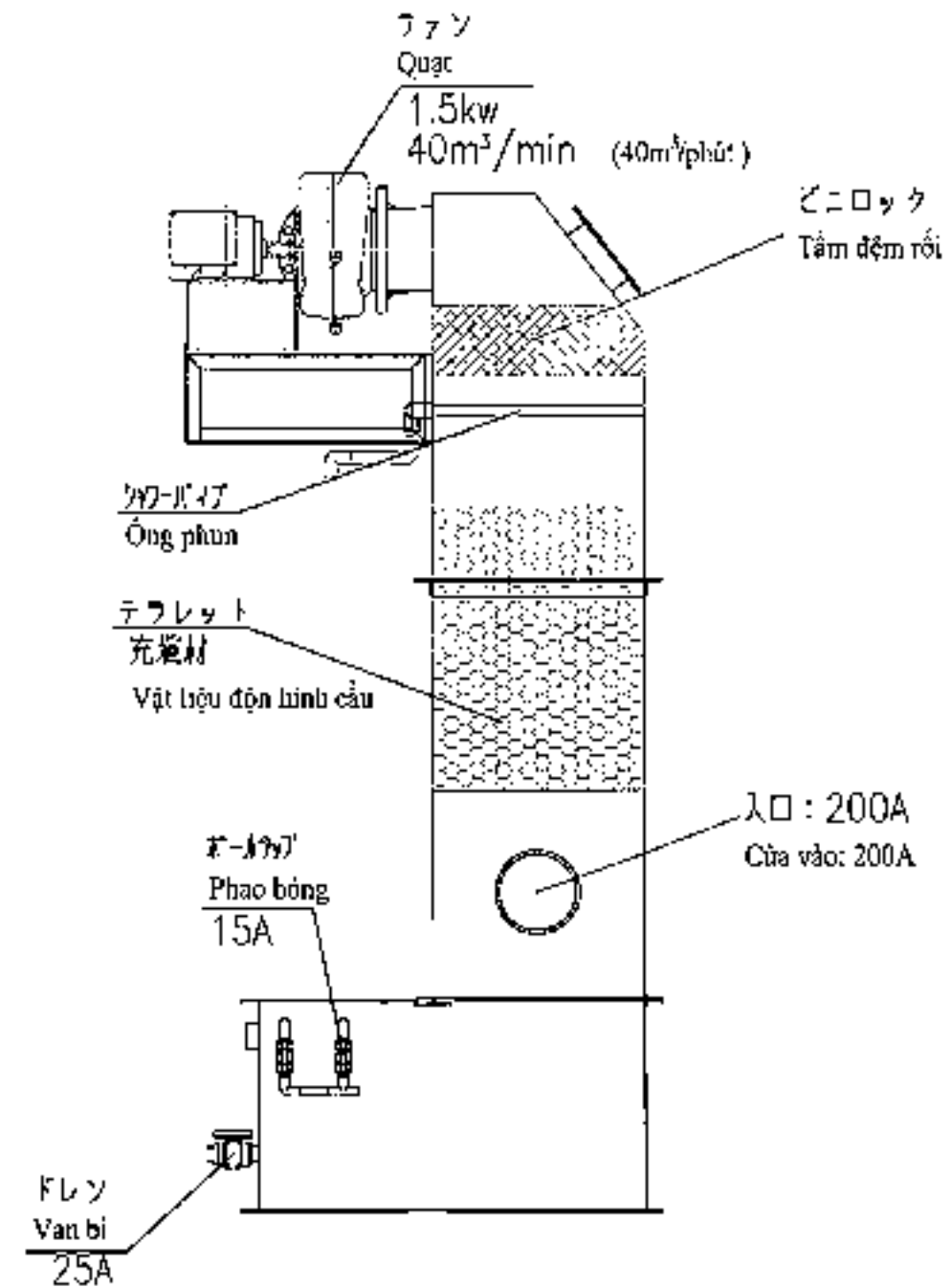
BE : 200A
Cửa ra: 200A



シャワー
Vòi phun



スクラバー		Tháp lọc khí	
スクラバー	本体	Phần thân	PVC製 (Vật liệu PVC)
Tháp lọc khí	オ-リング-70-	Màng tràn	50A
	フレジ	Thoát nước	25A
排風機	風量	Lượng khí	40m ³ /min (phút)
Quạt thổi khí	静圧	Tính lực	30mmHg
	モーター容量	Công suất động cơ	1.5kw
ポンプ循環	ポンプ口径	Đường kính đặc vào của bơm	25A
Tuần hoàn tháp khí	ポンプ能力	Màng tràn	150L/min (phút) - 1.5m
	モーター容量	Thoát nước	0.75kw



* : 本図面及び計画に關係する資料を第三者へ開示しないことをお約束願います。
□ : 資料に關連する部分及び仕様は、本図面に記載されておらず、詳細は別途お問い合わせください。

株式会社 豊田生産プラットフォーム 殿
TNHH Công ty Suniga Platform Co., Ltd
UTEC CO., LTD

工場名: <工場名> 株式会社
住所: 越前市 越前町 越前町 越前町
TEL: 075-822-1111
FAX: 075-822-1112

設計 製図 尺違
2024年11月20日 H 204 11月 20日
Free 図面番号: 40 01M26249G2R0V3

湿式充填塔の特徴

ĐẶC ĐIỂM CỦA THÁP LỌC ẨM

【湿式充填塔】
THÁP LỌC ẨM

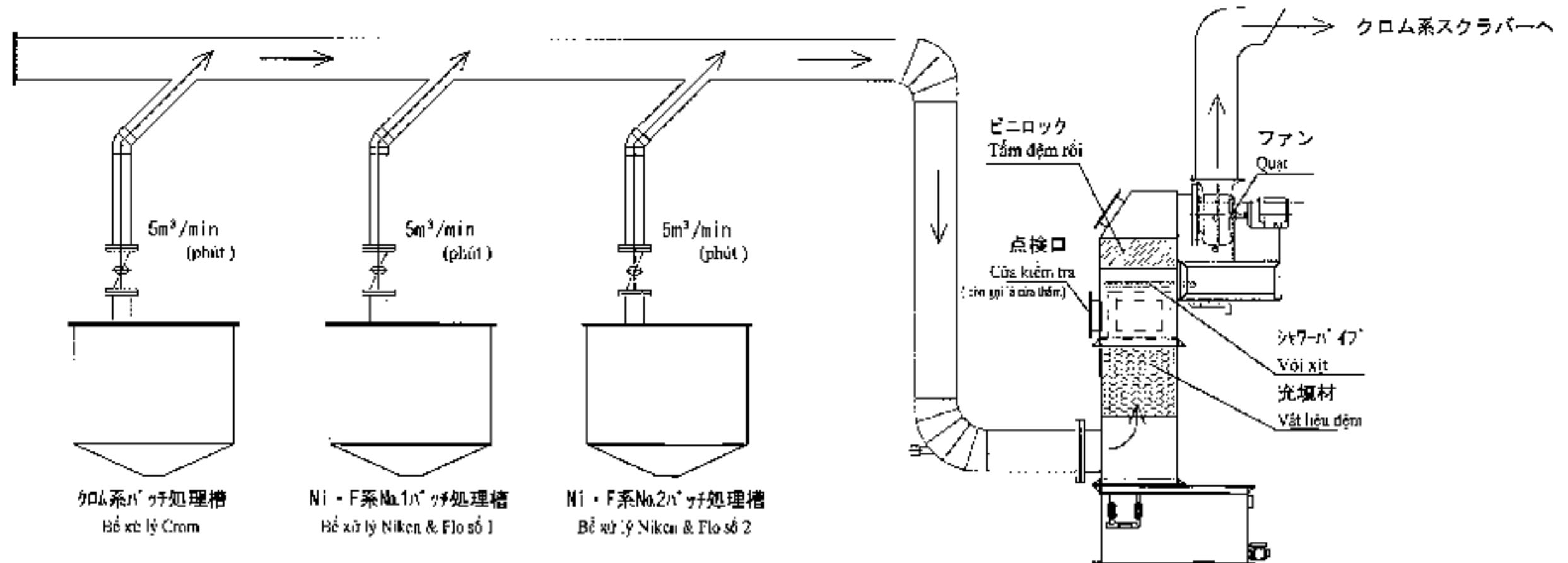
基本構造 Cấu tạo cơ bản	主構造 Cấu tạo chính	塔本体内部に循環液を散布するスプレーおよび、媒体としての充填材を設置し、充填材表面上に液膜を生成させ、上昇処理ガスと下降する循環液の層間的気液接触をはかり、処理ガスを液中に溶解させる。いわゆる対向置式逆分散型スクラバーです。工業塔の部品は充填材・散水装置・デミスターです。	Uả in var. sau đây như 2 lớp giữa và giữa phần chân tháp tuần hoàn ở phần bên trong thân tháp, cho phép sản sinh ra lớp màng lỏng trên bề mặt vật liệu đệm, do sự tiếp xúc khí lỏng một cách tích cực của chất lỏng tuần hoàn chảy xuống dưới với khí thải cần xử lý ở phía trên, từ đó làm nóng chảy khí thải cần xử lý trong dung dịch. Đó được gọi là tháp lọc khí dạng phân tán đối lưu. Bộ phận cấu thành chủ yếu là vật liệu đệm, giàn phun nước và tấm đệm rời.
	気液接触媒体 Lớp giữa tiếp xúc khí lỏng	充填材は、基本的に、表面積・空間率が大きく、比表面積が小さい形状が望ましい条件ですが、ガスの種類・濃度等により多様な存在の中から選定します。	Vật liệu đệm yêu cầu về cơ bản có diện tích bề mặt và độ xốp lớn, loại có hình dạng sao cho sự tiếp xúc hiệu quả nhất. Tuy nhiên, tùy thuộc vào nhiều loại dung dịch và nồng độ vào chúng ta lại, nồng độ gas thải.
	散水方法 Phương pháp phân tán	スプレーノズルは塔内部に均一に散水するように配置され、一般的にホロコネクティブタイプのノズルを使用します。	Vòi phun mưa được bố trí để phun nước toàn bộ thân bên trong tháp. Thông thường hay sử dụng vòi phun hình nón rộng.
処理性能 Khả năng xử lý	効率は任意に設計可能ですが、一般的に90%以上程度です。	Hiệu suất là khả năng thực tế tùy chọn nhưng thông thường là không dưới 90%.	
風量変動時の効半 Hiệu suất tại thời điểm biến đổi lưu lượng khí	風量が低下するほど、気液接触時間が長くなり、一般的には、効率は高くなります。	Lưu lượng khí càng giảm thì thời gian tiếp xúc khí lỏng càng dài và nói chung hiệu suất sẽ cao hơn. Có giảm đến 50% thì hiệu suất sẽ biến đổi.	

本スクラバーの目的は、各バッチ処理槽の処理時に発生する反応ガスを、一次的に排ガス洗浄させ、その一次処理後のガスは大型スクラバーにて二次処理後、排出されます。

※ バッチ処理では、酸化及び、還元処理時の反応ガスが、周囲の機器を腐食させることがある為、排気洗浄させます。

Mục đích của tháp lọc ẩm này là làm sạch khí gas phản ứng phát sinh khi xử lý của các bể xử lý và làm sạch sơ cấp khí gas thải ra. Đồng thời khí gas sau xử lý sơ cấp này sẽ được thải ra sau khi xử lý thứ cấp bằng tháp lọc cỡ lớn.

※ Trong quá trình xử lý hàng loạt, khí gas phản ứng khi xử lý oxy hóa và hoàn nguyên sẽ được rửa xả vì nó có thể làm mòn máy móc xung quanh.

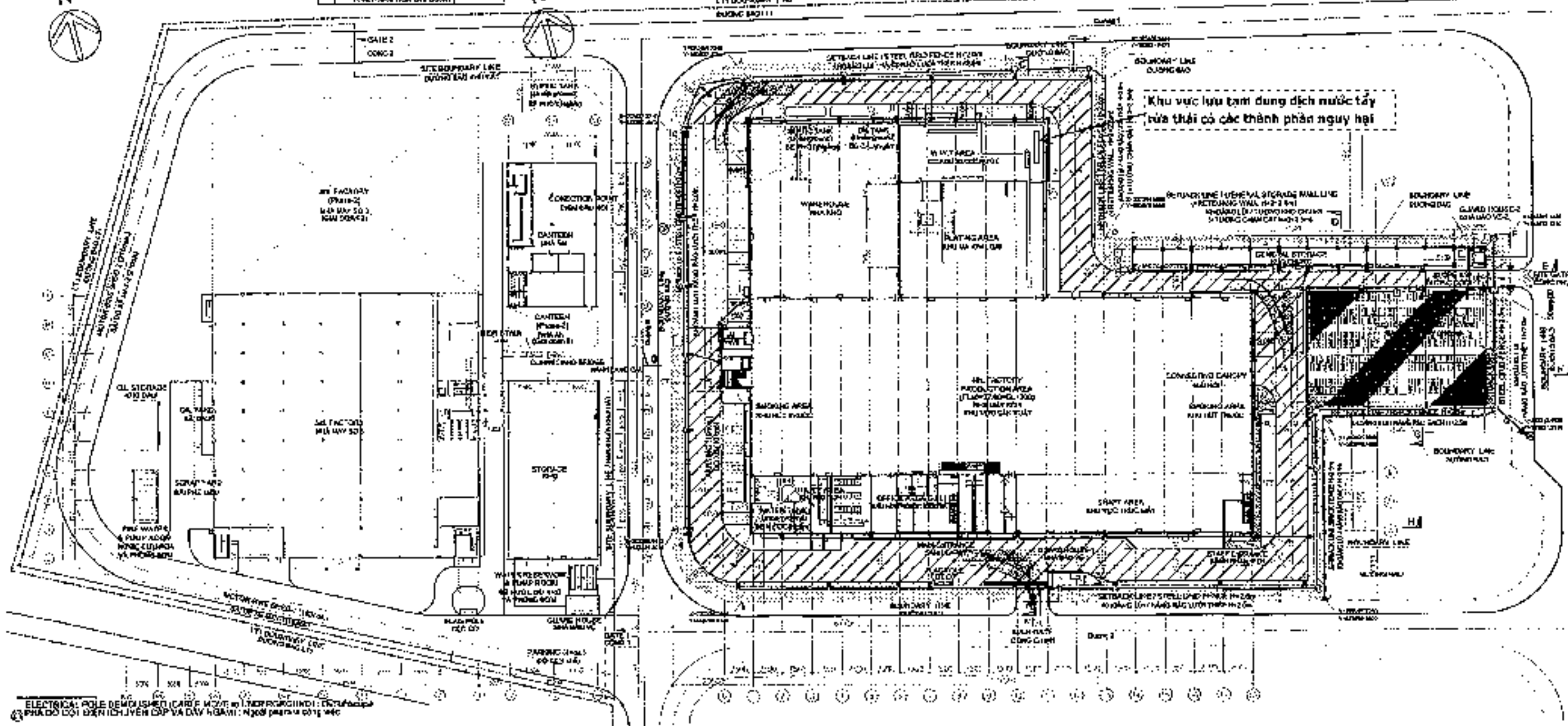
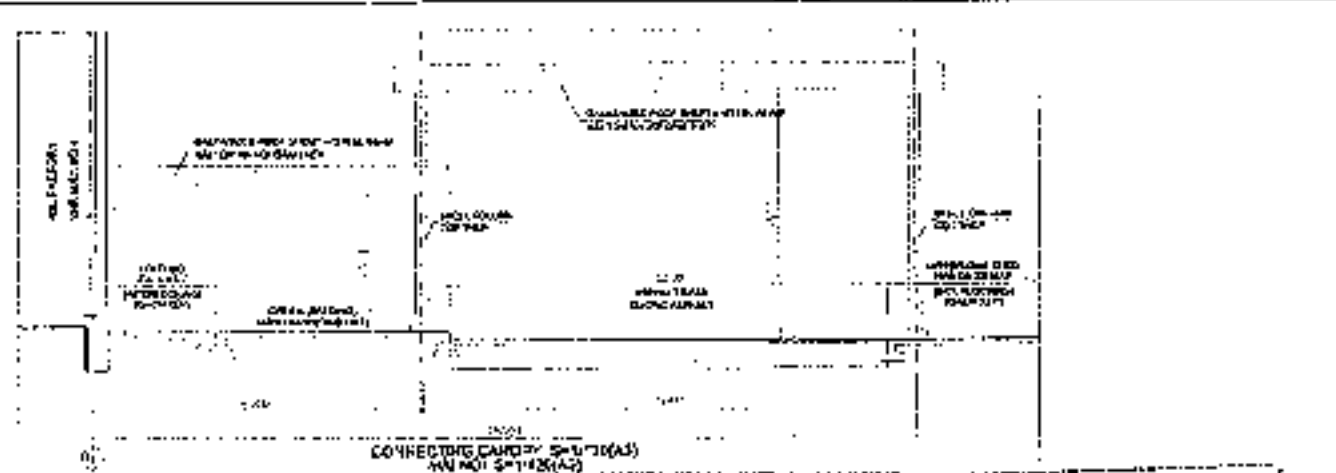


●：本図面及び計画に関係する資料を第三者へ開示しないことをお約束いたします。
□：Tài liệu liên quan đến bản vẽ và kế hoạch này không được tiết lộ cho bên thứ ba.

SITE AREA TOTAL: 22,780 SQM
 1 hectare is equal to 10,000 SQM
 CONSTRUCTION AREA: 15,221 SQM
 phần tích của diện tích xây dựng
 BUILT UP AREA COVERAGE RATIO: 67.3% = 100%
 phần tích của diện tích xây dựng
 GROSS AREA TOTAL: 3,614 SQM
 phần tích của diện tích xây dựng
 GROSS AREA COVERAGE RATIO: 15.85% = 100%
 phần tích của diện tích xây dựng
 BUILDING HEIGHT: 04 - 12.7m
 chiều cao công trình: 04 - 12.7m

CONSTRUCTION AREA DIỆN TÍCH XÂY DỰNG		
1	LAND FACTORY MÁI MÂY CHẾ MẠC	10,794.00
2	OFFICE AREA (CƠ ĐỒ P/L)	1,162.50
3	CONCRETE PAVEMENT (MẶT BÈ BÊ TÔNG)	4,899.50
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG		17,856.00
4	CONCRETE PAVEMENT (MẶT BÈ BÊ TÔNG)	1,290.00
5	GENERAL STORAGE	428.00
6	GENERAL STORAGE	371.20
7	GENERAL STORAGE	21.00
8	GENERAL STORAGE	12.00
9	GENERAL STORAGE	328.00
10	GENERAL STORAGE	25.00
GROSS TOTAL TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG		2,445.70
GROSS TOTAL MẶT BÈ BÊ TÔNG		15,221.00

- BOUNDARY LINE
GIỚI HẠN ĐẤT
- SETBACK LINE / BOUNDARY FENCE LINE
GIỚI HẠN LƯU LƯU / GIỚI HẠN BÊN TRONG RÀO
- APPROX. PAVEMENT (MẶT BÈ BÊ TÔNG)
- CONCRETE PAVEMENT (MẶT BÈ BÊ TÔNG)
- CONCRETE PAVEMENT (MẶT BÈ BÊ TÔNG)
- INTERLOCKING PAVEMENT
MẶT BÈ BÊ TÔNG KHÓA KHỚP
- URBAN AREA (Khu vực đô thị)
- RAIN WATER (MƯA NƯỚC)
- DRAINAGE (Thoát nước)



ELECTRICAL POLE DEMONSTRATION (CÁI ĐIỆN THƯỜNG GỒM CÓ: CÁP ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, CÁP ĐIỆN)
 CỘT ĐIỆN THƯỜNG GỒM CÓ: CÁP ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, CÁP ĐIỆN



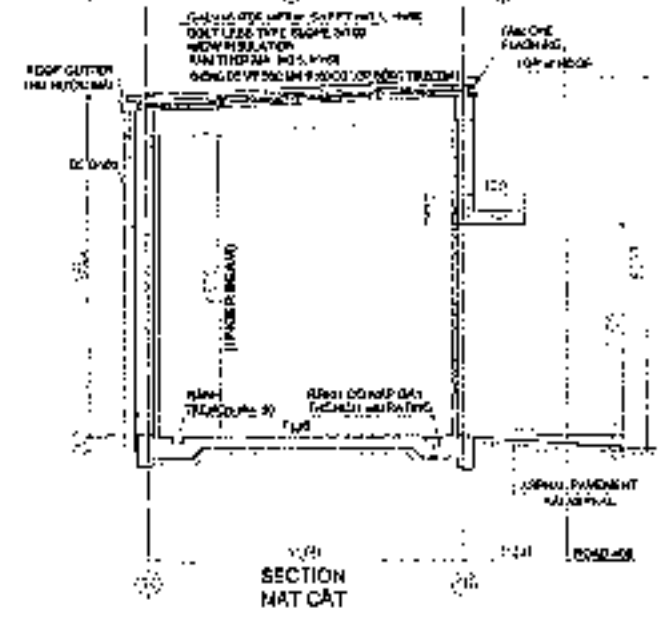
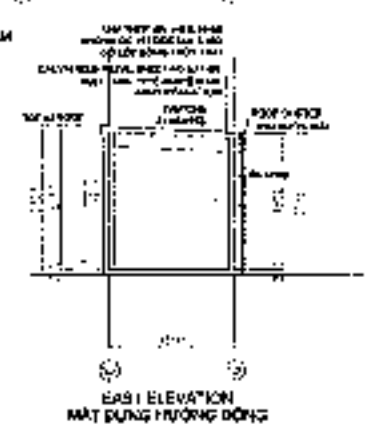
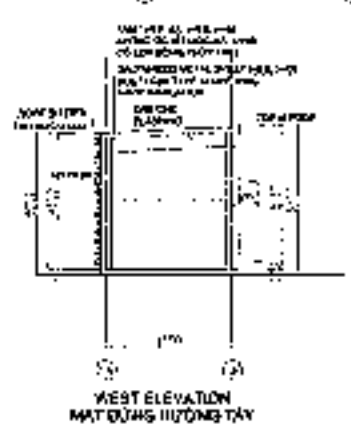
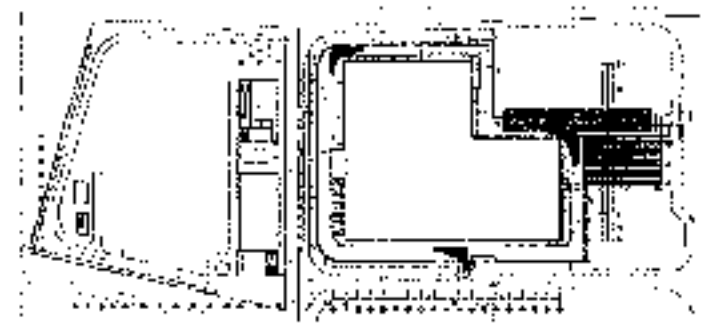
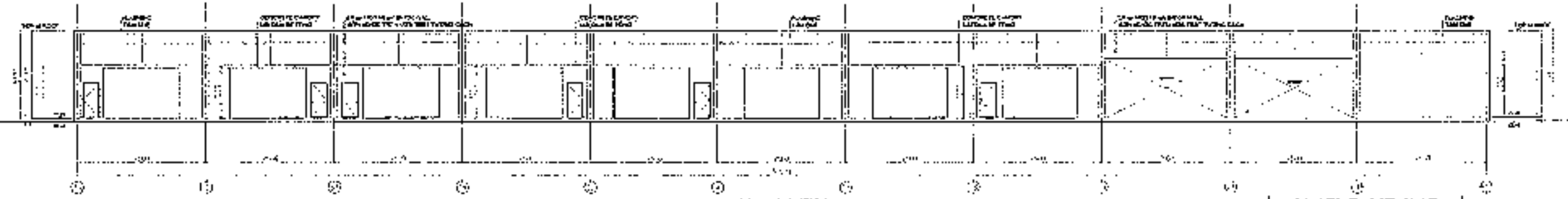
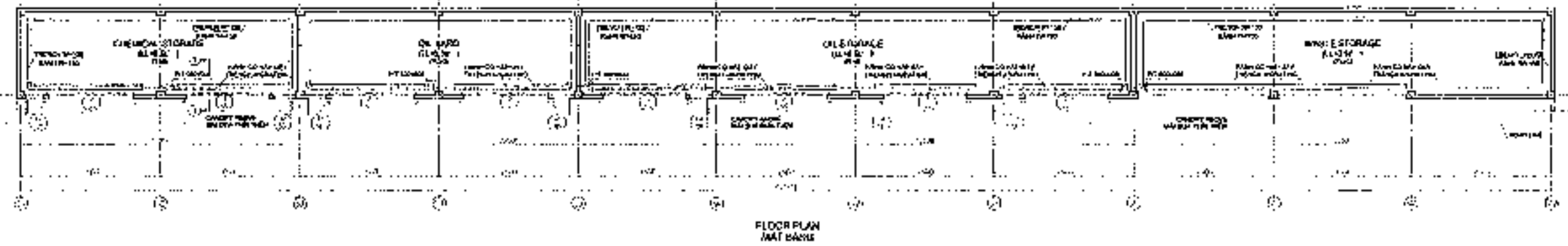
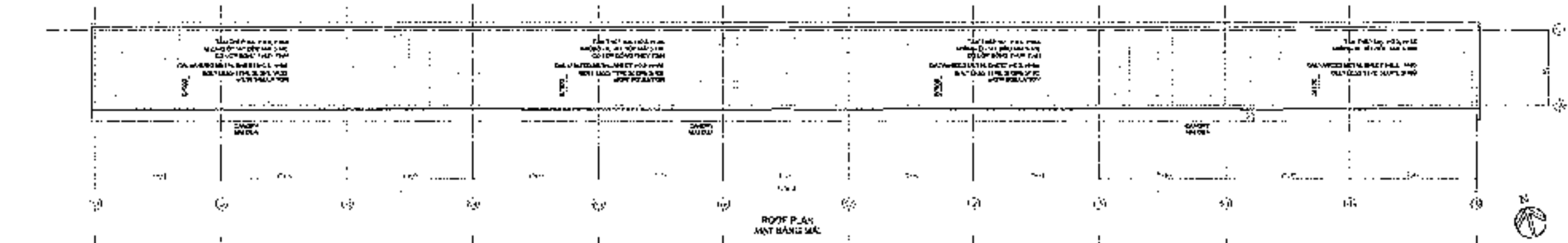
SHINZ logo and other technical details.



Handwritten signature and other notes.

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 2015.08.29

Scale: 1:1000
 3/3
 34-01



MISUMI
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG

CHUYÊN NGHIỆP
SÁNG KHÉP
PHỤC VỤ

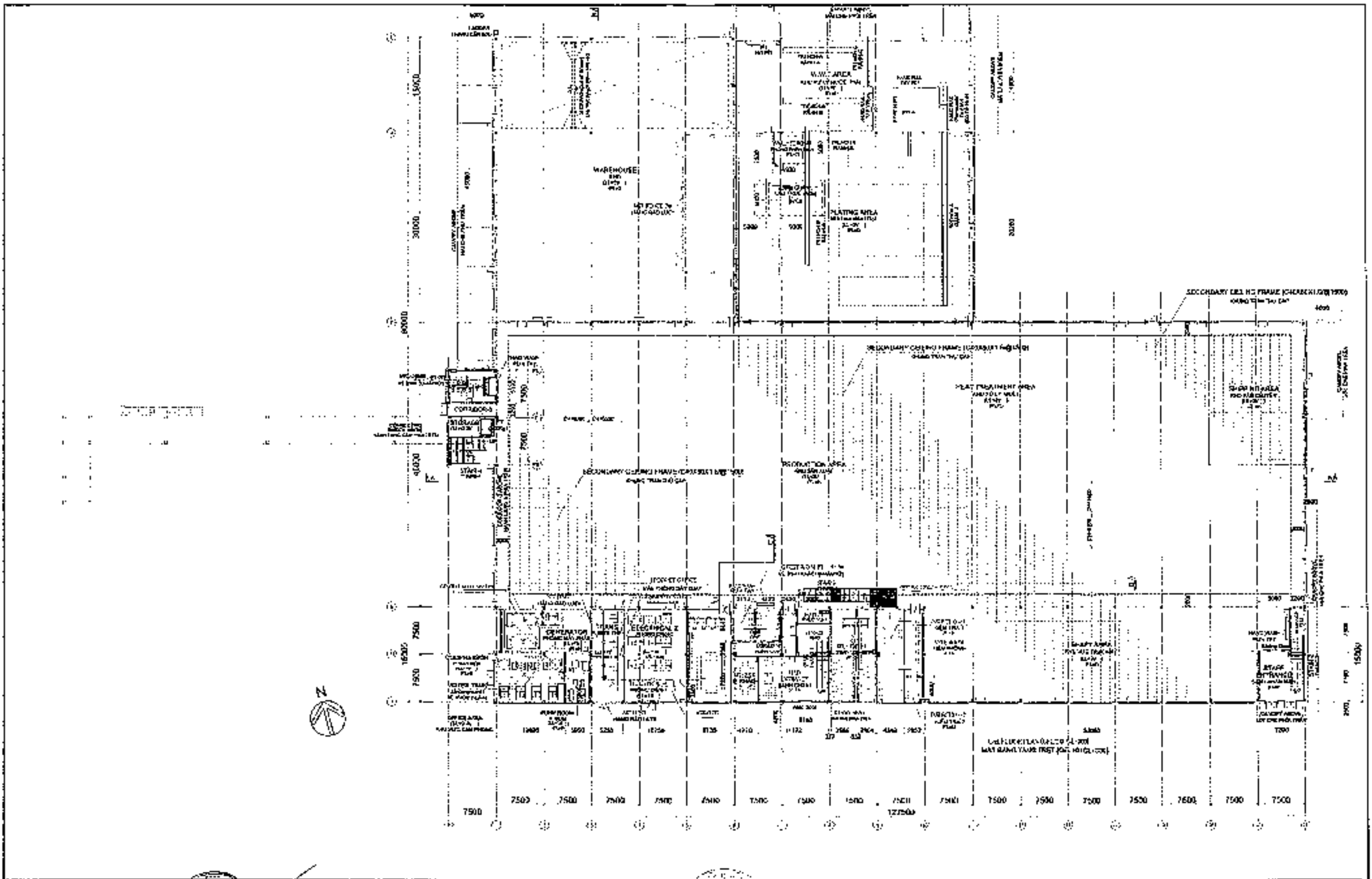
THÀNH CÔNG
CỘNG ĐỒNG

SHMZ
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG

THÀNH CÔNG
CỘNG ĐỒNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
2015.08.29

15-136/21
100 CHANG-GENERAL STORAGE
KHU CHANG-GENERAL STORAGE



MISUMI

 MISUMI (VIETNAM) CO., LTD.



THẠNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

 QUẬN 12

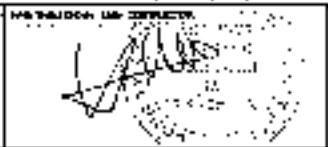
 SỐ 12/13 LÊ VĂN KHÉM

 QUẬN 12, TP. HCM

THẠNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

 QUẬN 12

 QUẬN 12, TP. HCM



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

 2015 08 29

SỐ 1380/15

 NGÀY 13/08/2015

 QUẬN 12, TP. HCM

 A-02A

 01

Phụ lục 4

BẢN SAO

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO CÁC CÔNG
TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOẶC CÁC VĂN BẢN
KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG TRÌNH BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
(REQUEST FOR DISBURSEMENT)

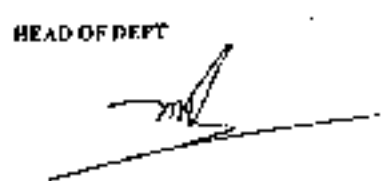
LOẠI TIỀN USD/VND (CURRENCY) : VND
TIỀN MẶT HAY CHUYỂN KHOẢN (BY CASH OR BANK TRANSFER): BANK TRANSFER

Ngày (Date): 6-Mar-19

Người đề nghị (Propounder):	Trần Quốc Toàn
Thanh toán cho (Payable to):	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG POLYGREEN
Địa chỉ (Address):	23A Hồ Chí Minh đường 66, KDC Tân Quy Đông, KP2, P. Tân Phong, Q. 7, TP.HCM
Tài khoản số:	191.28510653015 Tại NH (At bank): NH Techcombank Phú Xuân TP.HCM
Tổng số tiền đề nghị thanh toán (Amount):	170.064.000 VND
Chữ bằng chữ (In words):	Một trăm bảy mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn

Nội dung thanh toán (Description): Paid for the contract No. 01/SGP-POLY/ĐDKT/L'HTH-2018 (30 %)

APPROVED BY


HEAD OF DEPT


REQUESTED BY

Trần Quốc Toàn

LƯU Ý: xin chuyển phiếu này sang kế toán để xuất phiếu chi)

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/SGP-POLY/HDKT/CTHT-2018

(Về Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Nhà máy 1, công suất 144 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Sài Gòn Precision tại địa chỉ Lô 15, 17, 19A-Đường số 2, KCX Sài Gòn Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM)

Căn cứ:

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 81/2015/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Theo khả năng và nhu cầu của các Bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 10 năm 2018, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION

Địa chỉ : Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, KCX Sài Gòn – Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM.

Điện thoại : 028-3724 2466

Mã số thuế : 0300737411

Đại diện : Ông Ohara Ryuji



BÊN B : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG POLYGREEN

Địa chỉ : 23A lô C4 Đường 66, KDC Tân Quy Đông, KP2, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM.

Điện thoại : 028.3773 2377

Mã số thuế : 0313000713

Tài khoản : 151.28810693015 – [Công ty TNHH DV Môi Trường Polygreen]
Ngân hàng Techcombank CN Phú Xuân TP.HCM

Đại diện : Bà Huỳnh Thị Bích Hợp Chức vụ : Giám đốc

Sau khi trao đổi và thống nhất, hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Nhà máy 1 công suất 144 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Sài Gòn Precision tại địa chỉ Lô 15, 17, 19A-Đường số 2, KCX Sài Gòn – Linh Trung, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM với các điều khoản thỏa thuận sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên B tiến hành Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Nhà máy 1 công suất 144 m³/ngày đêm của Bên A tại địa chỉ Lô 15, 17, 19A – Đường số 2, KCX Sài Gòn – Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM.
- Chi tiết thiết bị theo Phụ lục 01/SGP-POLY/PLHDKT/CTHT-2018 đính kèm
- Chi tiết về quy trình công nghệ theo Phụ lục 02/SGP-POLY/PLHDKT/CTHT-2018 đính kèm

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Thời gian thi công lắp đặt: Hoàn thành trong 50 (sáu mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được làm ứng đợc 1.

- Thời gian kiểm tra mẫu nước thải sau xử lý để nghiệm thu hoàn thành lệ thống.
- + Lần 1: 30 ngày sau khi lắp đặt hoàn thành các thiết bị và vận hành thử nghiệm.
- + Lần 2: 15 ngày sau khi có kết quả mẫu nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định lần 1.
- + Lần 3: 15 ngày sau khi có kết quả mẫu nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định lần 2.
- Bên A sẽ chỉ định đơn vị lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải sau xử lý.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng: 565,880,000VND (Không bao gồm 10% VAT)

Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi sáu sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

2. Phương thức thanh toán

- **Đợt 1:** Bên A thanh toán cho Bên B 30% giá trị hợp đồng với số tiền là **170.064.000 VND (Một trăm bảy mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn)** trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi hai bên ký kết hợp đồng.
- **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho Bên B 20% giá trị hợp đồng với số tiền là **113.376.000 VND (Một trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn)** trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành lắp kết vật tư có sự nghiệm thu của hai Bên.
- **Đợt 3:** Bên A thanh toán cho Bên B 30% giá trị hợp đồng với số tiền là **170.084.000 VND (Một trăm bảy mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn)** trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc sau khi có kết quả lấy mẫu phân tích nước thải sau xử lý Lần 1 đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCX Sài Gòn Linh Trung 1.
- **Đợt 4:** Bên A thanh toán cho Bên B 20% giá trị hợp đồng còn lại với số tiền là **113.376.000 VND (Một trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn)** trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc sau khi Bên B cung cấp cho Bên A kết quả mẫu phân tích nước thải sau xử lý Lần 2 và Lần 3 đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCX Sài Gòn Linh Trung 1, kèm theo chứng thư bảo lãnh bảo hành cho số tiền 28.340.000 VND (Hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn, tương đương 5% giá trị hợp đồng).

3. Hình thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.
- Thông tin chuyển khoản:
 Công ty TNHH Dịch Vụ Môi Trường Polygreen
 Địa chỉ: Số 23A, Lô C4, Đường 66, KDC Tân Quy Đông, KP.2, P.Tân Phong, Q.7, TP. HCM
 Tài khoản số: 19128910693015 - Ngân hàng Techcombank CN Phú Xuân TP. HCM
- Chứng từ thanh toán:
 - + Hóa đơn
 - + Biên bản bàn giao / nghiệm thu theo tiến độ thanh toán
 - + Kết quả phân tích nước thải sau xử lý theo tiến độ thanh toán

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- Thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của hợp đồng này;
- Tạo điều kiện thuận lợi để Bên B hoàn thành công việc đúng thời hạn (bao gồm hỗ trợ Bên B hoàn thành thủ tục hải quan xuất khẩu vào KCX Sài Gòn - Linh Trung);
- Cử người đại diện giám sát kỹ thuật theo dõi tại công trình và nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành. Khi có sự thay đổi về nhân sự Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước ít nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thay đổi nhân sự;
- Có trách nhiệm không chậm trễ cử người có thẩm quyền để nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và/hoặc nhận bàn giao công trình đưa vào sử dụng trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo đề nghị của Bên B;

- Đảm bảo có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với Mặt bằng;
- Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trong hợp đồng này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Cam kết lưu lượng và nồng độ nước thải phát sinh tại nhà máy không vượt quá lưu lượng và nồng độ trong thuyết minh chào giá;
- Cung cấp điện, nước đến vị trí thi công công trình (đặt trên hệ thống) của hệ thống xử lý nhằm phục vụ cho công tác thi công và vận hành hệ thống.
- Người liên hệ của Bên A:
 - + Các vấn đề về kỹ thuật, nghiệm thu, bàn giao: Huỳnh Ngọc Uy – ĐT: 0989.100.385
 - + Các vấn đề khác: Dương Công Mạnh – 0907.255.880
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của Bên A tại địa chỉ Lõ 15, 17, 19A - Đường số 2, KCX Sài Gòn – Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCX Sài Gòn Linh Trung.
- Thực hiện đúng và đầy đủ các công việc theo thỏa thuận trong Hợp đồng này bằng tất cả các kỹ năng phù hợp, chuyên nghiệp, sự thận trọng, sự chuyên cần. Bên B sẽ luôn luôn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan trong quá trình thực hiện công việc cho Bên A.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động của Nhà Nước Việt Nam, áp dụng các biện pháp an toàn cần thiết, tránh gây tai nạn cho công nhân trong quá trình lắp đặt và phải đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy trong thời gian thi công. Chịu trách nhiệm hoàn toàn khi xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thi công không do lỗi của Bên A.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ thi công và khối lượng hoàn thành.
- Phải có Ban chỉ huy công trường, cán bộ kỹ thuật phải có mặt thường xuyên, đủ khả năng giải quyết mọi việc thực hiện thi công.
- Quản lý người lao động trên công trường, công nhân chỉ được phép đi lại trong khu vực thi công.
- Tự quản lý vật tư thiết bị đưa đến công trình phục vụ trong suốt quá trình thi công tại công trình.
- Đảm bảo Hệ thống xử lý nước thải do Bên B lắp đặt hoạt động tốt, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.
- Có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải cho nhân viên của Bên A.
- Có trách nhiệm vệ sinh sạch sẽ mặt bằng cho Bên A sau khi hoàn thành công trình.
- Các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật.
- Người liên hệ của Bên A:
 - + Các vấn đề về kỹ thuật, nghiệm thu, bàn giao: Hà Văn Lộc – ĐT: 0917.630.283
 - + Các vấn đề khác: Hà Văn Lộc – ĐT: 0917.630.283
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành

ĐIỀU 6: BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

- Bên B có trách nhiệm bảo hành tất cả những vật tư, thiết bị do bên B cung cấp trong thời gian 12 tháng (mười hai tháng) kể từ ngày bên A đồng ý nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống xử lý nước thải cho bên B. Nội dung bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa khiếm khuyết, thay thế mới do lỗi kỹ thuật của thiết bị hoặc lỗi lắp đặt của bên B gây ra trong thời gian hợp lý;
- Trong thời gian bảo hành, Bên B sẽ tiến hành bảo trì – bảo dưỡng định kỳ miễn phí 2 lần. Thời điểm bảo trì – dưỡng định kỳ là 6 tháng và 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu
- Trong thời gian bảo hành nếu xảy ra sự cố hư hỏng, máy móc không hoạt động không phải do lỗi kỹ thuật hoặc các thiết bị máy móc hỏng không do bên B lắp đặt thì bên A lập tức thông báo bằng văn

bản hoặc bằng điện thoại cho bên B biết. Bên B có trách nhiệm trên hành báo giá khắc phục sửa chữa cho bên A trong thời gian sớm nhất có thể.

Bên B sau khi nhận được thông báo sự cố của Bên A bằng văn bản hoặc bằng điện thoại:

- + Trong vòng 02 (hai) giờ đồng hồ phải có hướng dẫn xử lý khẩn cấp cho Bên A qua điện thoại / email
- + Trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ: cử nhân viên kỹ thuật xuống hiện trường để xác minh việc hư hỏng và xác định biện pháp khắc phục

ĐIỀU 7: TẠM DỪNG, HỦY BỎ HỢP ĐỒNG

1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- + Do lỗi của một Bên gây ra mà có khả năng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi kinh tế của Bên còn lại (giá trị thiệt hại ước tính trên 10 triệu VND), hoặc có thể làm trì hoãn thời gian hoàn thành dự án quá 30 ngày
- + Các trường hợp bất khả kháng.
- + Các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.

- Một bên có quyền đơn phương quyết định tạm dừng hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản về việc tạm dừng hợp đồng và cũng báo giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên thiệt hại.

- Thời gian tạm dừng thực hiện hợp đồng tối đa không quá 10 ngày, kể từ ngày bên vi phạm nhận được thông báo tạm dừng hợp đồng.

2. Hủy bỏ hợp đồng

- Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường cho bên kia mọi thiệt hại có đủ căn cứ xác định hoặc theo phán quyết của Tòa án như Điều 9 (Khấu nại, tranh chấp và trọng tài) của hợp đồng này.

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, mưa bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- + Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

ĐIỀU 9: KHẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI

- Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các bên liên quan đến Hợp đồng hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các Bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, Các Bên sẽ đệ trình vấn đề lên Tòa Án Kinh Tế TP. HCM để xử lý tranh chấp theo qui định của Pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc đối với các bên.

ĐIỀU 10: NGÔN NGỮ SỬ DỤNG

Ngôn ngữ sử dụng của hợp đồng là Tiếng Việt

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cần chủ động báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có điều gì bất lợi phát sinh, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc ghi toàn bộ nội dung đã thỏa thuận. Các biên bản này được xem như các phụ lục không thể tách rời hợp đồng chính.
- Những bổ sung, điều chỉnh hợp đồng khi cần thiết phải được sự đồng ý của cả hai Bên bằng biên bản bổ sung hợp đồng kinh tế hoặc Phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng này cũng như tất cả tài liệu, liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước và bảo mật.
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng tự thanh lý khi các bên hoàn thành nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.
- Hiệu lực của hợp đồng: hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION



GHORA RYUJI
President

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
POLYGREEN
SIAM ĐỐC



Nguyễn Thị Bích Ngọc

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại : 028. 3724. 5728 Fax : 028. 3724. 5933
 Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068**VILAS 457****KẾT QUẢ PHÂN TÍCH***(Số: 19012402)*

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG POLYGREEN**
 Địa chỉ: **Số 23A Lã C4, đường 66, KDC Tân Quy Đông, Khu phố 2, P. Tân Phong, Quận 7, TP.HCM.**
 Ngày nhận mẫu: **24/01/2019.**
 Loại mẫu: **Nước thải**
 Phương pháp lấy mẫu: **Mẫu do khách hàng gửi**
 Số lượng: **01 mẫu**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải sinh hoạt sau xử lý Nhà máy 1 SPC**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Lĩnh Trung I
1	pH (*)		6,65	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS (*)	mg/L	25	SMEWW 2540D-2012	300
3	COD (*)	mg/L	45	SMEWW 5220C-2012	800
4	BOD ₅ (*)	mg/L	13	SMEWW 5210B-2012	500
5	Tổng Nitơ (*)	mg/L	21,8	TCVN 6638-2000	60
6	Tổng Phospho (*)	mg/L	1,38	SMEWW 4500P-B&D-2012	6
7	Coliform	MPN/100mL	11	TCVN 6187-2:1996	10000
8	Độ màu	Pt-Co	26	SMEWW 2120C-2012	50
9	Amoni (tính theo Nitơ) (*)	mg/L	6,1	SMEWW 4500NH ₃ -B&C 2012	10



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu duy nhất thời điểm đo đạc nên không có ghi chú:
 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu trừ trường hợp gửi mẫu.
 Thời gian lưu mẫu: 03 ngày kể từ ngày trả kết quả (đối với mẫu đất, bùn, chất thải), không lưu (đối với mẫu khí, vi sinh)
 Không được trích ra một phần hoặc toàn bộ dữ liệu kết quả này nếu không được sự đồng ý của CAE



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, DTAA, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.cau.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

(Số: 19012402)

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Lĩnh Trung I
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH MDL=0,3	SMEWW 5520B&F-2012	30
11	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH MDL=0,3	SMEWW 5520B&F-2012	5

+ **Chú thích:** (*) chỉ tiêu được VILAS công nhận.
KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thùy Diễm

Ngày 31 tháng 01 năm 2019



Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi rõ
Tên mẫu, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu do người mẫu.
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải), không lưu (đối với mẫu khí, vi sinh)
Không được tách, sửa đổi, phân phối toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý của CAE

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION

Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.HCM.

Công ty chúng tôi kính đề nghị Quý Công ty thực hiện việc thanh toán đợt 03 chi phí cải tạo hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Nhà máy 1, công suất 144 m³/ngày đêm của công ty TNHH Sài Gòn Precision tại địa chỉ Lô 15, 17, 19A- Đường số 2, KCX Sài Gòn Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.HCM theo hợp đồng số 01/SPC-POLY/HDKT/CTHT-2018 ngày 15/10/2018.

Tổng giá trị hợp đồng: 566.880.000 VNĐ (Không bao gồm 10% VAT)

Tổng giá trị thanh toán đợt 03: 170.064.000 VNĐ (Không bao gồm 10% VAT)

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: Kết quả phân tích mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý nhà máy 1 SPC.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Quý Công ty vui lòng chuyển tiền theo thông tin tài khoản như sau:

Tên chủ tài khoản:

- Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường Polygreen
- Địa chỉ: 23A Lô C4, đường 66, KDC Tân Quy Đông, Khu phố 2, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM.
- MST : 0313000713
- Số tài khoản: 191.28910693015
- Tại Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Phú Xuân.

Chân thành cảm ơn.

Người lập phiếu



Nguyễn Thị Ngọc Mai



Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH HỢP

MM-PK-02B-03
 Effective date Jan 2nd 2013
 SAIGON FREGESION CO., LTD.

Lot 5, 6, 9, 10, 11, 12, B3, Saigon-Linh Trung
 EPZ, Linh Trung Ward, Thu Duc Dist., HCMC, Vietnam

TELNo. : (84-028) 38974387
 FAXNo. : (84-028) 38974673

PURCHASE ORDER

TO : CTY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG PKN VASSEA
 23A to C4 đường 66, KDC Tay Quy DongPhz F (an Phung. Q7, TP HCM

PO No. : 100905282284
 Delivery to : Fantasy1

ATTN : MS KOPLOS, he@klichuamtuong.vn
 TELNo. : 08 377 323 77
 FAXNo. : 837732377

Please ship the following (Lên giá):

SAP Inv No.	Code	SRG Code	Name of Goods	Quatation No.	Q'ty	Unit	STC Unit	U.Price	Amount	TAX	Date of Delivery	Unit: MK
BUY702020083	T9146437		LUNDI TACH BAC VAT - LEU BUB 304		2	ST	ST	8.000,000.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020084	T9145438		HE SINH HOC ASBE 5M*2 5M*3L		1	ST	ST	98.200,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020095	T9146439		MY THI KHI /HC 1035		1	ST	ST	76.300,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020096	T9145440		OJA FHAM PHO XAI/MI-300		60	PC	PC	22.000,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020097	T9145441		HE TROND OJA THE VI \$-NH		13	B	B	65.000,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020098	T9145442		HE TROND OJA OD, GIA THE 5M*2.5M*1M		1	ST	ST	30.200,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020099	T9145443		VI SINH XU LY H & VN		1	ST	ST	44.200,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020100	T9146444		BE LANG 2:00HMB XINH 2 4M LAM 2.5M		1	ST	ST	44.800,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020101	T9146445		BAM TRUC CHIM KOC THAI/00075/2/350 V		2	ST	ST	28.000,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020102	T9145446		BHM PHAM LAM HUA CHAT/0-800P C161PHUC		2	ST	ST	13.800,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020103	T9145447		HE TROND BIEB: TU DIEH. CONTACT: CB, BOLE...		1	ST	ST	21.000,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020104	T9145448		HE TROND DURING QVS- ONG KHUA, ...		1	ST	ST	24.000,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-
BUY702020105	T9145449		PHI NHAK COMO VA SAP DAT HE TROND		1	ST	ST	21.250,020.00	0.00	0.00	05-Jan-13	-

PAY. SUB TOTAL : 546,892,000.00
 PRICE TOTAL : 556,892,000.00

PO TOTAL AMOUNT : 546,892,000.00
 PO TOTAL C.T.Y : 46.50



Please confirm by return this fax - Thank you
 if you need more information
 Please contact person (Mr./Ms.) : Loan

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG**

Địa chỉ: 109/106, Đường 3, Phường 9,
quận Gò Vấp, TP HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01... tháng... 2018

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

- ❖ **Công trình:** Hệ thống xử lý nước thải công suất 150m³/ngày đêm
- ❖ **Hạng mục:** Xử lý nước thải sinh hoạt
- ❖ **Địa điểm:** Lô 84, 85, 86b, đường A, KCCX Linh Trung 2, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1. Thành phần tham gia:

a/ Đại diện chủ đầu tư: Công Ty TNHH Sắt Gòn Precision.

- Họ và tên: Đặng Hữu Trường Chức vụ: Gi. A - SM
- Họ và tên: Chức vụ:

b/ Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Môi trường Bền Vững

- Họ và tên: Đỗ Công Hải Chức vụ: ĐV Kỹ thuật
- Họ và tên: Chức vụ:

2. Thời gian tiến hành:

- Bắt đầu: 16/11 ngày 01 tháng 11 năm 2018.
- Kết thúc: 16/11 ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Tại: Công trình xử lý nước thải địa chỉ Lô 84, 85, 86b, đường A, KCCX Linh Trung 2, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Căn cứ nghiệm thu:

a/ Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

Các tài liệu gồm:

- Bản vẽ hoàn công công trình "Hệ thống xử lý nước thải công suất 150m³";
- Biên bản nghiệm thu hạng mục lắp đặt thiết bị;
- Hồ sơ CO&CQ thiết bị;
- Kết quả phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý công nghiệp phân tích ngày 21/11/2018;
- Nhật ký công trình;
- Tài liệu hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Và các tài liệu liên quan khác.

b/ Chất lượng công trình xây dựng:

- Công trình được thi công theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt ban đầu;
- Chứng loại vật tư đưa vào sử dụng cho công trình sử dụng phù hợp với hồ sơ yêu cầu về thông số kỹ thuật và chứng loại vật tư ban đầu;

- Công trình được thi công theo đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;
- Công trình hoàn thành đảm bảo an toàn, có tính thẩm mỹ cao.

c/ Tiến độ thực hiện

Ngày khởi công: Ngày 23 tháng 04 năm 2018

Ngày hoàn thành: Ngày 01 tháng 09 năm 2018

d/ Công suất đưa vào vận hành: Công suất xử lý 150 m³/ngày.đêm. Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

e/ Khối lượng công việc thực hiện. (đính kèm biên bản khối lượng hoàn thành)

f/ Các ý kiến khác (nếu có)

4. Kết luận


- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng;
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có):

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày, có đọc lại cho các thành viên tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

Chủ đầu tư


Đ. T. Văn
21.12.18

Đơn vị thi công


Đ. Văn Hải

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Hợp đồng số SPC/HĐ-SENID- 18, ký ngày 27/03/2018 và phụ lục
- Các tài liệu, căn cứ để nghiệm thu

Số: /GNHS-SENID-18.

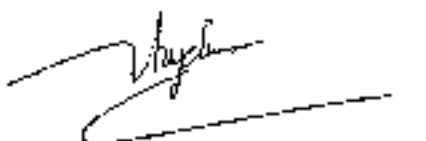
Tp. HCM, Ngày 08 tháng 08 năm 2018

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HỒ SƠ

<u>BÊN GIAO:</u> Địa chỉ: Đại diện ông (bà): Điện thoại:	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PT MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG 100/106 Đường số 3, Phường 9, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
<u>BÊN NHẬN:</u> Địa chỉ: Đại diện ông (bà): (Chỉ rõ họ và tên, chức vụ, điện thoại liên lạc)	CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
<u>NỘI DUNG GIAO NHẬN:</u>	<ul style="list-style-type: none">- 01 Đơn đề nghị thanh toán đợt 3;- 08 Bản thanh lý hợp đồng (4 bản tiếng Việt và 4 bản tiếng Anh);- 01 Kết quả phân tích nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B;- 01 Biên bản nghiệm thu lắp đặt tinh khiết bị;- 01 Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.
<u>GỬI CHO:</u>	

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Lê Phan Thúy Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2266/BQL-MT
V/v ý kiến môi trường đối với hệ thống Xử lý
nước thải công suất 60 m³/ngày đêm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Sài Gòn Precision.

Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) nhận được Văn bản số 0705/CV-SGP ngày 07/5/2019 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision (viết tắt là Công ty) về việc đề nghị kiểm tra đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải (XLNT) công suất 60m³/ngày đêm. Ban Quản lý đã tiến hành kiểm tra tình hình vận hành của hệ thống XLNT vào ngày 14/5/2019, căn cứ kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý, Ban Quản lý có ý kiến như sau:

1. Công ty đã hoàn chỉnh việc đầu tư xây dựng hệ thống XLNT sinh hoạt công suất 60m³/ngày đêm tại xưởng C của Nhà máy 2 ở Lô 49A đường A, KCX Linh Trung 2, Quận Thủ Đức, công suất tại thời điểm kiểm tra khoảng 38,5 + 40m³/ngày đêm. Quy trình xử lý nước thải qua các công đoạn:

+ Nước thải dòng 1: Nước rửa tay công nhân → Bể Tách dầu → Bể Điều hòa → Bể Anoxic → Bể Sinh học hiếu khí → Bể Lọc MBR → Hệ thống thu gom nước thải KCX Linh Trung 2;

+ Nước thải dòng 2: Nước thải sinh hoạt sau Bể tự hoại → Bể Điều hòa → Bể Anoxic → Bể Sinh học hiếu khí → Bể Lọc MBR → Hệ thống thu gom nước thải KCX Linh Trung 2;

Bùn dư định kỳ được hút chuyển cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

3. Kết quả khảo sát đo đạc chất lượng môi trường do Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn vệ sinh lao động – VIMCERTS 026 thực hiện cho thấy chất lượng nước thải tại thời điểm kiểm tra có các chỉ tiêu phân tích đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCX Linh Trung 2 do Công ty TNHH Sepzone Linh Trung (Việt Nam) quy định.

4. Công ty có trách nhiệm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập Sổ Nhật ký vận hành, ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý. Đồng thời, có biện pháp lưu trữ, phân loại bùn

thái với các loại chất thải khác, báo cáo công tác quản lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ theo quy định hiện hành.

Ban Quản lý trả lời đề Công ty được rõ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cty TNHH Sepzone Linh Trung (Việt Nam);
- Lưu: VT, QLMT, TrH (03).



Nguyễn Hoàng Năng

Phụ lục 4

BẢN SAO

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO CÁC CÔNG
TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOẶC CÁC VĂN BẢN
KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG TRÌNH BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ

CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 292 /BQ.-P.QLMT

V/v ý kiến vận hành hệ thống xử lý nước thải
Công ty Sài Gòn Precision (NM3).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH Sài Gòn Precision.

Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) nhận được văn bản số SPC 02-CV-12/2015 ngày 29/12/2015 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision (Công ty) về việc đề nghị xác nhận hoàn thành hệ thống xử lý nước thải 120 m³/ngày của Nhà máy 3 tại lô 1, 2, 3 và 4 KCX Sài Gòn - Linh Trung, quận Thủ Đức. Để có cơ sở ý kiến về việc hoàn thành hệ thống xử lý nước thải, Ban Quản lý đã tiến hành kiểm tra thực tế tại Công ty và lấy mẫu nước thải sau hệ thống xử lý vào ngày 08/01/2016. Sau khi tổng hợp kết quả kiểm tra và căn cứ vào kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý, Ban Quản lý có ý kiến như sau:

1. Công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế 120 m³/ngày tại lô 1, 2, 3 và 4 KCX Sài Gòn - Linh Trung với quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn → hệ điều hòa → bể kỵ khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể xả thải → hệ thống thu gom nước thải của KCX Sài Gòn - Linh Trung.

Bùn từ bể lắng được bơm về bể kỵ khí, phần bùn dư được đưa qua hệ chứa bùn 1 phần nước tách ra đưa về bể điều hòa, phần bùn tiếp tục chuyển qua bể chứa bùn 2, trước khi giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

2. Theo kết quả phân tích ngày 08/01/2016 của Trung tâm Công nghệ và Quản lý môi trường, chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống tại thời điểm lấy mẫu (công suất vận hành khoảng 45 m³/ngày) đạt quy định tiếp nhận nước thải của KCX Sài Gòn - Linh Trung.

3. Công ty có trách nhiệm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập sổ nhật ký vận hành; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cty TNHH Sepzone - LT (VN),
- TB;
- Lưu: VT, P.QLMT. Th (05).

TUQ. TRƯỞNG BAN
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG



Phạm Thanh Trục

Phụ lục 4

BẢN SAO

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO CÁC CÔNG
TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOẶC CÁC VĂN BẢN
KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG TRÌNH BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ベトナム社会主義共和国
独立 - 自由 - 幸福

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH
工事完了検収書

1. **HẠNG MỤC/物件 (プロジェクト) 名:**

手動めっき装置、関連設備、排水処理設備設置工事

2. **ĐỊA ĐIỂM/実施場所:** SAIGON PRECISION CO.,LTD. Factory 4

3. **THÀNH PHẦN NGHIỆM THU/検収メンバー:** SAIGON PRECISION CO.,LTD.、
ITATSU.,LTD.

a) **Chủ đầu tư/投資業者:** SAIGON PRECISION CO.,LTD.

- **Người đại diện/代表者:** Okamura Shigeki Chức vụ/職務: Manager

- **Giám sát thi công/工事監督者:** Kosugi Masashi Chức vụ/職務: Leader

b) **Đơn vị thi công/工事業者:** ITATSU CO.,LTD.

- **Người đại diện/代表者:** Kawashima Ayao Chức vụ/職務: Manager

- **Quản lý thi công/工事管理者:** Kamiyama Makoto Chức vụ/職務: Manager

- **Quản lý thi công/工事管理者:** Shibata Yuki Chức vụ/職務:

4. **Thời gian nghiệm thu/検収実施時間:**

Bắt đầu/開始: Ngày/日 1 tháng/月 9 năm/年 2015

Kết thúc/終了: Ngày/日 30 tháng/月 11 năm/年 2015.

Địa điểm/場所: 表面処理エリア、排水処理エリア

5. **Nội dung nghiệm thu/検収項目:**

- ・排水処理設備一式
- ・排気処理設備一式
- ・無電解ニッケルライン一式
- ・CBCめっきライン一式



- ・ボイラー一式
- ・塗装ブース一式
- ・焼成炉一式
- ・黒染めライン一式
- ・アルマイトライン一式
- ・硬質クロムライン一式
- ・RO/純水製造装置一式

6. Đánh giá các hạng mục thi công/工事項目の評価:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu/検査根拠の書類:

- Bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi bản vẽ đã được chấp thuận (nếu có)/投資業者が承認された図面、改正図面:

- ・ライン配置図 (黒染め、無電解ニッケル、アルマイト、硬質クロム、CBC)
- ・排水処置設備配置図、排水処理フロー図、スクラバー図面
- ・計図仕様書

- Hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (số hiệu hợp đồng, phụ lục hợp đồng, tên công trình)/契約書及び付録書 (契約・付録所の番号、物件名等):

- ・別紙契約書添付 (本契約書、変更契約書)
- ・見積書
- ・出荷前立会い検査資料

b) Đánh giá chất lượng công trình/工事品質の評価:

・承認図面通りの製作が実現し、大きな問題の無い品質である。

c) Các ý kiến khác (nếu có)/その他の意見:

7. Kết luận/結論:

Xác nhận việc hoàn thành thi công công trình và đồng ý nghiệm thu công trình.

Các bên nghiệm thu chịu trách nhiệm về quyết định nghiệm thu trước pháp luật.

Biên bản này được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản.

全て工事の完了を確認し、工事検収を承認しました。

検収各方は法律前検収決定について責任を持ちます。

本書は二通作成され、各方は一通を所持します。

Đơn vị thi công/工事業者
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(氏名、署名、職務、印)

ITATSU CO., LTD
PRESIDENT



NOBUYUKI ITABASHI

2

Chủ đầu tư/投資業者
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(署名、職務、印)



OKADA SHIGEKI

President



Ngày 4/9 tháng 09 năm 2015

Biên bản số: MK/NT/2015/06
Report No. : MK/NT/ 2015/06

BIÊN BẢN SỐ 2015/06
(MINUTES NO. 2015/06)

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH PHẦN CÔNG TÁC BÊN NGOÀI
(INDIVIDUAL INSPECTION UPON COMPLETION OF EXTERNAL WORK)

- 1. Đối tượng nghiệm thu** : Đường nội bộ, hệ thống thoát nước, bể phốt ngầm, bể dầu ngầm, bể dầu ngầm 2, pum pit 1, pum pit 2.
(Individual Inspection Subject) : Road, Drainage Water System, Septic Tank Oil Tank 1, Oil Tank 2, Pump pit 1, Pump pit 2
- Vị trí xây dựng** : Lô 1,2,3,4 Sài Gòn, KCX Linh Trung 1, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
(Construction Location) : Lot 1, 2, 3, 4 Saigon - Linh Trung EPZ 1, Linh Trung Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu (Attendances):

- Đại diện chủ đầu tư *(Representative of the Owner)* :
Công ty TNHH Saigon Precision
(Saigon Precision Co., Ltd.)
Tên *(Name)* : Mr. Okamura Shigeki
Chức vụ *(Position)* : Chủ tịch *(President)*
- Đại diện nhà thầu xây lắp *(Representative of Contractor)* :
Shimizu Corp.,
Tên *(Name)* : Mr. Nguyễn Quốc Lâm
Chức vụ *(Position)* : Giám đốc dự án *(Project manager)*

3. Thời gian nghiệm thu (Date and Time of Inspection):

Bắt đầu *(From)* : 9:30 AM 14th September 2015
Kết thúc *(To)* : 11:30 AM 14th September 2015
Tại công trình *(at site)* SAIGON PRECISION LTI 4th FACTORY

4. Đánh giá bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng đã thực hiện: (Remark part of project, completion construction work)

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu (Checking the following documents):

1. Hồ sơ, tài liệu thiết kế (Design documents)
 - Các bản vẽ thiết kế (Design drawings)
 - Các bản vẽ triển khai (Shop drawings)
2. Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu (Standard applying for inspection)
 - Japanese Standards (JIS)

b) Các tài liệu kiểm tra chất lượng (Document for Quality control)

- Tiến độ thi công (Schedule of additional works)
- Sơ đồ tổ chức công trường (Site organization chart)
- Biên bản nghiệm thu từng hạng mục công việc (Inspection report for work item)
- Bản vẽ xây dựng đã được chủ đầu tư phê duyệt (Construction drawing)
- Các hồ sơ khác có liên quan (Other relevant documents)

*** Kiểm tra tại hiện trường (Inspection at site):**

1. Công tác thi công (Construction work):
 - Nhìn chung công tác thi công tốt (Basically, good construction work)
2. Công tác an toàn lao động (Safety labor work):
 - Công nhân được trang bị bảo hộ lao động và hiểu biết về an toàn lao động (Workers have wear safety equipment and knowledge safety labor)
3. Công tác phòng cháy chữa cháy (Fire protection work):
 - Tại văn phòng công trường có gắn biển thông báo khẩn cấp khi xảy ra sự cố (Emergency network have been hanged in Site Office)

*** Nhận xét về chất lượng, khối lượng (Comment of Quality & Quantity):**

- Thời gian thi công (Working period)

Bắt đầu (From) : 27th January 2015

Kết thúc (Completion date) : 13th September 2015

- Chất lượng thi công so với thiết kế đã được duyệt (Comparison between quality of workdone and approved design);

- Hồ sơ nghiệm thu và hoàn công đầy đủ (*Fully & cleared document for inspection*)
- Quá trình thi công đã tuân thủ theo các tiêu chuẩn đề ra (*Construction work are followed to proposed technical specification*)
- Chất lượng thi công đạt các yêu cầu kỹ thuật của thiết kế (*Quality are followed proposed technical specification*)
- Khối lượng công việc đã thực hiện (*Volume of workdone*):
 - Khối lượng thực hiện cơ bản phù hợp với thiết kế đã được thẩm định và những yêu cầu sửa đổi nhỏ.

c) Các ý kiến khác, nếu có (*Other Ideals, if any*): Không có ý kiến (*No Comment*)

d) Ý kiến của người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (bám dự về công tác nghiệm thu công việc xây dựng (*Ideals of Supervisor, Investor about Inspection*)): Không có ý kiến (*No Comment*)

4. Kết luận (*Conclusion*):

- Các bên chấp thuận nghiệm thu hạng mục đã nêu trên (*All Parties agreed the above items*).
- Không có thay đổi lớn nào so với thiết kế đã được duyệt (*No any major change based on approved design*)

Các bên tham gia nghiệm thu (*Signatures and seals of participating parties*):
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
Công Ty TNHH Saigon Precision



Mr. Okamura Shigeki

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CHÍNH
Công ty SHIMIZU CORPORATION



Mr. Nguyễn Quốc Lâm

Ngày 25 tháng 08 năm 2015

Biên bản số: MK/NT/2015/05
Report No. : MK/NT/ 2015/05

**BIÊN BẢN SỐ 2015/05
(MINUTES NO. 2015/05)**

**NGHIỆM THU HOÀN THÀNH PHẦN CÔNG TÁC HOÀN THIỆN
(INDIVIDUAL INSPECTION UPON COMPLETION OF FINISHING WORK)**

1. Đối tượng nghiệm thu : Công tác hoàn thiện nhà xưởng chính, nhà kho, nhà bảo vệ 1, nhà bảo vệ 2, cầu nối.
(Individual Inspection Subject : Finishing work for Main Factory, General Storage, Guard House 1, Guard House 2, Connecting bridge.

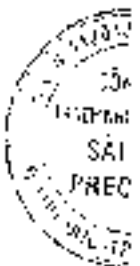
Vị trí xây dựng : Lô 1,2,3,4 Sài Gòn, KCX Linh Trung I, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
(Construction Location : Lot 1, 2, 3, 4 Saigon - Linh Trung EPZ 1, Linh Trung Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu (Attendances):

- Đại diện chủ đầu tư (Representative of the Owner) :
Công ty TNHH Saigon Precision
(Saigon Precision Co., Ltd.)
Tên (Name) : Mr. Okamura Shigeki
Chức vụ (Position) : Chủ tịch (President)
- Đại diện nhà thầu xây lắp (Representative of Contractor) :
Shimizu Corp ;
Tên (Name) : Mr. Nguyễn Quốc Lâm
Chức vụ (Position) : Giám đốc dự án (Project manager)

3. Thời gian nghiệm thu (Date and Time of Inspection):

Bắt đầu (From) : 9:30 AM 25th August 2015
Kết thúc (To) : 11:30 AM 25th August 2015
Tại công trình (at site) SAIGON PRECISION LOT 4th FACTORY



4. Đánh giá bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng đã thực hiện: (Remark part of project, completion construction work)

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu (Checking the following documents):

1. Hồ sơ, tài liệu thiết kế (Design documents)
 - Các bản vẽ thiết kế (Design drawings)
 - Các bản vẽ triển khai (Shop drawings)
2. Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu (Standard applying for inspection)
 - Japanese Standards (JIS)

b) Các tài liệu kiểm tra chất lượng (Document for Quality control.)

- Tiến độ thi công (Schedule of additional works)
- Sơ đồ tổ chức công trường (Site organization chart)
- Biên bản nghiệm thu từng hạng mục công việc (Inspection report for work item)
- Bản vẽ xây dựng đã được chủ đầu tư phê duyệt (Construction drawing)
- Các hồ sơ khác có liên quan (Other relevant documents)

*** Kiểm tra tại hiện trường (Inspection at site):**

1. Công tác thi công (Construction work):
 - Nhìn chung công tác thi công tốt (Basically, good construction work)
2. Công tác an toàn lao động (Safety labor work):
 - Công nhân được trang bị bảo hộ lao động và hiểu biết về an toàn lao động (Workers have wear safety equipment and knowledge safety labor)
3. Công tác phòng cháy chữa cháy (Fire protection work):
 - Tại văn phòng công trường có gắn biển thông báo khẩn cấp khi xảy ra sự cố (Emergency network have been hanged in Site Office)

*** Nhận xét về chất lượng, khối lượng (Comment of Quality & Quantity):**

- Thời gian thi công (Working period)

Bắt đầu (From) : 25th May 2015

Kết thúc (Completion date) : 20th August 2015

- Chất lượng thi công so với thiết kế đã được duyệt (Comparison between quality of workdone and approved design);
 - + Hồ sơ nghiệm thu và hoàn công đầy đủ (Fully & cleared document for inspection)

- Quá trình thi công đã tuân thủ theo các tiêu chuẩn đề ra (*Construction work are followed to proposed technical specification*)
+ Chất lượng thi công đạt các yêu cầu kỹ thuật của thiết kế (*Quality are followed proposed technical specification*)

- Khối lượng công việc đã thực hiện (*Volume of workdone*):
+ Khối lượng thực hiện cơ bản phù hợp với thiết kế đã được thẩm định và những yêu cầu sửa đổi nhỏ.

c) Các ý kiến khác, nếu có (*Other Ideals, if any*): Không có ý kiến (*No Comment*)

d) Ý kiến của người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư tham dự về công tác nghiệm thu công việc xây dựng (*Ideals of Supervisor, Investor about Inspection*): Không có ý kiến (*No Comment*)

4. Kết luận (*Conclusion*):

- Các bên chấp thuận nghiệm thu hạng mục đã nêu trên (*All Parties agreed the above items*)
- Không có thay đổi lớn nào so với thiết kế đã được duyệt (*No any major change based on approved design*)

Các bên tham gia nghiệm thu (*Signatures and seats of participating parties*):
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
Công Ty TNHH Saigon Precision



Mr. Okamura Shūgeki

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CHÍNH
Công ty SHIMIZU CORPORATION



Mr. Nguyễn Quốc Lâm

Phụ lục 5

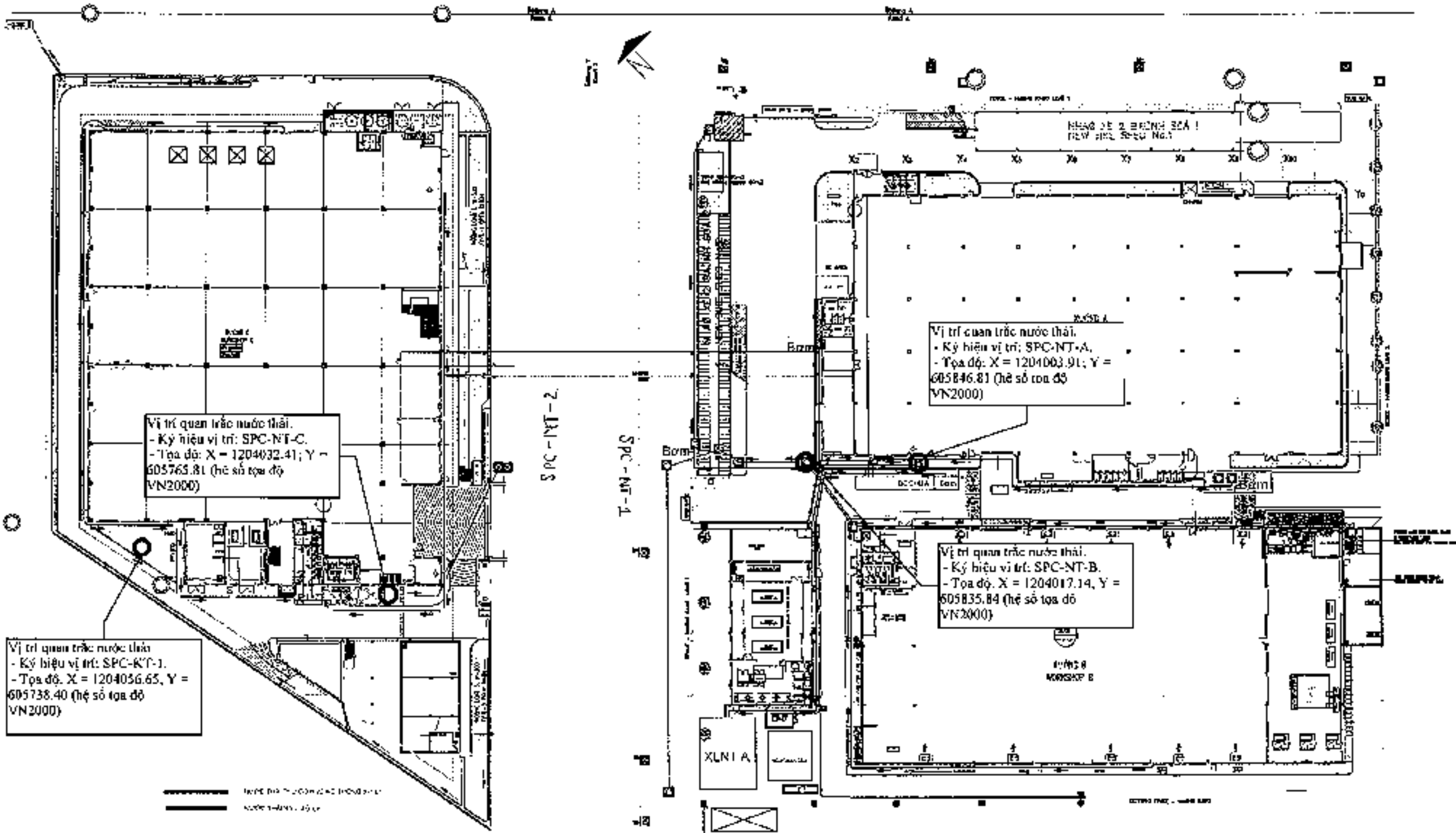
BẢN SAO

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA CHƯƠNG TRÌNH
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường

Công ty TNHH Sài Gòn Precision (Nhà máy 2)
Mặt bằng thoát nước thải tổng thể

Kiểm theo CN 232/CN.KT.2023 ngày 23/10/2023
du luc



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ
WASTE WATER DRAINAGE GENERAL PLAN

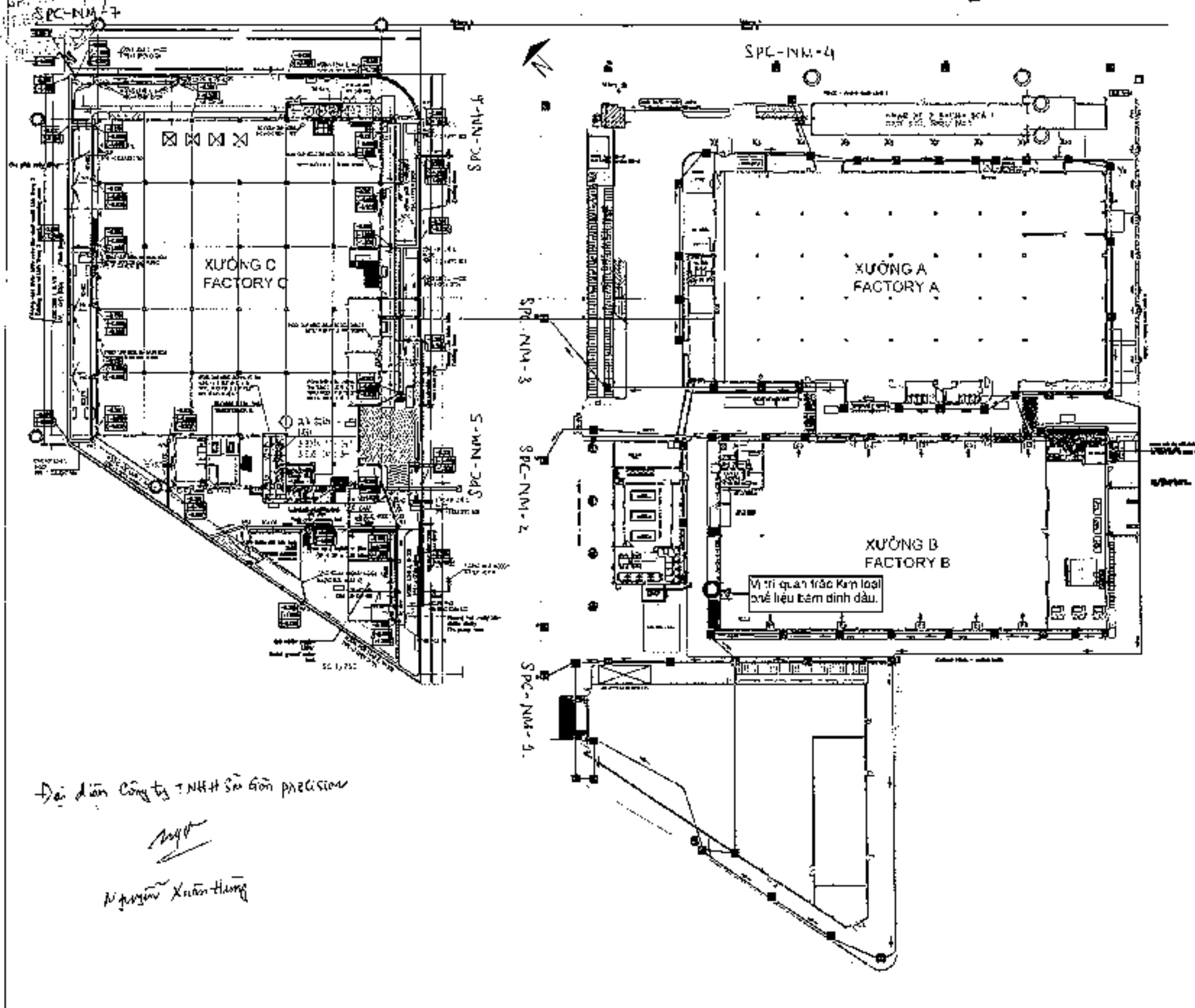
Đại diện Công ty TNHH Sài Gòn Precision
du luc
Nguyễn Xuân Hưng

Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường

Công ty TNHH Sài Gòn Precision (Nhà máy 2)

Kiểm theo CV 2471/CV-LT, 2023 ngày 23/10/2023

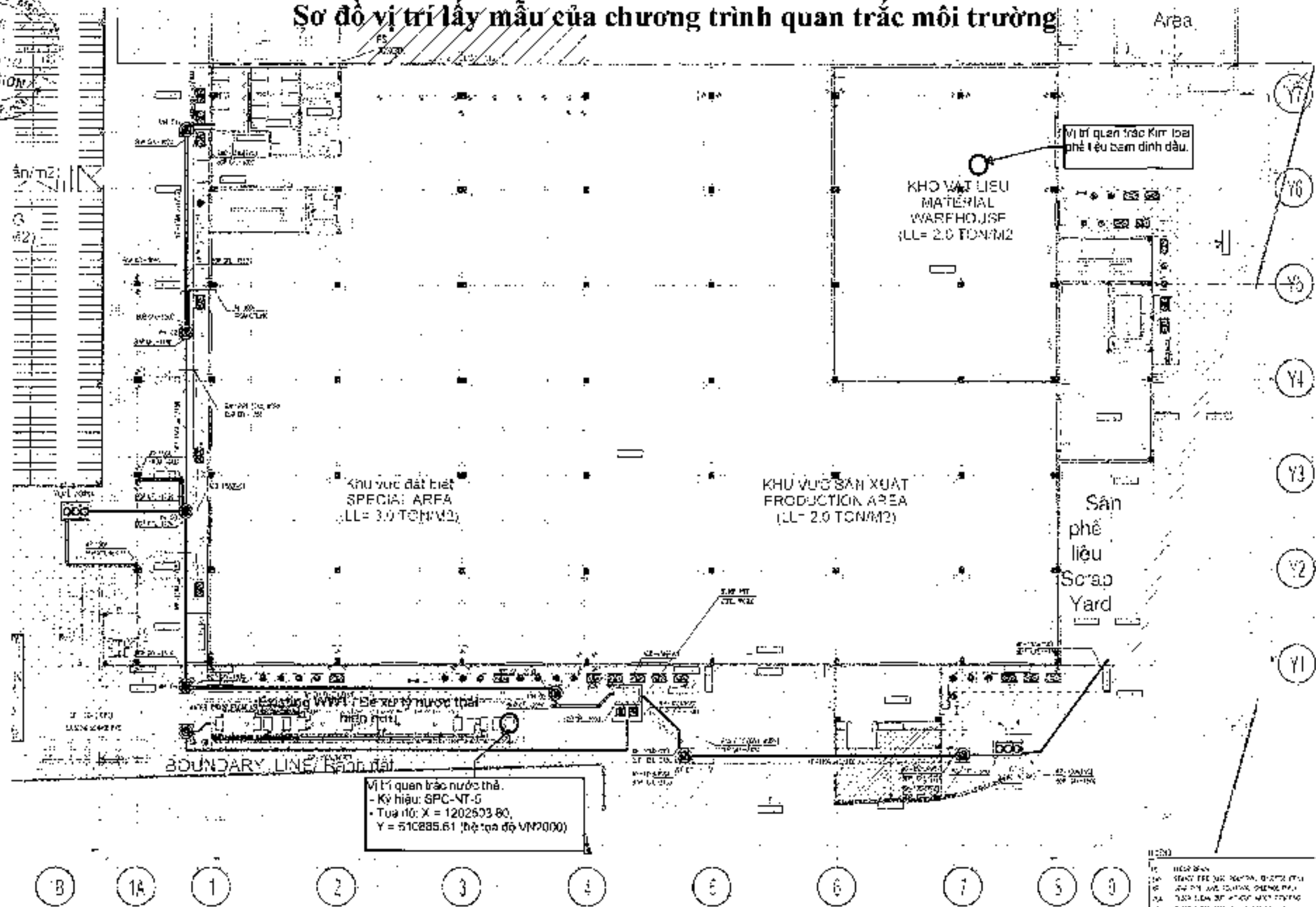
Mặt bằng thoát nước mưa tổng thể



Đại diện Công ty TNHH Sài Gòn Precision

[Signature]
Nguyễn Xuân Hùng

Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường



Vị trí quan trắc nước thải.
 - Ký hiệu: SPC-NT-5
 - Tọa độ: X = 120253.80,
 Y = 510885.61 (hệ tọa độ VN2000)

Vị trí quan trắc Kim loại
 nặng tại bể lắng dầu.

- 1. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 2. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 3. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 4. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 5. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 6. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 7. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 8. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 9. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 10. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 11. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 12. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 13. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 14. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 15. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 16. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 17. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 18. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 19. KHU VỰC SẢN XUẤT
- 20. KHU VỰC SẢN XUẤT

Hàng hóa/Brand	
Mã hàng/Code	Mã hàng/Code
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
Tên xe/Car	Đầu máy/Engine
Đầu máy/Engine	Thần tốc/Speed
Hãng xe/Brand	Trang bị/Equip
Chiều dài/Length	Trọng tải/Load
Loại xe/Type	Loại xe/Type
Đầu máy/Engine	Loại xe/Type

Chủ đầu tư/Client
CÔNG TY TNHH SÀI CÓN PRECISION
SAGON PRECISION CO., LTD.



Chủ trì công trình/Project Manager
NGUYỄN THỊ KHUÊ
 Nhà đầu tư/Investor
M&C GROUP

Slogan: *Success is Building a Better Future*
NISHIMATSU
VIETNAM CO., LTD.

Dự án/Project
CÔNG TY TNHH SÀI CÓN PRECISION
 NHÀ MÁY SỐ 3 - MỞ RỘNG NHÀ MÁY VÀ
 CẢI TẠO NHÀ XE THÔNG THAY SỐ
SAGON PRECISION CO., LTD. - FACTORY
 NO.3 - EXTENSION FACTORY AND RENOVATION
 LOCKER ROOM B&E PARK 0

Địa điểm/Location
 Khu vực/Zone: Khu vực/Zone
 Địa chỉ/Address: Địa chỉ/Address



Đơn vị thi công/Contractor
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ THƯƠNG MẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ THƯƠNG MẠI
SATICO, JSC

Giám đốc/Director
Lê Khắc Phi

Chủ trì thiết kế/Design Lead
Trần Ngọc Thảo

Chủ trì giám sát/Supervisor
Nguyễn Văn Tuấn

Thiết kế/Design
Nguyễn Văn Tuấn

Tỷ lệ/Scale
1:300

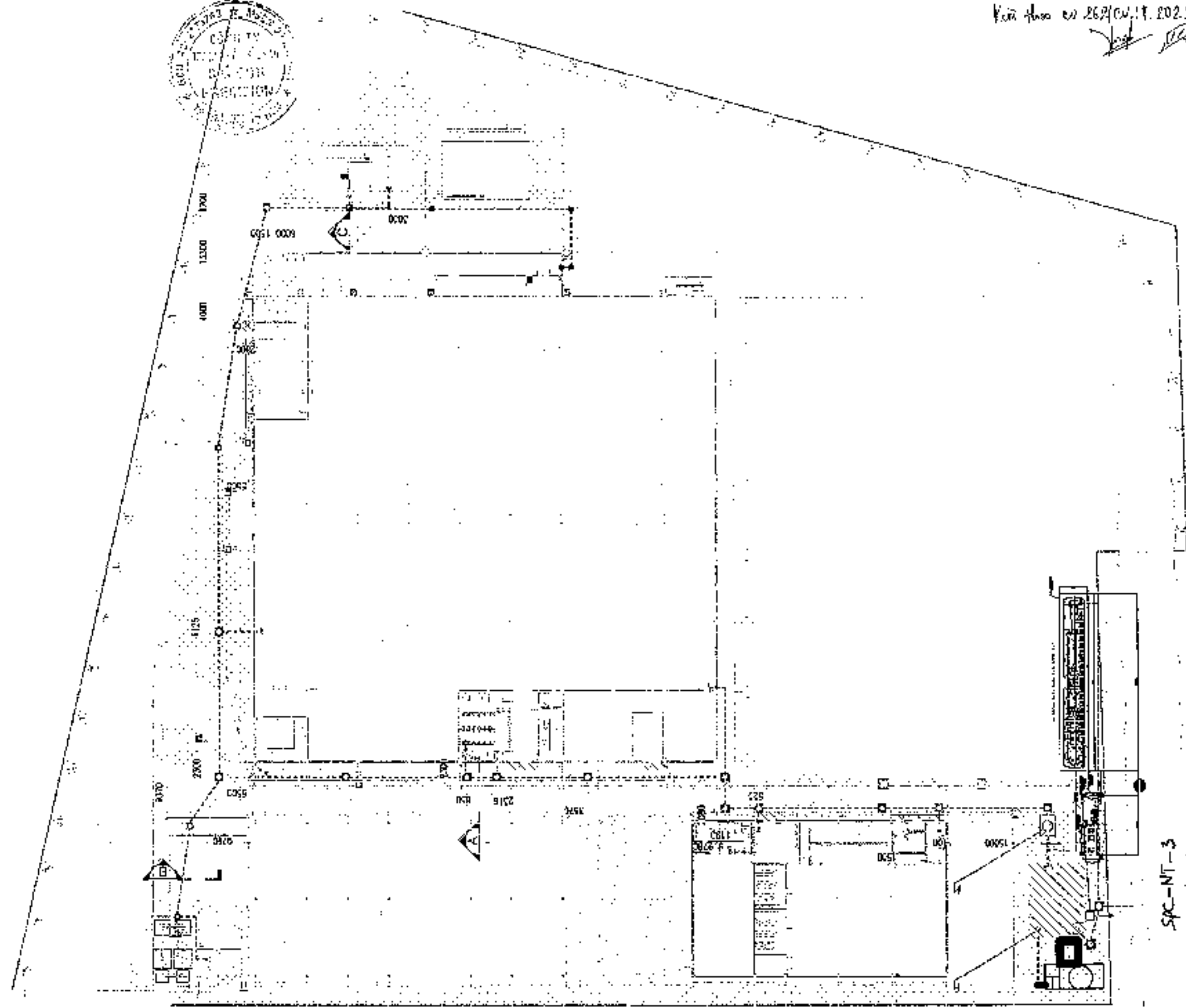
Tên bản vẽ/Sheet Name
WWS T&E WATER SYSTEM - SITE PLAN

Số bản vẽ/Sheet No.
MF-07

NO	SYMBOL	FINISHED LEVEL (AS FFL)	CONCRETE FINISHING FLOOR (FFL)	MANHOLE COVER FLOOR (FLOOR)	INLET LEVEL (FLOOR)	OUTLET LEVEL (FLOOR)	MANHOLE DEPTH (MM)	LEAD OF MANHOLE COVER	PIPE SIZE (MM)	SLOPE (MM/M)
1	MW1	-0.2	Da 000	Da 000	-1	-1.50	500	500	150	1:150
2	MW2	-0.50	Da 000	Da 000	-1.00	-1.5	1250	500	150	1:150
3	MW3	-0.5	Da 000	Da 000	-1.7	-1.7	1120	500	150	1:150
4	MW4	-0.4	Da 000	Da 000	-1.1	-1.30	1250	1000	150	1:150
5	MW5	-0.1	Da 000	Da 000	-0.50	-1.00	1750	1000	150	1:150
A	MW6	-0.2	Da 000	Da 000	-1.00	-1.10	1400	1000	150	1:150
B	MW7	-0.1	Da 000	Da 000	-0.50	-0.50	1750	1000	150	1:150
C	MW8	-0.5	LIÊN KẾT		-0.10		2000			
D	MW9	-0.2	Da 000	Da 000	-0.9	-0.90	1400	1000	150	1:150

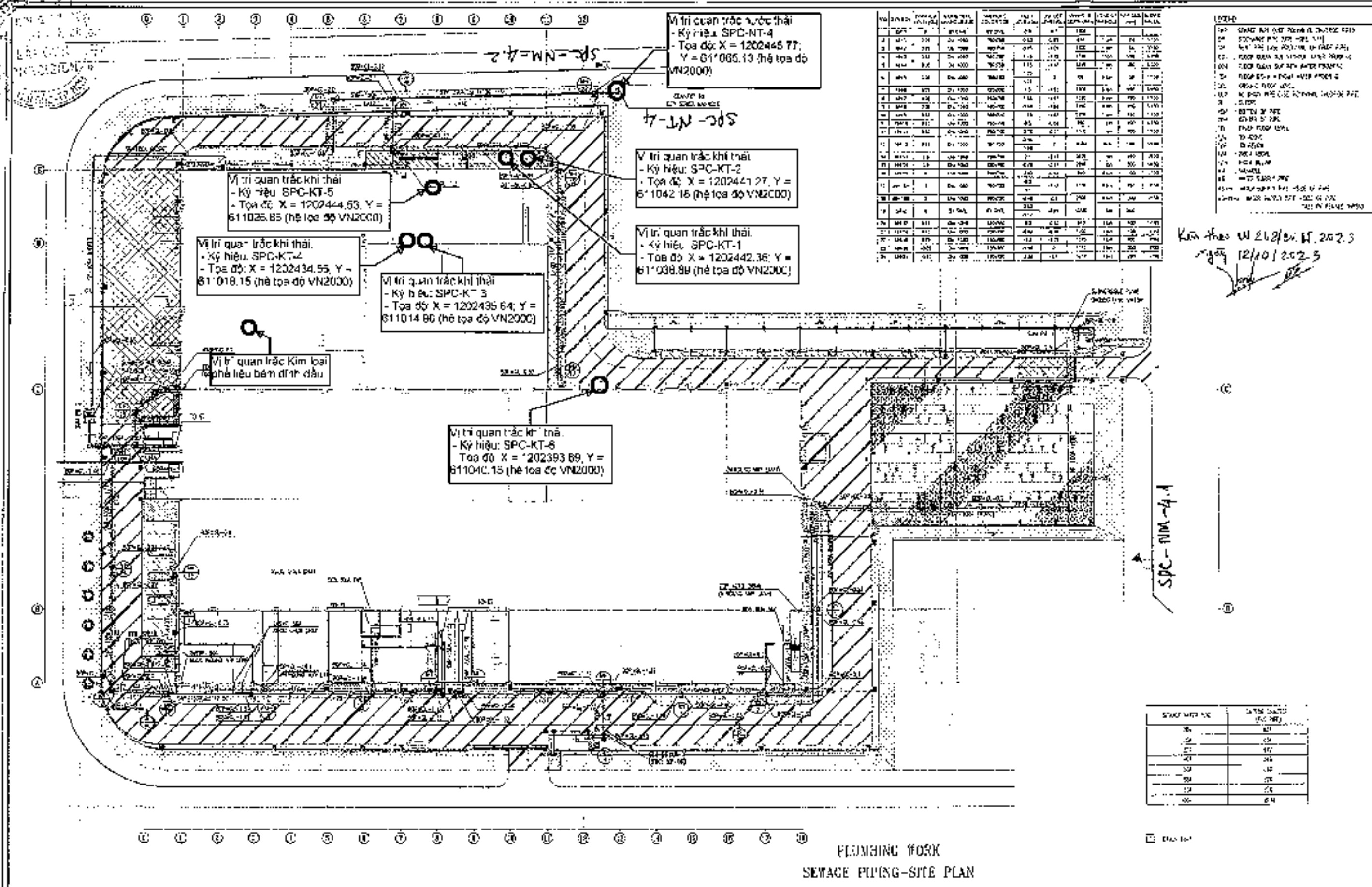
WASTE WATER SYSTEM - SITE PLAN

Ngày tháng năm 2023 ngày 17/10/2023



S/C-NT-3

Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường



FLOORING WORK
SEWAGE PUMPING-SITE PLAN

FOR AS BUILT
2015.08.29



SEWAGE PUMPING-SITE PLAN
MP-05

Phụ lục 6

BẢN SAO

**VĂN BẢN VỀ QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI
TRƯỜNG, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG
CHƯA ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN
BAN HÀNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 622/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu chế xuất Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;



Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5759/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất Khu chế xuất Linh Trung, quận Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Kế hoạch thí điểm mô hình nhà xưởng cao tầng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2018;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 4133/TTr-SQHKT ngày 04 tháng 11 năm 2015 về trình duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu chế xuất Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch: 65.464 m², theo bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung 1, quận Thủ Đức.

- Vị trí và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch: nằm trong các ô phố có ký hiệu: I, II, III, IV trên bản đồ mặt bằng tổng thể Sepzone Linh Trung đã được phê duyệt tại Quyết định số 2540/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất Khu chế xuất Linh Trung, quận Thủ Đức.

- Giới hạn khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch như sau:

- + Phía Bắc giáp : Đường song hành.
- + Phía Nam giáp : Đường số 2.
- + Phía Đông giáp : Đường quy hoạch.
- + Phía Tây giáp : Đường nội bộ quy hoạch.

- Tính chất của khu vực điều chỉnh quy hoạch: là khu nhà xưởng cao tầng, khu hành chính dịch vụ với hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh.

2. Lộ giới các tuyến đường liên quan:

- Đường song hành : 15m.
- Đường số 2 : 15m.
- Đường quy hoạch phía Đông khu đất : 38m.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Công ty Sepzone - Linh Trung (Việt Nam).

4. Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Viện Quy hoạch Xây dựng thuộc Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố.

5. Hồ sơ, bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bản sao mặt bằng tổng thể quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung tỷ lệ 1/2.000 đã được phê duyệt.

- Bản đồ vị trí, giới hạn ô đường, khu vực cần điều chỉnh cục bộ (trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã được phê duyệt).

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất theo phương án điều chỉnh (thể hiện khu vực điều chỉnh cục bộ và khu vực tiếp cận).

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

1. Giải pháp, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Việc điều chỉnh một phần diện tích có chức năng sử dụng đất từ đất trung tâm hành chính - dịch vụ thành chức năng sử dụng đất xây dựng công trình xi nghiệp tại Khu chế xuất Linh Trung, quận Thủ Đức, nhằm thực hiện Kế hoạch thi điểm mô hình nhà xưởng cao tầng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2018.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Về chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc (khu vực điều chỉnh) theo nội dung đồ án quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung tỷ lệ 1/2.000 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2540/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Ký hiệu	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)
I.37,	Đất công nghiệp kho bãi	28.901,13	44,15			
I.38, I.39, I.40	- Đất sản xuất	19.243,79		3	≤ 70	2,1

IV.67	- Kho bãi container, kho nhiên liệu	9.657,34		3	≤ 70	2,1
	Đất các khu kỹ thuật	6.236,96	9,52			
II.65	- Đất nhà máy xử lý nước thải	3.562,90		3	≤ 70	2,1
III.66	- Đất trạm biến áp	2.674,06		3	≤ 70	2,1
I	Đất hành chính dịch vụ - công trình công cộng	16.265,00	24,85			
	Đất giao thông	14.060,91	21,48			
	Tổng cộng	65.464,00	100,0			

a) Bảng cơ cấu sử dụng đất khu đất điều chỉnh cục bộ (65.464 m²):

STT	Chức năng sử dụng đất	Theo đồ án quy hoạch được duyệt		Sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp kho bãi	28.901,13	44,15	31.388,89	47,95
	- Đất sản xuất	19.243,79		31.388,89	
	+ Đất nhà máy (xây dựng mới)	-	-	5.500	
	+ Đất nhà máy (hiện hữu)	-	-	25.888,89	
	- Kho bãi container, kho nhiên liệu	9.657,34		-	
2	Đất các khu kỹ thuật	6.236,96	9,52	7.690,60	11,75
	- Đất nhà máy xử lý nước thải	3.562,90		3.946,50	
	- Đất trạm biến áp	2.674,06		3.744,10	
3	Đất hành chính dịch vụ công cộng	16.265,0	24,85	12.323,50	18,82
	- Đất hành chính dịch vụ	16.265,0		10.765,00	
	- Đất hải quan	-		1.558,50	
4	Đất giao thông	14.060,91	21,48	14.060,91	21,48
	Tổng cộng	65.464,0	100,0	65.464,00	100,0

b) Bảng các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc trong khu đất điều chỉnh cục bộ:

STT	Ký hiệu theo quy hoạch được duyệt	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất đề xuất	Diện tích (ha)	Tầng cao tối đa (tầng)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)
1			Đất công nghiệp kho bãi	31.388,89			
	1 phần ô I	I.3	- Đất nhà máy (xây dựng mới)	5.500	8	70 và phù hợp bảng 2.4-QCVN 01:2008/	5,6
	I.37, I.38, I.39, I.40.	I.4	- Đất nhà máy (hiện hữu)	17.790,05	8		5,6

	I phần ở I.67	IV.67	- Kho bãi container, kho nhiên liệu (hiện hữu)	8.098,84		BXD	
2			Đất các khu kỹ thuật	7.690,60			
	II.65	II.65	- Đất nhà máy xử lý nước thải	3.946,50	I	60	0,6
	III.66	III.66	- Đất trạm biến áp	3.744,10	1	60	0,6
3			Đất hành chính dịch vụ công cộng	12.323,5			
	1 phần ở I	I.1	- Đất hành chính dịch vụ	10.765,0	10	50	5,0
	1 phần ở I	I.2	- Đất hải quan	1.558,50	10	50	5,0
4			Đất giao thông	14.060,91			
			Tổng cộng	65.464,00		50	

c) Cơ cấu sử dụng đất toàn khu quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

S T T	Loại đất	Theo quy hoạch được duyệt				Sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch				Theo QCXD tỷ lệ (%)
		Khu A		Khu B		Khu A		Khu B		
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất công nghiệp kho bãi	353.397,75	67,96			357.618,80	68,77			≥ 55
	- Đất sản xuất	343.740,41				349.414,10				
	- Kho bãi container, kho nhiên liệu	9.657,34				8.203,70				
2	Đất các khu kỹ thuật	10.602,25	2,04	55.600	69,50	13.298,20	2,56	55.600	69,50	≥ 1
	- Đất nhà máy xử lý nước thải	3.562,90				3.946,50				
	- Đất trạm biến áp	2.674,06				3.744,10				
	- Đất nhà máy nước trạm cứu hỏa	4.365,29				4.980,80				
	- Đất trạm cứu hỏa					626,80				
3	Đất hành chính dịch vụ - công trình công cộng	19.240,00	3,70	-	-	12.323,00	2,37	-	-	≥ 1
	- Đất hành chính dịch vụ	19.240,00				10.764,50				

	• Đất hải quan					1.558,50				Chuyển từ đất kho bãi
3	Đất công viên cây xanh	18.406,00	3,55	7.560	9,45	18.406,0	3,55	7.560	9,45	≥ 10
4	Đất giao thông	118.354,0	22,75	16.840	21,05	118.354,0	22,75	6.840	21,05	≥ 8
	Tổng cộng	520.000,0	100,0	80.000	100,0	520.000,0	100,00	80.000	100,0	

- Về lộ giới các tuyến đường liên quan: không thay đổi so với đồ án quy hoạch chi tiết sử dụng đất tỷ lệ 1/2.000 Khu chế xuất Linh Trung được duyệt tại Quyết định số 2540/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Các điểm lưu ý:

- Mật độ xây dựng toàn khu tối đa: 50%. Tỷ lệ cây xanh trong từng lô đất xây dựng nhà xưởng, nhà máy đảm bảo ≥ 20%. Về tầng cao: số tầng bao gồm các tầng được quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ xây dựng ban hành theo QCVN 03:2012/BXD.

- Về chiều cao xây dựng (m): trong quá trình triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch, cần tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý bảo vệ vùng trời Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

- Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) - cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất Khu chế xuất Linh Trung, quận Thủ Đức những nội dung điều chỉnh nêu trên. Sau khi rà soát, đánh giá quá trình thực hiện đồ án này theo định kỳ thời hạn đã được quy định, cần tổng hợp các nội dung điều chỉnh để đưa vào nội dung nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất Khu chế xuất Linh Trung, quận Thủ Đức. Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt cần kiểm soát, quản lý chặt chẽ để có giải pháp khắc phục những phát sinh (nếu có) do điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, cơ quan có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch đô thị cần phải công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung, quận Thủ Đức này theo quy định.

- Công tác cấm mốc giới theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 này cần được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (Hepzone), Trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Trung và Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam), các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Nêu Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) D. 02

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KF. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tía

Phụ lục 6

BẢN SAO

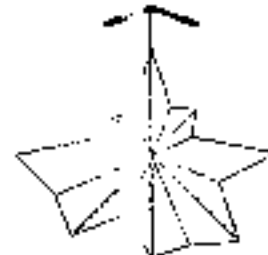
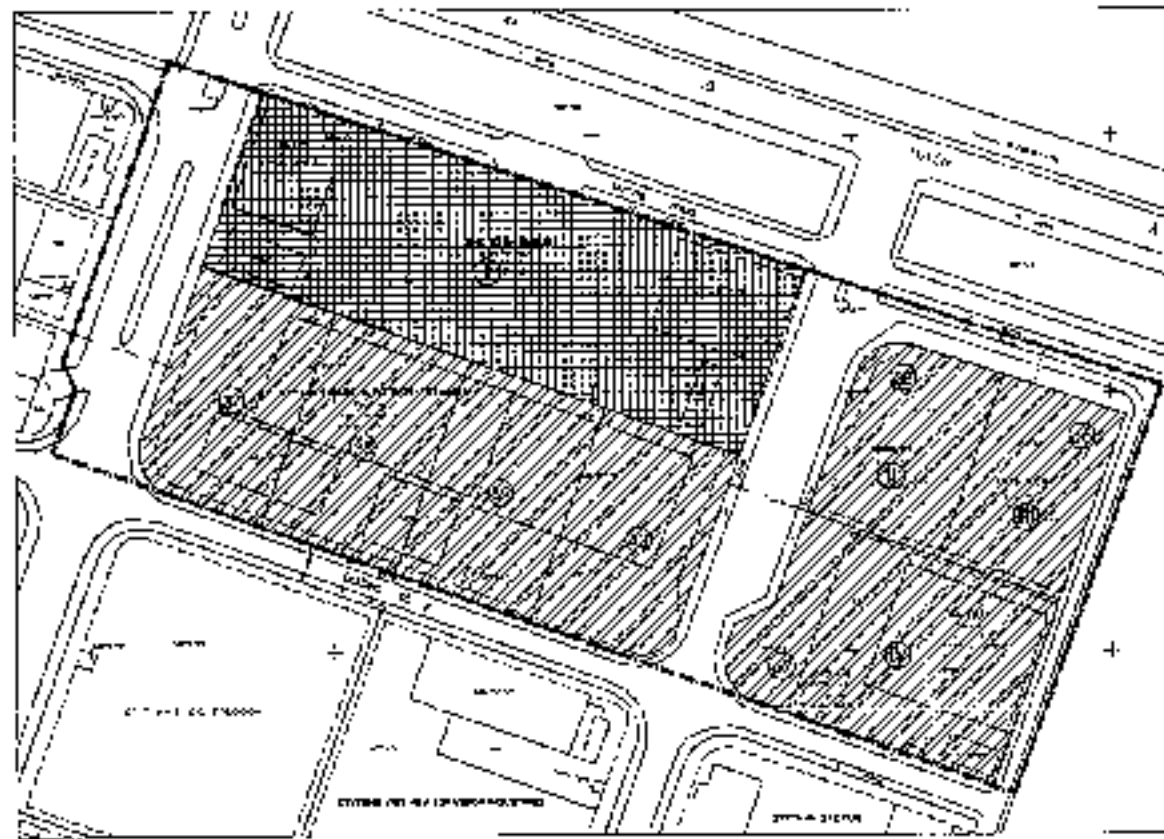
**VĂN BẢN VỀ QUY HOẠCH TỈNH, PHẦN VÙNG MÔI
TRƯỜNG, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG
CHƯA ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN
BAN HÀNH**

TP. HỒ CHÍ MINH - QUẬN THỦ ĐỨC

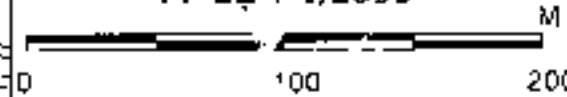
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL 1/2000 KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG 1

PHƯỜNG LINH TRUNG

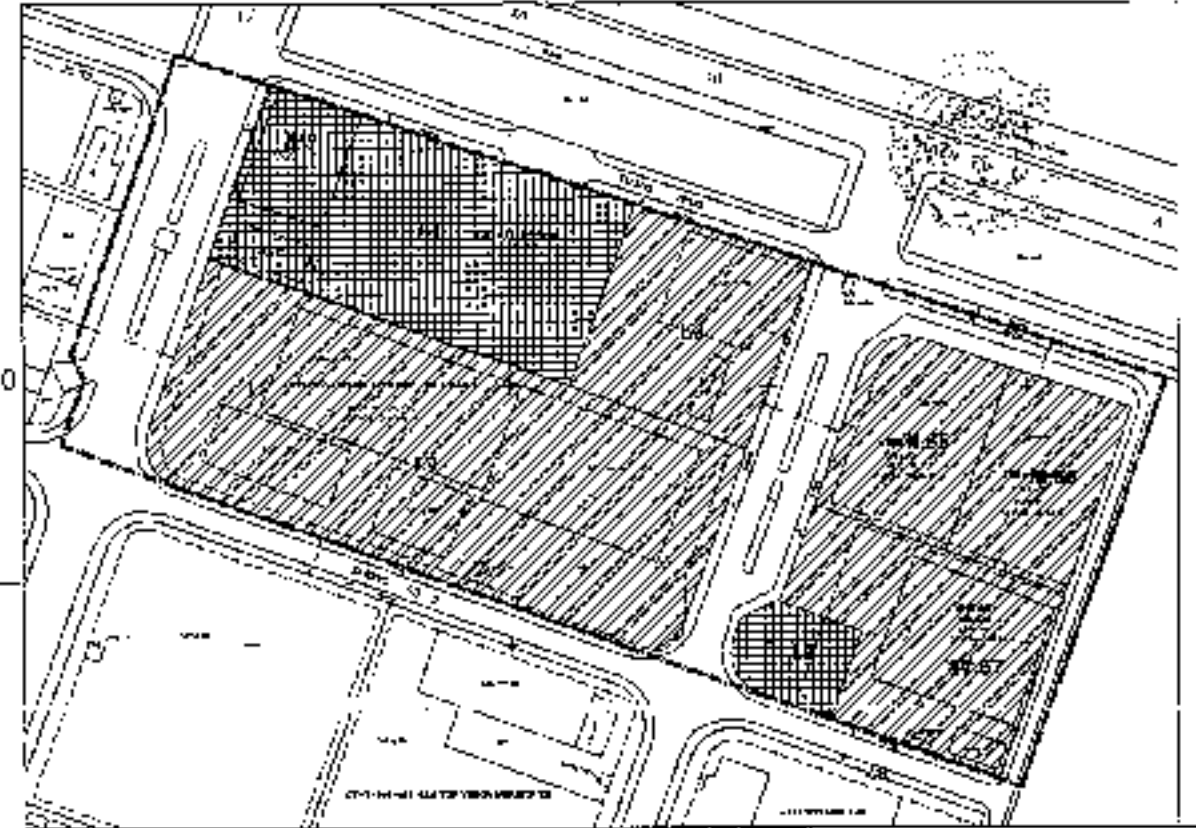
SỐ QUY HOẠCH & EN TRẠC TRÝ
ĐẾN: HỒ TUL
Ngày: 21/05/2015



TỶ LỆ: 1/2000



ĐIỀU CHỈNH CHỨC NĂNG
SỬ DỤNG ĐẤT CỤC BỘ



TRÍCH BẢN ĐỒ QH TỔNG MẶT BẰNG SDB KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TỶ LỆ 1/2000
(THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT SỐ 2540/QĐ-UB-QLĐT NGÀY 21/05/1997)

BẢN ĐỒ QH TỔNG MẶT BẰNG SDB
KHU VỰC SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TỶ LỆ 1/2000

CHỨC NĂNG & CHỈ TIÊU CHỨC CÁC KHU ĐẤT TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CỤC BỘ						
KÝ HIỆU LỘ DUY HOẠCH	KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)	TẦNG CAO TRUNG BÌNH (TẦNG)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HSSDB
1	ĐẤT CÔNG NGHIỆP KHU ĐÀ	78.997,12	41,15			
1.01	SÂN MỎI	1.243,75		0	70	2,10
1.02	KHO BỤI CONTAINER, KHU THIÊN LIỆU	9.657,94		0	70	2,10
2	ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT	11.736,06	9,57			
1.03	MỎI VẮN XIN	7.067,91		0	70	2,10
1.04	TRẠM BIẾN ÁP	2.674,03		0	70	2,10
3	ĐẤT LƯNH CHỨNG DỮ LƯU CÔNG TÍNH CÔNG DỤNG	11.295,00	28,85			
	HÀ ĐIỀU KHIỂN	6.143,03		0	70	2,10
	TRẠM BIẾN ÁP (KHU CÔNG DỤNG)	5.082,02		0	70	2,10
	CÁC LƯỚI SỐ TĐĐT	1.039,95		0	70	2,10
4	ĐẤT GIANG TRỒNG	14.360,07	2,46			
	TỔNG CỘNG	45.464,00	138,00			

CHỨC NĂNG & CHỈ TIÊU CHỨC CÁC KHU ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CỤC BỘ						
KÝ HIỆU LỘ DUY HOẠCH	KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)	TẦNG CAO TRUNG BÌNH (TẦNG)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HSSDB
1	ĐẤT CÔNG NGHIỆP KHU ĐÀ	34.258,39	43,65			
	TRẠM BIẾN ÁP KHU CÔNG DỤNG	5.562,30		0	70	2,10
1.01	SÂN MỎI	25.886,39		0	70	2,10
2	ĐẤT CÁC KHU KỸ THUẬT	7.018,00	14,75			
1.02	KHO BỤI	3.046,30			70	2,10
1.03	TRẠM BIẾN ÁP	3.971,70			70	2,10
3	ĐẤT LƯNH CHỨNG DỮ LƯU KHU CÔNG DỤNG	12.380,00	18,92			
	HÀ ĐIỀU KHIỂN	5.692,10		0	50	2,10
	TRẠM BIẾN ÁP (KHU CÔNG DỤNG)	3.092,00		0	50	2,10
	CÁC LƯỚI SỐ TĐĐT	3.595,90		0	50	2,10
4	ĐẤT GIANG TRỒNG	14.068,91	25,48			
	TỔNG CỘNG	67.963,00	109,50			

KÝ HIỆU:

- ĐẤT MÀNG CHANH DỊCH VỤ CÔNG TRINH CÔNG DỤNG
- ĐƯỜNG GIANG TRỒNG KHU ĐÀ
- ĐƯỜNG GIANG TRỒNG KHU ĐÀ
- KHU ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHẤP THUYẾT THIỆT KẾ
Theo QĐ: 2540/QĐ-UB-QLĐT
Ngày: 21/05/2015

KT. CHẤM DỐC
PHÓ GIÁM XÉT

SỞ QUY HOẠCH KIẾN THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐƠN VỊ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG: 4137/TT-CH-ĐT

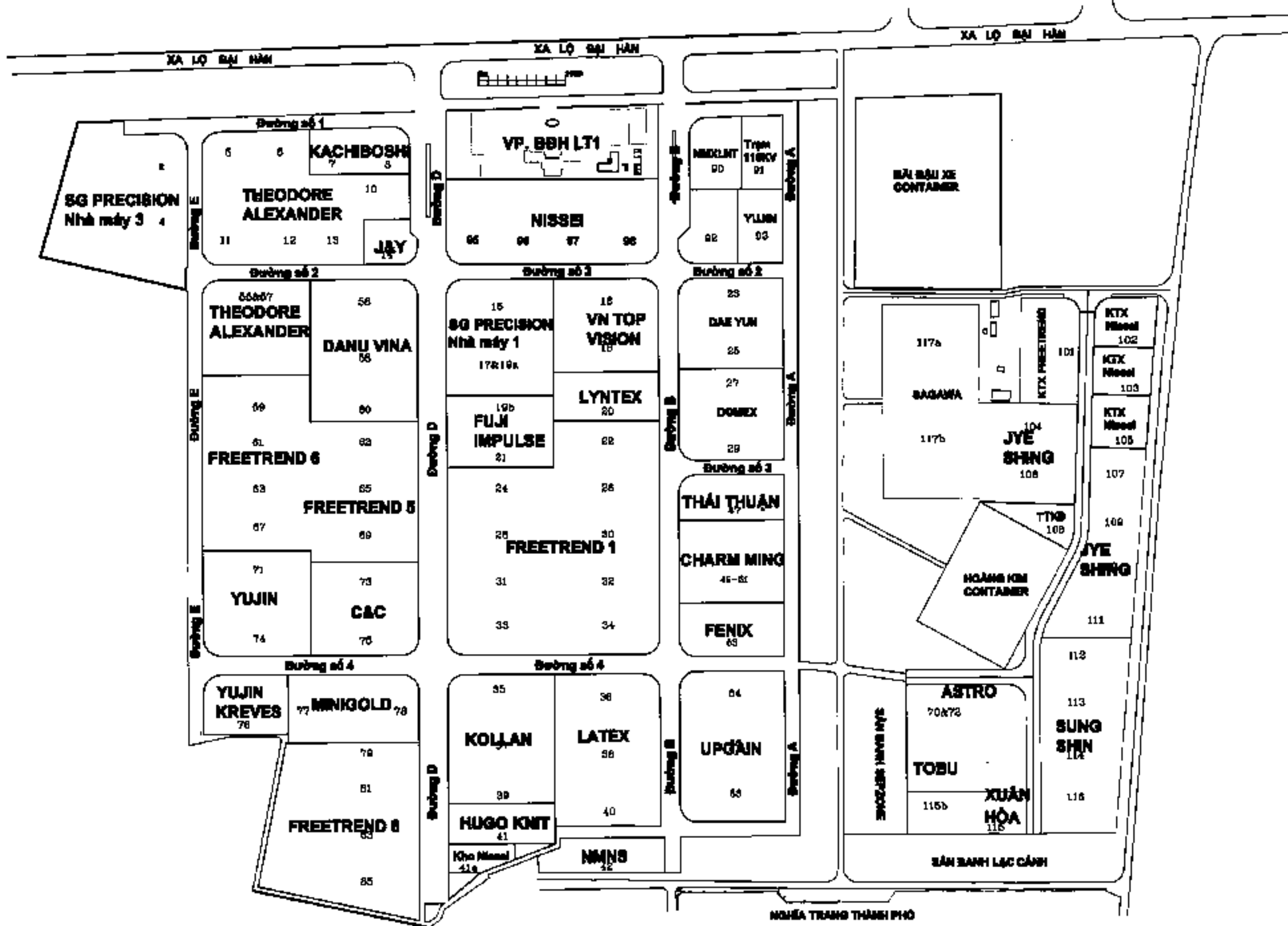
BAN QUẢN LÝ KHU CHẾ XUẤT KHU CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
ĐƠN VỊ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG: 1007/MKT-CH-ĐT

CÔNG TY TNHH SƠN-TRUNG-LINH TRUNG (VIỆT NAM)
ĐƠN VỊ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG: 1007/MKT-CH-ĐT

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL 1/2000 KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG, PHƯỜNG LINH TRUNG QUẬN THỦ ĐỨC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT TỶ LỆ 1/2000

KCX LINH TRUNG I



KCX LINH TRUNG II



Số: 4040/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2008

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000
Khu chế xuất Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức
thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ ban hành về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Xét Tờ trình số 709/CVLT.2006 ngày 02 tháng 10 năm 2006 của Công ty Liên doanh Kinh thác kinh doanh Khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung 2;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 1476/SQHKT-QHC&KT ngày 23 tháng 4 năm 2008 về điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức và Văn bản số 1237/BQJ.-KCN-HCM ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo thuyết minh, hồ sơ pháp lý và bản vẽ tỷ lệ 1/2000 do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp và Đào tạo thiết lập).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung 2 tại phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, với các nội dung chính như sau. (kèm theo bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, bản vẽ quy hoạch giao thông và thuyết minh Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000).

1. Vị trí, giới hạn khu đất quy hoạch:

- Vị trí khu đất: Khu chế xuất Linh Trung 2 thuộc phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong lô đất xây dựng nhà máy cần dành tối thiểu 20% diện tích trồng cây xanh. Các khoảng đất trống, tỷ lệ cây xanh tối thiểu chiếm 60% diện tích. Diện tích dành cho 1 lô đất tối thiểu là $2.500 \text{ m}^2 \approx 10.000 \text{ m}^2$.

- Việc thiết kế các hạng mục công trình cụ thể ngoài tính thích dụng và thỏa mãn các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, quy chuẩn xây dựng, môi trường... cần chú ý đến tính thẩm mỹ để tạo mỹ quan cho Khu chế xuất và không khí thoải mái cho công nhân;

b) Đất xây dựng công trình điều hành, dịch vụ có diện tích 2,08 ha được bố trí các công trình nhà làm việc, (trung tâm điều hành, giao dịch, triển lãm, hội thảo và các công trình dịch vụ, giải trí...); mật độ xây dựng 40%;

c) Đất xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có diện tích 1,24 ha gồm các hạng mục: Trạm hạ thế, khu xử lý nước thải, trạm cấp nước, bãi rác; mật độ xây dựng tối đa là 40%;

d) Đất xây dựng giao thông có diện tích 8,2 ha. Mở thêm cổng ra đường Ngô Chí Quốc tại nút giao thông đường B và đường số 4.

đ) Đất cây xanh có diện tích 4,16 ha được bố trí chủ yếu gần khu trung tâm, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, ven các đường chính, tại đây cách ly khu chế xuất;

e) Đất xây dựng công trình nhà ở chuyên gia và nhà lưu trú công nhân có diện tích 1,78 ha có mật độ xây dựng tối đa là 40%, tầng cao xây dựng từ 9-12 tầng được thiết kế thỏa mãn các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, quy chuẩn xây dựng, môi trường... cần chú ý đến tính thẩm mỹ để tạo mỹ quan

2- Giao thông:

+ Mở thêm cổng ra đường Ngô Chí Quốc tại nút giao thông đường B và đường số 4.

+ Giao thông được tổ chức gắn kết với quy hoạch chung khu vực.

3- Cấp điện:

+ Nguồn điện cấp cho Khu chế xuất Linh Trung 2 được dẫn về từ trạm điện 110/22KV lưới điện quốc gia.

- Đã xây dựng mới hệ thống mạng và trạm biến áp phân phối cho toàn khu.

4- Cấp nước:

+ Cho sản xuất sinh hoạt: 50 - 60m³/ha ngày đêm (cho sản xuất, sinh hoạt, dịch vụ, tưới cây, phòng cháy chữa cháy).

+ Nhu cầu sử dụng nước: 5.000 m³/ngày đêm

5- Hệ thống thoát nước:

+ Thoát nước mưa: theo địa hình về hướng rạch Cùng, được tổ chức thoát theo hệ thống cống bê tông cốt thép Ø400 - Ø2000, đặt ngầm.

+ Thoát nước bẩn, vệ sinh môi trường:



QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu chế xuất Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;



- Tính chất của khu vực điều chỉnh quy hoạch: là khu nhà xưởng cao tầng, khu hành chính dịch vụ với hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh.

2. Lộ giới các tuyến đường liên quan:

- Đường song hành : 15m.
- Đường số 2 : 15m.
- Đường quy hoạch phía Đông khu đất : 28m.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Công ty Sepzone - Linh Trung (Việt Nam).

4. Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Viện Quy hoạch Xây dựng thuộc Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố.

5. Hồ sơ, bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bản sao mặt bằng tổng thể quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung tỷ lệ 1/2.000 đã được phê duyệt.

- Bản đồ vị trí, giới hạn ô đường, khu vực cần điều chỉnh cục bộ (trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã được phê duyệt).

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất theo phương án điều chỉnh (thể hiện khu vực điều chỉnh cục bộ và khu vực tiếp cận).

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

1. Giải pháp, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Việc điều chỉnh một phần diện tích có chức năng sử dụng đất từ đất trung tâm hành chính - dịch vụ thành chức năng sử dụng đất xây dựng công trình xí nghiệp tại Khu chế xuất Linh Trung, quận Thủ Đức, nhằm thực hiện Kế hoạch thi điểm mô hình nhà xưởng cao tầng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2018.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Về chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc (khu vực điều chỉnh) theo nội dung đồ án quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung tỷ lệ 1/2.000 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2540/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Ký hiệu	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (làng)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)
	Đất công nghiệp kho bãi	28.901,13	44,15			
137, 138, 139, 140	- Đất sản xuất	19.243,79		3	≤ 70	2,1

	1 phần ô 1.67	IV.67	- Kho bãi container, kho nhiên liệu (hiện hữu)	8.098,84		BXD	
2			Đất các khu kỹ thuật	7.690,60			
	II.65	II.65	- Đất nhà máy xử lý nước thải	3.946,50	1	60	0,6
	III.66	III.66	- Đất trạm biến áp	3.744,10	1	60	0,6
3			Đất hành chính dịch vụ công cộng	12.323,5			
	1 phần ô I	I.1	- Đất hành chính dịch vụ	10.765,0	10	50	5,0
	1 phần ô I	I.2	- Đất hải quan	1.558,50	10	50	5,0
4			Đất giao thông	14.060,91			
			Tổng cộng	65.464,00		50	

e) Cơ cấu sử dụng đất toàn khu quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

S T T	Loại đất	Theo quy hoạch được duyệt				Sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch				Theo QCXD tỷ lệ (%)
		Khu A		Khu B		Khu A		Khu B		
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất công nghiệp kho bãi	353.397,75	67,96			357.618,80	68,77			≥ 55
	- Đất sản xuất	343.740,41				349.414,30				
	- Kho bãi container, kho nhiên liệu	9.657,34				8.203,70				
2	Đất các khu kỹ thuật	10.602,25	2,04	55.600	69,50	13.298,20	2,56	55.600	69,50	≥ 1
	- Đất nhà máy xử lý nước thải	3.562,90				3.946,50				
	- Đất trạm biến áp	2.674,06				3.744,10				
	- Đất nhà máy nước trạm cứu hỏa	4.365,29				4.980,80				
	- Đất trạm cứu hỏa	-				626,80				
3	Đất hành chính dịch vụ - công trình công cộng	19.240,00	3,70	-	-	12.323,00	2,37	-	-	≥ 1
	- Đất hành chính dịch vụ	19.240,00				10.764,50				

Điều 4: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (Hepzay), Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Trung và Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam), các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) D. 02

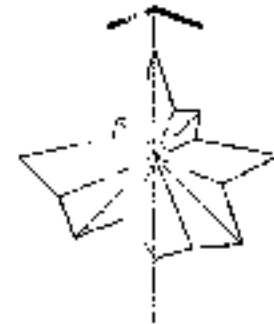
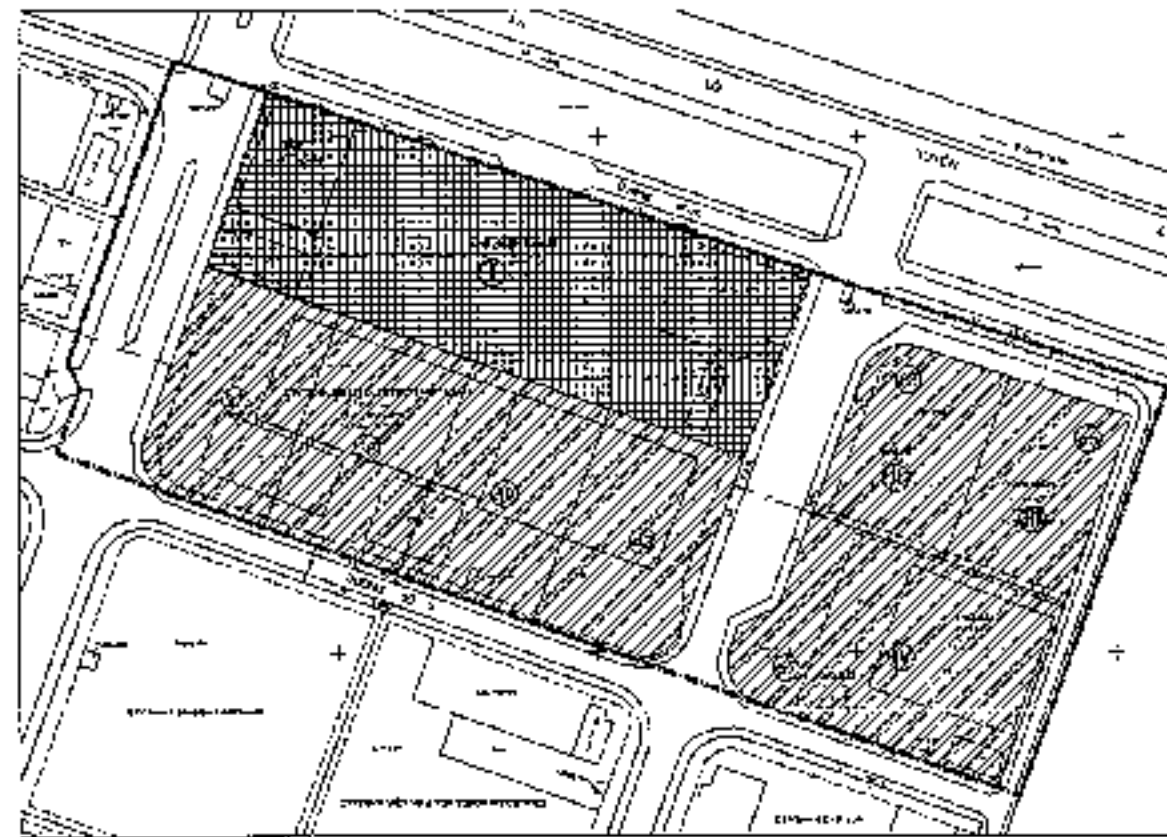
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



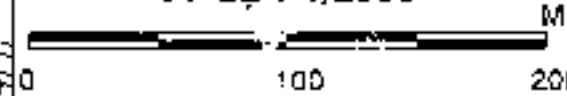
Nguyễn Hữu Tín

TP. HỒ CHÍ MINH - QUẬN THỦ ĐỨC
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL 1/2000 KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG 1
PHƯỜNG LINH TRUNG

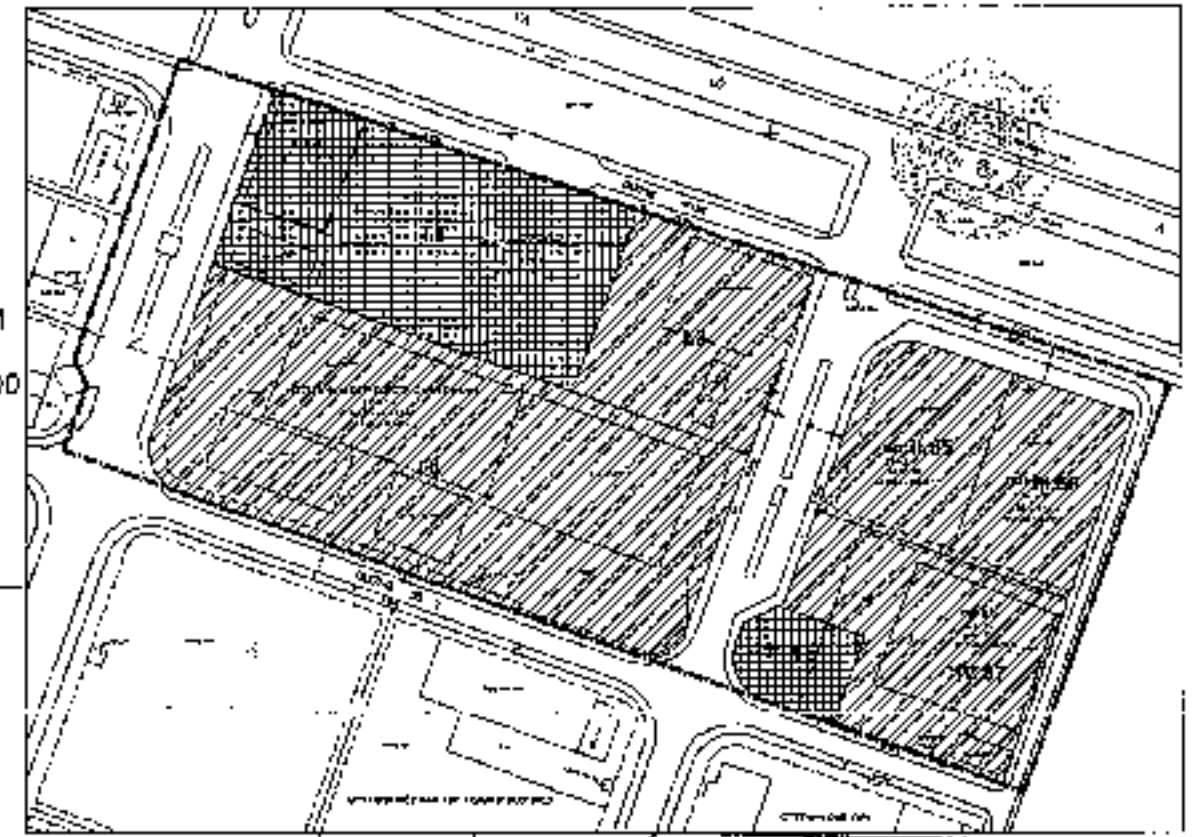
SỐ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP
 ĐẾN 05 TỨC
 (HƯỚNG 13) NGÀY 20/5



TỶ LỆ : 1/2000



ĐIỀU CHỈNH CHỨC NĂNG
 SỬ DỤNG ĐẤT CỤC BỘ



TRÍCH BẢN ĐỒ QH TỔNG MẶT BẰNG SDB KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TỶ LỆ 1/2000
(THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT SỐ 2540/QĐ-UB-QLĐT NGÀY 21/05/1997)

BẢN ĐỒ QH TỔNG MẶT BẰNG SDB
KHU VỰC SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TỶ LỆ 1/2000

CHỨC NĂNG & CHỈ TIÊU QHKT CÁC KHU ĐẤT TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CỤC BỘ						
KÝ HIỆU LỘ SỬ DỤNG HOẠCH	KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	TẦNG CAO TRUNG BÌNH (PÁNH)	MẶT SÀN XÂY DỰNG (M)	HSDTC
1	BẤT ĐỘNG SẢN NGHIỆP DỤNG	20.281,73	24,15			
137, 138, 139, 140	ĐẤT BÁN XÂY	19.243,79		3	70	2,0
19, 27	ĐỒ BÀN CONTAINER (KHO GIỮ HÀNG LIỆU)	5.637,24		2	70	2,0
2	BẤT ĐỘNG SẢN KINH DOANH	3.728,88	4,52			
1, 65	ĐÀM BÀN KINH DOANH	3.032,93		3	70	2,0
11, 85	TRẠM BẾN KINH DOANH	2.614,06		3	70	2,0
3	BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP (KHO GIỮ HÀNG LIỆU)	16.210,01	24,80			
1	ĐÀM BÀN KINH DOANH	6.142,93		3	70	2,0
1	TỔC NHÀ CHỢ KINH DOANH CENTER	5.032,93		3	70	2,0
1	CƠ SỞ KINH DOANH	5.039,15		3	70	2,0
4	BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP	16.210,01	24,80			
	TỔNG CỘNG	63.463,81	100,00			

CHỨC NĂNG & CHỈ TIÊU QHKT CÁC KHU ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CỤC BỘ						
KÝ HIỆU LỘ SỬ DỤNG HOẠCH	KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	TẦNG CAO TRUNG BÌNH (PÁNH)	MẶT SÀN XÂY DỰNG (M)	HSDTC
1	BẤT ĐỘNG SẢN NGHIỆP DỤNG	21.269,65	27,95			
	ĐẤT BÁN XÂY	5.593,66		4	70	5,5
137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145	ĐỒ BÀN CONTAINER (KHO GIỮ HÀNG LIỆU)	25.333,66		6	70	5,5
2	BẤT ĐỘNG SẢN KINH DOANH	7.690,60	11,75			
1, 65	ĐÀM BÀN KINH DOANH	3.243,50		1	50	0,6
11, 85	TRẠM BẾN KINH DOANH	3.744,10		1	50	0,6
3	BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP (KHO GIỮ HÀNG LIỆU)	12.323,30	19,92			
1	ĐÀM BÀN KINH DOANH	5.887,70		10	50	5,0
1	TỔC NHÀ CHỢ KINH DOANH CENTER	6.085,90		10	50	5,0
1	CƠ SỞ KINH DOANH	3.866,30		10	50	5,0
4	BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP	16.080,91	25,48			
	TỔNG CỘNG	83.454,30	100,00			

KÝ HIỆU :

- BẤT ĐỘNG SẢN NGHIỆP DỤNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐƯỜNG CHẠY THÔNG NHÉN BỜ
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP KHO BÀN
- RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
 ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 CHẤP THUẬN THIẾT KẾ
 Theo Quyết định số 1111/QĐ-UB
 Ngày: 25/11/2005

KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC
 SỐ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 BAN QUẢN LÝ KHU CHẾ XUẤT KHU CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
 4135/17.10.2005

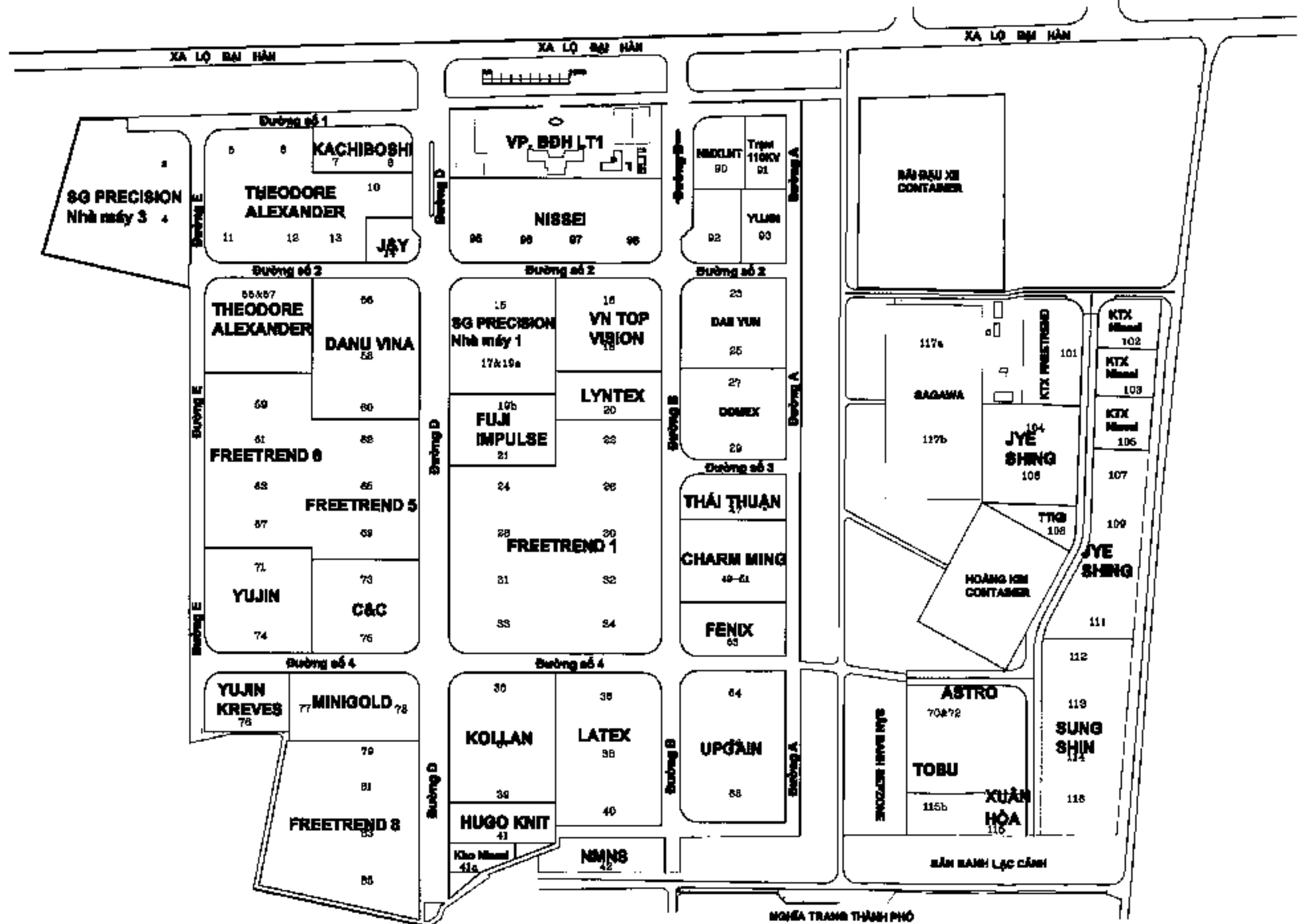
BAN QUẢN LÝ KHU CHẾ XUẤT KHU CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
 (CHỖ DÁN CHỮ VÀ CHỮ KÝ)

CÔNG TY TNHH S&PZONE-LINH TRUNG (VIỆT NAM)
 (CHỖ DÁN CHỮ VÀ CHỮ KÝ)

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL 1/2000
 KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG, PHƯỜNG LINH TRUNG, QUẬN THỦ ĐỨC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT TỶ LỆ 1/2000

KCX LINH TRUNG I



Số: 251/QĐ-UB-QLĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 - 5-1997

CÔNG VĂN BẢN: 514/35.5.97

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21-6-1994 ;
- Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 707/TTg ngày 02-11-1995 về việc cấp đất để xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung ;
- Căn cứ giấy phép đầu tư số 412/QP ngày 31-8-1992 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư ;
- Căn cứ Quyết định số 322/BXD-ĐT ngày 28-12-1993 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định lập các đồ án qui hoạch xây dựng đô thị ;
- Xét tờ trình số 7333/KTST-QH ngày 14-5-1997 của Kiến trúc sư Trưởng thành phố về việc xét duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung ;
- Xét đồ án qui hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất do Công ty TNHH Kiến trúc qui hoạch và đầu tư xây dựng (APT) thiết lập ;
- Xét đề nghị của Công ty liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung tại công văn số 71/CV-LI97 ngày 02-4-1997 ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Duyệt đồ án điều chỉnh qui-hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung với các nội dung chính như sau (kèm bản đồ qui hoạch tỷ lệ 1/2000 có ký hiệu QH A1).

1. Giới hạn phạm vi qui hoạch:

- Đông Bắc giáp xa lộ vành đai.
- Đông Nam giáp đường vào nghĩa trang Lạc Cảnh và phần điều chỉnh 8 ha giáp đường khu nhà máy dệt Việt Thắng.
- Tây Bắc giáp một phần dân cư và xa lộ vành đai.
- Tây Nam giáp một phần dân cư và kho vật tư thiết bị phụ tùng.

5. Tổ chức hạ tầng kỹ thuật :

a) Hệ thống giao thông :

- Giao thông đối ngoại :

Quốc lộ 1 có lộ giới 120m (tính từ tìm đường vào mỗi bên 60m)

Đường song hành với Quốc lộ 1 có quy cách xây dựng như sau :

+ Khoảng cách tính từ tìm đường Quốc lộ 1 đến tìm đường song hành là 50m

+ Lộ giới đường song hành là 20m (tính vào mỗi bên là 10m) lòng đường rộng 11m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m.

- Giao thông nội bộ :

* Đường trục chính nối từ Quốc lộ 1 vào lộ giới 30m, lòng đường rộng 20m, vỉa hè mỗi bên 5m.

* Đường khu vực dẫn vào các xí nghiệp sản xuất Khu A và B lộ giới từ 15m-20m, lòng đường rộng 6m-14m, phần còn lại để làm vỉa hè và trồng cây xanh.

* Đường bảo vệ theo chu vi ranh đất, lộ giới tối thiểu là 15m, lòng đường rộng 8m, vỉa hè phần giáp tường rào khu chế xuất : 2m, phần giáp tường xí nghiệp sản xuất : 5m.

* Riêng các khu vực không có đường bảo vệ phải chừa khoảng cách đối với tường rào ít nhất là 4m, trồng thảm cỏ xanh và không xây dựng công trình.

b) Hệ thống cấp nước :

- Khối lượng nước sử dụng trung bình 4500m³/ngày đêm.

- Khối lượng nước sử dụng tối đa 5000m³/ngày đêm (kể cả nước chữa cháy với liều chuẩn 20lít/s cho một đám cháy trong 3 giờ liên).

- Nguồn nước cấp : Hệ thống cấp nước chính cho khu chế xuất được cung cấp từ đường ống nước chính của Thành phố đi ngang khu vực và dẫn vào bằng đường ống ϕ 350 đến ϕ 400 đưa vào hai bể chứa có dung tích 2000m³/bể và hai đài nước được phân phối đến từng đơn vị tiêu thụ bằng mạng lưới ϕ 100 - ϕ 300.

* Trong khi nguồn cung cấp nước của Thành phố chưa đủ khả năng đáp ứng thì, cho phép khu chế xuất khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ.

* Việc khai thác nước ngầm tại chỗ từ các giếng khoan phải được Sở Công nghiệp cấp giấy phép về khối lượng khai thác, chất lượng nước dùng đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định về sinh môi trường, các biện pháp kỹ thuật xử lý nguồn nước được đánh giá và kiểm soát thường xuyên của các cơ quan chức năng.

- Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy :

* Các hệ thống họng lấy nước chữa cháy được bố trí dọc theo các đường giao thông nội bộ có khoảng cách từ 120m - 140m cho một họng lấy nước.

* Trong từng xí nghiệp sản xuất việc giải quyết bể nước phòng cháy chữa cháy phải tuân theo tiêu chuẩn và yêu cầu của cơ quan chức năng phòng cháy chữa cháy có kiểm tra và theo dõi thường xuyên.

Điều 2.- Giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý các khu chế xuất căn cứ nội dung phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất, hướng dẫn Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định về tình tự xây dựng cơ bản để cấp phép xây dựng các công trình kỹ thuật và các cơ sở vật chất trong phạm vi đồ án điều chỉnh đã được phê duyệt. Đồng thời có trách nhiệm kiểm tra theo dõi việc thực hiện đầu tư xây dựng trong khu chế xuất Linh Trung.

Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung có trách nhiệm lập điều lệ quản lý xây dựng để đảm bảo việc thực hiện đúng với các nội dung đã được phê duyệt.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Kiến trúc sư trưởng thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông công chánh, Giám đốc Sở Địa chính, Giám đốc Sở Điện lực, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Vật giá thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Giám đốc Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này thay cho quyết định số 2178/QĐ-UB-QLĐT ngày 20-5-1996 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Nơi nhận :

- Như điều 3
- TTUB : Q.CT, PCT/TT, QLĐT
- Ban QL các khu chế xuất và khu công nghiệp TP,
- VFUB : FVP/QLĐT
- Tổ ĐTQL, ĐT
- Lưu

H.20b

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

K/T Chủ tịch

Phó Chủ tịch



Vũ Hùng Việt

Phụ lục 6

BẢN SAO

VĂN BẢN VỀ QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, KIẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG CHƯA ĐƯỢC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

BAN HÀNH

Số: 6204/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu chế xuất Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;



- Tính chất của khu vực điều chỉnh quy hoạch: là khu nhà xưởng cao tầng, khu hành chính dịch vụ với hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh.

2. Lộ giới các tuyến đường liên quan:

- Đường song hành : 15m.
- Đường số 2 : 15m.
- Đường quy hoạch phía Đông khu đất : 38m.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Công ty Sepzone - Linh Trung (Việt Nam).

4. Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Viện Quy hoạch Xây dựng thuộc Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố.

5. Hồ sơ, bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bản sao mặt bằng tổng thể quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung tỷ lệ 1/2.000 đã được phê duyệt.

- Bản đồ vị trí, giới hạn ô đường, khu vực cần điều chỉnh cục bộ (trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã được phê duyệt).

- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất theo phương án điều chỉnh (thể hiện khu vực điều chỉnh cục bộ và khu vực tiếp cận).

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

1. Giải pháp, hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Việc điều chỉnh một phần diện tích có chức năng sử dụng đất từ đất trung tâm hành chính - dịch vụ thành chức năng sử dụng đất xây dựng công trình xi nghiệp tại Khu chế xuất Linh Trung, quận Thủ Đức, nhằm thực hiện Kế hoạch thi điểm mô hình nhà xưởng cao tầng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2018.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Về chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc (khu vực điều chỉnh) theo nội dung đồ án quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung tỷ lệ 1/2.000 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2540/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Ký hiệu	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)
	Đất công nghiệp kho bãi	28.901,13	44,15			
I.37, I.38, I.39, I.40	- Đất sản xuất	19.243,79		3	≤ 70	2,1

	1 phần ô I.67	IV.67	- Kho bãi container, kho nhiên liệu (hiện hữu)	8.098,84		BXD	
2			Đất các khu kỹ thuật	7.690,60			
	II.65	II.65	- Đất nhà máy xử lý nước thải	3.946,50	1	60	0,6
	III.66	III.66	- Đất trạm biến áp	3.744,10	1	60	0,6
3			Đất hành chính dịch vụ công cộng	12.323,5			
	1 phần ô I	I.1	- Đất hành chính dịch vụ	10.765,0	10	50	5,0
	1 phần ô I	I.2	- Đất hải quan	1.558,50	10	50	5,0
4			Đất giao thông	14.060,91			
			Tổng cộng	65.464,00		50	

e) Cơ cấu sử dụng đất toàn khu quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000:

S T T	Loại đất	Theo quy hoạch được duyệt				Sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch				Theo QCXD tỷ lệ (%)
		Khu A		Khu B		Khu A		Khu B		
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất công nghiệp kho bãi	353.397,75	67,96			357.618,80	68,77			≥ 55
	- Đất sản xuất	343.740,41				349.414,30				
	- Kho bãi container, kho nhiên liệu	9.657,34				8.203,70				
2	Đất các khu kỹ thuật	10.602,25	2,04	55.600	69,50	13.298,20	2,56	55.600	69,50	≥ 1
	- Đất nhà máy xử lý nước thải	3.562,90				3.946,50				
	- Đất trạm biến áp	2.674,06				3.744,10				
	- Đất nhà máy nước trạm cứu hỏa	4.365,29				4.980,80				
	- Đất trạm cứu hỏa					626,80				
3	Đất hành chính dịch vụ - công trình công cộng	19.240,00	3,70	-	-	12.323,00	2,37	-	-	≥ 1
	- Đất hành chính dịch vụ	19.240,00				10.764,50				

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng ban Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (Hepzone), Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Trung và Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam), các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB, CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) D. 08

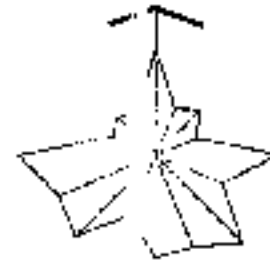
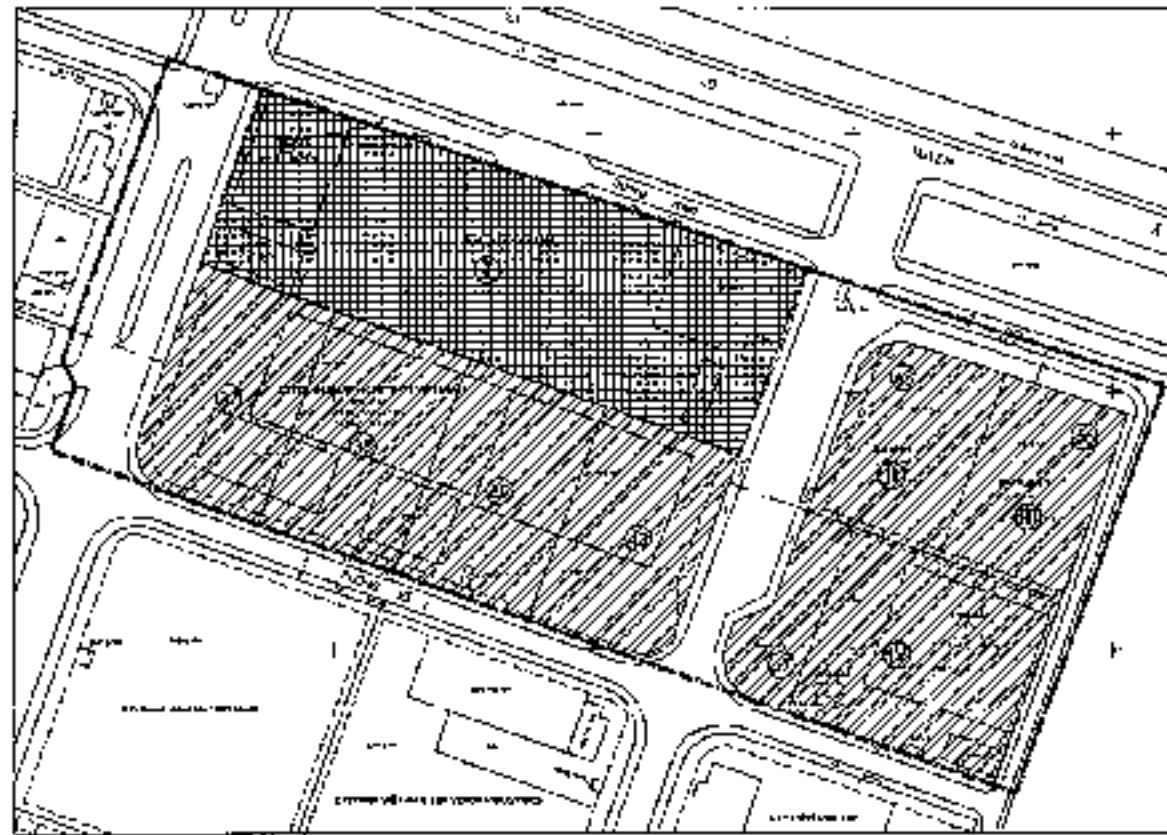
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



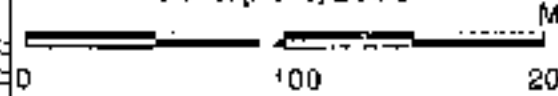
Nguyễn Hữu Tú

TP. HỒ CHÍ MINH - QUẬN THỦ ĐỨC
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL 1/2000 KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG 1
PHƯỜNG LINH TRUNG

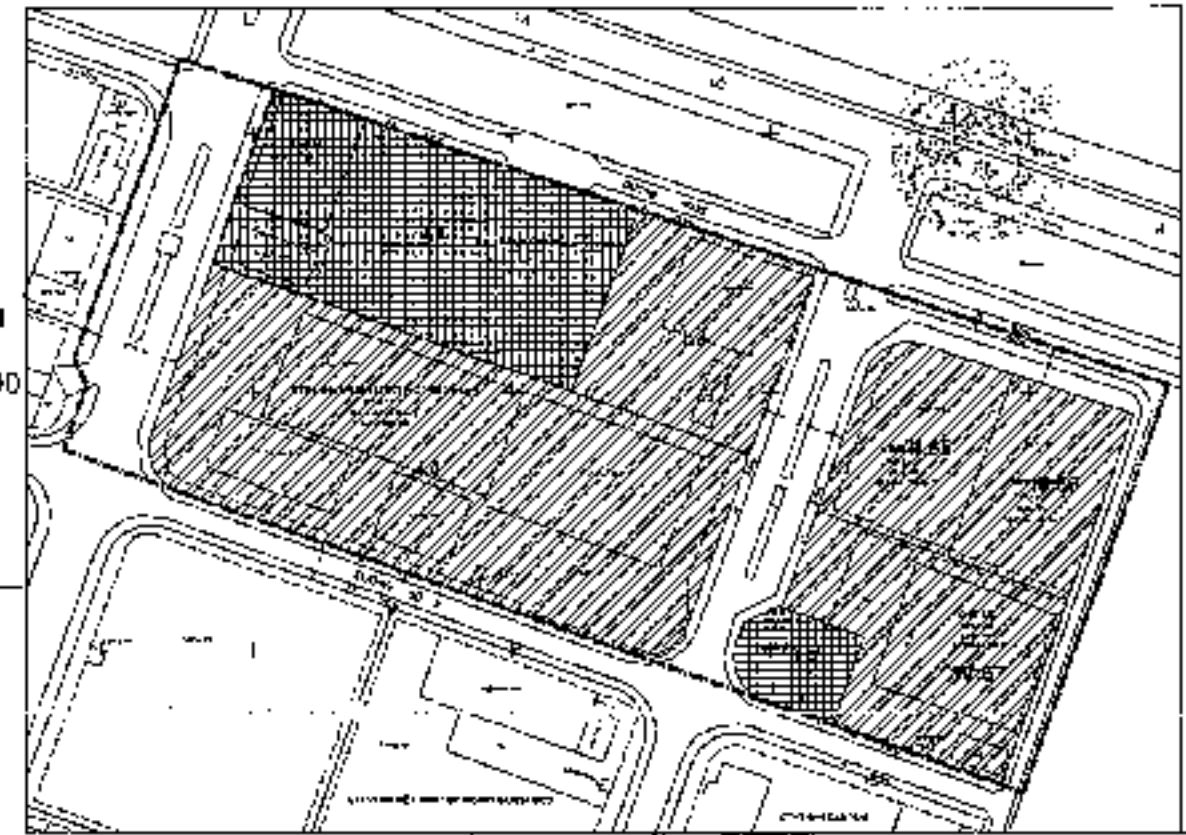
SỐ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP
 ĐẾN SỐ 100
 NGÀY 15/05/2015



TỶ LỆ : 1/2000



ĐIỀU CHỈNH CHỨC NĂNG
 SỬ DỤNG ĐẤT CỤC BỘ



TRÍCH BẢN ĐỒ QH TỔNG MẶT BẰNG SDD KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TỶ LỆ 1/2000
(THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT SỐ 2540/QĐ-UB-QLĐT NGÀY 21/05/1997)

BẢN ĐỒ QH TỔNG MẶT BẰNG SDD
KHU VỰC SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ TỶ LỆ 1/2000

CHỨC NĂNG & CHỈ TIÊU QHKT CÁC KHU ĐẤT TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CỤC BỘ						
KÝ HIỆU LỘ QUY HOẠCH	KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	TẦNG SỐ TRUNG BÌNH (TẦNG)	MẶT ĐỘ XÂY DỰNG (M)	HƯỚNG
1	ĐẤT CÔNG NGHIỆP KHU HƯ	28.901,71	14,15			
127, 36 128, 140	ĐẤT SẢN XUẤT	19.243,79		3	70	2,1C
127, 37 128, 140	KHO BÀI CONTAINER, KHO NHẬP LƯU	2.687,34		3	70	2,1C
2	ĐẤT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	1.228,68	0,62			
11,65	KHÁ MÁY KHU	1.559,92		3	70	2,1C
11,66	TRẠNG CHẾ ÁP	2.074,65		3	70	2,1C
3	ĐẤT MÃNH CHÍNH DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG DỤNG	19.285,07	24,25			
1	NHÀ ĐIỀU HÀNH	5.142,02		3	70	2,1C
1	TÒA NHÀ CHỖ MÚI (MCM CENTER)	5.082,82		3	70	2,1C
1	CÁC TÁC NẾU TỐT	5.030,23		3	70	2,1C
4	ĐẤT SẢN THƯƠNG	14.800,91	21,48			
	TỔNG CỘNG	61.464,88	139,00			

CHỨC NĂNG & CHỈ TIÊU QHKT CÁC KHU ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CỤC BỘ						
KÝ HIỆU LỘ QUY HOẠCH	KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	TẦNG SỐ TRUNG BÌNH (TẦNG)	MẶT ĐỘ XÂY DỰNG (M)	HƯỚNG
1	ĐẤT SẢN XUẤT	28.288,89	47,85			
	- ĐẤT SẢN XUẤT TẦNG (MÚI CENTER)	5.600,31		3	70	3,6
127, 36 128, 140	- ĐẤT SẢN XUẤT KHU HƯ	25.686,99		3	70	3,6
2	ĐẤT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	7.638,28	11,29			
11,65	KHÁ MÁY KHU	9.646,90		1	60	3,6
11,66	TRẠNG CHẾ ÁP	9.744,10		1	60	3,6
3	ĐẤT MÃNH CHÍNH DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG DỤNG	12.283,86	18,82			
1	NHÀ ĐIỀU HÀNH	5.602,73		3	70	3,0
1	TÒA NHÀ CHỖ MÚI (MCM CENTER)	5.082,82		3	70	3,0
1	CÁC TÁC NẾU TỐT	5.602,23		3	70	3,0
4	ĐẤT SẢN THƯƠNG	14.800,91	21,48			
	TỔNG CỘNG	55.464,08	238,89			

KÝ HIỆU :

ĐẤT MÃNH CHÍNH DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG DỤNG
 ĐẤT CÔNG NGHIỆP KHU HƯ

MƯỜNG THUẬN THÔNG HIỆN HỮU
 RANH ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

CƠ QUAN MẪU DẪN:
 ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 BAN THỰC HIỆN QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP
 CHẤP THUẬN THIẾT KẾ
 Theo số: 654/UB-TP
 Ngày: 28/10/2015

KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Ơ ĐƠN MẪU DẪN:
 BỘ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 BAN THỰC HIỆN QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP
 4/35/TP-QUHKT

Ơ ĐƠN MẪU DẪN:
 BAN QUẢN LÝ KHU CHẾ XUẤT KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
 1/10/TP-QUHKT

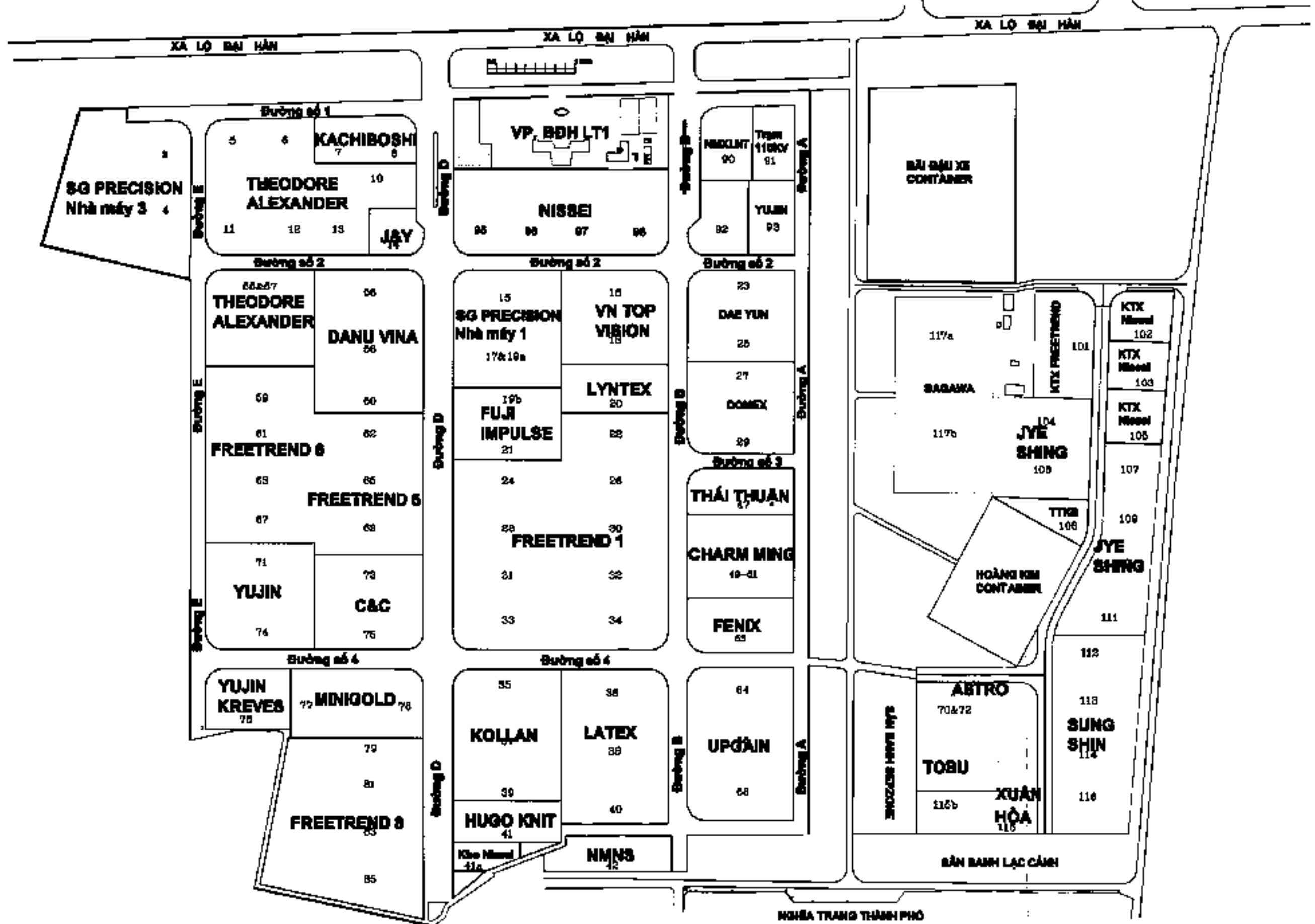
MÃ T: 01/01/01
CÔNG TY TNHH SERPONE-LINH TRUNG (VIỆT NAM)

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL 1/2000 KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG, PHƯỜNG LINH TRUNG, QUẬN THỦ ĐỨC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TL 1/2000 KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG, PHƯỜNG LINH TRUNG, QUẬN THỦ ĐỨC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT TỶ LỆ 1/2000

KCX LINH TRUNG I



Số: 254/QĐ-UB-QLĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 - 5-1997

CÔNG VĂN BẢN: 97/33.5.17

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21-6-1994 ;
- Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 707/TTg ngày 02-11-1995 về việc cấp đất để xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung ;
- Căn cứ giấy phép đầu tư số 412/GP ngày 31-8-1992 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư ;
- Căn cứ Quyết định số 322/BXD-ĐT ngày 28-12-1993 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định lập các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị ;
- Xét tờ trình số 7333/KTST-QH ngày 14-5-1997 của Kiến trúc sư Trưởng thành phố về việc xét duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung ;
- Xét đồ án quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất do Công ty TNHH Kiến trúc quy hoạch và đầu tư xây dựng (API) thiết lập ;
- Xét đề nghị của Công ty liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung tại công văn số 71/CV-LT97 ngày 02-4-1997 ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung với các nội dung chính như sau (kèm bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 có ký hiệu QH A1).

1. Giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Đông Bắc giáp xa lộ vành đai.
- Đông Nam giáp đường vào nghĩa trang Lạc Cảnh và phần điều chỉnh 8 ha giáp đường khu nhà máy dệt Việt Thắng.
- Tây Bắc giáp một phần dân cư và xa lộ vành đai.
- Tây Nam giáp một phần dân cư và kho vật tư thiết bị phụ tùng.

5. Tổ chức hạ tầng kỹ thuật :

a) Hệ thống giao thông :

- Giao thông đối ngoại :

Quốc lộ 1 có lộ giới 120m (tính từ tâm đường vào mỗi bên 60m)

Đường song hành với Quốc lộ 1 có quy cách xây dựng như sau :

+ Khoảng cách tính từ tâm đường Quốc lộ 1 đến tâm đường song hành là 50m

+ Lộ giới đường song hành là 20m (tính vào mỗi bên là 10m) lòng đường rộng 11m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m.

- Giao thông nội bộ :

* Đường trục chính nối từ Quốc lộ 1 vào lộ giới 30m, lòng đường rộng 20m, vỉa hè mỗi bên 5m.

* Đường khu vực dẫn vào các xí nghiệp sản xuất khu A và B lộ giới từ 15m-20m, lòng đường rộng 6m-14m, phần còn lại để làm vỉa hè và trồng cây xanh.

* Đường bảo vệ theo chu vi ranh đất, lộ giới tối thiểu là 15m, lòng đường rộng 8m, vỉa hè phần giáp tường rào khu chế xuất : 2m, phần giáp tường xí nghiệp sản xuất : 5m.

* Riêng các khu vực không có đường bảo vệ phải chừa khoảng cách đối với tường rào ít nhất là 4m, trồng thảm cỏ xanh và không xây dựng công trình.

b) Hệ thống cấp nước :

- Khối lượng nước sử dụng trung bình 4500m³/ngày đêm).

- Khối lượng nước sử dụng tối đa 5000m³/ngày đêm (kể cả nước chữa cháy với tiêu chuẩn 20l/s cho một đám cháy trong 3 giờ liền).

- Nguồn nước cấp : Hệ thống cấp nước chính cho khu chế xuất được cung cấp từ đường ống nước chính của Thành phố đi ngang khu vực và dẫn vào bằng đường ống ϕ 350 đến ϕ 400 đưa vào hai bể chứa có dung tích 2000m³/bể và hai đài nước được phân phối đến từng đơn vị tiêu thụ bằng mạng lưới ϕ 100 - ϕ 300.

* Trong khi nguồn cung cấp nước của Thành phố chưa đủ khả năng đáp ứng đủ, cho phép khu chế xuất khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ.

* Việc khai thác nước ngầm tại chỗ từ các giếng khoan phải được Sở Công nghiệp cấp giấy phép về khối lượng khai thác, chất lượng nước dùng đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định về sinh môi trường, các biện pháp kỹ thuật xử lý nguồn nước được đánh giá và kiểm soát thường xuyên của các cơ quan chức năng.

- Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy :

* Các hệ thống họng lấy nước chữa cháy được bố trí dọc theo các đường giao thông nội bộ có khoảng cách từ 120m - 140m cho một họng lấy nước.

* Trong từng xí nghiệp sản xuất việc giải quyết bể nước phòng cháy chữa cháy phải tuân theo tiêu chuẩn và yêu cầu của cơ quan chức năng phòng cháy chữa cháy có kiểm tra và theo dõi thường xuyên.

Điều 2.- Giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý các khu chế xuất căn cứ nội dung phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất, hướng dẫn Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định về tình tự xây dựng cơ bản để cấp phép xây dựng các công trình kỹ thuật và các cơ sở vật chất trong phạm vi đồ án điều chỉnh đã được phê duyệt. Đồng thời có trách nhiệm kiểm tra theo dõi việc thực hiện đầu tư xây dựng trong khu chế xuất Linh Trung.

Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung có trách nhiệm lập điều lệ quản lý xây dựng để đảm bảo việc thực hiện đúng với các nội dung đã được phê duyệt.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Kiến trúc sư trưởng thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông công chính, Giám đốc Sở Địa chính, Giám đốc Sở Điện lực, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Vật giá thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Giám đốc Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này thay cho quyết định số 2178/QĐ-UB-QLĐT ngày 20-5-1996 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Nơi nhận :

- Như điều 3
- TTUB : Q.CT, PCT/TT, QLĐT
- Ban QL các khu chế xuất và khu công nghiệp TP.
- VPUB : PVP/QLĐT
- Tổ ĐTQL, ĐT
- Lưu

H.20b

TM ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

K/T Chủ tịch

Phó Chủ tịch



Vũ Hồng Việt

Số: 251/QĐ-UB-QLĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21-5-1997

CÔNG VĂN BẢN: 97/355.97

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21-6-1994 ;
- Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 707/TTg ngày 02-11-1995 về việc cấp đất để xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung ;
- Căn cứ giấy phép đầu tư số 412/GP ngày 31-8-1992 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư ;
- Căn cứ Quyết định số 322/BXD-ĐT ngày 28-12-1993 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định lập các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị ;
- Xét tờ trình số 7333/KTST-QH ngày 14-5-1997 của Kiến trúc sư Trường thành phố về việc xét duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung ;
- Xét đồ án quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất do Công ty TNHH Kiến trúc quy hoạch và đầu tư xây dựng (API) thiết lập ;
- Xét đề nghị của Công ty liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung tại công văn số 71/CV-LT97 ngày 02-4-1997 ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu chế xuất Linh Trung với các nội dung chính như sau (kèm bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 có ký hiệu QH A1).

1. Giới hạn phạm vi quy hoạch :

- Đông Bắc giáp xa lộ vành đai.
- Đông Nam giáp đường vào nghĩa trang Lạc Cảnh và phần điều chỉnh 8 ha giáp đường khu nhà máy dệt Việt Thắng.
- Tây Bắc giáp một phần dân cư và xa lộ vành đai.
- Tây Nam giáp một phần dân cư và kho vật tư thiết bị phụ tùng.

5. Tổ chức hạ tầng kỹ thuật :

a) Hệ thống giao thông :

- Giao thông đối ngoại :

Quốc lộ 1 có lộ giới 120m (tính từ tâm đường vào mỗi bên 60m)

Đường song hành với Quốc lộ 1 có quy cách xây dựng như sau :

+ Khoảng cách tính từ tâm đường Quốc lộ 1 đến tâm đường song hành là 50m

+ Lộ giới đường song hành là 20m (tính vào mỗi bên là 10m) lòng đường rộng 11m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m.

- Giao thông nội bộ :

* Đường trục chính nối từ Quốc lộ 1 vào lộ giới 30m, lòng đường rộng 20m, vỉa hè mỗi bên 5m.

* Đường khu vực dẫn vào các xí nghiệp sản xuất khu A và B lộ giới từ 15m-20m, lòng đường rộng 6m-14m, phần còn lại để làm vỉa hè và trồng cây xanh.

* Đường bảo vệ theo chu vi ranh đất, lộ giới tối thiểu là 15m, lòng đường rộng 8m, vỉa hè phía giáp tường rào khu chế xuất : 2m, phần giáp tường xí nghiệp sản xuất : 5m.

* Riêng các khu vực không có đường bảo vệ phải chừa khoảng cách đối với tường rào ít nhất là 4m, trồng thảm cỏ xanh và không xây dựng công trình.

b) Hệ thống cấp nước :

- Khối lượng nước sử dụng trung bình 4500m³/ngày đêm.

- Khối lượng nước sử dụng tối đa 5000m³/ngày đêm (kể cả nước chữa cháy với lưu chuẩn 20lit/s cho một đám cháy trong 3 giờ liền).

- Nguồn nước cấp : Hệ thống cấp nước chính cho khu chế xuất được cung cấp từ đường ống nước chính của Thành phố đi ngang khu vực và dẫn vào bằng đường ống ϕ 350 đến ϕ 400 đưa vào hai bể chứa có dung tích 2000m³/bể và hai đài nước được phân phối đến từng đơn vị tiêu thụ bằng mạng lưới ϕ 100 - ϕ 300.

* Trong khi nguồn cung cấp nước của Thành phố chưa đủ khả năng đáp ứng đủ, cho phép khu chế xuất khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ.

* Việc khai thác nước ngầm tại chỗ từ các giếng khoan phải được Sở Công nghiệp cấp giấy phép về khối lượng khai thác, chất lượng nước dùng đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định về sinh môi trường, các biện pháp kỹ thuật xử lý nguồn nước được đánh giá và kiểm soát thường xuyên của các cơ quan chức năng.

- Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy :

* Các hệ thống họng lấy nước chữa cháy được bố trí dọc theo các đường giao thông nội bộ có khoảng cách từ 120m - 140m cho một họng lấy nước.

* Trong từng xí nghiệp sản xuất việc giải quyết bổ nước phòng cháy chữa cháy phải tuân theo tiêu chuẩn và yêu cầu của cơ quan chức năng phòng cháy chữa cháy có kiểm tra và theo dõi thường xuyên.

Điều 2.- Giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý các khu chế xuất căn cứ nội dung phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết sử dụng đất, hướng dẫn Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định về trình tự xây dựng cơ bản để cấp phép xây dựng các công trình kỹ thuật và các cơ sở vật chất trong phạm vi đồ án điều chỉnh đã được phê duyệt. Đồng thời có trách nhiệm kiểm tra theo dõi việc thực hiện đầu tư xây dựng trong khu chế xuất Linh Trung.

Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung có trách nhiệm lập điều lệ quản lý xây dựng để đảm bảo việc thực hiện đúng với các nội dung đã được phê duyệt.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Kiến trúc sư trưởng thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông công chính, Giám đốc Sở Địa chính, Giám đốc Sở Điện lực, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Vật giá thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Giám đốc Công ty Liên doanh khai thác kinh doanh khu chế xuất Sài Gòn Linh Trung chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này thay cho quyết định số 2178/QĐ-UB-QLĐT ngày 20-5-1996 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Nơi nhận :

- Như điều 3
- TTUB : Q, CT, PCT/TT, QLĐT
- Ban QL các khu chế xuất và khu công nghiệp TP,
- VPUB : PVP/QLĐT
- Tổ ĐTQL, ĐT
- Lưu

H.20b

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

K/T Chủ tịch

Phó Chủ tịch



Vũ Hồng Việt

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết
xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung 2,
phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5759/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4040/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu chế xuất Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức;

- Hoàn đổi vị trí khu nhà ăn và y tế tại vị trí (DV-3, DV-4) 0,32ha sang vị trí (QL-2) 0,25ha và chuyển đổi 0,07ha công trình dịch vụ, y tế sang đất xây xanh.

- Chuyển đổi 0,44 ha đất công viên cây xanh sang đất trường mầm non (QL-3) 0,32ha và đất thương mại dịch vụ (DV-3) 0,12ha.

Chức năng sử dụng đất, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

STT	Theo đồ án quy hoạch được duyệt			Sau khi điều chỉnh cục bộ quy hoạch		
1	Ký hiệu	QL-2			CN-24	
	Chức năng sử dụng đất	Văn phòng Sepzone Linh Trung			Nhà máy Khu công nghiệp	
	Diện tích (ha)	0,61			0,61	
	Mật độ xây dựng tối đa (%)	40			70	
	Tầng cao tối đa (tầng)	1-6			1-4	
	Ký hiệu	CV-1	DV-3	DV-4	CV-1	QL-2
2	Chức năng sử dụng đất	Công viên thể dục thể thao	Khu nhà ăn	Trạm y tế	Công viên cây xanh	Văn phòng điều hành - y tế - dịch vụ
	Diện tích (ha)	0,47	0,14	0,18	0,54	0,25
	Mật độ xây dựng tối đa (%)		40	40		40
	Tầng cao tối đa (tầng)	1	1-6	1-4	1	1-6
	Ký hiệu	CV-2			QL-3	
3	Diện tích (ha)	0,32			0,32	
	Chức năng sử dụng đất	Đất cây xanh			Trường mầm non	
	Mật độ xây dựng tối đa (%)				40	
	Tầng cao tối đa (tầng)	1			1-3	
	Ký hiệu	CV-5			DV-3	
4	Diện tích (ha)	0,12			0,12	
	Chức năng sử dụng đất	Đất cây xanh			Dịch vụ (phục vụ công nhân)	
	Mật độ xây dựng tối đa (%)				60	
	Tầng cao tối đa (tầng)	1			1-2	

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TTUB: CT, PCT/BT, KT;
- VPUB: PVP/BT;
- Phòng Đồ thị, Kinh tế;
- Lưu: VT, (ĐT-N) D. 25

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐỖ CHỦ TỊCH



Trần Vĩnh Tuyên

Phụ lục 7

BẢN SAO

**CÁC PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
TẠI CƠ SỞ TRONG NĂM 2022 VÀ 2023**



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 098. 3724 5938 Fax: 098. 3724 5938
Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.430.1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: Lê 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 1**

Địa chỉ: Lê 15, 17, 19A-Đường số 2, KCX Sài Gòn Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.

Ngày lấy mẫu: 06/12/2023

Loại mẫu: Nước thải

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5959:1995, TCVN 6663-3:2015

Số lượng: 01 mẫu

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Nước thải sau xử lý (23120604-NT1)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung 1
1	pH ^(m)	-	6,04	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ^(m)	mg/L	39,2	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^(m)	mg/L	3,54	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoni ^(m) (tính theo Nitơ)	mg/L	1,7	SMEWW 4500NH ₃ -B&C-2017	10

+ Ghi chú:

^(m) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

⁽ⁿ⁾ Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu và không có giá trị
Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội lý mẫu và không được sửa đổi.
Thời gian lưu mẫu: 60 ngày kể từ ngày lấy mẫu (Mẫu rắn: mẫu đất, nước, bùn, chất thải), mẫu lưu (đối với mẫu đất, v.v. sinh)
Không được trích sau này. Phân tích toàn bộ phải kể cả chi phí không được sự đồng ý của CAE



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xé lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5725 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.crv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.192.1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 1**
 Địa chỉ: **Lô 15, 17, 19A-Đường số 2, KCX Sài Gòn Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **24/6/2023**
 Loại mẫu: **Nước thải**
 Người lấy mẫu: **Vân Hiếu**
 Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011**
 Số lượng: **01 mẫu**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải sau xử lý (23062403-N11)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung I
1	pH ^(60%)	-	7,02	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nito ^(60%)	mg/L	21,0	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^(60%)	mg/L	5,46	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoni ^(60%) (tính theo Nito)	mg/L	2,2	SMBWW 4500NH ₃ -B&C-2017	10

+ Ghi chú:

⁽¹⁾ Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068);

⁽²⁾ Phép thử được BaA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 30 tháng 6 năm 2023



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm lấy mẫu nếu không có ghi chú
 Từ mẫu, từ người lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu để phục vụ mẫu,
 Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày thu kết quả (đối với mẫu đất, nước bùn, sludge), không lưu (đối với mẫu khí, vi sinh)
 Không được trách nhiệm phát hiện các hồ sơ kết quả này nếu không được sự đồng ý của CAE

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 068

Địa chỉ: Số 1, Xu lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 028 3724 5728 Fax: 028 3724 5933
 Email: analysis.cu@vui.com.vn



VILAS 457

Số: 22.432.1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NIỀM MÁY 1**
 Địa chỉ: **Lô 15, 17, 19A-Đường số 2, KCC Sài Gòn Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/12/2022**
 Loại mẫu: **Nước thải**
 Người lấy mẫu: **Thanh Hào**
 Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011**
 Số lượng: **01 mẫu**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải sau xử lý (22:20701-VT1)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCC Linh Trung 1
1	pH ⁽⁹⁰⁾		6,77	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ⁽⁹⁰⁾	mg/L	15,4	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ⁽⁹⁰⁾	mg/L	3,07	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoni ⁽⁹⁰⁾ (tính theo NH ₄)	mg/l	2,7	SMEWW 4500NH ₄ -R&C-2017	10

+ Ghi chú:

- ⁽⁹⁰⁾ Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- ⁽⁹¹⁾ Phép thử được ĐQA công nhận (VILAS 457)
- KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 07 tháng 12 năm 2022



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thông tin được đo đạc nếu không có ghi chú
 Tên mẫu và Kịch bản được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu và được giữ kín
 Thời gian an toàn: 05 ngày kể từ ngày có kết quả (đối với mẫu đất, nước, bùn, chất rắn). Không lưu giữ với mẫu khí, vi sinh)
 Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của CAE



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028 3724 5728 Fax: 028 3724 5933
Email: analysis.civ.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.169.I

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5, ô, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 1**
 Địa chỉ: **Lô 15, 17, 19A-Đường số 2, KCX Sài Gòn Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/6/2022**
 Loại mẫu: **Nước thải**
 Người lấy mẫu: **Thanh Hào**
 Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011**
 Số lượng: **01 mẫu**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải sau xử lý (22060702-NT1)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung I
1	pH ^(6.0)	-	7,50	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nito ^(6.0)	mg/L	4,3	TCVN 6638-2009	60
3	Tổng Phospho ^(6.0)	mg/L	4,94	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoni ^(6.0) (tính theo Nitơ)	mg/L	KPH MDL=3,5	SMEWW 4500NH ₃ -B&C-2017	10

+ Ghi chú:

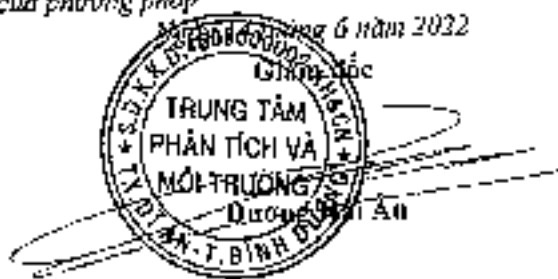
^(6.0) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(6.0) Phép thử được Hoa Kỳ công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị căn cứ tại thời điểm dự định nếu không có ghi chú
 Tên mẫu, lời thanks hàng được ghi theo yêu cầu của cơ sở lấy mẫu/cho người gửi mẫu
 Thời gian làm mẫu: 03 ngày số 01 ngày trả kết quả với yêu cầu, mẫu, hóa, chất mới. Thời gian (khi vận mẫu 1-1, 1-1-1-1)
 Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả nếu không được sự đồng ý của CAE

BM01-TT18-KQTN/02

Trang 1/1



Số: 23.426/2

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Ngã Lộ Trường Sơn, An Bình, D'An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5953
Email: analysis.en.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: **Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM**
 Ngày lấy mẫu: **05/12/2023**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Phương pháp lấy mẫu: **Tạo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Khí thải ống xả hơi hóa chất phòng nhuộm (23120502-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=1)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	2862	-
2	HCl ^(b)	mg/Nm ³	EPA Method 26A	0,37	50

+ Ghi chú:

^(a): Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b): Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

^(c): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện Nhiệt đới môi trường - Vincerts 009.

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- Kv : V/P < 20.000 m³/h nên Kv = 1

- Kp : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị nếu khách hàng yêu cầu phân tích mẫu không có ghi chú. Tài liệu, hình ảnh, hình ảnh chụp của các tài liệu, hình ảnh chụp của khách hàng. Thời gian lưu mẫu để phục vụ khách hàng: 03 tháng kể từ ngày lấy mẫu. Mọi chi tiết, vui lòng liên hệ: analysis.en.vn@gmail.com. Mọi thắc mắc xin liên hệ: analysis.en.vn@gmail.com.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, TP An, Bình Dương
Điện thoại: 028 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : enalysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.426/3

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

+ Ghi chú:

^{a)} Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^{b)} Phép thử được BoA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện.

MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

^{c)}: Giới hạn định lượng của phương pháp

Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung là do khách hàng cung cấp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

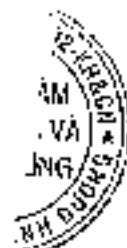
Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 12 năm 2023

Chức vụ: Giám đốc

Dương Hải Âu



Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu thử và không thể được áp dụng cho bất kỳ mẫu nào khác.
Tất cả các mẫu thử phải được gửi kèm theo các tài liệu cần thiết để phân tích, bao gồm các thông tin về địa chỉ, số lượng, và các yêu cầu khác.
Không được trích xuất một phần bất kỳ của kết quả phân tích này. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã 3/2 Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số 23.354.2

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: **Lô 49, 84, 85, 86h, Đường A, KCC Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM**
 Ngày lấy mẫu: **05/10/2023**
 Loại mẫu: **Nước thải**
 Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011**
 Số lượng: **01 mẫu**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải sau hệ thống xử lý xường B (23100501-N72)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCC Linh Trung II
1	Tổng Nitơ ^(a)	mg/L	52	TCVN 6638-2000	60
2	Tổng Photpho ^(a)	mg/L	3,2	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
3	Coliform ^(a)	MPN/100ml	KPH MDL-3	TCVN 6187/2-1996	-

+ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCC Linh Trung II do khách hàng cung

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 05 tháng 10 năm 2023

Giám đốc



Đỗ Hải Âu

Kết quả chỉ có giá trị của việc phân tích tại thời điểm được nêu trong báo cáo phân tích.
 Thí nghiệm theo phương pháp được ghi trong các tiêu chuẩn nêu trên đây, trừ khi được ghi chú khác.
 Thời gian lưu mẫu: 35 ngày kể từ ngày trả kết quả phân tích mẫu gốc, nước, bùn, dầu, dầu, không lưu giữ vật mẫu khác, v.v. khác.
 Không được trích xuất hoặc phân tích lại mẫu gốc này để chứng minh sự đúng đắn của CAE



Số: 23.316/2

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax 028. 3724 5933
Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: **Lô 49, B4, 85, 86b, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM**
 Ngày lấy mẫu: **12/9/2023**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải xưởng C (23091202-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=1)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	2878	-
2	HCl ^(b)	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	KPH MDL-2,3	50

+ Ghi chú:

^(a) Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phương pháp được Bộ A công nhận (VILAS 457)

^(c) Chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện Nhiệt đới môi trường - Vimecerts 009.

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trung khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- K_p : V_i P < 20 000 m³/h nên K_p = 1

- K_v : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 12 tháng 9 năm 2023

Giám đốc



Dương Hải Âu

Một kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu thử đạt điều kiện đầu tiên của phòng thí nghiệm.
Tên mẫu thử không được ghi chép lại cho các kết quả thử nghiệm.
Thời gian bảo quản 03 ngày kể từ ngày lấy kết quả phân tích cuối cùng, sau thời hạn, chúng tôi nhận và xử lý kết quả.
Không được in ấn hoặc phân phối lại mà không có sự đồng ý của phòng thí nghiệm.

VITTEP

QT.23.0760 -1

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**Ngày xuất kết quả/
Issued Date 22/09/2023**A. KÝ HIỆU MẪU:**

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	KT:	Khí thải sau HTXL khí thải xưởng C - Nhà máy 2 - Công ty TNHH Sài Gòn Precision	QT.230915.024

B. KẾT QUẢ:**1. KHÍ THẢI**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.230915.024 KPH (LOD=2,3)
1	HCl	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NEMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên điều kiện thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xóm 16 Trường Sơn, An Bình, Đà Nẵng
Điện thoại : 028. 3724 5726 Fax : 028. 3724 5932
Email : analysis.ctv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.316/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Ghi chú:

^(*): Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(**): Phép thử được Bộ A&T công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện,

MĐL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

^(***): Giới hạn định lượng của phương pháp

Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung II do khách hàng cung cấp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Đương Hải Âu





Số: 23.185/2

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 3728 Fax: 028 3724 5935
Email : analysis.env.vu@cae.vn

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: **Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM**
 Ngày lấy mẫu: **23/6/2023**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Thanh Hào**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/xý hiệu mẫu: **Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải xưởng C (23062301-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_v=1; K_p=1$)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	2930	-
2	HCl ^(b)	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	KPH MDL≈2,3	50

+ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được BoA công nhận (VILAS 457)

^(c) Chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện Nhiệt đới môi trường - VIMCERTS 009.

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

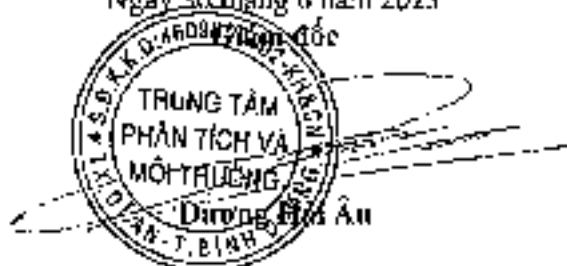
- K_p : Vì $P < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 1$

- K_v : hệ số vùng

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 30 tháng 6 năm 2023



Mọi chi tiết xin liên hệ Văn phòng Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường
Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 3728 Fax: 028 3724 5935 Email: analysis.env.vu@cae.vn
Số đăng ký kinh doanh: 0312023001 (Số đăng ký thuế: 0312023001)

VITTEP

QT.23.0482-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORTNgày xuất kết quả/
Issued Date 03/07/2023**A. KÝ HIỆU MẪU:**

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1	Khí thải sau HTXL khí thải xưởng C - Nhà máy 2 - Công ty TNHH Sài Gòn Precision	QT.230626.030

B. KẾT QUẢ:**I. KHÍ THẢI**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.230626.030
1	HCl	mg/Nm ³	TCVN 7244.2003	KPH (LOD=2,3)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ số giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Mỹ Trường Sơn, An Định, DT An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 0933
Email: analysis.znvv@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.185/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

+ Ghi chú:

(a): Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

(b): Phép thử được BoA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện.

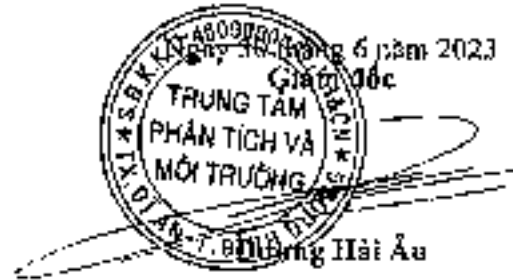
MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

(**): Giới hạn định lượng của phương pháp

Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCCX Linh Trung II do khách hàng cung cấp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị khi được phân tích tại phòng thí nghiệm Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường.
Tên và địa chỉ khách hàng được ghi trên phiếu kết quả phân tích và không được sao chép.
Tất cả kết quả đều có ngày hết hạn và thời hạn sử dụng. Khách hàng cần chú ý thời hạn sử dụng.
Không được tái sử dụng kết quả phân tích để làm bằng chứng pháp lý không được sự đồng ý của CNV.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 068

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 5724 5728 Fax: 028. 3724 5931
Email : analysis.en.vn@gmail.com



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: Lò 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: Lò 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
 Ngày lấy mẫu: 07/3/2023
 Loại mẫu: Khí thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiếu, Văn Quý, Văn Bằng
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: 01
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải ống xả hơi hóa chất phòng nhuộm (22120602-KT1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=1)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	1975	2068	1863	1968	-
2	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	50

+ Ghi chú:

^(a): Phép thử được Bộ TMMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b): Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

^(c): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Vimcoris I2I

KPH: Không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- K_p : V/P < 20.000 m³/h nên K_p = 1

- K_v : Hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả có giá trị nếu mẫu thử đã được lấy đúng theo đúng quy trình
Tên mẫu, chỉ tiêu thử nghiệm, giá trị thử nghiệm nêu rõ để tránh nhầm lẫn
Thông tin mẫu: Ngày lấy mẫu, mã chứng nhận và nhà phân tích, tên nhà máy, địa chỉ nhà máy, v.v...
Không được tái sử dụng kết quả phân tích để làm cơ sở pháp lý cho các yêu cầu pháp lý khác của CAE

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6043B/2023/PKQ (23.147)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 - VIMCERTS (2E))

Địa chỉ: 150 ngõ VNST, B15L2-3 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân E, P.
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 024.24401771 Email: vnst@vnst.vn Website: vnst.vn



1. Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
2. Đơn vị được thử nghiệm : Trung tâm phân tích và Môi trường
3. Địa chỉ : Số 1, Xu lộ Trường Sơn, An Bình, Di An, Bình Dương
4. Ngày nhận mẫu : 02/03/2023
5. Thông tin về các mẫu :

ST	Mô tả mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	KT2303.0013	458.KT001/Khi thải sau hệ thống xử lý khí thải ống xả hơi hòa chất phòng nhiễm_Lần 1	Khí thải
2	KT2303.0014	458.KT002/Khi thải sau hệ thống xử lý khí thải ống xả hơi hòa chất phòng nhiễm_Lần 2	Khí thải
3	KT2303.0015	458.KT003/Khi thải sau hệ thống xử lý khí thải ống xả hơi hòa chất phòng nhiễm_Lần 1	Khí thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG



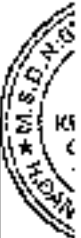
Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2023



1. Phòng thử nghiệm là một đơn vị của Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) và được cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017 bởi Viện Nghiên cứu và Phát triển Kỹ thuật Môi trường (ER&D).
2. Kết quả thử nghiệm được ghi ra dựa trên các kết quả phân tích mẫu được phân tích.
3. Thông tin về mẫu, đơn vị lấy và người gửi mẫu được ghi trên tờ đơn gửi mẫu theo yêu cầu của khách hàng.

4. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng kỹ thuật môi trường của phòng thử nghiệm hoặc liên hệ trực tiếp với phòng thử nghiệm.
5. Kết quả trong phiếu này không được sử dụng để chứng minh hoặc phủ nhận trách nhiệm pháp lý của bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: K72303.0013)

458.K7001/Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải ống xả hơi hóa chất phòng nhuộm_Lên 1

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Acet chloride (HCl)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (LODMC)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp LOD. Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thời tích mẫu do khách hàng cung cấp

201
 ONE
 COPY
 IS
 BEST
 COPY

1. Phòng thử nghiệm là một đơn vị VNST chỉ thực hiện các thử nghiệm theo đúng quy định của pháp luật và quy định của khách hàng.
 2. Kết quả thử nghiệm được ghi nhận và báo cáo theo đúng quy định của pháp luật.
 3. Phòng thử nghiệm không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các kết quả thử nghiệm nếu khách hàng không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

4. Thời gian báo cáo thử nghiệm là 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo yêu cầu.
 5. Kết quả thử nghiệm không được sử dụng để làm cơ sở pháp lý cho các yêu cầu pháp lý khác ngoài phạm vi thử nghiệm.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã báo mẫu: KT2303.0014)

45R.KT002/Khi thổi sau bộ thông khí tự khí thổi ứng xử hơi hóa chất phòng nhiễm, Làn 2

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm ³	US-EPA Met 26A	KPH (LOD=0,1)

GHI CHÚ:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Thể tích mẫu đo khách hàng cung cấp.

1. Mọi thử nghiệm tại phòng thí nghiệm VNST chỉ được thực hiện theo các tiêu chuẩn đã được công bố và được ghi rõ trong báo cáo thử nghiệm. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc này sẽ được tính toán và báo cáo khách hàng.

2. Kết quả của thí nghiệm trong phòng thí nghiệm chỉ được xem là kết quả tham khảo.

3. Trường hợp có vấn đề bất hợp pháp người gửi báo cáo phải chịu trách nhiệm, ghi nhận và giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Thời gian báo cáo thử nghiệm là 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ mẫu thử nghiệm và được An Toàn Môi trường chấp thuận để tiến hành thử nghiệm.

5. Kết quả trong nhiều vụ: không được áp dụng để làm cơ sở pháp lý của đơn vị đăng ký của Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VNST).

011 22 54 8 121



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: KT2303.0015)

458.KT003/Kiểm tra hệ thống xử lý khí thải công xã Đại Bào chất phóng xạ/điện_Lần 2

YT	Tên chất	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axit clohydric (HCl)	mg/m ³	US EPA Method 26A	KPH (LOU=0,1)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOU: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Tỷ lệ lấy mẫu do kích thước ống cấp



1. Mẫu thử nghiệm là của xã VNST và được xử lý trước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn bức xạ.

2. Kết quả thử nghiệm được ghi nhận và báo cáo theo quy định của pháp luật.

3. Thời gian lấy mẫu được tính từ lúc bắt đầu thu mẫu cho đến khi kết thúc thu mẫu của các chất phóng xạ.

4. Đơn vị lấy mẫu thử nghiệm là xã Túc Lộc, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Kết quả thử nghiệm này không được sử dụng để làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động khác.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xe lộ T. Ông Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis-env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.055/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**

Địa chỉ: Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCC Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Ngày lấy mẫu: 02/3/2023

Loại mẫu: Nước thải

Người lấy mẫu: Văn Hiền

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

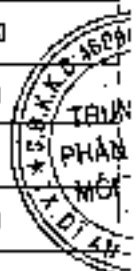
Số lượng: 03 mẫu

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Nước thải sau hệ thống xử lý xường A (23030201-NT1)

Nước thải sau hệ thống xử lý xường B (23030201-NT2)

Nước thải sau hệ thống xử lý xường C (23030201-NT3)

T T	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCC Linh Trung II
			NT1	NT2	NT3		
1	pH ^(độ)	-	6,89	8,10	7,65	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS ^(mg)	mg/L	35	15	<12 (**)	SMEWW 2540D-2017	300
3	COD ^(mg)	mg/L	65	44	22	SMEWW 5220C-2017	800
4	BOD ₅ ^(mg)	mg/L	31	20	10	SMEWW 5210B-2017	500
5	Tổng Nitơ ^(mg)	mg/L	5,6	39,2	57,4	TCVN 6618-2000	60
6	Tổng Photpho ^(mg)	mg/L	5,80	4,12	0,27	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
7	Amoni ^(mg) (tính theo Nitơ)	mg/L	KPH MDL=0,5	KPH MDL=0,5	KPH MDL=0,5	SMEWW 4500NH ₃ -B&C 2017	10
8	Dầu mỡ khoáng ^(ml)	mg/L	<1 (**)	<1 (**)	<1 (**)	SMEWW 5520B&E-2017	10
9	Coliform ^(%)	MPN/ 100mL	9100	90	KPH MDL=3	TCVN 6187/2-1996	-



Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu đã được bảo quản đúng cách.
Tên mẫu, ký hiệu và phương pháp thử nghiệm phải ghi rõ trên phiếu phân tích.
Phòng và khu mẫu chỉ ghi rõ (tên phòng và khu mẫu) để tránh nhầm lẫn, mỗi phòng và khu mẫu chỉ ghi rõ một lần.
Không được phép sửa đổi phiếu phân tích bằng bất kỳ cách nào sau đây.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Mỹ Trường, Sơn An Định, DT An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5923
Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



Số: 23 055/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

+ Ghi chú:

⁽¹⁾ Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

⁽²⁾ Phép thử được BoA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện.

MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

⁽³⁾: Giới hạn định lượng của phương pháp

Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung II do khách hàng cung cấp

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 19 tháng 5 năm 2023

Giữ Hồ Sơ

Đương Hải Âu





Số: 23.058/V

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5725 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 2
Địa chỉ: Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Ngày lấy mẫu: 02/3/2023
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-13:2004, QCVN 07:2009/BTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Kim loại phế liệu dnh dầu (23030201-CT1)
Tọa độ: 10°53'10.56" N; 106°43'12.31" E

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			8h30	10h30	14h15	Trung bình	
1	Tổng dầu ^(a)	mg/kg	88,5	75,8	95,2	86,8	EPA Method 9071B
2	Phân khô T	-	0,998	0,996	0,996	0,997	-
QCVN07:2009/BTNMT Ngưỡng CTNH Hàm lượng tối đa đối Htc		mg/kg	996,1	996,2	996,1	-	-

+ Ghi chú
^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
^(b) Phép thử được Bộ công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm





Số: 22.428/2

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: **Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM**
 Ngày lấy mẫu: **06/12/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Vân Hiếu, Thái Sơn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải ứng xử hơi hóa chất phòng nhuộm (22120602-KT1)**

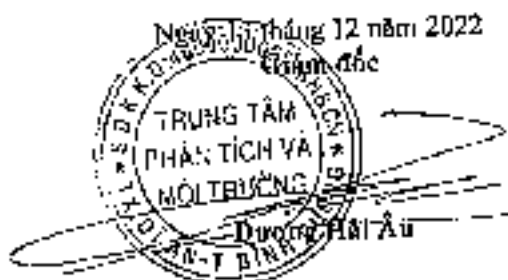
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/8TNMT, cột B (Kv=1;Kp=1)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	1987	2062	1872	1973	-
2	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	50

+ Ghi chú:

- ^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- ^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)
- ^(c) Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Vimeerts 121
- KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trung khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/ 01/ 2015.
- K_p : V_l P < 20.000 m³/h nên K_p = 1
- K_v : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị của mẫu mà trên đó chỉ nêu không có gì khác.
Tất cả các kết quả chỉ có giá trị của mẫu mà trên đó chỉ nêu không có gì khác.
Tất cả các kết quả chỉ có giá trị của mẫu mà trên đó chỉ nêu không có gì khác.
Tất cả các kết quả chỉ có giá trị của mẫu mà trên đó chỉ nêu không có gì khác.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
 Đơn vị được thử nghiệm: Trung tâm phân tích và Môi trường
 Địa chỉ: Số 1, Xã Mỹ Trung, Sơn An Bình, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
 Loại mẫu: Khí thải
 Ngày nhận mẫu: 13/12/2022
 Tên mẫu thử nghiệm: 458.KT002/KT1-2 Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải ứng xử bụi lọc chất phóng xạ trên máy 2_Công ty TNHH Sài Gòn Precision

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Asen (mg/m ³) (HCl)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0.1)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Chế độ mẫu do khách hàng cung cấp.

NGƯỜI LẬP PHIẾU: **TRƯỜNG PHONG**

ER&D
 Trần Thị Phương

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2022



- Mẫu thử nghiệm là mẫu của khách hàng và không phải là mẫu thử nghiệm của phòng thử nghiệm.
- Kết quả thử nghiệm chỉ mang tính chất tham khảo và không phải là kết quả pháp lý.
- Trong và ngoài quá trình thử nghiệm, phòng thử nghiệm không chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả thử nghiệm.
- Trong quá trình thử nghiệm, phòng thử nghiệm không chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả thử nghiệm.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xóm Trảng Sơn An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



Số: 22.428/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
 Ngày lấy mẫu: 06/12/2022
 Loại mẫu: Nước thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiếu
 Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011
 Số lượng: 01 mẫu
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Nước thải sau hệ thống xử lý xường A (22120602-NT1)
 Nước thải sau hệ thống xử lý xường B (22120602-NT2)
 Nước thải sau hệ thống xử lý xường C (22120602-NT3)

T	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung II
			NT1	NT2	NT3		
1	pH ^{trung}	-	6,76	6,41	6,70	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS ^{trung}	mg/L	30	70	<12	SMEWW 2540D-2017	300
3	COD ^{trung}	mg/l.	24	40	15	SMEWW 5220C-2017	BMI
4	BOD ₅ ^{trung}	mg/L	12	18	6	SMEWW 5210B-2017	500
5	Tổng Nitơ ^{trung}	mg/L	26,5	33,6	<3	TCVN 6638-2:2000	60
6	Tổng Phospho ^{trung}	mg/L	0,73	KPH MDL=0,01	0,05	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
7	Amo-ni ^{trung} (định theo Nitơ)	mg/L	KPH MDI=0,5	KPH MDI=0,5	KPH MDL=3,5	SMEWW 4500NH ₃ -B&C-2017	10
8	Dầu mỡ khoáng ^{trung}	mg/L	<1	<1	<1	SMEWW 5520B&F-2017	10
9	Coliform ^{trung}	MPN/100mL	4300	3000	KPH MDL=3	TCVN 6187/2-1996	10000



Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu được đại diện cho các nguồn xả thải.
 Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm để được tư vấn chi tiết hơn.
 Thời gian trả kết quả là 10 ngày kể từ ngày lấy mẫu. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm để được tư vấn chi tiết hơn.
 Mọi thắc mắc xin liên hệ phòng thí nghiệm để được tư vấn chi tiết hơn.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 068

Địa chỉ : Số 1, Xé Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3729 3933
Email : analysis.env.vn@gmail.com



Số: 22.429/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 2
Địa chỉ: Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCC Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Ngày lấy mẫu: 06/12/2022
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004; QCVN 50:2013/BTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Kim loại phế liệu dánh dấu (22120603-CT1)
Tọa độ: 10°53'10.56" N; 106°43'12.31" E

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			9h10	10h35	14h25	Trung bình	
1	Tổng dầu ^(*)	mg/kg	72,5	91,1	96,7	86,9	EPA Method 9071B
2	Phần khô T	-	0,995	0,996	0,997	0,996	-
QCVN07:2009/BTNMT Ngưỡng CTNH Hàm lượng tuyệt đối Htc		mg/kg	995,3	996,2	997,2		

* Ghi chú

- (*) Phép thử được Bộ TNMT công nhận (VIMCERTS 068)
- (**) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 13 tháng 12 năm 2022



Kết quả chỉ có giá trị nếu lấy mẫu đúng theo đúng các bước lấy mẫu quy định.
 Tên mẫu, số phân tích và các thông tin chi tiết của mẫu lấy phải được ghi rõ ràng.
 Thời gian lưu mẫu: 15 ngày kể từ ngày lấy mẫu (trừ trường hợp đặc biệt), việc lưu mẫu này không bao gồm vận chuyển, lưu trữ.
 Không được trích xuất các phần thông tin từ phiếu kết quả này để đăng tải trên các phương tiện truyền thông.



Số: 22.293/2

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: **Lô 49, 84, 85, 86, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM**
 Ngày lấy mẫu: **06/9/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Thái Sơn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/cy hiệu mẫu: **Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải xtrông C (22090602-KT)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2010/BTNMT, cột II (Kv=1;Kp=1)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	1936	2057	1863	1952	-
2	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	50

+ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 437)

^(c) Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Vincerts 12!

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, dịch vụ kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- K_p : V_P < 20.000 m³/h nên K_p = 1

- K_v : hệ số vòng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 9 năm 2022

Chức vụ

Nguyễn Hải Âu

Lưu ý: Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm hoặc bộ phận tiếp xúc khách hàng.
Tất cả chi phí phân tích đều được ghi trong báo cáo kết quả phân tích mẫu.
Thời gian làm việc: 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, các ngày làm việc. Ngày đầu tiên và cuối cùng của tháng được miễn phí phân tích mẫu đầu tiên và cuối cùng của tháng.
Không được miễn phí phân tích mẫu đầu tiên và cuối cùng của tháng nếu không có đơn đặt hàng trước.



Số: 03994/2022/PKQ (KT)209.00691

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
 Đơn vị được thử nghiệm : Trung tâm phân tích và Môi trường
 Địa chỉ : Số 1, Xã Tân Lập, Sơn, An Bình, Di An, Bình Dương
 Loại mẫu : Khí thải - Ngày nhận mẫu: 7/9/2022
 Tên mẫu/vị trí q, an mìn : 458.KT002/KT1.2_Khi thải sau hệ thống xử lý khí thải xưởng C - Nhà máy 2

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axit clohydric (HCl)	mg/m ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0,1)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp LOD. Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thể tích mẫu đo khách hàng cung cấp

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Phương Hoa
 Trần Thị Phương Hoa

Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Nguyễn Thị Thanh Thủy



1. Kết quả này không được phép sao chép, sao chép, hoặc tái bản, sử dụng cho mục đích khác ngoài mục đích mà phòng thí nghiệm đã nêu rõ trên phiếu kết quả thử nghiệm (nếu có).
 2. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị phân tích cho các vị trí lấy mẫu của đơn vị khách hàng.
 3. Thời hạn bảo quản 7 ngày kể từ ngày ra kết quả. Tất cả các mẫu thử nghiệm được ER&D lưu giữ theo quy định của pháp luật.
 4. Đơn vị khách hàng cần phải có mặt để nhận kết quả và ký quyết định mẫu thử nghiệm.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Định, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại : 028. 3724 5738 Fax: 028. 3724 5933
 Email : analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.293/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**

Địa chỉ: Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCC Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Ngày lấy mẫu: 06/9/2022

Loại mẫu: Nước thải

Người lấy mẫu: Văn Hiếu

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

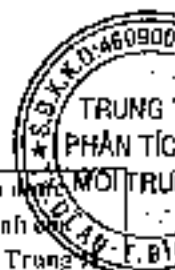
Số lượng: 01 mẫu

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Nước thải sau hệ thống xử lý xường A (22090602-NT1)

Nước thải sau hệ thống xử lý xường B (22090602-NT2)

Nước thải sau hệ thống xử lý xường C (22090602-NT3)

T T	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định tại KCC Linh Trung
			NT1	NT2	NT3		
1	pH ^{acid}	-	7,10	7,28	7,31	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS ^{acid}	mg/L	30	30	<12	SMEWW 2549D-2017	300
3	COD ^{acid}	mg/L	60	25	14	SMEWW 5220C-2017	800
4	BOD ₅ ^{acid}	mg/L	25	11	6	SMEWW 5210B-2017	500
5	Tổng Nitơ ^{acid}	mg/L	30,8	25,2	16,8	TCVN 6638:2010	60
6	Tổng Phospho ^{acid}	mg/L	3,59	1,92	0,05	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
7	Amoni ^{acid} (tính theo Nitơ)	mg/L	4,6	<1,5	KPH MDI=0,3	SMEWW 4500NH ₃ -B&C:2017	10
8	Độ mờ không ^{acid}	mg/L	<1	<1	<1	SMEWW 5520B&F-2017	10
9	Coliform ^{acid}	MPN/ 100 mL	KPH MDI=3	KPH MDI=3	KPH MDI=3	TCVN 6:872-1996	10000



Tất cả các số liệu kết quả phân tích được đưa ra chỉ mang tính chất tham khảo.
 Mọi chi tiết xin liên hệ: 028.3724.5738 hoặc website: www.analysis.env.vn
 Mọi chi tiết xin liên hệ: 028.3724.5738 hoặc website: www.analysis.env.vn
 Mọi chi tiết xin liên hệ: 028.3724.5738 hoặc website: www.analysis.env.vn

ĐMKT-TT18-RQTN02

Trang 1/2



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Thông, Sơn An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5955
Email: analysis@vtt.vn @gmai.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.293/3

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lã 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 2
Địa chỉ: Lã 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCC Linh TRang 2. P. Bhih Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Ngày lấy mẫu: 05/9/2022
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6662-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 50:2013/DTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Kịch loại phế liệu đũa dũa (22990603-CT1)
Tọa độ: 10°53'10.56" N; 106°43'12.31" E

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			9600	10500	14500	Trung bình	
1	Tổng dầu ⁹⁹	mg/kg	112,5	98,4	106,7	105,9	EPA Method 907.B
2	Phenol ^T	-	0,997	0,996	0,998	0,997	-
QCVN07:2009/DTNMT Ngưỡng CTNII Hàm lượng tuyệt đối Hc		mg/kg	997,2	996,2	998,1	-	

+ Ghi chú:

- ⁹⁹ Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- ^T Phép thử được Bộ Công nghiệp chứng nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị khi được yêu cầu kèm theo hồ sơ pháp định
Tất cả dữ liệu đã được kiểm tra và xác minh để đảm bảo độ chính xác
Hàng giờ lưu trữ dữ liệu để phục vụ khách hàng và các cơ quan chức năng
Số điện thoại liên hệ: 028.3724.5728 hoặc 028.3724.5955



Số: 22-173/3

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 3, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.env.vn@gmtnl.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 2**
 Địa chỉ: **Lô 49, 84, 85, 86b, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM**
 Ngày lấy mẫu: **08/6/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Thái Sơn, Văn Bàng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Khí thải sản hệ Công xử lý khí thải xưởng C (22060802-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=1)
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	1916	2032	1858	1935	-
2	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	KPH MDL=0,1	50

- Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ LĐ công nhận (VILAS 457)

^(c) Chỉ tiêu được thừa nhận bởi Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Vincertis 121

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến sinh phẩm, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- Kp : Vp < 20.000 m³/h nên Kp = 1

- Kv : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Văn bản chỉ ghi lại số đo và kết quả phân tích. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm để được hướng dẫn chi tiết.
Thông tin chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm để được hướng dẫn chi tiết.
Trang web: www.gmtnl.com.vn

BM01-T18-KQTN/02

Trang 1/1



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Tráng Sơn, An Bình, Diên Khánh
Điện thoại : 028. 3724 5725 Fax : 028. 3724 5933
Email : ceanalysis.cmv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.175/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

+ Ghi chú:

00: Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

01: Phép thử được Bộ Công nhận (VILAS 457)

KPH: không phải hiện

MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 06 năm 2022

ở

Việt Nam

địa chỉ

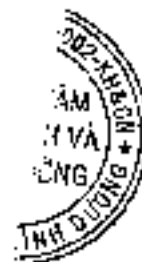
100000

Việt Nam

địa chỉ

100000

Việt Nam



Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường
Yêu cầu chi tiết: Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường
Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Tráng Sơn, An Bình, Diên Khánh, Khánh Hòa
Điện thoại: 028. 3724 5725 Fax: 028. 3724 5933 Email: ceanalysis.cmv.vn@gmail.com



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 266/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680889
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 162-03/22-1.20 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

- 1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
2/ Địa chỉ : Lô 84-85, đường 2A, KCX Lãnh Trung 2, P.Binh Chiểu, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
3/ Thời gian lấy mẫu : 15/03/2022
4/ Loại mẫu : Khí thải
5/ Phương pháp phân tích

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo
1	HCI*	US.EPA Method 26A	US.EPA Method 26A	0,0035 mg/Nm ³
2	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 ÷ 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Tần suất	Lưu lượng	HCI
		P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)
Khí thải tại nguồn (X=605835; Y=1204012) (Đo tại nguồn thải)	Lần 1	758	3,78
	Lần 2	847	4,01
	Lần 3	832	3,91
	Trung bình	812	3,90
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	-	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	50

*Chú thích: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
GIÁM ĐỐC**

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LÀN BÀI 02; SỐ 03 (NGÀY 07, SỐ: 15/01/2021)



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoahet@gmail.com



Số : 162-03/22-1.20 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

- 1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
2/ Địa chỉ : Lô 84-85, đường 2A, KCX Linh Trung 2, P.Bình Chiểu, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
3/ Thời gian lấy mẫu : 15/03/2022
4/ Loại mẫu : Nước thải sau xử lý tại xưởng B

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCX Linh Trung 2	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,5°C)	-	6,86	2 +12,5	8 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/l	28	5,0	300	SMEWW 2540 D: 2017
3	COD**	mg/l	103	2,0	800	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/l	45	1,0	500	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/l	18,8	1,56	60	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/l	3,47	0,017	6	TCVN 6202: 2008
7	Dầu mỡ khoáng*	mg/l	0,95	0,1	10	SMEWW 5520 F:2017
8	Dầu mỡ động, thực vật*	mg/l	0,70	0,1	30	SMEWW 5520 D&F:2017
9	Coliform.*	MPN/100ml	6.300	2	10.000	TCVN 6187-2:1996

Chú ý: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
KIỂM ĐỊNH VÀ GIÁM ĐỐC**



THS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

ĐMCP-TT 7, LẦN BH 02: SD 03 (NGÀY BH: SD: 29/01/2021)



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Tây An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5736 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.cmv.viet@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.053.1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lô S, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 2
Địa chỉ: Lô 49, 84, 85, Đường A, KCX Linh Trung 2, P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp HCM
Ngày lấy mẫu: 01/03/2022
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 50:2013/BTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Thép phế liệu đúc sẵn (22030101-CT)
Tọa độ: 10°53'10.56" N; 106°43'12.31" E

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			9h45	10h45	14h45	Trung bình	
1	Tổng dầu ^{a)}	mg/kg	145,3	132,7	117,4	131,8	EPA Method 9071B
2	Phần chì T	-	0,995	0,991	0,993	0,993	-
QCVN 17:2010/BTNMT Ngưỡng CTNH Hàm lượng tuyệt đối Htc		mg/kg	995,3	991,5	993,4	-	-

+ Ghi chú :

- ^{a)} Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- ^{b)} Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 07 tháng 03 năm 2022



Phân Tích Mỹ Duyên



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028.3724 5728 Fax: 028.3724 5933
Email: analysis.env.viet@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.432.1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 3**

Địa chỉ: Lô 1, 2, 3, 4- KCX Sài Gòn Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.

Ngày lấy mẫu: 06/12/2023

Loại mẫu: Nước thải

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016

Số lượng: 01 mẫu

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Nước thải sau xử lý (23:20605-NT1)

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung 1
1	pH ^(a)	-	6,70	TCVN 6492:2011	S-9
2	Tổng Nito ^{(a)(b)}	mg/L	8,4	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Phospho ^{(a)(b)}	mg/L	1,87	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoni ^{(a)(b)} (liên theo Nito)	mg/L	< 1,5 ^(c)	SMEWW 4500NH ₃ -B&C 2017	10

^(a) Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

(**): Giới hạn định lượng của phương pháp

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 14 tháng 12 năm 2023



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm và được báo cáo chi tiết cho khách hàng. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Tiếp nhận và Tư vấn Khách hàng: 028.3724 5728. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Kỹ thuật: 028.3724 5933. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Kế toán và Quản lý chất lượng: 028.3724 5933. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Hành chính và Nhân sự: 028.3724 5933. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Marketing: 028.3724 5933.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG****VIMCERTS 068**

Địa chỉ : Số 1, Xã Mỹ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5932
 Email : analysis.env.vn@gmail.com



Số: 22.194.1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**VILAS 457**Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: L&S, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 3**

Địa chỉ: Lô 1, 2, 3, 4- KCX Sài Gòn Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.

Ngày lấy mẫu: 24/6/2023

Loại mẫu: Nước thải

Người lấy mẫu: Văn Hiếu

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

Số lượng: 01 mẫu

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Nước thải sau xử lý (23062405-NT1)

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung I
1	pH ^(a,b)	-	8,10	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ^(a,b)	mg/L	< 1 ^(c)	TCVN 6638-2006	60
3	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	0,68	SMEWW 4500P- B&D-2017	6
4	Amoni ^(a,b) (tính theo Nitơ)	mg/L	< 1,5 ^(c)	SMEWW 4500NH ₃ -B&C 2017	10

† Ghi chú:

(a): Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

(b): Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

(**): Giới hạn định lượng của phương pháp

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 30 tháng 6 năm 2023



Số quẻ chi: 16 (tính mẫu theo Căn định lệ đo nếu không có quẻ chi)
 Tên mẫu, khối lượng được ghi kèm ghi của các chỉ số phân tích được nêu
 nếu được phân tích theo yêu cầu của khách hàng để biết chi tiết lượng (bù trừ trọng lượng chất rắn)
 Thời gian lưu trữ: 03 ngày kể từ ngày xuất kết quả phân tích (điều kiện bảo quản, vận chuyển, thời gian lấy mẫu phải rõ ràng trên phiếu)
 Không được thực hiện các thủ tục liên quan tới kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Chủ



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5533
Email : analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.433.1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: 16 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 3**
 Địa chỉ: Lô 1, 2, 3, 4- KCX Sài Gòn Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
 Ngày lấy mẫu: 07/12/2022
 Loại mẫu: Nước thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiếu
 Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011
 Số lượng: 01 mẫu
 Tên mẫu/ky hiệu mẫu: Nước thải sau xử lý (22120702-NT1)

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung 1
1	pH ^(a)	-	6,50	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	8,4	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^(b)	mg/l	1,14	SMEWW 4500P-B&11-2017	6
4	Amoni ^(b) (tính theo Nitơ)	mg/L	<1,5	SMEWW 4500NH ₃ -I&C 2017	10

⇒ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày ra báo cáo: 12/12/2022



Kết quả của cơ quan kiểm định chỉ có hiệu lực khi có chữ ký và đóng dấu của người chịu trách nhiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường, Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương. Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường, Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương. Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường, Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương.

SMD: T118-KQTN/02

Trung Tín



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 068

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, DT. An., Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5935
Email : analysis.cae.vn@gmail.com



Số: 22.170.3

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 3**
 Địa chỉ: Lô 1, 2, 3, 4- KCC Sài Gòn Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.
 Ngày lấy mẫu: 07/6/2022
 Loại mẫu: Nước thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiếu
 Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011
 Số lượng: 01 mẫu
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Nước thải sau xử lý (22060704-NT1)

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCC Linh Trung I
1	pH ^(mV)	-	7,60	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nito ^(mg/l)	mg/l	4,3	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^(mg/l)	mg/L	0,36	SMEWW 4500P- B&D-2017	6
4	Amoni ^(mg/l) (linh theo Nito)	mg/L	<1,5	SMEWW 4500NH ₃ -B&C 2017	10

+ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



6 năm 2022

Đã thử

Đã thử

Đã thử

Đã thử

Đã thử

Đã thử

Đã thử

Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu đã được phân tích đúng quy trình của phòng thí nghiệm.
Tất cả các chỉ tiêu phân tích đều được thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định của phòng thí nghiệm.
Các chỉ tiêu phân tích khác không được phân tích nếu không có yêu cầu đặc biệt.
Thời gian trả kết quả là 1 ngày kể từ ngày lấy mẫu (đối với mẫu nước thải, nước sinh hoạt, nước mưa, nước thải công nghiệp).
Kính mời các khách hàng liên hệ phòng thí nghiệm qua số điện thoại hoặc qua email để được tư vấn chi tiết.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Truong Sơn, An Bình, DT An, Bình Dương
Điện thoại: 028 3724 3728 Fax: 028 3724 3955
Email : analysis.unv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



Số: 23.428/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **06/12/2023**
 Loại mẫu: **Khi thải**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi mạ-chuyển xi mạ Crona (23120601-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	15589	-
2	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH MDL=4,9	45
3	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA method 26A	0,79	45

Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được BoA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

⁽¹⁾ Chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện Nhiệt đới môi trường – Vincerts 099

- Cột B. Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- K_p : Vì 20.000 < P ≤ 100.000m³/h nên K_p = 0,9

- K_v : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày: 06/12/2023





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã 4 Trưng Sơn, An Bình, DT An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis-enviro@gmail.com

VIMCERTS 068



Số: 23.428/3

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **06/12/2023**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ống thoát khí thải lò hơi số 1 (23120601-KT3)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv-1;Kp-0,9)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	905	-
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	8,3	180
3	NO _x tính theo NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	63,7	765
4	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	HS K.0103:2011	KPH MDL=7.5	450
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	69,7	900

* Ghi chú: ^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068);

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457);

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- K_p : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất

Vì 20.000 < P ≤ 100.000m³/h nên K_p = 0,9

- K_r : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 14 tháng 12 năm 2023



Nguyễn Đức

Nguyễn Hữu Tài



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xu lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5128 Fax : 028. 3724 5913
Email : analysis@zmmil.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.428/5

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **06/12/2023**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thuật khí thải buồng sơn xưởng xi mạ (23120601-KT5)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	7024	-	-
2	Bụi ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	< 4,2 ^(**)	180	-
3	Toluen ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	US EPA method 18	3,12	-	750
4	Xylen ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	US EPA method 18	1,67	-	870

Ghi chú:

- ^(a) Phép thử được Bộ THMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- ^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)
- KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (**): Giới hạn định lượng của phương pháp
- K_v : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
 $30.000 < P \leq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên K_v = 0,9
- K_p : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả thử nghiệm chỉ áp dụng cho mẫu thử nghiệm được đưa ra và không có giá trị cho các mẫu khác. Thời hạn sử dụng: 01 tháng kể từ ngày lấy mẫu. Thời gian bảo quản: 35 ngày kể từ ngày in báo cáo phân tích. Mẫu thử phải được bảo quản đúng cách và không được để ở nơi có nhiệt độ cao hoặc ẩm ướt. Mọi thắc mắc xin liên hệ: 028.3724.5128



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, DT An, Bình Dương
Điện thoại : 026. 3724 5726 Fax: 026. 3724 5913
Email : analysis-cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.428/7

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Ngày lấy mẫu: **06/12/2023**

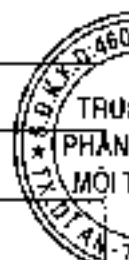
Loại mẫu: **Nước thải**

Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011**

Số lượng: **01 mẫu**

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải tại bể ga dẫn nôi với hệ thống thu gom chung của Khu chế xuất (23120601-NT1)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung I
1	pH ^{(a)(b)}	-	6,54	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ^{(a)(b)}	mg/L	9,8	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^{(a)(b)}	mg/L	3,74	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoni (tính theo Nitơ) ^{(a)(b)}	mg/L	< 1,5 ^(**)	SMEWW 4500NH ₃ -B&C-2017	10
5	Clorua ^(a) Cl ⁻	mg/L	80	SMEWW 4500.CI.B:2017	405
6	Sulfua ^(a) S ²⁻	mg/L	< 0,06 ^(**)	SMEWW 4500.S2-C&D:2017	0,162
7	Florua ^(a) F	mg/L	KPH MDL=0,209	SMEWW 4500F-B&D:2017	4,05
8	Đồng ^(a) Cu	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	1,62
9	Niken ^{(a)(b)} Ni	mg/l	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	0,162
10	Crom VI ^(a) Cr ⁶⁺	mg/L	KPH MDL=0,008	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,0405
11	Crom III ^(a) Cr ³⁺	mg/L	KPH MDL=0,309	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,162
12	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	KPH MDL=0,311	TCVN 6216:1996	0,081



Kết quả chỉ có giá trị về mặt pháp lý khi được cấp cho. Không sao chép.
Tài liệu, kết quả phân tích được giữ theo yêu cầu của chủ sở hữu và được bảo mật.
Thời gian lưu trữ dữ liệu phân tích là 12 tháng kể từ ngày kết thúc của dự án, ngoại trừ các trường hợp khác được thỏa thuận trước.
Các yêu cầu khác về phân tích sẽ được báo giá riêng qua email: analysis-cae.vn@gmail.com



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, Đ. An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax : 028. 3724 5953
Email : analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.429/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM,
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 4
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM,
Ngày lấy mẫu: 06/12/2023
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 07:2009/BTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Kim loại phế liệu dính dầu (23120602-CT)
Tọa độ: 10^o52'16,83" N; 106^o46'00,53" E

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			9h30	10h15	14h45	Trung bình	
1	Tổng dầu ^(tổng)	mg/kg	94,3	105,2	80,8	93,4	EPA Method 9371B
2	Phần khô T	-	0,998	0,995	0,999	0,997	-
	QCVN07:2009/BTNMT Ngưỡng CTNII Hàm lượng tuyệt đối Htc	mg/kg	998,1	995,3	999,1	-	-

+ Ghi chú :

- ⁽⁰¹⁾ Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- ⁽⁰²⁾ Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu thử đã được phân tích đúng theo quy trình đã được công bố và không có sự can thiệp của nhân viên phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5928 Fax: 028. 3724 5933
Email : mail@sis.eiv.vn@ig.nail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.321/v

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **13/9/2023**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi mạ-chuyên xi mạ Crom (23091301-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	14724	-
2	H ₂ SO ₄ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH MDL=4,9	45
3	HCl ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	KPH MDL=2,3	45

Ghi chú:

^(a) Phương pháp được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phương pháp được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

^(c) Chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện Nhiệt đới môi trường – Vimcerts 009.

• Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

• K_p : $10.000 < P < 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên K_p = 0,9

• K_v : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 13 tháng 9 năm 2023

Chức danh

Nguyễn Hải Âu

Kết quả chỉ mang tính chất tham khảo. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm.
Tên mẫu, địa chỉ lấy mẫu, ngày lấy mẫu, địa chỉ của đơn vị, người lấy mẫu, ngày lấy mẫu.
Thời gian lưu giữ kết quả: 03 ngày kể từ ngày lấy mẫu. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm.
Không được in, sao chép hoặc tái bản phần nội dung này nếu không được sự đồng ý của CAE.

VITTEP

ISO/IEC 17025:2017

VIAF - 1.0108

VALAS 056

TCVN/QS 877:2014

VIMCERTS 009

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
**Institute for Tropical Technology and
 Environmental Protection**

Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dũng,
 P.10, Q. Phú Nhuận, TP. HCM.
 ĐT/CQ: 028.38446262-65
 P.QT&TCMT: 028.38455140
 Address: 57A Trương Quốc Dũng
 Street, Ward 10, Phu Nhuan
 District, Ho Chi Minh City.
 Office tel: 028.38446262-65
 EMD: 028.38455140

QT.23.0760-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày xuất kết quả/
 Issued Date
 22/09/2023

1. Nội yêu cầu: Trung tâm Phân tích và Môi trường (Đơn hàng 23 0760)
2. Địa điểm lấy mẫu: Số 1, Xã lộ Trường Sơn, Xã lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương.
3. Loại mẫu: Khí thải
4. Số lượng mẫu: 2
5. Ngày nhận mẫu: 15/09/2023
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

QUẢN LÝ
 CHẤT LƯỢNG



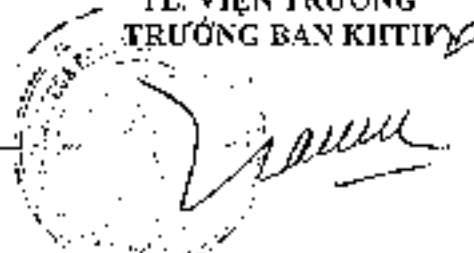
Nguyễn Thị Nhật

TRƯỜNG PHÒNG



Trần Tuấn Việt

TL. VIỆN TRƯỞNG
 TRƯỞNG BAN KINH DOANH



Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, DT An, B-th Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5913
Email : analysis.uiv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.321/3

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
Ngày lấy mẫu: **13/9/2023**
Loại mẫu: **Khí thải**
Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
Số lượng: **01**
Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ống thoát khí thải lò hơi số 1 (23091301- KT3)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	900	.
2	Bụi ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	6,6	180
3	NO _x tính theo NO ₂ ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	96,8	765
4	SO ₂ ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	69,8	900

* Ghi chú: ^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được BoA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp

- K_p : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất

Vì $20.000 < P \leq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 0,9$

- K_v : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 23 tháng 9 năm 2023

Giám đốc



Đặng Hải Âu

Kết quả chỉ có giá trị phân tích, không phải là kết quả đo lường và không có giá trị pháp lý.
Tên mẫu, địa điểm, đơn vị yêu cầu, các chỉ số lấy mẫu và thời gian lấy mẫu.
Thời gian lấy mẫu chỉ áp dụng cho ngày lấy mẫu và chỉ áp dụng cho các chỉ số lấy mẫu.
Không được trích ra các phần khác của báo cáo kết quả phân tích và không được sao chép các chỉ số.

BV01-TT18-KQTN:02

Trang 1/1



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xu Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.321/5

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **13/9/2023**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ống thoát khí thải buồng sơn xường xi mạ (21091201-KT5)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	7006	-	-
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	< 4,2	180	-
3	Toluen ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	US EPA method 18	2,44	-	750
4	Xylen ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	US EPA method 18	2,10	-	870

+ Ghi chú:
 (a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
 (b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)
 KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.
 (**): Giới hạn định lượng của phương pháp
 - Kp: hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
 Với $20.000 < P \leq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 0,9$
 - Kv: hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 13 tháng 9 năm 2023

Giám đốc

Xét giá trị có ghi rõ trên mỗi báo cáo kết quả phân tích để tránh hiểu lầm.
 Tên mẫu, thí nghiệm và các ghi chú khác chỉ có giá trị nếu có đầy đủ các thông tin.
 Thời gian bảo quản mẫu: 24 giờ kể từ ngày có kết quả báo cáo kết quả phân tích, không tính các mẫu thử nghiệm.
 Không được thực hiện phân tích các mẫu phân tích quá hạn sử dụng được nêu trong báo cáo.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028, 3724 5728 Fax: 028, 3724 5933
Email : analysis.en.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.321/7

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Ngày lấy mẫu: **13/9/2023**

Loại mẫu: **Nước thải**

Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011,TCVN 5999:1595,TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011**

Số lượng: **01 mẫu**

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải tại hộ ga dầu nổi với hệ thống thu gom chung của Khu chế xuất (23091301-NT:)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung I
1	pH ^(đ/đ)	-	6,50	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ^(đ/đ)	mg/L	4,2	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^(đ/đ)	mg/L	5,75	SMEWW 4500P- B&D-2017	6
4	Amoni ^(đ/đ) (tính theo Nitơ)	mg/L	< 1,5 (**)	SMEWW 4500NH ₃ -B&C-2017	10
5	Clorua ^(đ) Cl	mg/L	320	SMEWW 4500.Cl.B:2017	405
6	Sulfua ^(đ) S ²⁻	mg/L	< 0,05 (**)	SMEWW 4500.S2-C&D:2017	0,162
7	Florua ^(đ) F	mg/L	KPH MDL=0,209	SMEWW 4500F- B&D:2017	4,05
8	Đồng ^(đ) Cu	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	1,62
9	Niken ^(đ/đ) Ni	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111 B:2017	0,162
10	Crom VI ^(đ) Cr ⁶⁺	mg/L	KPH MDL=0,008	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,0405
11	Crom III ^(đ) Cr ³⁺	mg/L	KPH MDL=0,009	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,162
12	Tổng Phenol ^(đ)	mg/L	KPH MDL=0,011	TCVN 6216:1996	0,081



Mọi qui chế công tác và mẫu thử xin đọc kỹ trước khi ký. Mọi khiếu nại gửi về:
Trụ sở: 01 Xa Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Số điện thoại: 028.3724.5728 Fax: 028.3724.5933
Email: analysis.en.vn@gmail.com
Không được xuất sao nháp hoặc tái bản phần tư kết quả phân tích không được sự đồng ý của CAE



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xu Lộ Trưng Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724.5728 Fax: 028. 3724.5933
Email : tara.ysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.322/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Tp, Thủ Đức, Tp, HCM,
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 4
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Tp, Thủ Đức, Tp, HCM,
Ngày lấy mẫu: 13/9/2023
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 07:2009/BTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Kim loại phế liệu dính dầu (23091302-CT1)
Tọa độ: 10⁰52'16,83" N; 106⁰46'00,53" E

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			9h15	10h30	14h15	Trung bình	
1	Tổng dầu ^{(a),(b)}	mg/kg	104,3	95,5	116,1	103,3	EPA Method 9071B
2	Phần khô T	.	0,998	0,998	0,999	0,998	-
QCVN07:2009 /BINMT Ngưỡng CTNH Hàm lượng tuyệt đối Hic		mg/kg	998,1	998,1	999,1	-	-

+ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Mọi chi phí ghi in của mẫu thử đều do khách hàng chi trả. Không có phí lưu.
Tất cả các mẫu thử đều được ghi lại và lưu trữ cẩn thận để phục vụ khách hàng.
Thời gian làm việc: 08 giờ 00 phút (từ thứ 2 đến thứ 6) và 08 giờ 00 phút (từ thứ 2 đến thứ 6) và 08 giờ 00 phút (từ thứ 2 đến thứ 6).
Không được nhận vào mẫu thử nếu không có phiếu phân tích mẫu thử và không có phiếu phân tích mẫu thử của CAE.

BM01-1718-RQ17M02

Trang 1/1



Địa chỉ: Số 1, Xã Ỗ Truong Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 038. 3724 5728 Fax: 038. 3724 5933
Email: analysis.cae.vn@gmail.com



Số: 23.100/3

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Ngày lấy mẫu: 24/6/2023
 Loại mẫu: Khí thải
 Người lấy mẫu: Hiếu, Quang, Dương, Thanh
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: 01
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi mạ-chiuyên xi mạ Crom (23062401-KT1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	14471	-
2	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH MDL=4,9	45
3	HCl ^(b)	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	KPH MDL=2,3	45

Ghi chú:

- ^(a) Phương pháp được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- ^(b) Phương pháp được Bộ A công nhận (VILAS 457)
- KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.
- ^(c) Chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện Nhiệt đới môi trường - Vimcerts 009.
- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.
- K_v : Vì 20.000 < P ≤ 100.000m³/h nên K_v = 0,9
- K_p : hệ số vòng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 24/06/2023

Giám đốc

TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
MÔI TRƯỜNG

AD: Ỗ TRƯỜNG SƠN

Số của thí nghiệm là mã số của đơn vị của thí nghiệm và của thí nghiệm
Tên của thí nghiệm là mã số của thí nghiệm và của thí nghiệm
Tên của thí nghiệm là mã số của thí nghiệm và của thí nghiệm
Không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Không được sao chép.

VITTEP

QT.23.0482-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORTNgày xuất kết quả/
Issued Date 03/07/2023**A. KÝ HIỆU MẪU:**

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1	Ông thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng - Chuyên xi măng Crom của nhà máy 4 - Công ty TNHH Sài Gòn Precision	QT.230626.031

B. KẾT QUẢ:**I. KHÍ THẢI**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.230626.031 KPH (LOD=2,3)
1	HCl	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện.

1. Không được trích ra một phần hoặc kết quả thử nghiệm này để. KHÔNG có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NEMT.
2. Thí nhân lên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT - 1.0108 TCVN/QS 877:2014 VIMC/CRTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢN LÝ VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG Institute for Tropical Technology and Environmental Protection	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, TP. HCM. ETCQ: 028.38446262-65 P.QT&PTMT: 028.35455140 Address: 57A Trương Quốc Dung Street, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65 EMD: 028.38455140
QT.23.0482-4	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 03/07/2023

- Nơi yêu cầu: Trung tâm Phân tích và Môi trường (Đơn hàng 23.0482)
- Địa điểm lấy mẫu: Số 1, Xã lộ Trường Sơn, Xã lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương.
- Loại mẫu: Khí thải
- Số lượng mẫu: 1
- Ngày nhận mẫu: 26/06/2023
- Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG



Nguyễn Thị Nhạn

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QT & PTMT



Thái Tiên Đông

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KHITHY



Nguyễn Thị Kim Yến

- Không được trích sao một phần, phiếu kết quả thử nghiệm này đều không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nhiệt.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của đơn gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lê Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.190/4

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **24/6/2023**
 Loại mẫu: **Khi thải**
 Người lấy mẫu: **Hiếu, Quang, Dương, Trần**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm.**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông Lòat khi thải lấy hơi số 1 (23062401- KT3)**

YT	Chi tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	855	-
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	7,6	180
3	NO _x tính theo NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	88,2	765
4	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 7247:2003	71,4	900

- + **Ghi chú:** ^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
^(b) Phép thử được Ủy A công nhận (VILAS 457)
 KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp
 - K_p : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
 Vì 20.000 < P ≤ 100.000m³/h nên K_p = 0.9
 - K₁ : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 30 tháng 6 năm 2023



Đỗ Thị Hải Âu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028 3724 5953
Email : analysis.enx.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.190/7

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **24/6/2023**
 Loại mẫu: **Khi thải**
 Người lấy mẫu: **Hiếu, Quang, Dương, Thanh**
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí thải buồng sơn xưởng xi mạ (23062401- KT5)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp (bù nghiệm)	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	6805	-	-
2	Bụi ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	<4,2	180	-
3	Xylen ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	US EPA method 18	2,16	-	870
4	Toluen ^{(a)/(b)}	mg/Nm ³	US EPA method 18	4,56	-	750

+ Ghi chú:

^(a): Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b): Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Kp : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất

Vì $20.000 < P < 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 0,9$

- Kv : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Khi gửi ra ngoài Việt Nam, tất cả các phép thử đều có thể phải thông qua phê duyệt.
Yêu cầu: Các phép thử được phê duyệt phải dựa trên các quy định của các đơn vị nhận.
Thông tin lưu trữ: Chỉ ngày lấy mẫu và ngày phân tích. Mọi yêu cầu, thắc mắc xin liên hệ phòng thí nghiệm.
Không được sử dụng kết quả này để phân tích pháp lý của Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 3728 Fax: 028. 3724 3933
Email : analysis.en.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.190/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Ngày lấy mẫu: **24/6/2023**

Loại mẫu: **Nước thải**

Người lấy mẫu: **Vân Hiếu**

Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6563-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011**

Số lượng: **01 mẫu**

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải tại hố ga dầu nối với hệ thống thu gom cùng của Khu chế xuất (23062401-N/T1)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn THỜI GIAN THẢI QUẢ PHÂN TÍCH KCX LÃNH THỰC
1	pH ^(m/2)	.	6,80	TCVN 6492:2011	5,0
2	Tổng Nito ^(m/2)	mg/L	21,8	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^(m/2)	mg/l.	5,10	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoai ^(m/2) (tính theo Nito)	mg/L	< 1,5 ^(**)	SMEWW 4500NH ₃ -B&C-2017	10
5	Clorua ^(m) Cl ⁻	mg/l.	72,5	SMEWW 4500.Cl.B:2017	405
6	Sunfua ^(m) S ²⁻	mg/L	< 0,06 ^(**)	SMEWW 4500.S2-C&D:2017	0,162
7	Florua ^(m) F ⁻	mg/L	KPH MDL=0,209	SMEWW 4500F-B&D:2017	4,05
8	Đồng ^(m) Cu	mg/l.	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	1,62
9	Niken ^(m/2) Ni	mg/l.	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	0,162
10	Crom VI ^(m) Cr ⁶⁺	mg/L	KPH MDL=0,008	SMEWW 3500.Cr-B:2017	0,0405
11	Crom III ^(m) Cr ³⁺	mg/L	KPH MDL=0,009	SMEWW 3500.Cr.B:2017	0,162
12	Tổng Phenol ^(m)	mg/L	KPH MDL=0,011	TCVN 6216:1996	0,081

Kết quả này chỉ có hiệu lực đối với mẫu được phân tích và ghi chú.
Thi công, vận hành và bảo trì phải tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của cơ quan chức năng.
Thất giá trị của báo cáo này nếu không có chữ ký của nhân viên kỹ thuật của phòng thí nghiệm và không có chữ ký của khách hàng.
Xin lưu ý: Mọi thắc mắc xin liên hệ phòng thí nghiệm qua địa chỉ: analysis.en.vn@gmail.com hoặc qua số điện thoại: 028.3724.3728; fax: 028.3724.3933; hoặc qua địa chỉ: analysis.en.vn@gmail.com



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5535
E-mail : analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.191/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 4
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Ngày lấy mẫu: 24/6/2023
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5663-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 07:2009/BTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Kim loại phế liệu dính dầu (23062402-CT1)
Tọa độ: 10°52'16.83" N; 106°46'00.53" E

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			9h30	10h45	14h30	Trung bình	
1	Tổng dầu ^(a)	mg/kg	124,3	115,6	102,6	114,2	EPA Method 9071B
2	Phần khô T	-	0,994	0,998	0,997	0,996	-
QCVN07:2009/BTNMT Ngưỡng CTNH Hàm lượng vượt đối Hic		mg/kg	994,3	998,1	997,2	-	-

Ghi chú:

^(a): Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b): Phép thử được BOA công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày: 24 tháng 6 năm 2023



Nguyễn Hải Âu

Kết quả chỉ có giá trị khi mẫu phân tích đúng theo đúng yêu cầu thí nghiệm ghi chú.
Được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm của Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường.
Thời gian bảo hành: 30 ngày kể từ ngày lấy kết quả phân tích cuối cùng. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường.
Không chịu trách nhiệm pháp lý đối với kết quả phân tích nếu mẫu không được xử lý đúng quy trình của Trung Tâm.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 068

Địa chỉ: Số 1, Xã lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5935
Email: analysis-env.vn@gmail.com



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NIỀM MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **03/3/2023**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Vân Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu: **mẫu: Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi mạ-chuyên xi mạ Crom (23030301-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	21032	22143	20978	21384	-
2	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPI MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	45

Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPIH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- K_p : Vì 20.000 < P ≤ 100.000m³/h nên K_p = 0,9

- K_v : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 10 tháng 3 năm 2023



Kết quả chỉ ra giá trị này nếu chưa có sự đồng ý của người dùng. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích & Môi Trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0443/2023/PRQ (23.148)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)



Địa chỉ: Đường Nhà VNST, ETKI 2-2 KĐT M6 Tân Tây Đô, Xã Tân Lập,

Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 034.23463777

Email: vnst@vnst.vn

Web: vnst.vn

- 1. Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- 2. Đơn vị được thử nghiệm : Trung tâm phân tích và Môi trường
- 3. Địa chỉ : Số 1, Xã Tân Trường Sơn, An Bình, Đông Anh, Bình Dương
- 4. Ngày nhận mẫu : 03/05/2023
- 5. Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	KT2303.0016	458.KT001/KT1.1_Ổng thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Cemen của nhà máy 4 Công ty TNHH Sài Gòn Precision	Khí thải
2	KT2303.0017	458.KT002/KT1.2_Ổng thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Cemen của nhà máy 4 Công ty TNHH Sài Gòn Precision	Khí thải
3	KT2303.0018	458.KT003/KT1.3_Ổng thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Cemen của nhà máy 4 Công ty TNHH Sài Gòn Precision	Khí thải
4	KT2303.0019	458.KT004/KT1.4_Ổng thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Nikon và các loại phụ kiện của nhà máy 4 Công ty TNHH Sài Gòn Precision	Khí thải
5	KT2303.0020	458.KT005/KT2.2_Ổng thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Nikon và các loại phụ kiện của nhà máy 4 Công ty TNHH Sài Gòn Precision	Khí thải
6	KT2303.0021	458.KT006/KT2.1_Ổng thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Nikon và các loại phụ kiện của nhà máy 4 Công ty TNHH Sài Gòn Precision	Khí thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU THỬ NGHIỆM: **TRƯỞNG PHÒNG**

[Handwritten signature]
ER&D
 Trịnh Thị Hạnh



- 1. Mọi chi phí phân tích mẫu và 20% chi phí vận chuyển được tính trước khi lấy mẫu.
- 2. Mọi chi phí vận chuyển phân tích mẫu được tính theo mức giá hiện hành của thị trường.
- 3. Phòng thí nghiệm được cấp phép và được công nhận quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 17025.
- 4. Thời gian báo kết quả thử nghiệm là 03 ngày kể từ ngày nhận mẫu theo các yêu cầu của đơn vị được thử nghiệm, với điều kiện mẫu thử nghiệm đầy đủ.
- 5. Mọi chi phí phân tích mẫu được tính theo các chi phí được quy định trong báo cáo thử nghiệm.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: KT2009.0017)

458.KT002/KT1.2_Ông thoát khí thải sau xử lý của 1-TT.XI, khí thải xi măng chuyên xi măng Chromarit nháy 4_

Công ty TNHH Sản Xuất Precisiun

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axit clohydric (HCl)	mg/Lm ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0,1)

Ghi chú:

- Thể tích mẫu lấy để kích hiên cung cấp
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp. Giới hạn phát hiện của phương pháp

1. Mọi chi tiết xin liên hệ VNST chi nhánh để được thực hiện dịch vụ thử nghiệm.
 Phòng thử nghiệm Kỹ thuật môi trường và Kỹ thuật Môi trường và Công nghệ (VIELAS)

2. Kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ áp dụng cho mẫu thử nghiệm phân tích.

3. Thông tin về mẫu, thành phần và phương pháp thử nghiệm có thể được lấy thêm dựa trên các tài liệu đính kèm.

4. Thời gian làm việc của phòng thí nghiệm là 24 giờ, kể từ ngày nhận đủ mẫu thử nghiệm và được làm việc theo giờ làm việc của phòng thí nghiệm.

5. Kết quả thử nghiệm này không được sử dụng làm bằng chứng pháp lý trừ khi được đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm của VNST (theo quy định của phòng thí nghiệm (VIELAS)).



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: KT23C3.0019)

458.KT004/KT2.1_Ông thoát khí thải sau xử lý của HXSL khi vận hành chuyên xi măng Nilon và các loại máy khoan có nhô máy 4
 Công ty TNHH Sài Gòn Precision

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axít clohydric (HCl)	mg/m ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0.1)

Ghi chú:

- Thẻ mã màu chỉ đo khách hàng cung cấp
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp, LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

1. Mọi chi tiết xin liên hệ VNST tại địa chỉ nhận thử nghiệm hoặc gọi qua số hotline 028 22463777.
 2. Mọi chi tiết xin liên hệ Phòng Nghiên cứu và Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 - VINCERTS 121).
 3. Thời gian chờ đợi kết quả thử nghiệm phụ thuộc vào khối lượng mẫu thử và loại phương pháp phân tích.

4. Thời gian chờ đợi kết quả thử nghiệm là 14 ngày kể từ ngày nhận mẫu thử nghiệm được phân tích.
 5. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị khi được cấp bởi Phòng Nghiên cứu và Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 - VINCERTS 121).

VNST - PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: K72100.0021)

458.KT005/KT2.5_Ông thành kh: nhà sản xuất của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Niken và các loại phụ khác của nhà máy 4
 Công ty TNHH Sài Gòn Precision

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Acid electrolytic (HCl)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0.1)

Ghi chú:

- Thể tích mẫu khí do cách hàng rung cấp
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

1. Bản thử nghiệm này chỉ có hiệu lực khi có chữ ký và đóng dấu của người chịu trách nhiệm cấp chứng chỉ thử nghiệm.
 2. Mọi chi phí liên quan đến việc lấy mẫu, vận chuyển, phân tích...
 3. Thời hạn sử dụng của kết quả thử nghiệm phụ thuộc vào điều kiện bảo quản của mẫu thử nghiệm.

4. Bản thử nghiệm này chỉ có hiệu lực khi có chữ ký và đóng dấu của người chịu trách nhiệm cấp chứng chỉ thử nghiệm.
 5. Mọi chi phí liên quan đến việc lấy mẫu, vận chuyển, phân tích...
 6. Thời hạn sử dụng của kết quả thử nghiệm phụ thuộc vào điều kiện bảo quản của mẫu thử nghiệm.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, DT An. Bình. Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis_erv_vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

+ Ghi chú:

^{a)} Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^{b)} Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.
- K_f : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
 $Vi\ 20.000 < P < 100.000m^3/h$ nên $K_f = 0,9$
- K_v : hệ số vùng

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ MÔI TRƯỜNG
Đ. BÌNH DƯƠNG - T. BÌNH DƯƠNG HẢI AN



Kết quả chỉ có giá trị nếu như nó đi kèm với mẫu được nêu ở đây và ghi rõ.
Tất cả, thí nghiệm được ghi nhận và đưa ra là (những kết quả) của
thời gian này, việc áp dụng, lưu ý các kết quả chỉ với mục đích, việc này ở đây (1/2). Việc lưu ý về kết quả này
Không được trích xuất, sao chép, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác, nếu không được sự đồng ý của CAE



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, DT. An. Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Ghi chú:

- (*) Phép thử được Bộ THMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- (**) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)
- KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.
- K_p : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
 $VI\ 20\ 000 < P \leq 100.000m^3/h$ nếu $K_p = 0,9$
- K_y : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Mô quoc gia va tinh thien tai khong co gi noi dung...
Tua cua va thich hng theo gi noi dung...
Mô quoc gia va tinh thien tai khong co gi noi dung...
Tua cua va thich hng theo gi noi dung...



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, DT An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5738 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.cpv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Ghi chú:

①) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

②) Phép thử được DoA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- **Cột B:** Quy định nồng độ của Dị và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.
- K_p : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
 $Vi: 20.000 < P \leq 100.000m^3/h$ nên $K_p = 0,9$
- K_v : hệ số vùng

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 11/03/2023
Trần Thị Ngọc Trúc
Phòng Hải Âu



Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu được phân tích theo đúng quy trình và phương pháp đã được công bố. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5729 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.env.vn@gmai.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

+ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPI: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.
- K_p : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
Vì $20.000 < P \leq 100.000 m^3/h$ nên $K_p = 0,9$
- K_v : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 03 tháng 3 năm 2023
Giám đốc

Trần Hải Âu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, DTAP, Bình Dương
Điện thoại: : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: : analysis.cae.vu@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 23.059/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Ghi chú:

(*) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

(**) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPII: không phát hiện,

MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị sử dụng khi được cấp phát kèm theo biên bản phân tích chi tiết. Mọi thắc mắc xin liên hệ phòng thí nghiệm của chúng tôi. Mọi chi tiết xin liên hệ: 028.3724.5728. Mọi chi tiết xin liên hệ: 028.3724.5933. Mọi chi tiết xin liên hệ: 028.3724.5933. Mọi chi tiết xin liên hệ: 028.3724.5933. Mọi chi tiết xin liên hệ: 028.3724.5933.



Số: 22/434/2

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xe lộ Trường Sơn, An Bình, DT An Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.cuv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/12/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi măng-chuyển xi măng Crom (22120703-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ⁽¹⁾	m ³ /h	US EPA method 2	21025	22137	20986	21382	-
2	H ₂ SO ₄ ⁽²⁾	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	45

+ Ghi chú:

⁽¹⁾ Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

⁽²⁾ Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.
- Kv: $20.000 < V \leq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 0,9$
- Kv: hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày tháng 12 năm 2022

Giám đốc

TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
MÔI TRƯỜNG

Tp. Thủ Đức, Hải Âu

Mọi quy trình lấy mẫu đều phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế.
Tất cả các chỉ số phân tích được thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Công Thương và Bộ Tài Nguyên và Môi trường.
Mọi quy trình lấy mẫu đều phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế.
Mọi quy trình lấy mẫu đều phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế.

BM01-TE18-LQ-V02

Trang 1/1



Số: 05718/2022/PKQ (KT2212.0129)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
 Đơn vị được thử nghiệm : Trung tâm phân tích và Môi trường
 Địa chỉ : Số 1, Xã Tân Lập Thượng Sơn, An Bình, Đ. An. Bình Dương
 Loại mẫu : Khí thải - Ngày nhận mẫu : 13/12/2022
 Tên mẫu thử nghiệm : 458.KT005/KTL2_ Ống thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Crom của nhà máy 4 Công ty TNHH Sài Gòn Precision

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axit clohydric (HCl)	mg/m ³	US EPA Method 26A	XPB (LOD<C.)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Thể tích mẫu đo khác bằng cùng cấp.

NGƯỜI LẬP PHIẾU: **TRẦN THỊ PHƯƠNG** KỸ SƯ THỰC HÀNH PHÒNG

Trần Thị Phương (Kỹ sư Thực hành) Nguyễn Thị Thanh Thủy (Kỹ sư Thực hành)

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2022

1. Mọi thí nghiệm được thực hiện tại phòng thí nghiệm của Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNSC) theo quy định của pháp luật về môi trường và các quy định khác có liên quan.
 2. Kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ đúng với mẫu thử được phân tích.
 3. Trường hợp có mẫu thử không rõ nguồn gốc hoặc không rõ quy trình phân tích thì phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về kết quả thử nghiệm.
 4. Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 30 ngày kể từ ngày nhận mẫu thử nghiệm.
 5. Mọi chi phí trong phiếu này không bao gồm chi phí vận chuyển mẫu thử nghiệm và chi phí vận chuyển kết quả thử nghiệm.
 6. Mọi chi phí vận chuyển mẫu thử nghiệm và chi phí vận chuyển kết quả thử nghiệm do khách hàng chịu.



Số: 22.434/3

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lê Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028.3724.5728 Fax 028.3724.5933
Email : analysis.crv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/12/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Vân Hiếu, Vân Tuấn, Vân Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi măng - chuyên xi măng NI và các loại măng khác (22120703- KT2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=);Kp=0,9)
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	21673	22982	23127	22594	-
2	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	45

+ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068).

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trung khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- K_v : $VI \ 20.000 < P \leq 100.000m^3/h$ nên K_v = 0,9

- K_p : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Chỉ số của cơ quan môi trường là chỉ số để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường.
 Trung tâm phân tích và môi trường chỉ chịu trách nhiệm về kết quả phân tích mẫu.
 Không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các kết quả phân tích mẫu không đúng quy định của pháp luật.
 Không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các kết quả phân tích mẫu không đúng quy định của pháp luật.

BMD1-TT18-KQTNE2



Số: 05721/2022/PKQ (KT22130132)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
 Đơn vị được thử nghiệm: Trung tâm phân tích và Môi trường
 Địa chỉ: Số 1, Xã lộ Trường Sơn, An Đình, Di An, Bình Dương
 Loại mẫu: Khí thể - Ngày nhận mẫu: 13/12/2022
 Tên mẫu thử nghiệm: : 418.KT088/KT2.2_Công nghệ khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng châu Âu xi măng Niken và các loại máy khác của nhà máy 4_Công ty TNHH Sài Gòn Precision

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axit clohidric (HCl)	mg/Nm ³	HN EPA Method 26A	<MP (LOD=0.1)

Ghi chú:

- KPIs: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thẻ kết quả do khách hàng cung cấp

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Phương

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2022



1. Phòng thử nghiệm là của Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) và được cấp chứng chỉ theo quy định của Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển Kỹ thuật Môi trường (ER&D).

2. Kết quả thử nghiệm mang tính chất tham khảo cho mục đích sử dụng nội bộ.

3. Thông tin chi tiết về kỹ thuật thử nghiệm xin liên hệ phòng thử nghiệm để được tư vấn chi tiết hơn về các vấn đề liên quan.

4. Thời gian hiệu lực của phiếu kết quả này là 14 ngày kể từ ngày xuất phiếu kết quả thử nghiệm.

5. Kết quả mang tính chất tham khảo và chỉ áp dụng cho mục đích sử dụng nội bộ của khách hàng. Không áp dụng để chứng minh hoặc làm bằng chứng pháp lý theo quy định của pháp luật.



Số: 22.434/4

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lạc Trường Sơn, An Bình, DT An, Bình Dương
 Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
 Email : analysis.cpv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068

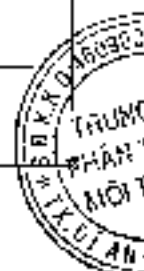


VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NIỀM MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/12/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiệp, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí (thải lò hơi số 1 (22120703- KT3))**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv-1; Kp-0,9)
				KT3				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng (a)	m ³ /h	US EPA method 2	1167	1294	1232	1231	-
2	Bụi (a)(b)	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	4,7	5,3	4,5	4,8	180
3	NO _x (a) (b) (c) NO ₂ (a)(b)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	116,4	107,6	112,3	112,1	765
4	SO ₂ (a)(b)	mg/Nm ³	JIS K0103:2001	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO (a)	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	67,4	75,5	64,2	69,0	900



Là kết quả phân tích mẫu môi trường lấy từ đơn vị sản xuất không ghi địa chỉ.
 Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và không được sử dụng để đánh giá pháp lý.
 Thời gian bảo hành tối đa là 12 tháng kể từ ngày phân tích, miễn phí vận chuyển và lắp đặt máy lấy mẫu.
 Các chi phí khác như vận chuyển hoặc các chi phí khác sẽ được báo trước cho khách hàng.

BM01-TT18-KQ23N02

Trang 1/2



Số: 22.434/5

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Định, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 028 3724 5578 Fax: 028 3724 5933
 Email : analysis.cae.viet@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: 07/12/2022
 Loại mẫu: Khí thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: 01
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Ống thoát khí thải lò hơi số 2 (22120703- KT1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	1204	1272	1281	1252	-
2	Bụi ^(a/b)	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	5,3	4,7	5,6	5,2	180
3	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a/b)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	97,6	89,7	103,4	96,9	765
4	SO ₂ ^(a/b)	mg/Nm ³	IS K0103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	127,5	142,4	137,6	135,8	900



Chúng tôi chỉ ghi nhận kết quả thử nghiệm dựa trên dữ liệu được cung cấp bởi khách hàng.
 Tên mẫu, số thử nghiệm được ghi trên của mẫu của khách hàng và các thông tin khác.
 Theo quy định của Bộ Công Thương về kiểm định chất lượng, ngày 09/06/2010, chúng tôi có văn bản số 11/2010/CT-BC.
 Không được sao chép nội dung này để phân phối công khai cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào.

BM01-17118-KQTN/22

Trang 1/2



Số: 22.434/6

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xóm 16 Trường Sơn, An Ninh, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 078.3724.5778 Fax: 078.3724.5933
 Email: analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068

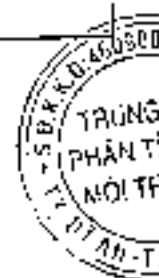


VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Ngày lấy mẫu: 07/12/2022
 Loại mẫu: Khí thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Đăng
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: 01
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Ống thoát khí thải buồng sơn xưởng xi mạ (22120703- KT5)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT5					
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình		
1	Lưu lượng ^(g)	m ³ /h	US EPA method 2	6726	6872	7154	6917	-	-
2	Bụi ^(g/m³)	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	<4,2	<4,2	<4,2	<4,2	180	-
3	Xylen ^(g/m³)	mg/Nm ³	US EPA method 18	7,15	8,62	7,98	7,92	-	870
4	Toluen ^(g/m³)	mg/Nm ³	US EPA method 18	6,34	5,07	5,16	5,52	-	750



Kết quả chỉ có giá trị khi mẫu được lấy đúng theo đúng quy trình đã nêu.
 Trường hợp có sự thay đổi về địa điểm lấy mẫu hoặc phương pháp lấy mẫu, kết quả chỉ mang tính chất tham khảo.
 Thời gian bảo quản mẫu tối đa là 24 giờ kể từ khi lấy mẫu. Nếu mẫu không được phân tích ngay, cần phải bảo quản đúng quy trình.
 Mọi chi tiết xin liên hệ phòng phân tích và quản lý chất lượng: 078.3724.5778

Trang 1/2

BMUJ-IT18-KQTN02



Số: 22.434/7

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 5724 5178 Fax: 028. 5724 5953
Email : mnanlysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/12/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí thải của hệ thống tách dầu và hệ thống nổ bụi; nhôm (22120705- KT6)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)
				KT6				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(l)	m ³ /h	US EPA method 2	5308	5157	5276	5250	
2	Bụi ^{(t)/h}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	180
3	NO _x tính theo NO ₂ ^{(t)/h}	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	KPH MDL=9	KPH MDL=9	KPH MDL=9	KPH MDL=9	765
4	SO ₂ ^{(t)/h}	mg/Nm ³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^{(t)/h}	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	KPH MDL=11	KPH MDL=11	KPH MDL=11	KPH MDL=11	900



Kết quả chỉ có giá trị khi có chữ ký của người phân tích và người kiểm tra, có ghi địa chỉ, tên và chức danh công ty của người phân tích.
 Thời gian lưu mẫu tối đa là 15 ngày kể từ ngày lấy mẫu. Mọi chi phí phân tích không bao gồm thuế VAT và thuế địa phương.
 Chúng tôi được mời và cần phải hoàn thiện báo cáo kết quả của các mẫu thử nghiệm được yêu cầu phân tích.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, DT An, Bình Dương
 Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
 Email : analysis.en.vi@gmml.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.434/L

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/12/2022**
 Loại mẫu: **Nước thải**
 Người lấy mẫu: **Vân Hiếu**
 Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6603-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6663-3:2016,TCVN 8880:2011**
 Số lượng: **01 mẫu**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải tại hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom chung của Khu chế xuất**
(22090703-NTU)

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCX Linh Trung I
1	pH ^(a/b)	-	7,02	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ^(a/b)	mg/L	8,4	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^(a/b)	mg/L	0,94	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoni ^(a/b) (Hình theo Nitơ)	mg/L	KPH MDL=0,5	SMEWW 4500N11-B&C-2017	10
5	Clorua ^(a) Cl	mg/L	185	SMEWW 4500.C1.B:2017	405
6	Sulfua ^(a) S ²⁻	mg/l.	KPH MDL=0,02	SMEWW 4500.S2-C&D:2017	0,162
7	Florua ^(a) F	mg/L	KPH MDL=0,209	SMEWW 4500F-B&D:2017	4,05
8	Đồng ^(a) Cu	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111.B:2017	1,62
9	Niken ^(a,b) Ni	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111.B:2017	0,162
10	Crom VI ^(a) Cr ⁶⁺	mg/L	KPH MDL=0,008	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,0405
11	Crom III ^(a) Cr ³⁺	mg/L	<0,027	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,162
12	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	KPH MDL=3,011	TCVN 6216:1996	0,081

Kết quả do hệ phân tích tự động đưa ra dựa trên các dữ liệu thu được, có thể có sai số do phương pháp phân tích và sai số của thiết bị. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm để được tư vấn chi tiết. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm để được tư vấn chi tiết.

Trang 1/2

BM01-TU18-KQ-TN02



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : an.zyxis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.437/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/12/2022**
 Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 50:2013/BTNMT**
 Tên mẫu, ký hiệu mẫu: **Kim loại phế liệu dính dầu (22120706-CT1)**
 Tọa độ: **10^o52'16.83" N; 106^o46'00.53" E**

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm:
			9h15	10h30	14h45	Trung bình	
1	Tổng dầu ^(dầu)	mg/kg	102,5	106,4	121,2	110,0	EPA Method 9071B
2	Phân khô T	-	0,998	0,997	0,999	0,998	-
	QCVN07:2009/BTNMT Ngưỡng CTNH Hàm lượng tuyệt đối Htc	mg/kg	998,1	997,2	999,1	-	-

+ Ghi chú:

- (a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- (b) Phép thử được Bộ Công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 14 tháng 12 năm 2022

Giám đốc

Trương Hải Âu

Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu không thay đổi trước khi đưa ra kết quả ghi chú.
Tên mẫu chỉ bằng tiếng Việt, ghi nguyên văn của người lấy mẫu để tránh nhầm lẫn.
Tên ghi trên mẫu phải khớp với ghi chú kết quả (nếu có). Nếu địa điểm, số lượng mẫu, thông tin khác không khớp với thông tin trên mẫu thì không được sử dụng kết quả.
Kết quả được thực hiện trên phân tích tại hệ thống của công ty Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường.

BM01-IT15-KQTN/02



Số: 22.295/2

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xu Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028 3724 5128 Fax: 028 3724 5933
Email: analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/9/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi măng-chuyên xi măng Cron (22090701-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K _s =1;K _p =0,9)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng Q _v	m ³ /h	US EPA method 2	20156	23100	22540	21932	-
2	H ₂ SO ₄ (P)	mg/Nm ³	US EPA method 5	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	<PH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	45

+ Ghi chú:

¹ Phương pháp được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

² Phương pháp được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

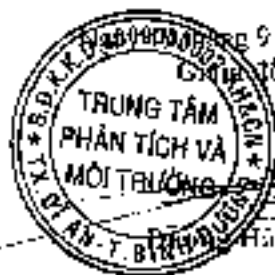
- Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- K_p : Với 20.000 < P ≤ 100.000m³/h nếu K_p = 0,9

- K_s : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Ngày 9 năm 2022

Giám đốc

Hải Âu

Khi báo cáo phân tích phân tích này được đưa ra không có sự đảm bảo về tính chính xác, cũng như các yêu cầu của các quy định về môi trường. Mọi chi phí phân tích này chỉ có hiệu lực khi được thanh toán đầy đủ. Mọi chi phí khác không được tính vào giá phân tích. Mọi chi phí khác không được tính vào giá phân tích. Mọi chi phí khác không được tính vào giá phân tích.

BM01-TT 18-KQC/N02

Trang 1/1



Số: 0.997/2022-PRQ (KT2309.0072)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
 Đơn vị được thử nghiệm : Trung tâm phân tích và Môi trường
 Địa chỉ : Số 1, Xu lý Truong Sơn, An Bình, Hò An, Hính Dương
 Loại mẫu : Khí thải - Ngày nhận mẫu : 7/9/2022
 Tên mẫu/ vị quan trắc : 459.KT005/KT1.2_ Ống thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên dụng của nhà máy 4_Công ty TNHH Sản Xuất Precision

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axít clohydric (HCl)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0.1)

Chú thích:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thẻ ghi hiệu do khách hàng cung cấp

NGƯỜI LẬP PHIẾU: TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Phương Hòa

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2022



- Khi lấy kết quả được phép sử dụng làm bằng chứng, ngoại trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của phòng thử nghiệm nghiên cứu và phát triển của đơn vị khách hàng (Bản D).
- Các kết quả thử nghiệm chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng.
- Tất cả các kết quả thử nghiệm chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng.



Số: 22.295/3

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028 3724 5728 Fax: 028 3724 5953
Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/9/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hữu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi măng - chuyển xi măng và các loại mạ khác (22090701- K12)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	21705	23450	22170	22442	-
2	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	JS EPA method 8	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	45

Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cấp B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp vào thời gian áp dụng kể từ ngày: 01/01/2015.

- K_v : Vì 20.060 < P ≤ 100.000m³/h nên K_v = 0,9

- K_p : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Công ty có đủ giấy phép đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận
Tất cả các kết quả phân tích đều có sự đồng ý của các kỹ thuật viên phân tích
Tất cả các kết quả phân tích đều có sự đồng ý của các kỹ thuật viên phân tích
Mọi thắc mắc xin liên hệ phòng thí nghiệm: 028 3724 5728



Số: 04306/2022/PKQ (KT2209.0075)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
 Đơn vị được thử nghiệm : Trung tâm phân tích và Môi trường
 Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Thương Sơn, An Bình, Di An, Bình Dương
 Loại mẫu : Kẹt ô tô - Ngày nhận mẫu: 7/9/2022
 Tên mẫu/ vị trí quan trắc : 459.KT008/KT2.2_ Ông thoát khí thải sau xử lý của ITEXL khi khai xi máy chuyên xi mạ Nhôm và các loại mạ khác của nhà máy 4_Công ty TNHH Sài Gòn Precision

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0.1)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thẻ tích mẫu do khách hàng cung cấp

NGƯỜI LẬP PHIẾU:

Trần Thị Phương Hoa

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2022



- Kết quả thử nghiệm được cấp vào thời điểm này, dựa trên các dữ liệu thử nghiệm theo yêu cầu, bằng các tài liệu chứng cứ pháp lý. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thử nghiệm ER&D.
- Các dữ liệu thử nghiệm chỉ mang tính chất tham khảo, không thể sử dụng để đưa ra quyết định pháp lý. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thử nghiệm ER&D.



Số: 22.295/4

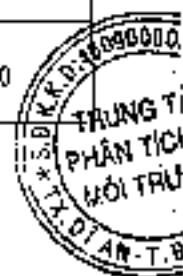
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Định, DT An. Bình Dương
 Điện thoại: 024. 3724 5718 Fax: 024. 3724 5913
 Email: analysis.ctv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068**VILAS 457****KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: 07/9/2022
 Loại mẫu: Khí thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: 01
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Ống thoát khí thải lò hơi số 1 (2209C701-KT3)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTN&MT, cột B (Kv=1; Kp=0.9)
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Độ lưu lượng (m³)	m³/s	US EPA method 2	1215	1187	1300	1234	-
2	Bụi (tổng)	mg/Nm³	TCVN 5977:2009	5,6	4,9	4,7	5,1	180
3	NO _x tính theo NO ₂ (tổng)	mg/Nm³	TCVN 7172:2002	78,2	69,8	83,4	77,1	765
4	SO ₂ (tổng)	mg/Nm³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO (tổng)	mg/Nm³	TCVN 7242:2003	45,5	40,9	46,7	44,4	900



Kết quả được ghi trên mẫu báo cáo này được xác định bằng kỹ thuật phân tích, hệ thống ống dẫn khí, hệ thống xử lý khí thải và các thiết bị phân tích.
 Thời gian bảo quản mẫu: 03 ngày kể từ ngày lấy mẫu. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích Môi Trường.
 Không được sử dụng kết quả phân tích để làm cơ sở pháp lý không đúng quy định của pháp luật.

BM.01-TT.13-KQTN.02

Trang 1/2



Số: 22.205/5

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Mỹ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại : 028. 3724 5729 Fax: 028. 3724 5933
 E-mail : analysis.erv.viet@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: L3 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: L3 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Ngày lấy mẫu: 07/9/2022
 Loại mẫu: Khí thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Đăng
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: 01
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Ống thoát khí thải lò hơi số 2 (22090701-KT4)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009: BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0.9)
				KT4				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^{h_o}	m ³ /h	LS EPA method 2	1190	1280	1307	1259	
2	Bụi ^{solid}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	4,6	5,2	6,0	5,3	180
3	NO _x (tính theo NO ₂) ^{total}	mg/Nm ³	TCVN 7:72:2002	145,4	125,5	137,8	136,2	765
4	SO ₂ ^{total}	mg/Nm ³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^{total}	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	72,1	66,5	69,1	69,2	900



Kết quả phân tích này chỉ có giá trị đối với mẫu thử và không áp dụng cho các mẫu khác.
 Mọi chi tiết xin liên hệ Trung Tâm Phân Tích Môi Trường để được tư vấn chi tiết.
 Thời gian xử lý mẫu thử: 03 ngày kể từ ngày nhận đủ mẫu thử, bao gồm vận chuyển mẫu thử và chi phí vận chuyển.
 Mọi chi tiết xin liên hệ phòng kinh doanh của Trung Tâm Phân Tích Môi Trường để được tư vấn chi tiết.

BM01-TT18-KQTN/02

Trang 1/2



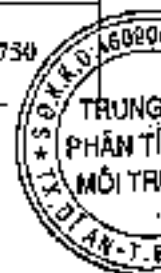
Số: 22.295/6

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5902
 Email: analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068**VILAS 457****KẾT QUẢ PHÂN TÍCH****Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION****Địa chỉ: T.Đ 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM****Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 4****Địa chỉ: Lộ 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.****Ngày lấy mẫu: 07/9/2022****Loại mẫu: Khí thải****Người lấy mẫu: Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Đăng****Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm****Số lượng: 01****Tên mẫu/ký hiệu mẫu: Ống thoát khí thải buồng sơn xưởng xi mạ (22090701- KT5)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT; cột B (Kv=1; Kp=0.9)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KTS					
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình		
1	Lưu lượng ^(m³)	m³/h	US EPA method 2	6950	7100	7190	7080	-	-
2	Bụi ^(t/m³)	mg/m³	TCVN 5977:2009	<4,2	<4,2	<4,2	<4,2	180	-
3	Xylen ^(m³)	mg/m³	US EPA method 18	8,22	9,45	8,14	8,60	-	870
4	Toluen ^(m³)	mg/m³	US EPA method 18	5,65	6,70	4,84	5,71	-	750



Kết quả chỉ mang tính chất tham khảo, kết quả chỉ áp dụng cho mục đích phân tích.
 Các nhà sản xuất hàng được ghi theo yêu cầu của nhà máy và khách hàng.
 Mọi quy trình thử nghiệm đều tuân thủ các quy định về môi trường, chất lượng hàng hóa và các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế.
 Mọi chi tiết xin liên hệ phòng kinh doanh để được tư vấn chi tiết hơn, hoặc truy cập website của chúng tôi.

BM11-TTL8-KQTN/02

Trang 1/2



Số: 22.295/7

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Mỹ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
 Email: analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068**VILAS 457****KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM**
 Địa điểm lấy mẫu: **NIÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/9/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Nguồn lấy mẫu: **Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mã kỹ hiệu mẫu: **Ống thoát khí thải của hệ thống tách dầu và hệ thống nò bệt nhôm (22090701- KT6)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)
				KT6				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(m³)	m³/h	US EPA method 2	5130	5255	5262	5216	-
2	Bụi ^(tổng)	mg/Nm³	TCVN 5977:2009	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	180
3	NO _x tính theo NO ₂ ^(tổng)	mg/Nm³	TCVN 7172:2002	KPH MDL=9	KPH MDL=9	KPH MDL=9	KPH MDL=9	765
4	SO ₂ ^(tổng)	mg/Nm³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^(tổng)	mg/Nm³	TCVN 7242:2003	KPH MDL=11	KPH MDL=11	KPH MDL=11	KPH MDL=11	900



KHÔNG CÒN GIẤY TỜ MẪU BÀN LẤY CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC MẪU MẸO GIẤY ĐÓNG
 NGUYỄN VĂN HỮU KIỆP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN SẢN PHẨM
 THỜI GIAN MẪU THỬ: 07/9/2022. CẤP ĐỘ CHÍNH XÁC: MỨC TỐI ĐƯỢC. THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA MẪU VÀ KẾT
 QUẢ: ĐƯỢC CHỤP ĐĂNG KÝ VÀ ĐĂNG KÝ TẠI TRUNG TÂM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG.

BM01-TT18-KQT402

Trang 1/2



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028 3724 5728 Fax: 028 3724 5925
Email : analysis.en.vi@gmail.com

VIMCERTS 068



Số: 22.295/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Ngày lấy mẫu: **07/9/2022**

Loại mẫu: **Nước thải**

Người lấy mẫu: **Văn Hiếu**

Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011**

Số lượng: **01 mẫu**

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom chung của Khu chế xuất (22090701-NP1)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCC Linh Trung I
1	pH ^(pH)	-	7,60	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ^(N_T)	mg/L	7,9	TCVN 6638:2000	60
3	Tổng Photpho ^(P_T)	mg/L	2,91	SMEWW 4500P-R&D:2017	6
4	Amoni ^(NH₄⁺) (định theo Nitơ)	mg/L	KPH MDL=0,5	SMEWW 4500NH ₃ -B&C 2017	10
5	Clorua ^(Cl⁻)	mg/L	155	SMEWW 4500.CLB:2017	405
6	Sulfua ^(S²⁻)	mg/L	KPH MDL=0,02	SMEWW 4500.S2-C&D:2017	0,162
7	Florua ^(F⁻)	mg/L	KPH MDL=0,209	SMEWW 4500F-B&D:2017	4,05
8	Đồng ^(Cu)	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	1,62
9	Niken ^(Ni)	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	0,162
10	Crom VI ^(Cr^{VI})	mg/L	KPH YDL=0,008	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,0405
11	Crom III ^(Cr^{III})	mg/L	<0,027	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,162
12	Tổng Phenol ^(Phenol)	mg/L	KPH MDL=3,011	TCVN 6216:1996	0,081



Kết quả phân tích này chỉ có giá trị cho các chỉ tiêu được liệt kê trong bảng.
Tên của khách hàng được ghi trên báo cáo phân tích này để phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc.
Tất cả các kết quả phân tích này chỉ có giá trị cho các chỉ tiêu được liệt kê trong bảng.
Không được sao chép, tái sử dụng hoặc phân phối lại các chỉ tiêu không được liệt kê trong bảng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Định, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028.3724 5728 Fax: 028.3724 5933
Email: trung.yss.enz.viet@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.295/8

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 4
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Ngày lấy mẫu: 07/9/2022
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 50:2013/BTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Kim loại phế liệu dĩnh dũa (22090702-CT1)
Tọa độ: 10⁰52'16.83" N; 106⁰46'00.53" E

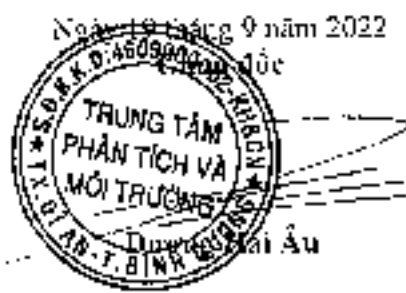
STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			9125	10135	14115	Trung bình	
1	Tổng dầu ^(g/kg)	mg/kg	88,5	92,4	98,4	93,1	EPA Method 9071B
2	Phân khê I	-	0,996	0,998	0,997	0,997	-
QCVN07:2009/BTNMT Ngưỡng CTNH Hàm lượng tuyệt đối Htc		mg/kg	996,2	998,1	997,2	-	-

Ghi chú:

- (1) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068);
- (2) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Số qui định giá trị: chỉ tiêu xác định các chất ô nhiễm có giá trị
Tín cậy, tin cậy tổng được ghi theo yêu cầu trên đây với mức độ tin cậy 95%
Tổ chức này đã tuân thủ quy trình kiểm soát chất lượng, kết quả của các phòng thí nghiệm này chỉ có thể được chấp nhận khi được chấp thuận bởi các cơ quan chức năng có thẩm quyền.



Số: 22.17.12

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: ar.zlysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/6/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi măng-chuyển xi măng Crom (22060705-KT1)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	21560	22450	22475	22162	-
2	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH MDI=4,9	KPH MDI=4,9	KPH MDI=4,9	KPH MDI=4,9	45

Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)

^(b) Phép thử được BaA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/6/2015.

- K_p : Vì 20.000 < P ≤ 100.000m³/h nên K_p = 0,9

- K_v : Số số vàng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Kết quả chỉ có giá trị nếu được thể hiện do đơn vị thử nghiệm phân tích.
Tất cả các chi phí phân tích đều được ghi rõ chi tiết trong báo cáo phân tích.
Kết quả phân tích chỉ có giá trị khi có mặt đầy đủ các điều kiện thử nghiệm.
Thời gian chờ kết quả phân tích thông thường là 03 ngày làm việc kể từ ngày lấy mẫu.
Chúng tôi xin cảm ơn quý khách đã tin tưởng và hợp tác với Trung Tâm Phân Tích và Môi Trường.



Số: 02525/2022/PIEQ (KT.206.0999)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị IPH nghiên cứu : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
 Đơn vị được thử nghiệm : Trung tâm phân tích và Môi trường
 Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
 Loại mẫu : Khí thải - Ngày nhập mẫu : 13/05/2022
 Tên mẫu/Vị trí : 458.KT005/KT1.2_Ống thoát khí thải sau xử lý của HTXL khí thải xi măng chuyên xi măng Cromi có 4 nhà máy 4_Công ty TNHH Sài Gòn Preclon

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Axít Sulfuric (HCl)	mg/Nm ³	US EPA Method 20A	KPII (HCl) = 0,11

Ghi chú:

- KPII: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp, LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Tải tích khí có khác, hàng cung cấp

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Thị Hạnh

Nguyễn Thị Thanh Thủy



1/ Mọi quy trình kiểm định, phân tích, cấp chứng nhận, cấp giấy chứng nhận và cấp chứng chỉ đều phải tuân thủ quy trình của phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Kỹ thuật Môi trường và Chất lượng. 2/ Mọi quy trình kiểm định, phân tích, cấp chứng nhận, cấp giấy chứng nhận và cấp chứng chỉ đều phải tuân thủ quy trình của phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Kỹ thuật Môi trường và Chất lượng. 3/ Mọi quy trình kiểm định, phân tích, cấp chứng nhận, cấp giấy chứng nhận và cấp chứng chỉ đều phải tuân thủ quy trình của phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Kỹ thuật Môi trường và Chất lượng.

VNPT là đơn vị được cấp chứng chỉ và giấy chứng nhận.



Số: 22.171/4

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xu Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.pmv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/6/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiến, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi măng - chuyển xi măng và các loại má khác (22060705- KT2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K _v -1;K _p =0,9)
				KT2				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng (q)	m ³ /h	US EPA method 2	32520	21457	24510	22829	-
2	H ₂ SO ₄ (p)	mg/Nm ³	US EPA method 3	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	45

+ Ghi chú:

(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)

(b) Phép thử được Bộ A công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

- K_v : Vì 30.000 < P ≤ 100.000m³/h nên K_v = 0,9

- K_p : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 14 tháng 6 năm 2022



Đặng Hải Âu

Kết quả chỉ có giá trị khi mẫu được phân tích đúng theo quy trình của phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm. Mọi chi tiết xin liên hệ phòng thí nghiệm.



Số: 02528/2022/PKQ (KT2206.0102)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
 Đơn vị được thử nghiệm: Trang làm phân tích và Môi trường
 Địa chỉ: Số 1, Xã Mỹ Thuận Sơn, An Hòa, DT An, Hòa Dương
 Loại mẫu: Khí thải; Ngày nhận mẫu: 13/06/2022
 Tên mẫu/ty: 458.KT008/KT2.2_Ông thoát khí thải sau xử lý của IITXL khí thải vì mg chuyên vị mg Niken và các loại mg khác của nhà máy 4_Công ty TNHH Sài Gòn Precision

II. KẾT QUẢ

TT	Tên công số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Asin (mg/m ³ khô)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (LCD=0.1)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LCD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Tải lượng khí do khách hàng cung cấp

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Huyền

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Trần Thị Huyền

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2022



Bùi Ngọc Khoa

- Mọi quyền thuộc về phòng thử nghiệm này. Mọi quyền tái sản xuất hoặc sao chép bất kỳ nội dung nào của báo cáo này mà không được sự đồng ý trước của Phòng thử nghiệm này đều bị nghiêm cấm.
- Phòng thử nghiệm này không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ kết quả nào.
- Mọi quyền thuộc về Phòng thử nghiệm này. Mọi quyền tái sản xuất hoặc sao chép bất kỳ nội dung nào của báo cáo này mà không được sự đồng ý trước của Phòng thử nghiệm này đều bị nghiêm cấm.
- Trang này chỉ là bản tóm tắt, để biết chi tiết xin liên hệ phòng thử nghiệm này.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 068

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.cae.vn@gmail.com

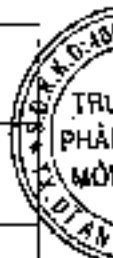


VILAS 457

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/6/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Vân Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ô-gi thoát khí thải lò hơi số 1 (22060705- K13)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN (9:2009)/BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)
				K13				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng (l/s)	m ³ /h	US EPA method 2	1153	1243	1265	1235	.
2	Bụi (m ³ /h)	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	4,8	5,3	4,7	4,9	180
3	NO _x tính theo NO ₂ (m ³ /h)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	73,7	63,6	81,3	74,3	765
4	SO ₂ (m ³ /h)	mg/Nm ³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO (l/s)	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	58,5	92,4	77,2	86,0	900



Một số chỉ số ghi trong mẫu được ghi dựa trên các tài liệu tham khảo.
 Tên mẫu, số thoát khí được ghi theo tài liệu của khách hàng.
 Các giá trị mẫu chỉ ghi là số nguyên, và chỉ ghi kết quả là số nguyên, bao gồm đơn vị tính toán.
 Các giá trị mẫu được ghi dựa trên tài liệu tham khảo của khách hàng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, DK An, Bình Dương
 Điện thoại : 028 3724 5728 Fax: 028, 3724 5923
 Email : analysis.cmv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068

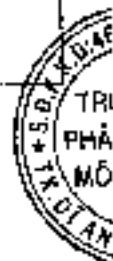


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/6/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hữu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát khí (tái buồng sản xuất xi măng) (22060705- KT5)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KTS					
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình		
1	Lưu lượng ^(m³)	m³/h	US EPA method 2	6742	7056	7215	7004	-	-
2	Hơi ^(m³)	mg/Nm³	TCVN 5977:2009	<4,2	<4,2	<4,2	<4,2	180	-
3	Xylen ^(m³)	mg/Nm³	US EPA method 18	9,11	6,78	9,12	8,34	-	870
4	Toluen ^(m³)	mg/Nm³	US EPA method 18	8,70	9,50	7,44	8,55	-	750



Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm này.
 Tên địa chỉ và kỹ thuật thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm này.
 Mọi yêu cầu, thắc mắc, khiếu nại xin liên hệ: analysis.cmv.vn@gmail.com hoặc số điện thoại: 028 3724 5728.
 Mọi chi tiết xin liên hệ: www.analysis.cmv.vn

BM01-IT1:8-KQTN02

Trang 1/2



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại : 028. 3724 3328 Fax: 028. 3724 3933
 Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068**VILAS 457**

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **07/6/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Võn Hiếu, Văn Tuấn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Ông thoát: khí thải của hệ thống rạch đều và hệ thống nổ bộ: nhỡm (22060705- KT6)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)
				KT6				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(m³)	m³/s	US EPA method 2	5120	5240	5210	5190	
2	Bụi ^(tổng)	mg/Nm³	TCVN 5977:2009	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	180
3	NO _x (tính theo NO ₂) ^(tổng)	mg/Nm³	TCVN 7172:2002	KPH MDL=9	KPH MDL=9	KPH MDL=9	KPH MDL=9	765
4	SO ₂ ^(tổng)	mg/Nm³	JIS K4103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^(tổng)	mg/Nm³	TCVN 7242:2003	KPH MDL=11	KPH MDL=11	KPH MDL=11	KPH MDL=11	900



Kết quả phân tích chỉ có giá trị khi được kiểm tra đúng quy trình.
 Tên của thí nghiệm được ghi trên các tài liệu thí nghiệm được cấp.
 Các giá trị số đo này là trung bình của ba lần đo. Các giá trị không thể so sánh với kết quả
 được đo bởi các phòng thí nghiệm khác không có chứng chỉ tương đương của Viện CAE.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax : 028. 3724 5933
Email : analysis.ctrv.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.17/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Ngày lấy mẫu: **07/6/2022**

Loại mẫu: **Nước thải**

Người lấy mẫu: **Vân Liễu**

Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6563-3:2016,TCVN 8880:2011**

Số lượng: **01 mẫu**

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải tại hồ ga dầu nối với hệ thống thu gom chung của Khu chế xuất (22060705-NT1)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCC Linh Trung
1	pH ^(pH)	-	7,10	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nitơ ^(NO_3)	mg/L	<3	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^(PO_4)	mg/L	0,62	SMEWW 4500P-B&D:2017	6
4	Amoni ^(NH_4) (tính theo Nitơ)	mg/L	KPH MDL=0,5	SMEWW 4500NH ₄ -D&C:2017	10
5	Clorua ^(Cl^-)	mg/L	345	SMEWW 4500 Cl.B:2017	405
6	Sulfua ^(S^{2-})	mg/L	KPH VDL=0,02	SMEWW 4500 S2-C&D:2017	0,162
7	Florua ^(F^-)	mg/L	KPH MDL=0,209	SMEWW 4500F-B&D:2017	4,05
8	Đồng ^(Cu)	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	1,62
9	Niken ^(Ni)	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	0,162
10	Crom VI ^(Cr^{6+})	mg/L	KPH MDL=0,008	SMEWW 3500 Cr B:2017	0,0405
11	Crom III ^(Cr^{3+})	mg/L	<0,027	SMEWW 3500 Cr B:2017	0,162
12	Tổng Phenol ^(m)	mg/L	KPH MDL=0,911	TCVN 6216:1996	0,081

Kết quả được ghi lại trong mẫu báo cáo và các tài liệu liên quan khác. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm Phân tích & Môi trường. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm Phân tích & Môi trường. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm Phân tích & Môi trường. Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm Phân tích & Môi trường.

BM01-TT12-KQTN/02

Trang 1/2



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5953
Email: analysis.env.vn@ptmvi.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.171/8

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Địa điểm lấy mẫu: NHÀ MÁY 4
Địa chỉ: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Ngày lấy mẫu: 07/5/2022
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 50:2013/BTNMT
Tên mẫu, ký hiệu mẫu: Thép phế liệu dính dầu (22060706-CT1)
Tọa độ: 10°52'16.83" N; 106°46'00.53" E

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			13h00	14h30	16h00	Trung bình	
1	Tổng dầu ^(a)	mg/kg	95,7	85,0	79,5	86,7	EPA Method 9071B
2	Phân bố I	-	0,994	0,998	0,993	0,995	-
QCVN07:2009/BTNMT Ngưỡng CTNH Hàm lượng tuyệt đối Hc		mg/kg	994,3	998,1	993,4	-	-

+ Ghi chú:

- (a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- (b) Phép thử được BoA công nhận (VILAS 457)

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 11 tháng 6 năm 2022

Tên đốc



Đương Hải Âu

Kết quả chỉ đúng khi các điều kiện (nếu có) đã được quy định rõ ràng.
Tất cả các kết quả thử nghiệm được ghi trong báo cáo của các dự án của chúng tôi.
Thời gian lưu mẫu: 30 ngày kể từ ngày thí nghiệm kết thúc, miễn phí (chỉ tính thêm chi phí lưu trữ nếu cần).
Kết quả được xem xét lại miễn phí, hoặc theo yêu cầu chi phí. Mọi chi tiết xin liên hệ: CAE



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã 15 Tháng Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5943
Email : analysis@vvn@gmail.com

VIMCERTS 068



Số: 22.049.2

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: L& 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: L& 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
 Ngày lấy mẫu: 25/02/2022
 Loại mẫu: Khí thải
 Người lấy mẫu: Văn Hiến, Thái Sơn, Văn Bằng
 Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm
 Số lượng: 01
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải vì mạ-các-bon xi mạ Crom (22022501-KT1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
				KT1				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /đ	US EPA method 2	23435	24442	26170	24682	-
2	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	45

+ Ghi chú:

^(a) Phép thử được Bộ TN&MT chứng nhận (VIMCERTS 068);

^(b) Phép thử được BQA công nhận (VILAS 457)

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kim loại, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.
- K_p : hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
 $17.20.500 < P < 100.000m^3/h$ nên K_p = 0,9
- K_v : hệ số vùng.

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm

Ngày 04 tháng 03 năm 2022



Trần Thị Mỹ Duyên

Các kết quả của phòng thí nghiệm chỉ là thông tin để tham khảo và không có giá trị pháp lý, nếu khách hàng cần có kết quả pháp lý cần phải có giấy chứng nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Mọi chi tiết xin liên hệ: 028. 3724 5728 hoặc qua địa chỉ email: analysis@vvn@gmail.com. Phòng Thí Nghiệm và Dịch Vụ Khách Hàng: 028. 3724 5943. Mọi chi tiết xin liên hệ: 028. 3724 5943.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Thừng Thượng, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : ucazysls.en.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



Số: 22.049.3

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **25/02/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Thái Sơn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ông thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải xi ma - chuyển xi mạ Ni và các loại mạ khác (22022501- KT2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kv=1;Kp=0,9)
				KT2				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	22515	23546	21507	22522	-
2	H ₂ SO ₄ ^(b)	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	KPH MDL=4,9	45

Ghi chú:

^(a) *Phương pháp thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)*

^(b) *Phương pháp thử được BGA công nhận (VILAS 457)*

KPH: không phát hiện, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Cột B: Quy định nồng độ của Bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

*- K_p: hệ số theo lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất
Và 25.000 < P ≤ 100.000 m³/h nên K_p = 0,9*

- K_v: hệ số vùng.

Ngày 04 tháng 03 năm 2022

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



915 Nguyễn Duy Tân

Kết quả của cơ sở phân tích này chỉ có giá trị cho mục đích của chúng tôi ghi tại đây.
Tất cả các thành phần của kết quả phân tích này chỉ có giá trị cho mục đích của chúng tôi.
Mọi được phép tái phân tích của khách hàng chỉ được thực hiện nếu có sự đồng ý trước của chúng tôi.
Thời hạn bảo hành là 03 tháng kể từ ngày phân tích. Mọi chi tiết xin liên hệ: Văn phòng, hoặc bộ phận tiếp nhận mẫu và vận chuyển.
Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin khách hàng và không chia sẻ thông tin này cho bất kỳ ai khác.



Số: 22.049.4

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 3933
Email : analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 467

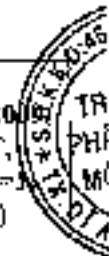
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **25/02/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Thái Sơn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ông thoát khí thải lò hơi số 1

(22022501-K13)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009 BTNMT, cột B (Kv=1) Kp=0.9
				K13				
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Tổng lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA method 2	1265	1170	1355	1263	-
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	4,6	4,3	4,5	4,5	180
3	NO _x tính theo NO ₂ ^{(a),(b)}	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	82,5	94,6	87,3	88,1	765
4	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 7342:2003	71,2	87,6	78,8	79,2	900



Kết quả chỉ có giá trị khi các điều kiện thử nghiệm đúng theo quy trình thí nghiệm.
 Đơn vị: mg/m³ (nếu không ghi rõ) hoặc theo quy định của pháp luật.
 Thời gian có hiệu lực: 06 tháng kể từ ngày cấp kết quả (nếu mẫu thử ổn định).
 Các điều kiện thử nghiệm khác theo quy định của pháp luật và các quy định của Bộ Công Thương và các cơ quan chức năng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.049.5

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.

Ngày lấy mẫu: 25/02/2022

Loại mẫu: Khí thải

Người lấy mẫu: Văn Hiền, Thái Sơn, Văn Bằng

Phương pháp lấy mẫu: Theo phương pháp thử nghiệm

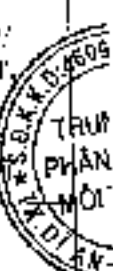
Số lượng: 01

Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ống thoát khí thải lò hơi số 2

(2022501-KT4)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT cột B (Kv=1, Kp=0,5)
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình	
1	Lưu lượng ^(m³)	m³/h	US EPA method 2	1260	1417	1175	1284	
2	Bụi ^(m³)	mg/Nm³	TCVN 5977:2009	4,8	5,7	5,0	5,2	180
3	NO _x tính theo NO ₂ ^(m³)	mg/Nm³	TCVN 7172:2002	128,6	134,5	115,8	126,3	765
4	SO ₂ ^(m³)	mg/Nm³	JIS K0103:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450
5	CO ^(m³)	mg/Nm³	TCVN 7242:2003	64,5	75,6	68,7	69,6	900



Nội dung của báo cáo này chỉ có giá trị đối với các dữ liệu ghi nhận tại thời điểm lấy mẫu.
 Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm Phân tích & Môi trường để được tư vấn chi tiết.
 Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm Phân tích & Môi trường để được tư vấn chi tiết.
 Mọi chi tiết xin liên hệ Trung tâm Phân tích & Môi trường để được tư vấn chi tiết.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.env.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



Số: 22.049.6

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **25/02/2022**
 Loại mẫu: **Khí thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiếu, Thái Sơn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp thử nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ông thoát khí thải buồng sơn xưởng xi mạ (2022501- KTS)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/DTNMT, cột B (Kv=1; Kp=0,9)	QCVN 20:2018/DTNMT
				KTS					
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình		
1	Lưu lượng ^(m³)	m³/h	US EPA method 2	6878	7143	7462	7161	-	-
2	Bụi ^(tổng)	mg/Nm³	TCVN 5977:2009	<4,2	<4,2	<4,2	<4,2	180	-
3	Xylen ^(tổng)	mg/Nm³	US EPA method 18	8,42	6,57	7,26	7,41	-	870
4	Toluen ^(tổng)	mg/Nm³	US EPA method 18	8,27	9,64	10,12	9,34	-	750

Kết quả phân tích này chỉ có giá trị đối với các mẫu đã ghi ở đây.
 Tên mẫu, địa điểm lấy mẫu, được ghi theo yêu cầu của quy trình lấy mẫu đã ghi ở đây.
 Phòng phân tích: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ mẫu để phân tích, trừ trường hợp khẩn cấp.
 Khiếu nại: Chỉ có thể khiếu nại trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được kết quả phân tích.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 068

Địa chỉ : Số 1, Xã Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : analysis.env.vn@gmail.com



Số: 22.049.7

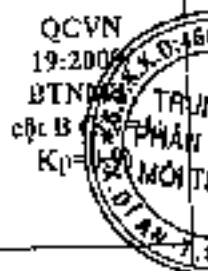
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 457

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCX Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **25/02/2022**
 Loại mẫu: **Khi thải**
 Người lấy mẫu: **Văn Hiền, Thái Sơn, Văn Bằng**
 Phương pháp lấy mẫu: **Theo phương pháp của nghiệm**
 Số lượng: **01**
 Tên mẫu/ký hiệu mẫu:

Ông (bà) khí thải của hệ thống tách dầu và hệ thống nổ bột nhôm (22022501- KT6)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				Trung bình	QCVN 19:2009 BTN 19:2009 cột B Kp=1,5
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	KT6		
1	Lưu lượng (l/s)	m ³ /s	US EPA method 2	5052	5164	5217	5144		
2	Bụi (l/s)	mg/Nm ³	TCVN 5977:2009	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	KPH MDL=1,4	180	
3	NO _x tính theo NO ₂ (l/s)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	KPH MDL=9	KPH MDL=9	KPH MDL=9	KPH MDL=9	765	
4	SO ₂ (l/s)	mg/Nm ³	QCVN 6:2011	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	KPH MDL=7,5	450	
5	CO (l/s)	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	KPH MDL=11	KPH MDL=11	KPH MDL=11	KPH MDL=11	900	





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1, Xa Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email: analysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.049.1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**

Địa chỉ: **Lô 5,6,9,10,11,12,13 KCC Sài Gòn - Linh Trung, P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp HCM.**

Ngày lấy mẫu: **25/02/2022**

Loại mẫu: **Nước thải**

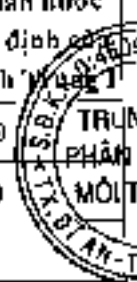
Người lấy mẫu: **Vân Hiếu**

Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-1:2011,TCVN 5999:1995,TCVN 6663-3:2016,TCVN 8880:2011**

Số lượng: **01 mẫu**

Tên mẫu/ký hiệu mẫu: **Nước thải tại hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom chung của Khu chế xuất (22022501.-NTI)**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn nước thải quy định của KCC Linh Trung
1	pH ^{(a)(b)}	.	7,65	TCVN 6492:2011	5-9
2	Tổng Nito ^{(a)(b)}	mg/L	<1	TCVN 6638-2000	60
3	Tổng Photpho ^{(a)(b)}	mg/L	0,42	SMEWW 4500P-B&D-2017	6
4	Amoni (tính theo Nito) ^{(a)(b)}	mg/L	KPH MDL=0,5	SMEWW 4500NH ₃ -B&C-2017	10
5	Clorua ^(a)	mg/L	199	SMEWW 4500.Cl.B:2017	405
6	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH MDL=0,02	SMEWW 4500.S2-C&D-2017	0,162
7	Florua ^(a)	mg/L	KPH MDL=0,209	SMEWW 4500F-B&D:2017	4,05
8	Đồng ^(a)	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111.B:2017	1,62
9	Niken ^{(a)(b)}	mg/L	KPH MDL=0,03	SMEWW 3111B:2017	0,162
10	Crom VI ^(a)	mg/L	KPH MDL=0,608	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,0405
11	Crom III ^(a)	mg/L	<0,027	SMEWW 3500.Cr B:2017	0,162
12	Tổng Phenol ^(a)	mg/L	KPH MDL=0,011	TCVN 6216:1996	0,081



Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu được gửi đến đúng địa chỉ, thời gian gửi mẫu đúng yêu cầu, đủ khối lượng để phân tích. Mọi chi tiết xin liên hệ trung tâm phân tích. Thời gian làm việc: 15 ngày trước ngày lấy kết quả để việc mua mẫu, vận chuyển mẫu, thời gian trong trường hợp khẩn cấp, chi phí vận chuyển, phân tích và báo cáo. Mọi chi tiết xin liên hệ trung tâm phân tích. Mọi chi tiết xin liên hệ trung tâm phân tích CAE.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ : Số 1, Xa lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại : 028. 3724 5728 Fax: 028. 3724 5933
Email : zanalysis.cae.vn@gmail.com

VIMCERTS 068



VILAS 457

Số: 22.049.8

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**
 Địa chỉ: **Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.**
 Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY 4**
 Địa chỉ: **Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13 KCX Sài Gòn – Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.**
 Ngày lấy mẫu: **25/02/2022**
 Phương pháp lấy mẫu: **TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-13:2004; QCVN 50:2013/BTNMT**
 Tên mẫu, ký hiệu mẫu: **Thép phế liệu đầu đầu (22022501-CT1)**
 Tọa độ: **10⁰52'16.83" N; 106⁰46'00.53" E**

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm
			9h45	11h45	13h45	Trung bình	
1	Tổng dầu ^(a)	mg/kg	145,9	187,1	196,3	176,4	EPA Method 9071B
2	Phần khô T	-	0,990	0,992	0,991	0,991	-
QCVN07:2009 /BTNMT Ngưỡng CTNH		mg/kg	990,5	992,4	991,5	-	-
Hàm lượng tuyệt đối Htc							

+ Ghi chú:

- (a): Phép thử được Bộ TNMT chứng nhận (VIMCERTS 068)
- (b): Phép thử được BoA công nhận (VILAS 457)

Ngày 04 tháng 03 năm 2022

Phụ trách phòng thí nghiệm

Nguyễn Thị Hồng Diễm



Trưởng phòng
Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
MÔI TRƯỜNG

Trần Thị Mỹ Duyên
Số 1, Xa Lộ Trường Sơn, An Bình, Dĩ An, Bình Dương

Kết quả phân tích này chỉ có giá trị khi được đọc kèm theo báo cáo phân tích.
Tất cả các kết quả phân tích đều dựa trên sự tin cậy của thiết bị và quy trình.
Thư phân tích này là tài liệu nội bộ và không được sử dụng để làm bằng chứng pháp lý.
Không được sao chép hoặc phân phối lại mà không có sự đồng ý trước của CAE.

Phụ lục 8

BẢN SAO

- **Nhà máy 1:** Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 3374/GXN-BQL của Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh phê duyệt ngày 23/11/2016; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.000379.T cấp lần 7 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 08 năm 2015.
- **Nhà máy 2:** Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3737/QĐ-BQL ngày 31/10/2017 của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh và các văn bản liên quan đến nội dung thay đổi so với ĐTM; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 3529/GXN-BQL, ngày 19/08/2019 của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh; Văn bản xác nhận đầu nối thoát nước số 272/CV.LT.2023 ngày 23/10/2023 của Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam); Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.000054.T cấp lần 5 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ngày 02/06/2015.

- **Nhà máy 3:** Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 912/GXN-BQL của Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh phê duyệt ngày 16/03/2018; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.003108.T cấp lần 6 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ngày 31/08/2015.

- **Nhà máy 4:** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các linh kiện cơ khí chế tạo máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống tự động hóa công suất 2.821,2 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Sài Gòn Precision số 421/QĐ-BQL của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2015 và các văn bản liên quan đến xác nhận thay đổi nội dung ĐTM; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2948/GXN-BQL của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2016; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.005606.T cấp lần 1 của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ngày 20/10/2015.

- **Văn bản xác nhận đầu nối thoát nước:** cho 03 nhà máy (nhà máy 1; 3; 4) số 262/CV.LT.2023 ngày 12/10/2023 của Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam).

Số: 3374 /QXN-BQL

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) xác nhận Công ty TNHH Sài Gòn Precision đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Tăng công suất nhà máy sản xuất vòng bi, trục vít bi, bộ truyền động và các chi tiết liên hệ từ 571,74 tấn sản phẩm/năm lên 912,11 tấn sản phẩm/năm" tại lô 15, 17, 19a, đường số 2, Khu chế xuất Sài Gòn – Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức tại Ban Quản lý vào ngày 15 tháng 11 năm 2016.

Công ty TNHH Sài Gòn Precision có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Sài Gòn Precision như sau:

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án phải được thu gom, tách rời với hệ thống thoát nước mưa, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải và đầu nối đúng quy định của Khu chế xuất Sài Gòn – Linh Trung;

- Đảm bảo thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

**CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)**

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung I: P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 08 38962 354-356 - Fax: 08 38962 350

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung II: P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 08 37291 283-284 - Fax: 08 37291 289

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung III: An Tịnh - Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh
ĐT: 066 3896 600-601 - Fax: 066 38966 391

www.linhtrungsep.com



Số: 44./CV.LT. 2020

Tp. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION

Về việc: *Tần suất và thông số quan trắc nước thải định kỳ của các Nhà máy tại KCX Linh Trung I*

Căn cứ:

- Điểm c Khoản 20 Điều 3 của Nghị định 45/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi bổ sung Điều 39 của Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015;
- Văn bản số 619/BQL-MT ngày 10/3/2020 vụ thực hiện Báo cáo công tác môi trường theo Thông tư số 23/2019/TT-BTNMT;
- Nội dung hồ sơ pháp lý môi trường hiện hành của các Nhà máy


Sepzone - Linh Trung kính đề nghị đến quý công ty tần suất và thông số quan trắc nước thải định kỳ của các Nhà máy như sau:

- Đối với Nhà máy 1 và 3: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt và bếp ăn qua xử lý sơ bộ tại Trạm xử lý nước thải cục bộ của mỗi Nhà máy nên thông số quan trắc đề nghị là pH, Amoni, Tổng Nitơ và Tổng Phốt pho với tần suất 6 tháng/lần tại vị trí bể ga nước thải tập trung của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCX Linh Trung I;
- Đối với Nhà máy 4: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt và xi mạ qua xử lý sơ bộ tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt và Trạm xử lý nước thải xi mạ nên thông số quan trắc đề nghị là pH, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Phenol, Sulfua, Florua, Crom III, Crom VI, Đồng, Niken và Clova với tần suất 3 tháng/lần tại vị trí nước thải được đầu nối vào Hồ ga đầu nối của KCX Linh Trung I.

Ngoài ra, Sepzone - Linh Trung kính đề nghị quý công ty thông báo bằng văn bản cho chúng tôi trước khi hoạt động xi mạ của nhà máy có sự thay đổi về hóa chất sản xuất hoặc nhà máy phát sinh nguồn nước thải có tính chất khác.

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào tính chất nước thải thực tế từ mỗi Nhà máy.

Trân trọng,


TRẦN THIÊN TRUNG

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: P. HC, P. MT - VHCSHT

**CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)**

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung I: P.Linh Trung, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

ĐT: 028 38962 354-356 – Fax: 028 38962 350

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung II: P.Bình Chiểu, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

ĐT: 028 37291 283-284 – Fax: 028 37291 289

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung III: An Tỉnh, Trảng Bàng, Tây Ninh

ĐT: 0276 3896 600-601 – Fax: 0276 3896 391

www.linhtrungsepz.com

Số: 252/CV.LT.2023

TP.HCM, ngày 12 tháng 10 năm 2023

Về xác nhận đầu nối thoát nước

Kính gửi: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION

Căn cứ:

- Công văn số SPC 01-CV-09/2023 ngày 27/9/2023 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision về việc đề nghị xác nhận đầu nối thoát nước;
- Kết quả kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải và nước mưa tại các Nhà máy của Công ty TNHH Sài Gòn Precision ngày 10/10/2023.

Qua đối chiếu giữa bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể thoát nước tại Nhà máy 1, Nhà máy 3, Nhà máy 4 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision (sau đây gọi tắt là Công ty) và kết quả kiểm tra thực tế, Sepzone – Linh Trung xác nhận:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải Nhà máy 1, Nhà máy 3, Nhà máy 4 của Công ty tại Khu Chế xuất Linh Trung 1, phường Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM đã được thiết kế, thi công riêng biệt và đầu nối đúng quy định vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Khu Chế xuất Linh Trung 1 tại các vị trí như sau:

- Vị trí đầu nối nước thải:
 - + Nhà máy 1: 01 điểm là SPC-NT-1 (đường D)
 - + Nhà máy 3: 01 điểm là SPC-NT-3 (đường 1)
 - + Nhà máy 4: 01 điểm là SPC-NT-4 (đường 1)
- Vị trí đầu nối nước mưa:
 - + Nhà máy 1: 02 điểm là SPC-NM-1.1, SPC-NM-1.2 (đường D)
 - + Nhà máy 3: 01 điểm là SPC-NM-3 (đường 1)
 - + Nhà máy 4: 02 điểm là SPC-NM-4.1 (đường D), SPC-NM-4.2 (đường 1)

Kính đề nghị Công ty trong quá trình hoạt động cần thực hiện tốt công tác vận hành, thường xuyên kiểm tra, duy tu hệ thống thoát nước nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố (nếu có). Tuyệt đối không để lẫn nước thải vào hệ thống thoát nước mưa hoặc ngược lại. Đảm bảo việc thoát nước được ổn định và đúng vị trí đầu nối đã xác nhận như trên.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: P.HC, P.MT-VIICSIH.

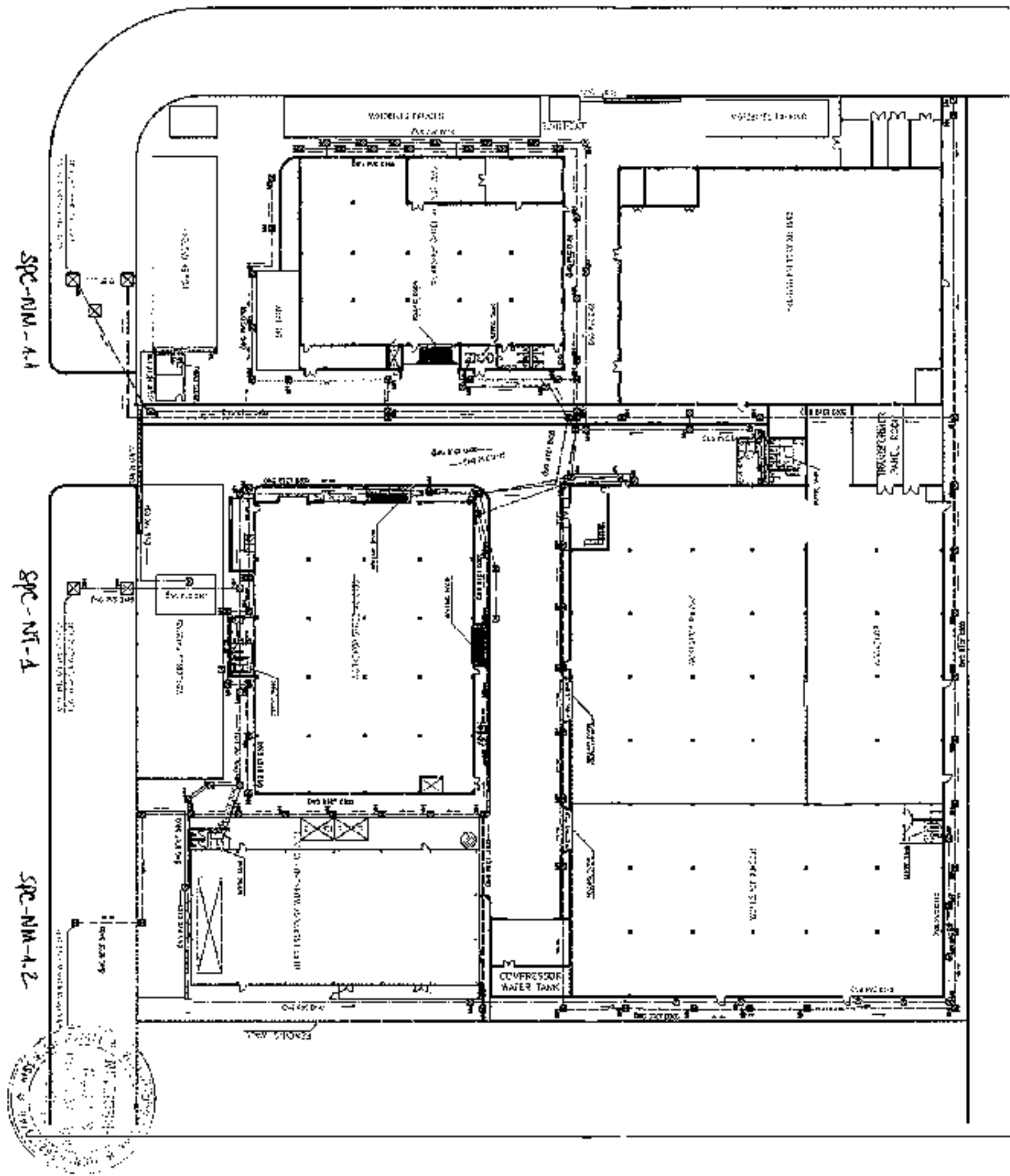
Đính kèm:

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước của Công ty TNHH Sài Gòn Precision.



Trần Thiện Trung

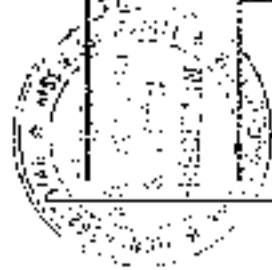
Kiểm tra cơ sở/ CU.LT. 2023 ngày 12/10/2023
[Handwritten signature]



SPC-NM-A.1

SPC-NI-A

SPC-NM-A.2



CHỈ CHỮ:
- - - - - ỐNG NƯỚC MƯA HIỆN HỮU
- - - - - ỐNG NƯỚC THẢI HIỆN HỮU & SẠM MỚI

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2015

SỐ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH 79.000379.T
(Cấp lần 7)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

Tên: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Lô 15, 17 và 19a, đường số 2, KCX Sài Gòn - Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38974 387

Fax: (84-8) 38974613

Email: xuanhung@spelt.com.vn

Tài khoản số: 0181370005007

Tại: Ngân hàng Vietcombank

Giấy chứng nhận đầu tư số 412043000272, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 03/11/2014 do Ban quản lý các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

IV. Điều khoản thi hành:

Số đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Số đăng ký có mã số QLCTNH: 79.000379.T cấp lần 6 ngày 02 tháng 4 năm 2015.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sài Gòn Precision;
 - Lưu VT; P. QLCTR (2b).
- Đợt thảo: Tuyến.



PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 79.000379.T do
Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 7, ngày 31 tháng 3 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ cơ sở: Lô 15, 17 và 19a, đường số 2, KCX Sài Gòn - Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38974 387

Fax: (84-8) 38974613

Giấy chứng nhận đầu tư số 412043000272, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 03/11/2014 do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Loại hình hoạt động: cơ khí

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giặt lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	80.242	18 02 01
2	Bao bì mềm thái (rác giấy và rác nhựa mềm nhiễm dầu hoặc nhiễm hóa chất)	Rắn	73.620	18 01 01
3	Các vật liệu mài dạng hạt thái có thành phần nguy hại (cát, bột mài,...)	Rắn	43.800	07 03 08
4	Pin, ắc quy thái	Rắn	258	16 01 12
5	Hộp mực in thái có các thành phần nguy hại	Rắn	396	08 02 04
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thái	Rắn	196	16 01 06
7	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải nhiễm dầu)	Lỏng	206.600	19 03 01
8	Dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thái	Lỏng	12.400	17 02 03
9	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ: đá mài, giấy ráp...)	Rắn	3.363	07 03 10
10	Phoi từ quá trình gia công tại lĩnh hoặc vật liệu mài ra lần đầu, nhũ trong hay hưng dịnh thái có dầu hoặc các thành	Rắn	417.404	07 03 11

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
	phần nguy hại khác (thép, nhôm, đồng phế liệu dính dầu, phoi kim loại dính dầu)			
11	Bao bì cứng thái bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rộng hoàn toàn	Rắn	19.810	18 01 02
12	Các thiết bị, linh kiện điện tử thái hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	Rắn	42	16 01 13
13	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải (than hoạt tính ngâm dầu khoáng)	Rắn	10	12 01 04
14	Bùn thái có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý sinh học nước thải sinh hoạt	Bùn	5.120	12 06 05
15	Gỗ thái có các thành phần nguy hại	Rắn	62	16-01 14
	Tổng số lượng		863.328	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Gỗ vụn	Rắn	34.617
2	Nhựa thái	Rắn	14.946
3	Giấy carton	Rắn	31.951
4	Sắt, nhôm, đồng, inox phế liệu không dính dầu	Rắn	3.407
5	Đá mài phế liệu	Rắn	200
6	Rác thải sinh hoạt	Rắn	65.490
7	Rác thải công nghiệp (que hàn; nút xốp; kính bể; cao su; quần áo vải đã qua sử dụng; găng tay cao su; găng tay vải, khẩu trang không dính hóa chất hay dính dầu)	Rắn	39.600
	Tổng số lượng		190.211

4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở:
(không có)

5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số QLCTNH: 79.000379.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 7 ngày 31 tháng 8 năm 2015...") được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

15/08/2015

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3737 /QĐ-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Sài Gòn Precision tại khu chế xuất Linh Trung II



**TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Thực hiện Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) và Quyết định số 6380/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trong các khu chế xuất và khu công nghiệp;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Sài Gòn Precision họp ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại Ban Quản lý;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 20-10/SGP-DTM ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm” được lập bởi Công ty TNHH Sài Gòn Precision (viết tắt là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.1. Phạm vi dự án: Lô 84, 85, 86B và 49, đường A, khu chế xuất Linh Trung II, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Quy mô, công suất dự án: sản xuất linh kiện cơ khí chính xác với tổng công suất 19.235.969 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý ô nhiễm trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, quy định về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại.

2.2. Đảm bảo thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

2.3. Đảm bảo tách rời toàn bộ hệ thống thoát nước mưa, nước thải và thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án. Cụ thể như sau:

- Tách rời toàn bộ hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đấu nối đúng quy định vào hệ thống thoát nước của khu chế xuất.

- Toàn bộ nước thải phải được thu gom và xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của khu chế xuất trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung.

2.4. Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định. Đối với các loại chất thải nguy hại phải được đăng ký, khai báo, phân loại, thu gom, lưu trữ và chuyển giao theo đúng nội dung Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.5. Lập kế hoạch phòng ngừa và phương án ứng cứu sự cố cháy nổ. Đảm bảo phương tiện và nhân lực để thực hiện các giải pháp phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường, sự cố rò rỉ hóa chất.

2.6. Thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.7. Bố trí nhân sự thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung về bảo vệ môi trường khác đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ban Quản lý.

Điều 3. Quyết định này thay thế Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 2931/GXN-BQL ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Ban Quản lý cấp.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm" là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Ủy nhiệm Phòng Quản lý môi trường của Ban Quản lý thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực tài hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sài Gòn Precision;
- Bộ TN&MT;
- UBND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở TN&MT;
- Chi cục BVMT;
- UBND quận Thủ Đức;
- UBND phường Bình Chiểu;
- Cty TNHH Sepzone – Liên Trung (VN);
- Lưu: VI. P.QLMT(10).

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hoàng Năng



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 560 /BQL-QUMT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 2 năm 2018

V/v thay đổi nội dung trong báo cáo đánh giá
tác động môi trường.

Kính gửi: Công ty TNHH Sài Gòn Precision

Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Ban Quản lý) nhận được Văn bản số 01-01.18SPC/CV-GA-L12 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision (sau đây viết tắt là Công ty) về việc giải trình một số điểm thay đổi trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm" tại Lô 84, 85, 86B và 49, đường A, khu chế xuất Linh Trung II, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi xem xét, Ban Quản lý có ý kiến như sau:

Ban Quản lý chấp thuận phương án thay đổi theo nội dung giải trình tại Văn bản số 01-01.18SPC/CV-GA-L12 nêu trên, cụ thể như sau:

1. Phương án xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (120 m³/ngày đêm) thay thế hệ thống cũ (100 m³/ngày đêm) của Xưởng A;
2. Phương án mở rộng kho vật liệu tại Lô 86B từ 1.000 m² lên thành 1.564 m²; đồng thời tháo dỡ kho nòa chất và kho dầu hiện hữu tại Lô 86B, chuyển qua lưu trữ tại kho dầu và hòa chất mới tại xưởng C Lô 49

Công văn này là một bộ phận không tách rời với Quyết định số 3737/QĐ-BQL ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Ban Quản lý về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Sài Gòn Precision tại khu chế xuất Linh Trung II.

Nơi nhận: *lưu*
• Như trên;
• Lưu: VT, P.QUMT(03).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Hoàng Năng



SAIGON PRECISION CO., LTD
 a MISUMI Group Company
 Linh Trung Export Processing Zone, HCMC
 Tel: 38.974.387 Fax: 38.974.633

QUẢN LÝ CÁC KOC & CN TP.HCM

ĐẾN
 Số:
 Ngày: 20/01/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nr: 01-01.18SPC/CV-GA-LT2

Chuyển: *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018*

V/v: Giải trình một số điểm thay đổi trong ĐTM dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác"

Kính gửi: Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.Hồ Chí Minh

Căn cứ vào:

- Bản báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác".
- Quyết định số 3737/QĐ-BQL, ngày 31.10.2017 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm".
- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Chúng tôi xin được giải trình một số điểm thay đổi so với nội dung ĐTM đã được phê duyệt như sau:

1. Liên quan đến hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của xưởng A:

- Do hệ thống cũ phát sinh mùi hôi và hiệu quả xử lý đang dần bị suy giảm, đồng thời đối ứng với việc chuẩn bị cho nhân viên của nhà máy mới 2C qua ăm tại nhà ăn của xưởng A. Nên công ty chúng tôi quyết định xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (120m³/ngày đêm) âm dưới mặt đất tại vị trí mới thay thế hệ thống cũ (100m³/ngày đêm) của xưởng A. Trong quá trình xây dựng hệ thống mới thì hệ thống cũ vẫn hoạt động bình thường, đến khi hệ thống mới hoàn thành và kết nối vào hệ thống thu gom nước thải trong nhà máy chúng tôi mới cho hệ thống cũ ngưng hoạt động và tiến hành tháo dỡ.
- Thời gian xây dựng dự kiến trong 5 tháng từ tháng 4/2018 đến 9/2018, bao gồm: thời gian xây dựng 3 tháng từ 4/2018 đến 7/2018, sau đó vận hành thử nghiệm, chỉnh sửa hệ thống, đào tạo vận hành trong 2 tháng kế tiếp từ 8/2018 đến 9/2018
- Đồng thời hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của xưởng B (52m³/ngày đêm) và xưởng C (60m³/ngày đêm) vẫn giữ nguyên, vận hành bình thường không thay đổi.

Hệ thống xử lý nước thải	Phương án theo ĐTM	Phương án mới
Xưởng A	100m ³ /ngày đêm	120m ³ /ngày đêm
Xưởng B	52m ³ /ngày đêm	Không thay đổi
Xưởng C	60m ³ /ngày đêm	Không thay đổi

- Vui lòng tham khảo phần đính kèm về phương án xây dựng và thuyết minh công nghệ xử lý của hệ thống mới

2. Liên quan đến kho vật liệu tại lô 86B:

- Do nhu cầu mở rộng sản xuất và chuẩn bị thêm khu vực lưu trữ vật liệu cho xưởng C, công ty chúng tôi quyết định mở rộng nhà kho từ 1.000m² lên thành 1.564m²
- Thời gian xây dựng dự kiến trong 5 tháng từ tháng 2/2018 đến 7/2018
- Đồng thời chúng tôi sẽ tháo dỡ kho hóa chất và kho dầu hiện hữu tại lô 86B, chuyển qua lưu trữ tại kho dầu và hộp chất mới tại xưởng C lô 49.

	Kho chứa	Phương án theo ĐTM	Phương án mới
1	Vật liệu	Lô 86B 1.000m ²	Lô 86B 1.564m ²
2	Hóa chất	Lô 86B	Xưởng C lô 49
3	Dầu	Lô 86B	Xưởng C lô 49

- Vui lòng tham khảo các bản vẽ đính kèm

Rất mong nhận được sự xem xét và chấp thuận của Ban quản lý. Chúng tôi chân thành cảm ơn và mong sớm nhận được phản hồi của Quý vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (Tổng vụ SPC-LT2).

Đại diện công ty Saigon Precision



YAMAUCHI MASAHITO

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ

CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 3367/UBND-NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2018

V/v nội dung thay đổi so với ĐTM đã phê duyệt.

Kính gửi: Công ty TNHH Sài Gòn Precision.

Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) nhận được Văn bản số 04-07.18/CV-GA-LT2 ngày 27/8/2018 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision (viết tắt là Công ty) về việc giải trình một số điểm thay đổi trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm" tại Lô 84, 85, 86B và 49, Đường A, khu chế xuất Linh Trung 2, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi xem xét, Ban Quản lý có ý kiến như sau:

Ban Quản lý chấp thuận phương án thay đổi theo nội dung giải trình tại Văn bản 04-07.18/CV-GA-LT2 nêu trên, cụ thể như sau:

1. Phương án xây dựng bổ sung 01 kho dầu kể bên kho vật liệu tại lô 86B với diện tích $(24,6 \times 4) = 98,4 \text{ m}^2$.
2. Trong quá trình hoạt động, Công ty phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất và phòng cháy chữa cháy.

Văn bản này là bộ phận không tách rời của Quyết định số 3737/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017 do Ban Quản lý phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm" của Công ty TNHH Sài Gòn Precision tại khu chế xuất Linh Trung 2.

Nơi nhận: *L*
- Như trên;
- Sếpzone Linh Trung;
- Lưu: VT, P.QLMT(04).



Nguyễn Bạch Hoàng Phụng



SAIGON PRECISION CO., LTD

* MISUMI Group Company

Linh Trung Export Processing Zone, HANGUAY LÝ CÁC KỶ & CN TP.HCM

Tel: 38.974.387

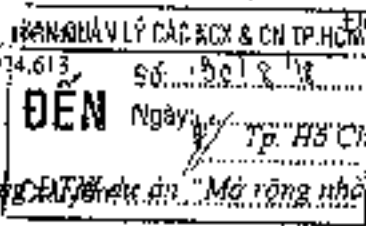
Fax: 38.974.613

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nr: 04-07.18SPC/CV-GA-LT2

V/v: Giải trình một số điểm thay đổi trong DTM dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác"



Kính gửi: Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.Hồ Chí Minh

Căn cứ vào:

- Bản báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác".
- Quyết định số 3737/QĐ-BQL ngày 31.10.2017 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm".
- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Chúng tôi xin được giải trình một số điểm thay đổi so với nội dung DTM đã được phê duyệt như sau:

1. Liên quan đến kho vật liệu tại lô 86B:
 - Do nhu cầu mở rộng sản xuất và chuẩn bị thêm khu vực lưu trữ dầu cho xưởng C, công ty chúng tôi quyết định làm thêm 1 kho dầu kế bên kho vật liệu tại lô 86B với diện tích $(24,6 \times 4) = 98,4m^2$
 - Thời gian xây dựng dự kiến trong 5 tháng từ tháng 8/2018 đến 12/2018

	Kho chứa	Phương án theo DTM	Phương án mới
1	Dầu	Không có	Lô 86B $98,4m^2$

- Vui lòng tham khảo các bản vẽ đính kèm

Rất mong nhận được sự xem xét và chấp thuận của Ban quản lý. Chúng tôi chân thành cảm ơn và mong sớm nhận được phản hồi của Quý vị.

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (Tổng vụ SPC-LT2).



MASAHITO YAMAUCHI



SAIGON PRECISION CO., LTD
 a MISUMI Group Company
 Linh Trung Export Processing Zone, HCMC
 Tel: 38.974.387 Fax: 38.974.613

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

No: 02-10.18SPC/CV-GA-LT2

Tp Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2018

SAN DUAN LY CAC KHU & CN TP.HCM

ĐẾN Số:
 Ngày: 28/10/2018
 Q. Quận
 Chuyển Căn cứ vào:

gửi: Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.Hồ Chí Minh
 Giải trình một số điểm thay đổi trong ĐTM dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác"

- Bản báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác".
- Quyết định số 3737/QĐ-BQL ngày 31.10.2017 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm".
- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Chúng tôi xin được giải trình một số điểm thay đổi so với nội dung ĐTM đã được phê duyệt như sau:

- Phòng nhuộm đen được chuyển từ nhà xưởng A qua nhà xưởng C.
- Xây mới nhà chứa gas để phục vụ cho đặt bể bình khí propan sử dụng cho lò tôi thấm carbon

	Phương án theo ĐTM	Phương án mới
Phòng nhuộm đen	Nhà xưởng A 25m ²	Nhà xưởng C 39,025m ²
Nhà chứa gas	Không có	Nhà xưởng C 1,9m ²

- Vui lòng tham khảo bản vẽ đính kèm

Rất mong nhận được sự xem xét và chấp thuận của Ban quản lý. Chúng tôi chân thành cảm ơn và mong sớm nhận được phản hồi của Quý vị.

Trân trọng /.

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - Lưu (Tổng vụ SPC-LT2).

Dại diện công ty Saigon Precision

YAMAUCHI MASAHIKO



SAIGON PRECISION CO., LTD
 a MISUMI Group Company
 Linh Trung Export Processing Zone, HCMC
 Tel: 38.974.387 Fax: 38.974.613

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

No: 01-12.18SPC/CV-GA-LT2

ĐẾN Ông: Lê Văn Bình
 Ông: Lê Văn Bình
 Ông: Lê Văn Bình
 Ông: Lê Văn Bình

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.Hồ Chí Minh

V/v: Giải trình một số điểm thay đổi trong ĐTM dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác" tại nhà máy 2 KCC Linh Trung II

Căn cứ vào:

- Bản báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác".
- Quyết định số 3737/QĐ-BQL ngày 31.10.2017 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm".
- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Chúng tôi xin được giải trình một số điểm thay đổi so với nội dung ĐTM đã được phê duyệt như sau:

1. Phòng nhuộm đen (39.025m²):

- Phòng nhuộm đen sẽ được chuyển từ nhà xưởng A qua nhà xưởng C.
- Phòng nhuộm đen hiện tại đặt ở xưởng A đã được đăng ký trong ĐTM với diện tích 25m².
- Phòng nhuộm đen mới đặt ở xưởng C được xây mới với diện tích 39,025m², đồng thời chúng tôi xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt cho phòng nhuộm đen theo bản vẽ đính kèm.
- Nước thải phòng nhuộm đen phát sinh tại các công đoạn sẽ được thu gom về các hố thu riêng biệt, sau đó được bơm vào các tank chứa 1m³ và chúng tôi sẽ chuyển giao cho nhà thầu xử lý chất thải Huệ Phương xử lý theo như cam kết trong ĐTM.

2. Nhà chứa gas (1,9m²):

- Nhà chứa gas mới đặt ở xưởng C được xây mới với diện tích 1,9m², có mái tôn che bên trên, vách bằng lưới B40. Có thể chứa được 2-4 bình gas 45kg.
- Nhằm phục vụ cho đặt để bình khí propan sử dụng cho lò tôi thấm carbon
- Khối lượng sử dụng tối đa 90kg/tháng

	Phương án theo ĐTM	Phương án mới
Phòng nhuộm đen	Nhà xưởng A 25m ²	Nhà xưởng C 39,025m ²
Nhà chứa gas	Không có	Nhà xưởng C 1,9m ²

- Vui lòng tham khảo bản vẽ đính kèm



Rất mong nhận được sự xem xét và chấp thuận của Ban quản lý. Chúng tôi chân thành cảm ơn và mong sớm nhận được phản hồi của Quý vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (Tổng vụ SPC-L12).

Đại diện công ty Saigon Precision



KEISUKE MOCHIZUKI

Công ty TNHH Sài Gòn Precision
KCX Sài Gòn – Linh Trung, Thủ Đức
ĐT: (028) 37242466 - Fax: (028) 37240721
Số: SPC 01-CV-02/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2024
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HCM

CÔNG VĂN

(V/v Đề nghị hướng dẫn thực hiện thủ tục pháp lý môi trường) Số: 9-02-2024
cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision) Số và Ký Hiệu HS:

Kính gửi: Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Sài Gòn Precision (viết tắt: Công ty)
Địa chỉ văn phòng: Lô 5,6,9,10,11,12,13, KCX Sài Gòn – Linh Trung, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3724 2466 Fax: (028) 3724 0721

Công ty đang trong giai đoạn thực hiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho tất cả dự án của Công ty TNHH Sài Gòn Precision, trình lên Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (viết tắt: Hepza) để được thẩm định và cấp giấy phép môi trường.

Để đảm bảo Công ty đã và đang chấp hành yêu cầu pháp luật về công tác bảo vệ môi trường trước khi nộp báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đến Hepza. Chúng tôi đã đọc lại nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, nội dung báo cáo xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đã được Hepza phê duyệt, và kiểm tra hiện trạng thực tế tất cả hạng mục công trình của tất cả dự án.

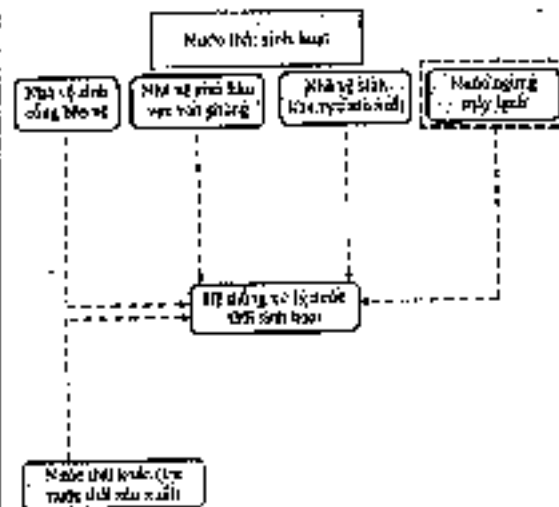
Qua kết quả kiểm tra, chúng tôi thấy được một vài sự khác biệt giữa thực tế tại nhà máy 2 (địa điểm cơ sở: Lô 84, 85, 86B và 49, Đường A, Khu chế xuất Linh Trung II) so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo quyết định số 3737/QĐ-BQL ngày 31/10/2017) và nội dung báo cáo xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (theo giấy xác nhận số 3529/GXN-BQL ngày 19/08/2019 của Hepza).

Do đó, công ty chúng tôi viết văn bản này, trình đến Hepza để xin được điều chỉnh các nội dung được nêu bên dưới:

STT	Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường	Hiện trạng thực tế, nội dung xin được điều chỉnh
1	<ul style="list-style-type: none">Theo nội dung của ĐTM đã được Hepza phê duyệt vào ngày 31/10/2017: Không mô tả nước ngưng máy lạnh.Theo nội dung báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường đã được Hepza xác nhận vào ngày 19/08/2019: Hình 2.3 (trang 18) Sơ đồ quản lý và xử lý nước thải của nhà máy có mô tả "nước ngưng máy lạnh" thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên tại mục 2.1.2 từ trang 19 đến trang 35 mô tả nguồn nước thải sinh	<ul style="list-style-type: none">Thực tế: Nhà máy kết nối đường ống thoát nước ngưng máy lạnh vào nướn thu gom, thoát nước mưa.Cơ sở pháp lý:<ul style="list-style-type: none">Căn cứ vào Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải có quy định "Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường".

1/4

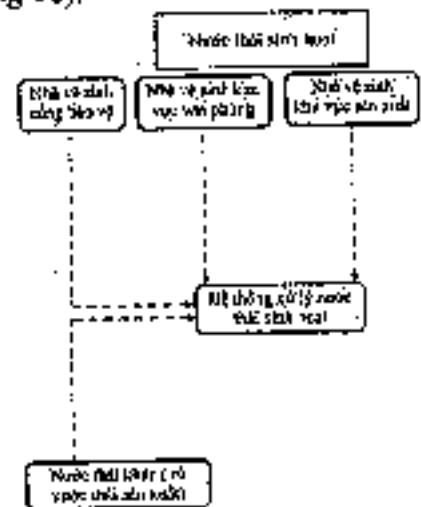
hoạt phát sinh bao gồm nước thải nhà ăn, nước thải rửa tay chân và vệ sinh của công nhân viên (không đề cập đến nước ngưng máy lạnh).



+ Căn cứ vào văn bản số 192/BQL-KCN-HCM-QLMT ngày 31/08/2012 của Hepza về việc hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường cho Công ty TNHH Sài Gòn Precision. Nội dung hướng dẫn "đối với nước ngưng từ hệ thống điều hòa không khí và lò hơi (không phải nước xả đáy lò), công ty có thể thu gom vào hồ sơ nước mưa".

- Lý do khác biệt giữa thực tế và nội dung báo cáo thực hiện công trình bảo vệ môi trường: Công ty đã kiểm tra không kỹ càng về nội dung sau khi đơn vị tư vấn viết nội dung báo cáo.

→ Nội dung xin điều chỉnh: Bổ cập từ "nước ngưng máy lạnh" ra khỏi hình 2.3 (trang 18).



2 - Theo nội dung của ĐTM đã được Hepza phê duyệt vào ngày 31/10/2017: Tại điểm a.6 mục 4.1.2.1 (trang 137; 138; 139) mô tả công đoạn nhuộm sản phẩm (sử dụng dung dịch HCl nồng độ 5%, muối kiềm) bố trí tại nhà xưởng hiện hữu A+B, không đầu tư bổ sung công đoạn này ở xưởng C xây mới.
 - Theo nội dung báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường đã được Hepza xác nhận vào ngày 19/08/2019: Tại mục 2.2.1 (trang 40; 41) về công trình xử lý bụi, khí thải có mô tả "Xưởng C không có công đoạn nhuộm sản phẩm nên không phát sinh hơi axit".

- Thực tế: Công ty đã xây dựng phòng nhuộm mới tại Xưởng C vào tháng 01/2019 và đi đời công đoạn nhuộm sản phẩm từ xưởng A+B sang phòng nhuộm này. Quy trình công đoạn nhuộm, hóa chất sử dụng, số lượng ống xả thải và chương trình quan trắc hơi HCl không thay đổi so với ĐTM. Công ty tuân thủ thực hiện quan trắc hơi HCl định kỳ 3 tháng/lần.
 - Cơ sở pháp lý: Giấy phép xây dựng số 03/GPXD-GE2 ngày 08/01/2019 của Hepza cấp.
 - Lý do khác biệt giữa thực tế và nội dung báo cáo thực hiện công trình bảo vệ môi trường: Công ty đã bỏ sót cập nhật vị trí phòng nhuộm ở Xưởng C vào nội dung của báo cáo kết quả thực hiện

	<p>công trình bảo vệ môi trường trước khi nộp đến Hepza để được xác nhận. → Nội dung xin điều chỉnh: Bổ trí phòng nhuộm sản phẩm tại Xưởng C (bỏ công đoạn nhuộm sản phẩm tại xưởng A+B).</p>
<p>3 - Theo nội dung của ĐTM đã được Hepza phê duyệt vào ngày 31/10/2017: Không có mô tả hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt (lò ram và tôi). - Theo nội dung báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường đã được Hepza xác nhận vào ngày 19/08/2019: Không có mô tả hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt (lò ram và tôi).</p>	<p>- Thực tế: Công ty đã lắp đặt hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt (lò ram và tôi) tại Xưởng B vào tháng 10/2020. Quy trình xử lý mùi có trong hơi của thiết bị xử lý nhiệt: Hơi phát sinh khi thiết bị xử lý nhiệt hút chân không trước khi bắt đầu chu trình vận hành (tần suất hút chân không khoảng 3,5 đến 4,0 giờ/lần/thiết bị) → Ống thu gom hơi (02 ống bằng thép, D168) → Quạt hút hơi vào tháp xử lý nhiệt và tách dầu → Tháp hấp thụ sử dụng Nước, hóa chất BR4-C15 (hơi bay từ phía dưới lên trên → qua lớp khung tách dầu → qua lớp than hoạt tính lọc mùi → qua lớp Cooling pad lọc khói thứ nhất → qua lớp Cooling pad lọc khói thứ hai) → Hơi sau xử lý thoát ra môi trường. Tham khảo bản vẽ chi tiết tổng thể của hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt nộp kèm theo công văn này. → Nội dung xin điều chỉnh: Bổ sung hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt (lò ram và tôi) tại Xưởng B như đã nêu trên.</p>

Đồng thời, Công ty đã kiểm tra về mảng xanh của tất cả nhà máy để so sánh với bản vẽ đã được Hepza cấp giấy phép xây dựng. Qua kiểm tra, chúng tôi thấy một vài vị trí tại nhà máy 3 (lô 1, 2, 3, 4, KCX Sài Gòn - Linh Trung) có tình trạng như bên dưới:

- Bản vẽ hoàn công theo giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 06/01/2011: Có 03 vị trí thể hiện là sỏi hoặc đường bê tông (tham khảo bản vẽ mặt bằng tổng thể G-01 đính kèm).

- Bản vẽ theo giấy phép xây dựng số 37/GPXD ngày 09/04/2018: 03 vị trí nêu trên và vị trí 4 được thể hiện là cây xanh thảm cỏ (tham khảo bản vẽ mặt bằng tổng thể A-006 đính kèm).

- Thực tế:

+ Vị trí 1: Công ty đã sử dụng một phần để làm khu vực hút thuốc cho công nhân viên vào năm 2011, một phần nhỏ đã làm phòng inverter cho hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà vào tháng 01/2024, phần còn lại sử dụng trồng cỏ.

- Vị trí 2: Khi xây dựng nhà máy, Công ty đã làm đường bê tông như bản vẽ theo giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 06/01/2011.

+ **Vị trí 3:** Vị trí này là cầu thang thoát hiểm cho công nhân viên làm việc ở tầng 1 thoát ra ngoài khi có xảy ra sự cố hỏa hoạn. Do đó, Công ty đã làm đường bê tông thay thế cho sỏi như bản vẽ theo giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 06/01/2011.

+ **Vị trí 4:** Theo bản vẽ A-006 khu vực này thể hiện là cỏ. Tuy nhiên khi hoàn tất xây dựng, nhà thầu xây dựng đã bố trí sỏi ở khu vực này.

Để đáp ứng yêu cầu về mảng xanh theo quy định, Công ty đã tìm các khu vực trồng cỏ bổ sung (các vị trí tô màu xanh lá như bản vẽ A-006 đính kèm).

Công ty cam kết nội dung được trình bày ở trên là đúng sự thật, và chịu trách nhiệm về nội dung này.

Công ty TNHH Sài Gòn Precision trình văn bản này đến Ban quản lý để được hướng dẫn về thủ tục pháp lý môi trường cho các nội dung đã trình bày ở trên.

Rất mong được Ban quản lý quan tâm, hỗ trợ cho Công ty trong công tác bảo vệ môi trường.

Người lập



NGUYỄN XUÂN HÙNG

Chủ tịch công ty



SHIMOMURA YOSHIFUMI

Số: 3529/GXN-BQL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và
tăng công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969
sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Sài Gòn Precision.

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án:

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Sài Gòn Precision

Địa điểm văn phòng: Lô 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, Khu chế xuất Sài Gòn –
Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa điểm hoạt động: Lô 84, 85, 49 đường A và Lô 86b đường số 2, khu chế xuất
Linh Trung II, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4362173748, chứng nhận lần đầu
ngày 26 tháng 12 năm 1994, chứng nhận thay đổi lần thứ mười ba ngày
26 tháng 6 năm 2019. Nơi cấp: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp
Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3737/QĐ-BQL
ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp
Thành phố Hồ Chí Minh.

Công văn số 560/BQL-QLMT ngày 06 tháng 2 năm 2018 của Ban Quản lý các
Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh về việc thay đổi nội dung
trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành
của dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác và tăng
công suất sản xuất từ 10.467.580 sản phẩm/năm lên 19.235.969 sản phẩm/năm”;
đã hoàn thành việc lắp đặt dây chuyền sản xuất và các công trình biện pháp bảo
vệ môi trường tương ứng.

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sài Gòn Precision;
- UBND thành phố;
- Chi cục BVMT;
- UBND quận Thủ Đức;
- Công ty TNHH Sepzone Linh Trung (Việt Nam);
- Lưu VT, P.QLMT, T/H (08).



Nguyễn Hoàng Năng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 35.29.../GKN-BQL ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh).

1. Công trình xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:

Đã xây dựng mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt cho toàn bộ dự án và đấu nối vào hệ thống thu gom Khu chế xuất Linh Trung II (Theo Hợp đồng đấu nối và xử lý nước thải số 17.15A/HĐLT.2018/N1/DNSX ngày 01/01/2018), cụ thể:

- Hệ thống thoát nước mưa;

+ Nước mưa từ mái nhà xưởng và các công trình được thu gom bằng máng xô và sử dụng ống nhựa Ø140 để đưa xuống đất và dẫn vào các hố ga.

+ Dọc các nhà xưởng bố trí các đường cống thoát nước bê tông cốt thép (BTCT) Ø300-500 để thu gom nước mưa trên đường giao thông và nước mưa từ mái nhà xưởng.

+ Nước mưa chảy tràn từ các tuyến nhánh được đấu nối vào 04 tuyến ống chính bằng BTCT chịu lực Ø500.

+ Các vị trí đấu nối nước mưa vào hệ thống thu gom nước mưa Khu chế xuất Linh Trung II gồm: 03 vị trí trên đường số 2 và 02 vị trí trên đường A;

- Hệ thống thu gom nước thải của Công ty được xây dựng như sau:

+ Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại); nước thải nhà ăn sau bể tách dầu (Xưởng A); nước thải khu vực vệ sinh, nước thải rửa tay: Thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung tại mỗi xưởng để xử lý;

+ Nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn bằng 01 đường ống riêng đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Linh Trung II tại 02 vị trí: trên đường 2 và đường A.

1.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

1.2.1. Bể tự hoại:

Đã bố trí 04 bể tự hoại với tổng dung tích 45 m³ để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt (Xưởng A: 02 bể; Xưởng B: 01 bể và Xưởng C: 01 bể).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Xây dựng và đưa vào vận hành 03 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại các xưởng:

a. Xưởng A:

Công suất 120 m³/ngày, công suất thực tế vận hành 80 m³/ngày theo quy trình: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể hiếu khí FBR → Bể lắng lamen → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải Khu chế xuất Linh Trung II.

+ Bùn từ bể lắng → Bể tuần hoàn bùn → Bể chứa bùn → Hút định kỳ và chuyển giao cho đơn vị thu gom.

b. Xưởng B:

Công suất 52 m³/ngày, công suất thực tế vận hành 20 m³/ngày theo quy trình: Nước thải → Song chắn rác thô → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí tiếp xúc → Bể lắng → Hệ thống thu gom nước thải Khu chế xuất Linh Trung II.

+ Bùn từ bể lắng → Bể nén bùn → Bể phân hủy bùn → Hút định kỳ và chuyển giao cho đơn vị thu gom (Nước tách bùn dẫn về Song chắn rác thô).

c. Xưởng C:

Công suất 60 m³/ngày, công suất thực tế vận hành 30 m³/ngày theo quy trình:

+ Nước thải dòng 1: Nước rửa tay công nhân → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lọc MBR → Hệ thống thu gom nước thải Khu chế xuất Linh Trung II.

+ Nước thải dòng 2: Nước thải sinh hoạt sau Bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lọc MBR → Hệ thống thu gom nước thải Khu chế xuất Linh Trung II.

+ Bùn dư định kỳ được hút chuyển giao cho đơn vị thu gom.

d. Chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi của Khu chế xuất Linh Trung II.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải: Dự án đã lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải như sau:

a. Dự án có trang bị hệ thống xử lý khí thải là hơi axit thừa (HCl) từ công đoạn nhuộm sản phẩm tại xưởng A, B. Hơi axit thừa được thu gom bằng 02 chụp hút có kích thước 1 x 0,6 (m), ống hút có đường kính Ø250mm, thoát ra ngoài qua 01 ống khói cao 4,5m.

b. Máy phát điện: Trang bị 02 máy phát điện dự phòng công suất 1.000 KVA, khí thải phát tán qua ống khói cao 11,3m.

- c. Bụi kim loại: Các máy gia công cơ khí có hệ thống bơm và đường ống để cấp hỗn hợp dầu gia công đến tại vị trí tiếp xúc giữa nguyên liệu và bộ phận cắt, mài, phay hoặc tiện của máy. Bụi kim loại sinh ra sẽ theo hỗn hợp dầu đi vào ngăn chứa của máy. Hỗn hợp dầu sẽ được bơm lên và cung cấp tiếp tục cho các công đoạn gia công. Lượng bụi và vụn kim loại được thu gom đưa về kho chứa riêng và xử lý như dạng chất thải nguy hại.
- d. Hơi dầu khoáng từ các công đoạn gia công cơ khí: Các thiết bị sử dụng dầu gia công, dầu rửa, dầu chống mài mòn đều có bộ phận hút và xử lý hơi hợp chất hữu cơ đi kèm. Khi hơi hợp chất hữu cơ đi vào thiết bị này, sẽ ngưng tụ thành dạng lỏng và được thu hồi lại để tái sử dụng cho quá trình sản xuất. Phần hơi sẽ được qua lớp sợi bông để giữ lại phần hơi dầu còn lại và khí sạch thoát ra ngoài qua lớp sợi bông.
- e. Khí thải từ lò tôi chân không: Không có khí thải phát thải ra ngoài.
- f. Kết quả đo đặc khí thải tại các ống phát thải đều đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B (kp = 1, kv = 1).

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Đã thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, bố trí khu vực tập trung, trang bị các thiết bị lưu chứa theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
- b. Đối với chất thải rắn thông thường: đã bố trí khu vực lưu trữ, trang bị các thiết bị lưu chứa theo quy định, thực hiện phân loại chất thải rắn thông thường và hợp đồng chuyển giao các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.
- c. Đối với chất thải nguy hại: đã xây dựng khu vực lưu trữ chất thải nguy hại, lắp đặt biển báo, phân loại và dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định; Thực hiện đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.000054.T (cấp lần 5) ngày 02/6/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; Chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có Giấy phép Quản lý chất thải nguy hại xử lý.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- a. Công ty đã được Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh cấp văn bản số 5980/PCCC-P2 ngày 31/8/2016 về việc nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy đối với công trình cải tạo nhà xưởng A và văn bản số 2742/PCCC-P2 ngày 05/6/2018 về việc nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy đối với công trình nhà xưởng C.
- b. Công ty đã được Ban Quản lý cấp công văn số 3955/BQL-QIKD ngày 24/9/2018 thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành

hạng mục công trình, công trình xây dựng.

- c. Công ty đã được Sở Công Thương xác nhận Quyết định số 12122018/QĐ-01 ngày 12 tháng 12 năm 2018 ban hành biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất của Công ty TNHH Sài Gòn Precision (xác nhận ngày 17/12/2018).

5. Chương trình quan trắc môi trường:

Thực hiện theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3737/QĐ-BQL ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với công chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số: 3529.../GXN-BQL do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần. 01 ngày. 19 tháng 8 năm 2019.

7. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

**CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)**

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung I: P. Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

ĐT: 028 38962 354-355 - Fax: 028 38962 350

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung II: P. Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

ĐT: 028 37291 283-284 - Fax: 028 37291 289

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung III: An Tỉnh, Trảng Bàng, Tây Ninh

ĐT: 0276 3896 600-601 - Fax: 0276 3896 591

www.linhtrungsepz.com

Số: 272/CV.LT.2023

TP. HCM, ngày 23 tháng 10 năm 2023

Về xác nhận đầu nối thoát nước

Kính gửi CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION

Căn cứ:

- Công văn số SPC-01-CV-09/2023 ngày 27/9/2023 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision về việc đề nghị xác nhận đầu nối thoát nước;

Kết quả kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải và nước mưa tại Nhà máy 2 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision ngày 11/10/2023.

Qua đối chiếu giữa bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể thoát nước tại Nhà máy 2 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision (sau đây gọi tắt là Công ty) và kết quả kiểm tra thực tế, Sepzone - Linh Trung xác nhận:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải Nhà máy 2 của Công ty tại Khu Chế xuất Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM đã được thiết kế, thi công riêng biệt và cấu nối đúng quy định vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Khu Chế xuất Linh Trung 2 tại các vị trí như sau:

- Vị trí dẫn nối nước thải:

- Nhà máy 2: 02 điểm là SPC-NT-1, SPC-NT-2 (đường 2).

- Vị trí dẫn nối nước mưa:

- Nhà máy 2: 07 điểm là SPC-NM-1 (đường 2), SPC-NM-2 (đường 2), SPC-NM-3 (đường 2), SPC-NM-4 (đường A), SPC-NM-5 (đường 2), SPC-NM-6 (đường 2), SPC-NM-7 (đường A).

Kính đề nghị Công ty ương quá trình hoạt động cần tăng cường hiện tốt công tác vận hành, thường xuyên kiểm tra, duy tu hệ thống thoát nước nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố (nếu có). Tuyệt đối không để lẫn nước thải vào hệ thống thoát nước mưa hoặc ngược lại. Đảm bảo việc thoát nước được ổn định và đúng vị trí dẫn nối để xác nhận như trên.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P.HC, P.MT-VIICSHT.

Đính kèm:

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước của Công ty TNHH Sài Gòn Precision.

Giám Đốc *[Signature]*

Giám Đốc cũ

Trần Thiện Trung

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

Số: 3955/BQL-QHXD

V/v Thông báo kết quả kiểm tra công tác
nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình,
công trình xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH Sài Gòn Precision

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng của Công ty TNHH Sài Gòn Precision số SPC-1818 ngày 18/8/2018;

Ngày 31/8/2018, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố đã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với công trình xây dựng nhà xưởng C của Công ty TNHH Sài Gòn Precision.

Trên cơ sở báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình, công trình xây dựng số SPC-1818 ngày 18/8/2018 của Chủ đầu tư và báo cáo của các bên liên quan, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Thông tin chung về hạng mục công trình, công trình xây dựng:

1.1 Công trình: Nhà xưởng

- Tên công trình: Mở rộng nhà máy sản xuất linh kiện cơ khí chính xác.
- Địa điểm xây dựng: Lô 49, đường A, khu chế xuất Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Quy mô:

- Công trình số 1: Nhà xưởng
 - + Diện tích xây dựng tầng 1 : 3.570,78 m²
 - + Diện tích xây dựng tầng 2 : 3.614,78 m²
 - Tổng diện tích sàn xây dựng: 7.185,56 m²
 - Chiều cao công trình : 15,5m Số tầng: 02 tầng
 - + Cốt nền xây dựng : +1m so với tim đường nội bộ (đường A)



- Công trình số 2: Hầm lạng nổi (từ xưởng A qua xưởng C)
 - + Diện tích xây dựng tầng 1 : 29,45 m²
 - + Chiều cao công trình : 4 m Số tầng: 01 tầng
- Công trình số 3: Nhà bảo vệ
 - + Diện tích xây dựng tầng 1 : 13 m²
 - + Chiều cao công trình : 3,1m Số tầng: 01 tầng
 - Cốt nền xây dựng : +0,8m so với tim đường nội bộ (đường A)
- Công trình số 4: Nhà xe 02 bánh
 - Diện tích xây dựng tầng 1 : 246,93 m²
 - + Diện tích xây dựng tầng 2 : 246,93 m²
 - + Diện tích xây dựng ram dốc : 24,50 m²
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng : 518,36 m²
 - + Chiều cao công trình : 6 m Số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng : +0,75m so với tim đường nội bộ (đường A)
- Công trình số 5: Nhà chứa hóa chất nguy hiểm
 - + Diện tích xây dựng tầng 1 : 61,15 m²
 - + Chiều cao công trình : 5 m Số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng : -0,8m so với tim đường nội bộ (đường A)
- Bể nước ngầm
- Sân bãi và đường nội bộ.

1.3. Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III

1.4. Chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH Sài Gòn Precision.
- Giấy chứng nhận Đầu tư với mã số dự án 4362.173748 chứng nhận lần đầu ngày 26/12/1994; chứng nhận thay đổi lần thứ chín ngày 27/10/2017 do Ban Quản lý cấp.

1.5. Cơ sở pháp lý:

- Giấy phép xây dựng số 111/GPXD ngày 13/11/2017 và điều chỉnh giấy phép ngày 03/7/2018 do Ban Quản lý cấp;
- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án Nhà xưởng C- Công ty TNHH Sài Gòn Precision ngày 08/11/2017 do Ban Quản lý cấp;

- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình Nhà xưởng C- Công ty TNHH Sài Gòn Precision số 63/BQL-QHXD-TĐTK ngày 10/11/2017 do Ban Quản lý cấp.

1.6. Các tổ chức tham gia xây dựng:

a) Nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Liên hiệp Địa chất Công trình Xây dựng và Môi trường.

b) Nhà thầu thi công xây dựng:

- Công ty TNHH Xây dựng Việt Long.

c) Nhà thầu giám sát và quản lý dự án:

- Công ty TNHH Xây dựng Việt Long.

2. Hiện trạng chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng:

- Hiện trạng thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra: Đã hoàn thành thi công xây dựng tại thời điểm kiểm tra.

- Tình hình chất lượng hạng mục công trình xây dựng: kiểm tra hiện trường bằng trực quan nhận thấy kết cấu chính của công trình ổn định, không hiện tượng lún, nghiêng. Tại thời điểm và tại vị trí kiểm tra các hệ thống cơ điện, cấp thoát nước, PCCC hoạt động bình thường.

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật:

a. Về điều kiện năng lực của các chủ thể: các chủ thể tham gia xây dựng công trình cơ bản đáp ứng các yêu cầu về năng lực hoạt động theo quy định.

b. Sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng xây dựng công trình:

- Về hồ sơ chuẩn bị đầu tư xây dựng: Chủ đầu tư đã hoàn thành các thủ tục đầu tư.

- Về quy hoạch công trình được xây dựng trong khu chế xuất Linh Trung 2 phù hợp với Quyết định số 4040/QĐ-UBND ngày 20/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Quyết định chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu chế xuất Linh Trung 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Về hồ sơ khảo sát – thiết kế: Chủ đầu tư đã tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, báo cáo khảo sát, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình đã được Chủ đầu tư tổ chức, thẩm định theo quy định. Ban Quản lý thông báo kết quả thẩm định kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình số 63/BQL-QHXD-TĐTK ngày 10/11/2017. Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1518/TĐ-PCCC ngày 19/9/2017 và Công văn số 2384/PCCC-P2 ngày 16/5/2018 về việc thay đổi vị trí ram dốc, phòng để máy

bem PCCC khu vực nhà xe 2 bánh và thay đổi tường gạch bằng cửa sổ kính chèn và vách kính nhà xưởng C (sản xuất cơ khí).

- Về quản lý chất lượng thi công: Chủ đầu tư và các nhà thầu đã thiết lập hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng phù hợp để kiểm soát chất lượng công trình trong quá trình thi công xây dựng và hồ sơ quản lý chất lượng thi công công trình (bản vẽ hoàn công, các kết quả kiểm tra chất lượng vật tư - vật liệu, cấu kiện xây dựng, các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, v.v ..). Công tác tổ chức nghiệm thu được Chủ đầu tư và các bên liên quan thực hiện theo quy định Công trình đã được thi công xây dựng theo thiết kế được duyệt; Giấy phép xây dựng số 111/GPXD ngày 13/11/2017 và điều chỉnh giấy phép ngày 03/7/2018 do Ban Quản lý cấp; tuân thủ các quy định tại quy chuẩn xây dựng và các tiêu chuẩn áp dụng.

c. Sự tuân thủ các quy định khác có liên quan:

- Về an toàn phòng cháy, chữa cháy (PCCC): công trình đã được nghiệm thu hệ thống PCCC tại Công văn số 2742/PCCC-P2 ngày 05/6/2018 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh.

- Về kiểm định an toàn thiết bị lắp đặt vào công trình: thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Về công tác lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình: Chủ đầu tư đã tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình đúng trình tự theo danh mục quy định tại Phụ lục III, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng;

4. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư:

Lưu ý tổ chức thực hiện các việc theo ý kiến sau đây:

- Tổ chức quan trắc công trình theo quy định.


- Duy trì liên tục khả năng hoạt động của hệ thống phòng cháy và chữa cháy, thực hiện đầy đủ các yêu cầu về PCCC theo quy định và các yêu cầu tại Văn bản số 2742/PCCC-P2 ngày 05/6/2018 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố Hồ Chí Minh;


- Tổ chức thực hiện bảo hành, bảo trì công trình theo đúng quy định; lưu trữ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức, cá nhân tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình xác nhận khi nghiệm thu theo quy định Khoản 3 Điều 123 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

- Đề nghị Chủ Đầu tư tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình đúng trình tự theo danh mục quy định tại Phụ lục III, Thông tư 26/2016/TT-BXD

ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng; lập hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IV, Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng và tổ chức kiểm tra, bảo trì công trình theo quy định.

5. Kết luận: Chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với dự án Nhà xưởng C của Công ty TNHH Sài Gòn Precision để đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Trưởng Ban;
- Lưu: VT, P.QHXD, TKQ(3).

KI. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN


Nguyễn Xuân Thủy



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2015

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH 79.000054.T
(Cấp lần 5)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

Tên: **CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Lô 15, 17 và 19a, Đường số 2, KCX Sài Gòn – Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 38974387

Fax: (84-8) 38974613

E-mail: xuanhung@spclt.com.vn

Tài khoản số: 0181370005007

Tại: Ngân hàng Vietcombank

Giấy chứng nhận đầu tư số: 412043000272 cấp lần đầu ngày 26/12/1994 và đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 03/11/2014 do Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 79.000054.T, cấp lần 04, ngày 08 tháng 7 năm 2014.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sài Gòn Precision;

- Lưu VJ; P.QLCTR (2b).

Đư thảo: Giang



Nguyễn Văn Phước

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 79.900054.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 5, ngày 02 tháng 6 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại:***Cơ sở 1:****Tên: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ cơ sở: Lô 84-85, Đường A, Khu chế xuất Linh Trung II, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 37295533 Fax: (84-8) 37295532

E-mail: thuy.kieu@spelt.com.vn

Giấy chứng nhận đầu tư số: 412043000272 cấp lần đầu ngày 26/12/1994 và đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 03/11/2014 do Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp.

Loại hình hoạt động: Cơ khí

Cơ sở 2:*Tên: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**

Địa chỉ cơ sở: Lô 86b, Đường số 2, Khu chế xuất Linh Trung II, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 412043000272 cấp lần đầu ngày 26/12/1994 và đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 03/11/2014 do Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp.

Loại hình hoạt động: Kho chứa nguyên vật liệu

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:***Cơ sở 1:**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm: vật liệu lọc dầu chưa reuse tại các mã khác), giẻ lau bị nhiễm dầu, các thành phần nguy hại	Rắn	93.630	18 02 01
2	Các vật liệu dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài,...)	Rắn	69.580	07 03 08
3	Bao bì mềm thải (rác giấy và nhựa mềm nhiễm dầu hoặc nhiễm hóa chất)	Rắn	80.515	18 01 01
4	Bao bì cứng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo riêng hoàn toàn	Rắn	4.718	18 01 02

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	252	16 01 06
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	Rắn	344	16 01 13
7	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	472	08 02 04
8	Pin, ắc quy thải	Rắn	217	16 01 12
9	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	5.196	17 02 03
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	469.950	19 10 01
11	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	4.200	18 01 03
12	Dung dịch nước tẩy rửa có các thành phần nguy hại	Lỏng	29.900	07 01 06
13	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý sinh học nước thải sinh hoạt	Bùn	600	12 06 05
14	Vật thể cứng dễ mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	Rắn	8.748	07 03 10
15	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lên dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	690.960	07 03 11
16	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	2.780	12 06 06
Tổng số lượng			1.461.962	

*Cơ sở 2:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính chất	Rắn	6	16 01 06
Tổng số lượng			6	

2. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

*Cơ sở 1:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Gỗ vụn	Rắn	20.000
2	Giấy	Rắn	12.630
3	Nhựa thải	Rắn	3.145
4	Rác sinh hoạt	Rắn	150
Tổng số lượng			36.825

4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại tại 02 cơ sở:
(không có)

5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số QLCTNH: 79.000054.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 5 ngày 12 tháng 6 năm 2015...") được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp tại là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



Phụ lục 8

BẢN SAO

- 8.1. GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐ SỐ 912/GXN-BQL CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH PHÊ DUYỆT NGÀY 16/03/2018;**
- 8.2. VĂN BẢN XÁC NHẬN ĐẦU NÓI THOÁT NƯỚC SỐ 262/CV.LT.2023 NGÀY 12/10/2023 CỦA CÔNG TY TNHH SEPZONE – LINH TRUNG (VIỆT NAM);**
- 8.3. SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI, MÃ SỐ QLCTNH 79.003108.T CẤP LẦN 6 CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH NGÀY 31/08/2015.**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 412/GXN-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ban Quản lý) xác nhận Công ty TNHH Sài Gòn Precision đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất bộ thanh trượt tăng công suất từ 505,016 tấn sản phẩm/năm lên 748,659 tấn sản phẩm/năm" tại Lô số 1, 2, 3, 4, khu chế xuất Sài Gòn - Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tại Ban Quản lý vào ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH Sài Gòn Precision có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối Công ty TNHH Sài Gòn Precision như sau:

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án phải được thu gom, tách rời với hệ thống thoát nước mưa, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải và đầu nối đúng quy định của khu chế xuất;
- Đảm bảo thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
- Thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn phát sinh theo quy định. Đối với các loại chất thải nguy hại phải được thu gom, phân loại, lưu trữ, khai báo và xử

ly theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất bộ thanh trượt tăng công suất từ 505,016 tấn sản phẩm/năm lên 748,659 tấn sản phẩm/năm" kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH Sài Gòn Precision để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

Nơi nhận: *lưu*

- Công ty TNHH Sài Gòn Precision;
- UBND quận Thủ Đức;
- UBND phường Linh Trung;
- Công ty TNHH Sepzone LT (VN);
- Lưu: VT, P.QLMT(05).



Nguyễn Hoàng Năng
Nguyễn Hoàng Năng

**CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)**

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung I: P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP HCM

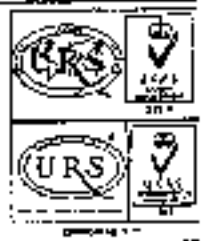
ĐT: 08 38962 354-356 - Fax: 08 38962 350

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung II: P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: 08 37291 283-284 - Fax: 08 37291 289

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung III: An Thạnh - Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh

ĐT: 066 3896 600-601 - Fax: 066 38965 397

www.linhtrungepz.com

Số: 44./CV.LT. 2020

Tp. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION**Về việc:** *Tần suất và thông số quan trắc nước thải định kỳ của các Nhà máy tại KCX Linh Trung I*

Căn cứ:

- Điểm c Khoản 10 Điều 3 của Nghị định 49/2019/NĐ-CP ngày 15/5/2019 sửa đổi bổ sung Điều 39 của Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015;
- Văn bản số 619/BQL-MT ngày 10/3/2020 về thực hiện Báo cáo công tác môi trường theo Thông tư số 23/2019/TT-BTNMT;
- Nội dung hồ sơ pháp lý môi trường hiện hành của các Nhà máy.

Sepzone - Linh Trung kính đề nghị đến quý công ty tần suất và thông số quan trắc nước thải định kỳ của các Nhà máy như sau:

- Đối với Nhà máy 1 và 3: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt và bếp ăn qua xử lý sơ bộ tại Trạm xử lý nước thải cục bộ của mỗi Nhà máy nên thông số quan trắc đề nghị là pH, Amoni, Tổng Nitơ và Tổng Phốt pho với tần suất 6 tháng/lần tại vị trí Hồ ga nước thải tập trung của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCX Linh Trung I;
- Đối với Nhà máy 4: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt và xi mạ qua xử lý sơ bộ tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt và Trạm xử lý nước thải xi mạ nên thông số quan trắc đề nghị là pH, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Phenol, Sunfua, Florua, Crom III, Crom VI, Đồng, Niken và Clorea với tần suất 3 tháng/lần tại vị trí nước thải được đầu nối vào Hồ ga đầu nối của KCX Linh Trung I

Ngoài ra, Sepzone - Linh Trung kính đề nghị quý công ty thông báo bằng văn bản cho chúng tôi trước khi hoạt động xi mạ của nhà máy có sự thay đổi về hóa chất sản xuất hoặc nhà máy phát sinh nguồn nước thải có tính chất khác.

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào tính chất nước thải thực tế từ mỗi Nhà máy.

Trân trọng,

TRẦN THIÊN TRUNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P. HC, P. MT - VH CSHT

Công ty TNHH Sài Gòn Precision
KCX Sài Gòn – Linh Trung, Thủ Đức
ĐT: (028) 37242466 - Fax: (028) 37240721
Số: SPC 01-CV-02/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2024
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT TP. HCM

CÔNG VĂN

(V/v Đề nghị hướng dẫn thực hiện thủ tục pháp lý môi trường số: 9-02-2024
cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sài Gòn Precision).

Số tài liệu HS:

Kính gửi: Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Sài Gòn Precision (viết tắt: Công ty)
Địa chỉ văn phòng: Lô 5,6,9,10,11,12,13, KCX Sài Gòn – Linh Trung, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3724 2466 Fax: (028) 3724 0721

Công ty đang trong giai đoạn thực hiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho tất cả dự án của Công ty TNHH Sài Gòn Precision, trình lên Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (viết tắt: Hepza) để được thẩm định và cấp giấy phép môi trường.

Đề đàm hào Công ty đã và đang chấp hành yêu cầu pháp luật về công tác bảo vệ môi trường trước khi nộp báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đến Hepza. Chúng tôi đã đọc lại nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, nội dung báo cáo xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đã được Hepza phê duyệt, và kiểm tra hiện trạng thực tế tất cả hạng mục công trình của tất cả dự án.

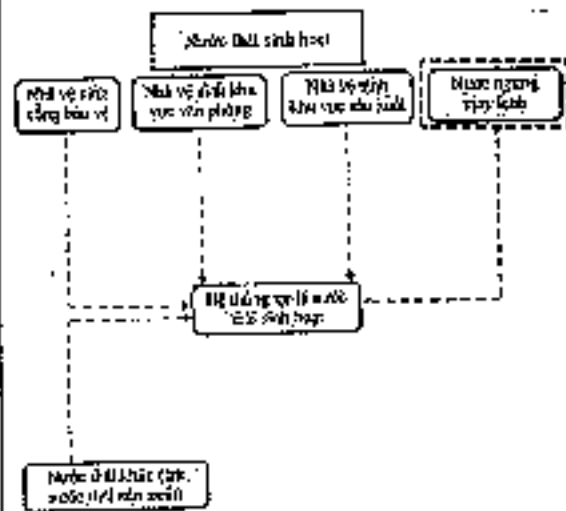
Qua kết quả kiểm tra, chúng tôi thấy được một vài sự khác biệt giữa thực tế tại nhà máy 2 (địa điểm cơ sở: Lô 84, 85, 86B và 49, Đường A, Khu chế xuất Linh Trung II) so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (theo quyết định số 3737/QĐ-BQL ngày 31/10/2017) và nội dung báo cáo xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (theo giấy xác nhận số 3529/GXN-BQL ngày 19/08/2019 của Hepza).

Do đó, công ty chúng tôi viết văn bản này, trình lên Hepza để xin được điều chỉnh các nội dung được nêu bên dưới:

STT	Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường	Hiện trạng thực tế, nội dung xin được điều chỉnh
1	<ul style="list-style-type: none">Theo nội dung của ĐTM đã được Hepza phê duyệt vào ngày 31/10/2017: Không mô tả nước ngưng máy lạnh.Theo nội dung báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường đã được Hepza xác nhận vào ngày 19/08/2019: Hình 2.3 (trang 18) Sơ đồ quản lý và xử lý nước thải của nhà máy có mô tả “nước ngưng máy lạnh” thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên tại mục 2.1.2 từ trang 19 đến trang 35 mô tả nguồn nước thải sinh.	<ul style="list-style-type: none">Thực tế: Nhà máy kết nối đường ống thoát nước ngưng máy lạnh vào tuyến thu gom, thoát nước mưa.Cơ sở pháp lý:<ul style="list-style-type: none">Căn cứ vào Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải có quy định “Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường”.

114

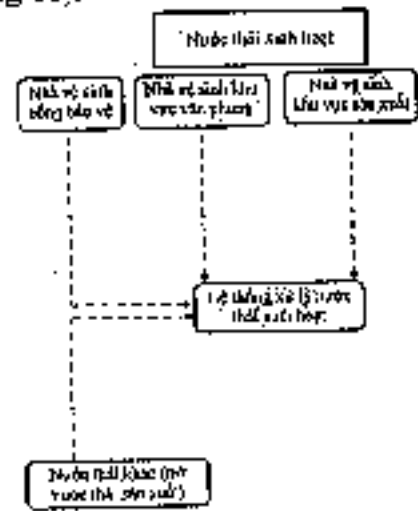
hoạt phát sinh bao gồm nước thải nhà ăn, nước thải rửa tay chân và vệ sinh của công nhân viên (không để cấp đến nước ngưng máy lạnh).



- Căn cứ vào văn bản số 1921/3QL-KCN-HCM-QLMT ngày 31/08/2012 của Hepza về việc hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường cho Công ty TNHH Sài Gòn Precision. Nội dung hướng dẫn "đối với nước ngưng từ hệ thống điều hòa không khí và lò hơi (không phải nước xả đáy lò), công ty có thể thu gom vào hồ ga nước mưa".

- Lý do khác biệt giữa thực tế và nội dung báo cáo thực hiện công trình bảo vệ môi trường: Công ty đã kiểm tra không kỹ càng về nội dung sau khi đơn vị tư vấn viết nội dung báo cáo.

→ Nội dung xin điều chỉnh: Bỏ cụm từ "nước ngưng máy lạnh" ra khỏi hình 2.3 (trang 18).



2 - Theo nội dung của ĐTM đã được Hepza phê duyệt vào ngày 31/10/2017: Tại điểm a.6 mục 4.1.2.1 (trang 137; 138; 139) mô tả công đoạn nhuộm sản phẩm (sử dụng dung dịch HCl nồng độ 5%, muối kiềm) bố trí tại nhà xưởng hiện hữu A+B, không đầu tư bổ sung công đoạn này ở xưởng C xây mới.
- Theo nội dung báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường đã được Hepza xác nhận vào ngày 19/08/2019: Tại mục 2.2.1 (trang 40; 41) về công trình xử lý bụi, khí thải có mô tả "Xưởng C không có công đoạn nhuộm sản phẩm nên không phát sinh hơi axit".

- Thực tế: Công ty đã xây dựng phòng nhuộm mới tại Xưởng C vào tháng 01/2019 và di dời công đoạn nhuộm sản phẩm từ xưởng A+B sang phòng nhuộm này. Quy trình công đoạn nhuộm, hóa chất sử dụng, số lượng ống xả thải và chương trình quan trắc hơi HCl không thay đổi so với ĐTM. Công ty tuân thủ thực hiện quan trắc hơi HCl định kỳ 3 tháng/lần.

- Cơ sở pháp lý: Giấy phép xây dựng số 03/GPXD-GD2 ngày 08/01/2019 của Hepza cấp.

- Lý do khác biệt giữa thực tế và nội dung báo cáo thực hiện công trình bảo vệ môi trường: Công ty đã bỏ sót cập nhật vị trí phòng nhuộm ở Xưởng C vào nội dung của báo cáo kết quả thực hiện

		<p>công trình bảo vệ môi trường trước khi nộp đơn Hepza để được xác nhận. → Nội dung xin điều chỉnh: Bổ trí phòng nhuộm sản phẩm tại Xưởng C (bỏ công đoạn nhuộm sản phẩm tại xưởng A+B).</p>
3	<p>- Theo nội dung của ĐTM đã được Hepza phê duyệt vào ngày 31/10/2017: Không có mô tả hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt (lò ram và tôi). - Theo nội dung báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường đã được Hepza xác nhận vào ngày 19/08/2019: Không có mô tả hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt (lò ram và tôi).</p>	<p>- Thực tế: Công ty đã lắp đặt hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt (lò ram và tôi) tại Xưởng B vào tháng 10/2020. Quy trình xử lý mùi có trong hơi của thiết bị xử lý nhiệt: Hơi phát sinh khi thiết bị xử lý nhiệt hút chân không trước khi bắt đầu chu trình vận hành (tần suất hút chân không khoảng 3,5 đến 4,0 giờ/lần/thiết bị) → Ống thu gom hơi (Ø2 ống bằng thép, D168) → Quạt hút hơi vào tháp xử lý nhiệt và tách dầu → Tháp hấp thụ sử dụng Nước, hóa chất BR4-C45 (hơi bay từ phía dưới lên trên → qua lớp khung tách dầu → qua lớp than hoạt tính lọc mùi → qua lớp Cooling pad lọc khói thứ nhất → qua lớp Cooling pad lọc khói thứ hai) → Hơi sau xử lý thoát ra môi trường. Tham khảo bản vẽ chi tiết tổng thể của hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt nộp kèm theo công văn này. → Nội dung xin điều chỉnh: Bổ sung hệ thống thoát hơi của thiết bị xử lý nhiệt (lò ram và tôi) tại Xưởng B như đã nêu trên.</p>

Đồng thời, Công ty đã kiểm tra về mảng xanh của tất cả nhà máy để so sánh với bản vẽ đã được Hepza cấp giấy phép xây dựng. Qua kiểm tra, chúng tôi thấy một vài vị trí tại nhà máy 3 (lô 1, 2, 3, 4, KCX Sài Gòn – Linh Trung) có tình trạng như bên dưới:

- **Bản vẽ hoàn công theo giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 06/01/2011:** Có 03 vị trí thể hiện là sỏi hoặc đường bê tông (tham khảo bản vẽ mặt bằng tổng thể G-01 đính kèm).

- **Bản vẽ theo giấy phép xây dựng số 37/GPXD ngày 09/04/2018:** 03 vị trí nêu trên và vị trí 4 được thể hiện là cây xanh thảm cỏ (tham khảo bản vẽ mặt bằng tổng thể A-006 đính kèm).

- **Thực tế:**

+ **Vị trí 1:** Công ty đã sử dụng một phần để làm khu vực hút thuốc cho công nhân viên vào năm 2011, một phần nữa đã làm phòng inverter cho hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà vào tháng 01/2024, phần còn lại sử dụng trồng cỏ.

+ **Vị trí 2:** Khi xây dựng nhà máy, Công ty đã làm đường bê tông như bản vẽ theo giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 06/01/2011.

+ Vị trí 3: Vị trí này là cầu thang thoát hiểm cho công nhân viên làm việc ở tầng 1 thoát ra ngoài khi có xảy ra sự cố hỏa hoạn. Do đó, Công ty đã làm đường bê tông thay thế cho sỏi như bản vẽ theo theo giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 06/01/2011.

+ Vị trí 4: Theo bản vẽ A-006 khu vực này thể hiện là cỏ. Tuy nhiên khi hoàn tất xây dựng, nhà thầu xây dựng đã bố trí sỏi ở khu vực này.


Để đáp ứng yêu cầu về mảng xanh theo quy định, Công ty đã tìm các khu vực trống có bổ sung (các vị trí tô màu xanh lá như bản vẽ A-006 đính kèm).

Công ty cam kết nội dung được trình bày ở trên là đúng sự thật, và chịu trách nhiệm về nội dung này.

Công ty TNHH Sài Gòn Precision trình văn bản này đến Ban quản lý để được hướng dẫn về thủ tục pháp lý môi trường cho các nội dung đã trình bày ở trên.

Rất mong được Ban quản lý quan tâm, hỗ trợ cho Công ty trong công tác bảo vệ môi trường.

Người lập

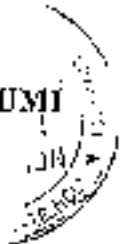


NGUYỄN XUÂN HÙNG

Chủ tịch công ty



SHIMOMURA YOSHIFUMI



**CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM)**

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung I: P.Linh Trung, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

ĐT: 028 38962 354-355 - Fax: 028 38962 350

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung II: P.Bình Chiểu, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

ĐT: 028 37291 283-284 - Fax: 028 37291 280

Khu chế xuất & công nghiệp Linh Trung III: An Tỉnh, Trảng Bàng, Tây Ninh

ĐT: 0276 3896 600-601 - Fax: 0276 3896 391

www.linhtrungsepz.com

Số: 262/CV.LT.2023

TP.HCM, ngày 12 tháng 10 năm 2023

V/v xác nhận đầu nối thoát nước

Kính gửi: CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION

Căn cứ:

- Công văn số SPC-01-CV-09/2023 ngày 27/9/2023 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision về việc đề nghị xác nhận đầu nối thoát nước;
- Kết quả kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải và nước mưa tại các Nhà máy của Công ty TNHH Sài Gòn Precision ngày 10/10/2023.

Qua đối chiếu giữa bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể thoát nước tại Nhà máy 1, Nhà máy 3, Nhà máy 4 của Công ty TNHH Sài Gòn Precision (sau đây gọi tắt là Công ty) và kết quả kiểm tra thực tế, Sepzone - Linh Trung xác nhận:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải Nhà máy 1, Nhà máy 3, Nhà máy 4 của Công ty tại Khu Chế xuất Linh Trung I, phường Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM đã được thiết kế, thi công riêng biệt và đầu nối đúng quy định vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Khu Chế xuất Linh Trung I tại các vị trí như sau:

- Vị trí đầu nối nước thải:
 - + Nhà máy 1: 01 điểm là SPC-NT-1 (đường D)
 - + Nhà máy 3: 01 điểm là SPC-NT-3 (đường I)
 - + Nhà máy 4: 01 điểm là SPC-NT-4 (đường I)
- Vị trí đầu nối nước mưa:
 - + Nhà máy 1: 02 điểm là SPC-NM-1.1, SPC-NM-1.2 (đường D)
 - + Nhà máy 3: 01 điểm là SPC-NM-3 (đường I)
 - + Nhà máy 4: 02 điểm là SPC-NM-4.1 (đường D), SPC-NM-4.2 (đường I)

Kính đề nghị Công ty trong quá trình hoạt động cần thực hiện tốt công tác vận hành, thường xuyên kiểm tra, duy tu hệ thống thoát nước nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố (nếu có). Tuyệt đối không để lẫn nước thải vào hệ thống thoát nước mưa hoặc ngược lại. Đảm bảo việc thoát nước được ổn định và đúng vị trí đầu nối đã xác nhận như trên.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.HC, P.MT-VHCSHT.

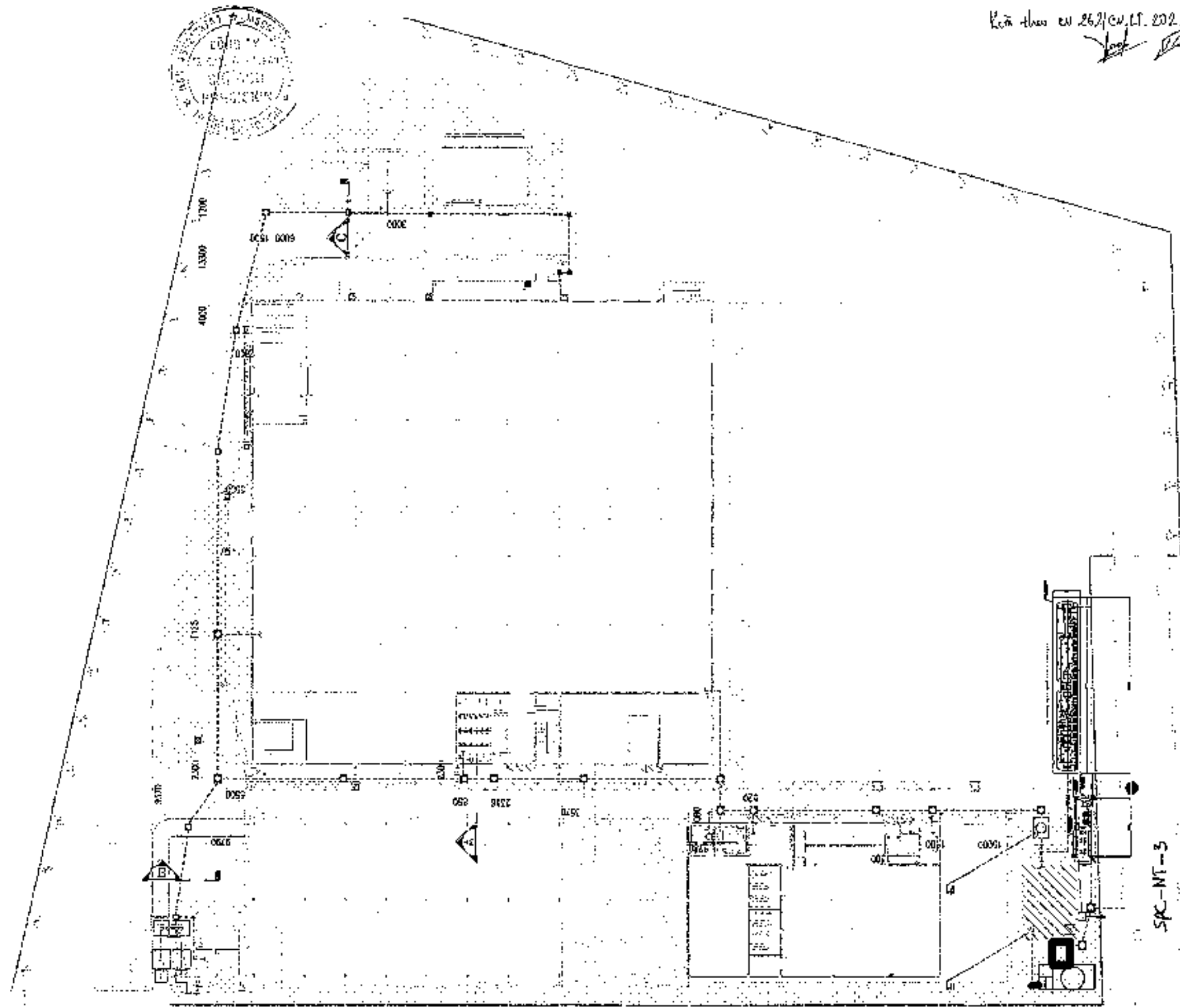
Đính kèm:

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước của Công ty TNHH Sài Gòn Precision.

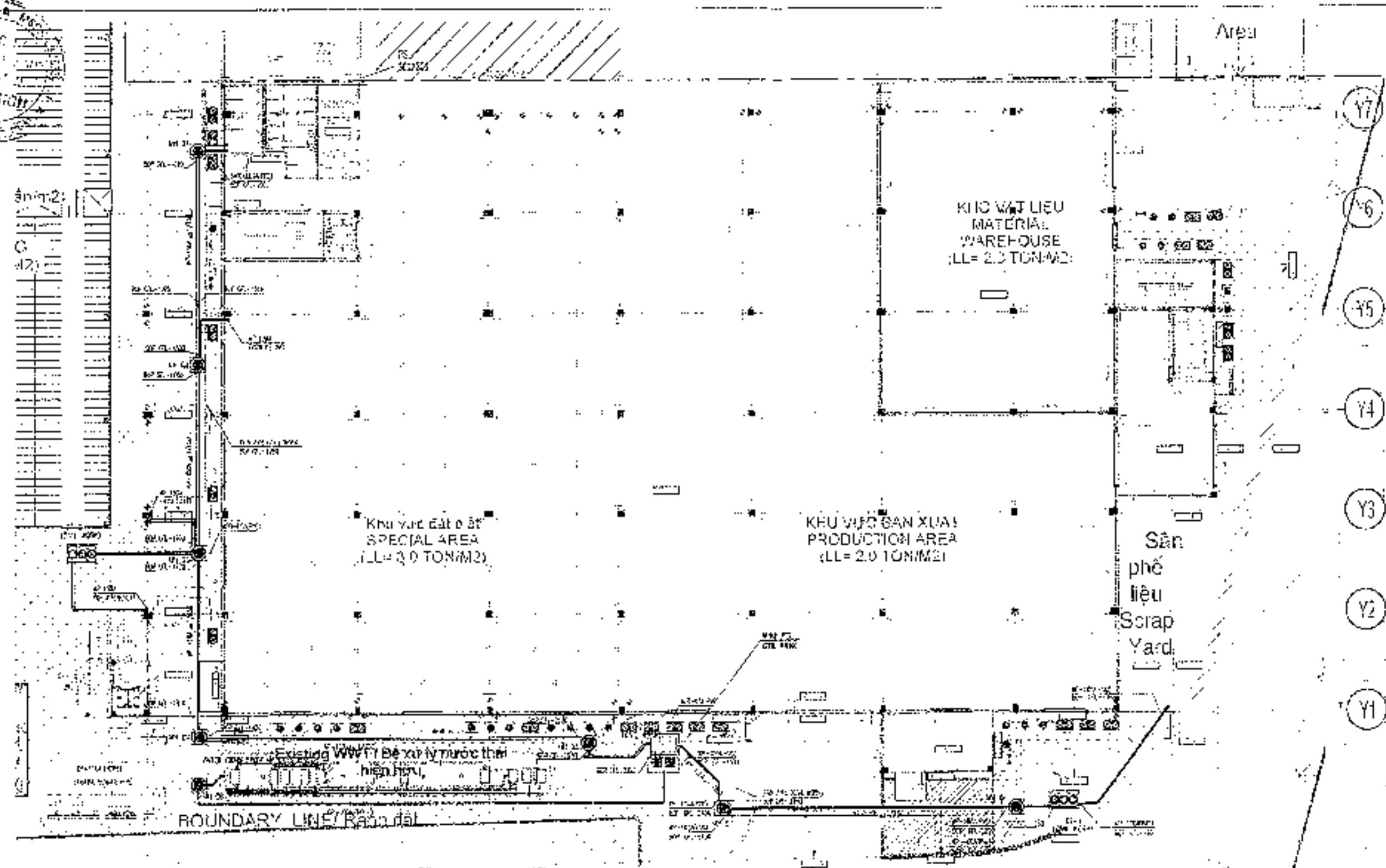


Trần Thiện Trung

Kem. Hutan EW 262/CW.LS. 2023
tanggal 17/10/2023



SPC-NT-3



Hạng mục/Remarks	
No	Description
01	
02	
03	
04	
05	
06	

Project	<input type="checkbox"/> Chưa	<input type="checkbox"/> Đã
Design	<input type="checkbox"/> Chưa	<input type="checkbox"/> Đã
Approval	<input type="checkbox"/> Chưa	<input type="checkbox"/> Đã
Construction	<input type="checkbox"/> Chưa	<input type="checkbox"/> Đã
Operation	<input type="checkbox"/> Chưa	<input type="checkbox"/> Đã

Chủ đầu tư
CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
SAMON PRECISION CO., LTD.



Chủ quản công trình: NISHIMATSU
Nhà thầu chính: SAI GON PRECISION



Đơn vị thiết kế:
CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PRECISION
SÀI GÒN PRECISION CO., LTD. FACTORY
NO. 3 - EXTENSION FACTORY AND RENOVATION
LOCKER ROOM BIKE PARKING

Địa chỉ:
Số 21 - M. Lê Lợi - Quận 1 - TP. HCM



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO SÀI GÒN SAICO, JSC

Người lập dự án: Lê Thanh Ph.

Người kiểm tra: Nguyễn Hữu Thọ

Chủ trì thiết kế: Nguyễn Hữu Thọ

Thiết kế: Nguyễn Hữu Thọ

Tỷ lệ: 1/300

WASTE WATER SYSTEM - SITE PLAN

Số bản vẽ: MF-07

NO	STATION	FINISHED LEVEL (M)	CONCRETE MANHOLE SIZE (mm)	MANHOLE COVER SIZE (mm)	PIPE LEVEL (M)	PIPE DIAMETER (mm)	MANHOLE DEPTH (mm)	LENGTH OF MANHOLE (mm)	PIPE SIZE (mm)	SLOPE VALUE
1	MH1	0.7	200x200	200	0.7	100	800	4.0m	150	10.00
2	MH2	-0.75	200x200	200	-1.15	-1.15	1650	8.0m	150	10.00
3	MH3	-1.1	200x200	200	-1.70	-1.70	1300	6.0m	150	10.00
4	MH4	-1.1	200x200	200	-1.80	-1.80	1200	1.0m	150	10.00
5	MH5	-1.1	200x200	200	-2.00	-2.00	1450	1.0m	150	10.00
6	MH6	-1.1	200x200	200	-2.40	-2.40	1400	1.0m	150	10.00
7	MANF	-1.1	200x200	200	-2.55	-2.55	1070	1.0m	150	10.00
8	STATION (CANAL)	-2.5	1200x1200		-2.5		2000			
9	MANB	-1.1	200x200	200	-1.1	-1.1	800	1.0m	150	10.00

WASTE WATER SYSTEM - SITE PLAN

